Luật Xuất Gia tóm tắt [Pabbajita Vinaya Sankhepa] (HT Hộ Tông dịch)

Luật Vinaya & Giảng Giải (Nam truyền)

THERAVÀDA - PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY LUẬT XUẤT-GIA TÓM TẮT (PABBAJITA VINAYA SANKHEPA)

VANSARAKKHITA BHIKKHU
TỲ-KHƯU HỘ-TÔNG
PL. 2510 - TL. 1966
TÁI BẢN PL. 2537 - TL. 1993 ---o0o---
Nguồn
Chuyển sang ebook 26-8-2009
Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com
Mục Lục
TIỂU TỰA
DẪN-TÍCH
LỢI ÍCH CỦA SỰ TRÌ LUẬT
TRUYỀN GIỚI
BỔN PHẬN LÀM ÔNG THẦY HÒA THƯỢNG
PHÉP TRUYỀN GIỚI SA-DI
PHÉP TRUYỀN TỲ-KHƯU GIỚI
GIỚI LUẬT SA-DI
1) MƯỜI PHÉP HỌC (SIKKHÀPADA)
2) MƯỜI PHÉP HÀNH PHẠT (DANDAKAMMA)
3) MƯỜI PHÉP TRỤC XUẤT (NÀSANANGA)
LỜI DẠY TIẾP (ANUSÀSANA)
TAM HỌC (TRISIKKHÀ)
ĐIỀU HỌC (SIKKHÀPADA)
BIỆT BIỆT GIẢI THOÁT THU THÚC GIỚI (PÀTIMOKKHA SAMVARASÌLA)
I. BỐN ĐIỀU BẤT CỘNG TRỤ (PÀRÀJIKA).
II. MƯỜI BA (13) ĐIỀU HỌC TĂNG TÀN (SANGHA DISESA)
III. ĐIỀU HỌC BẤT ĐỊNH (ANIYATTA)
IV. 30 ĐIỀU HỌC ƯNG XẢ ĐỐI TRỊ (NISSAGGIYA PÀCITTIYA)
V. ƯNG ĐỐI TRỊ (PÀCITTIYA)
VI. BỐN ĐIỀU HỌC ƯNG PHÁT LỘ (Patidesaniya) VII. BẢY MƯƠI LĂM (75) ĐIỀU HỌC ƯNG HỌC PHÁP (SEKKHIYAVATTA) VIII. DIỆT TRANH (ADHIKARANA SAMATHA) NHỮNG ĐIỀU HỌC NGOÀI GIỚI BỔN TRỌNG TỘI (Thullaccaya) CHÚ GIẢI 10 ĐIỀU LẦM LẠC 1) MUỐN ĐỂ TRONG ỐNG BẰNG SỪNG ĐƯỢC PHÉP ĂN (kappati singilonakappo) 2) XẾ BÓNG 2 NGÓN TAY CÒN ĂN ĐƯỢC (kappatidvangulakappo) 3) ĐI VÀO XÓM CÒN

ĂN ĐƯỢC (kappatigàmantarakappo) 4) Ở CHUNG CHỖ LÀM PHÉP "SÁM HỐI" (kappati àsàsa kappo) 5) LÀM PHÉP SÁM HỐI THEO Ý MÌNH CŨNG ĐƯỢC (kappati anuma tikappo) 6) LÀM THEO THÓI QUEN CŨNG ĐƯỢC (kappati ácinna kappo) 7) SỮA TƯƠI ĐỂ CHUA THIỆT CHUA DÙNG CŨNG ĐƯỢC (kappati amathitakappo) 8) RƯỢU MỚI, CHƯA THIỆT MẠNH UỐNG CŨNG ĐƯỢC (kappati jalogimpàtum) 9) TỌA CỤ KHÔNG CÓ BÌA DÙNG CŨNG ĐƯỢC (kappati adasakam nisìdana) 10) CẢM XÚC VÀNG BẠC CŨNG ĐƯỢC (kappati jàtarùparajatam) 14 PHÁP HÀNH (VATTA 14) 1) NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU XA MỚI ĐẾN PHẢI HÀNH (àgantukavatta) 2) NHỮNG VIỆC TỲ-KHƯU Ở CHÙA PHẢI HÀNH (àvàsikavatta) 3) NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU RA ĐI ĐÁNG PHẢI HÀNH (gamikavatta) 4) NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU Ở TRONG NHÀ ĂN PHẢI HÀNH (anumodanavatta) 5) NHỮNG VIỆC TỲ-KHƯU CHỊU MỜI ĂN PHẢI HÀNH(bhattaggavatta) 6) NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU ĐI KHUẤT THỰC PHẢI HÀNH (pindacàrikavatta) 7) NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU ẨN TU TRONG RỪNG PHẢI HÀNH (àrannikavatta) 8) NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU Ở THẤT PHẢI HÀNH (senàsanavatta) 9) CÔNG VIỆC PHẢI HÀNH Ở NHÀ BẾP (jantaghararavatta) 10) CÔNG VIỆC PHẢI HÀNH TRONG NHÀ XÍ (vaccakutivatta) 11) BỔN PHẬN TRÒ ĐỐI VỚI THẦY HOÀ THƯỢNG (upajjhàyavatta) 12) BỔN PHẬN CỦA THẦY HÒA THƯỢNG PHẢI Ở CÙNG TRÒ (saddhimvihàrikavatta) 13) BỔN PHẬN CỦA TRÒ PHẢI Ở CÙNG VỊ A XÀ LÊ LÀ THẦY NƯƠNG TỰA (àcariyavatta) 14) BỔN PHẬN CỦA VỊ A XÀ LÊ Ở CÙNG TRÒ (Antevàsikavatta) UPOSATHA - BỐ-TÁT GIẢI VỀ CÁCH THỨC ADHITTHÀNA GIẢI VỀ CÁCH GỞI Y DƯ (Vikappa) GIẢI VỀ CÁCH ĐỨT ADHITTHÀNA TỔNG KẾT TRÍCH DỊCH Ở TẠNG LUẬT PHÁP LÀM CHO TRỞ NÊN SA-MÔN PHƯƠNG TIỆN CHO PHÁP SANH PHÁP CỦA BẬC XUẤT GIA HOẶC SA-MÔN TỘI CỦA BẬC XUẤT GIA TU HÀNH KHÔNG CHƠN CHÁNH

MƯỜI PHÁP MÀ BẬC XUẤT GIA PHẢI QUÁN TƯỞNG THƯỜNG XUYÊN PHẬT NGÔN

---o0o---

TIỂU TỰA

Khi Phật sắp nhập Niết-bàn ông ANANDA và ông UPÀLI, có đến hỏi Phật: Bạch Đức Thế-tôn sau khi Phật diệt độ, chúng tôi phải tôn ai làm thầy?

Phật dạy: "Phải tôn giới Ba-la-đề mọc-xa làm thầy.".

"Ba-la-đề mọc-xa" (Pàtimokkha) Tàu dịch là: "Biệt-biệt giải-thoát", nghĩa là giữ được một giới luật thì thoát khỏi được một tội.

Phật lại nói: Như-lai chế ra điều-học có mười điều lợi ích là:

1)- Cho có tuyệt hảo đến Tăng.
2)- Cho có sự an-lạc đến Tăng.
3)- Để khiển trách những người bướng bỉnh phá giới.
4)- Cho có sự ở an đến tỳ-khưu trì-giới trong sạch, đáng kính mến.
5)- Để ngăn ngừa các lậu-phiền-não trong đời hiện tại.
6)- Để đẩy lui các lậu-phiền-não trong đời vị lai.

7)- Cho những người chưa tin, phát tâm tín-ngưỡng.

8)- Cho những người đã tin, càng thêm tin.

9)- Cho Phật-pháp được kiên cố lâu dài.

10)- Để hộ trì Tạng Luật.

Chư tỳ-khưu vui thích trong sự xuất gia, nên ghi nhớ cho rõ các quả vui đều phát sanh do sự thông hiểu Giới luật trước cho có đức tin bền chắc trong giới-luật và cần phải thực hành theo cho thuần thục

Người thông hiểu giới luật ví như cha mẹ như nơi nương nhờ của tất cả hạng người tín-ngưỡng Phật-pháp. Những người đã thọ Sa-di, hoặc Tỳ-khưu giới thực hành theo điều trọng và điều khinh và biết rõ nơi nào nên tới lui, hoặc không nên tới lui 1, cũng đều nương theo người thông hiểu "giới-luật "ấy.

Người mà giữ giới trong sạch đáng làm nơi nương nhờ cho hàng Phật-tử mong tìm sự an vui, thì hằng đượïc tươi tĩnh, nói năng trong khi hội họp,

không chút chi e ngại. Người trì-giới có thể cảm hóa kẻ nghịch trở thuận làm cho Phật-pháp được hưng thạnh lâu dài.

Lại nữa Giới-Luật có lợi-ích phát sanh "sự thu thúc" (Samvara).

Thu thúc có lợi ích phát sanh sự "không bất bình "(Vipatisàra).

Không bất-bình có lợi ích phát sanh "sự thỏa thích" (Pàmojja).

Thỏa-thích có lợi ích phát sanh "sự no-lòng" (Pìti). 2

No lòng có lợi ích phát sanh "tâm yên lặng" (Passaddhi).

Yên-lặng có lợi ích phát sanh "điều an-lạc" (Sukha).

An-lạc có lợi ích phát sanh "thiền định" (Samàdhi).

Thiền định có lợi ích phát sanh "sự hiểu biết rõ cả pháp theo chơn lý" (Yathàbhùtannànadassana).

Hiểu biết rõ các pháp theo chơn-lý có lợi-ích phát sanh "sự chán nản đối với chúng sanh và vật" (Nibbidà).

Chán-nản trong chúng sanh và vật có lợi ích phát sanh "sự xa lìa tình-dục" (Viraga).

Xa lìa tình-dục có lợi-ích phát sanh "sự giải thoát khỏi phiền não" (Vimutti).

Giải thoát khỏi phiền não có lợi-ích phát sanh "sự hiểu biết rõ rằng được giải-thoát" (Vimuttinànadassana).

Hiểu biết rõ rằng được giải-thoát có lợi ích phát sanh "sự dứt khổ vì hết cố chấp" (Anupàdàparinibbàna).

Quả báo mà phải được theo thứ tự ấy, đều do sự trì giới-luật cả.

Cớ ấy, hành giả muốn được an-vui tuyệt đối ở cảnh Niết-bàn, chỉ nên tinh tấn vâng giữ giới luật và hết lòng thực hành theo cho chín chắn ắt được như nguyện chẳng sai.

Mong sao cho tất cả thân quyến chúng ta trong vũ-trụ được an vui lâu dài, sớm mau hồi đầu hướng-thiện qui y Tam-bảo, thọ-trì giới luật, một lòng bất- thối, để tiến bộ trên đường giải thoát, đạt đến Niết bàn ngỏ hưởng điều an- vui bất-diệt.

Mong thay Bhikkhu Vansarakkhita (Tỳ-khưu Hộ-Tông). PL 2510 - TL 1966

-ooOoo-

DẪN-TÍCH

Giải về: Nhân quả của sự Trì giới

Từ xưa đến nay, các bậc trí-tuệ hằng thỏa-thích trong sự tiếp dẫn người đời, lánh dữ làm lành, hầu thọ hưởng những hạnh phúc lớn lao và làm cho sự sống của mình đạt điều lợi ích. Hạng người như thế, đều là bậc cao đẳng, thường dứt bỏ gia-tài, danh-vọng và sự vui sướng trong ngủ-trần, xuất gia tu-hành để dạy bảo người đời noi theo chánh pháp mà tự mình đã giác ngộ. Đến khi có nhiều người sùng bái qui-y, thì được tôn làm "Giáo chủ", lời dạy bảo của bậc "Giáo-chủ", ấy mà thiên hạ tôn ngưỡng thực hành theo, gọi là "tôn-giáo".

Tôn-giáo của Đức Chánh-biến-tri mà được thạnh-hành đến ngày nay là vì ngài giáng sanh nơi nhà vua, dòng Thích-ca tại xứ Trung-Ấn Độ, tên ngài là "Sĩ-đạt-ta" (Silddhattha), phụ vương ngài là vua "Tịnh-phạn-vương" (Suddhodana) trị vì trong xứ "Ca-tỳ-la-vệ "(Kapilavatthu), mẫu hậu ngài là bà "Mada hoàng-hậu" (Mahàmayàdevi). Khi mới sanh ngài ra, có thầy xem tướng tiên đoán rằng: "Nếu ngài ở thế thì sẽ được làm Chuyển-luân-vương, bằng đi tu ắt làm một giáo-chủ trong thế gian". Khi ngài được 16 tuổi, phụ- vương ngài truyền ngôi cho làm chúa trong nước, hoàng-hậu của ngài là bà Bambà.

Làm vua 13 năm, được 29 tuổi ngài bỏ ngôi, xuất-gia đi ẩn tu nơi rừng núi, nhằm ngày mà thái-tử (Rahulà) là con ngài mới ra đời. Xuất-gia rồi, Ngài hằng tinh-tấn tu khổ-hạnh, tìm được vô-thượng chánh-đẳng chánh giác, hết 6

năm mới được giác-ngộ, rồi ngài ngự đến các nơi để tùy duyên hóa-độ chúng-sanh thoát khỏi vòng khổ ải đến 80 tuổi rồi nhập Niết-bàn.

Pháp và Luật mà ngài đã giảng giải gọi là "Phật-giáo", những người tu theo "Phật giáo" gọi là "Phật-tử ".

Các Phật-tử ấy chia ra làm 4 hạng người là: tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, thiện-nam, tín- nữ. Trong 4 hạng người ấy, các vị tỳ-khưu mà được thọ cụ-túc giới đầu tiên hết là nhóm 5 tỳ-khưu "A-nhã Kiều Trần Như" (Annakondanna).

Đầu tiên, Phật-pháp còn mới, có ít tỳ-khưu, giới-luật là điều nâng-đỡ Chư- tăng không cần phải có nhiều. Các vị Thinh-văn ấy đều là bậc A-la hán tâm- tánh trong sạch, các ngài thấu rõ Phật-pháp đều đủ và tôn-ngưỡng thật hành theo lý Trung đạo mà Đức Giáo-chủ đã giải bày.

Đến khi Phật-giáo ngày càng thạnh-hành dần dần, số tỳ-khưu càng tăng trưởng rồi ở riêng theo phe, theo đảng. Có hạng tỳ-khưu không được trong sạch, tu hành không

đúng đắn, cho nên đức Phật mới chế ra điều học.

-ooOoo-

LỢI ÍCH CỦA SỰ TRÌ LUẬT

Lẽ thường, loài người trong thế-gian, ở theo phe, theo đảng, không sao ở cho vừa ý nhau được, nhơn tâm mỗi người mỗi khác, sức không đồng nhau: người có sức lực, cộc-cằn thì hà-hiếp, kẻ yếu-đuối nhu nhược phải chịu khổ không được an-vui.

Các đức vua trong nước hằng ngự chế hình-luật để ngăn-cấm quốc-dân không cho làm điều hung dữ. Nếu có kẻ phạm nhằm quốc-cấm, sẽ bị nhà vua trừng phạt. Đức vua cũng có ra lịnh khuyên làm những việc lành cho chúng dân được an cư lạc-nghiệp. Cho đến quân-lính cũng có pháp-luật dạy răn mới có trật-tự nghiêm trang được.

Dầu trong mỗi gia tộc, cũng có phương pháp riêng để cho thân quyến hành theo mới có thể ở yên dễ dàng được

Về phần người xuất-gia trong Phật-pháp cũng phải có phép để ngăn ngừa thân khẩu không cho làm dữ, cho tâm được trong sạch. Đức Thích-ca-mâu-

ni là giáo-chủ của chúng ta, Ngài là bậc pháp-vương tiếp độ các hàng Phật- tử và là cha lành của Chư-Tăng, Ngài hằng giáo-dục và chăm-nom sự quấy phải của Giáo hội.

Ngài làm hướng đạo cho 2 điều:

l) Ngài chế điều-học để ngăn-ngừa, không cho hàng "Phật tử "làm quấy. Nếu tỳ-khưu làm sái phép, Ngài ra lịnh rằng: "phạm tội nặng, hoặc tội nhẹ để răn mình chừa cải, luôn đến Chư-tăng cũng vậy".

2) Ngài dạy làm sự phải, cho chư tỳ-khưu trau dồi thân khẩu được trang nghiêm, theo các bậc hiền-triết, như các vị đế-vương trong nước, ngự chế răn cấm quốc-dân không cho làm dữ, dạy phải làm lành, hoặc như cha lành làm chủ trong gia-tộc, chỉ dẫn con cháu ăn ngay ở thật, theo thứ tự trong họ- hàng.

Pháp mà đức Phật cấm-chế và cho phép, dạy hàng Phật-tử lánh dữ làm lành hiệp lại gọi là "Luật" nghĩa là pháp-tắc để trao dồi thân khẩu cho trang- nghiêm.

Pháp-luật ví như soi chỉ xỏ bông làm tràng-hoa, người mà đã xuất-gia theo Phật-pháp như hoa có màu sắc khác nhau, sợi chỉ có thể làm cho hoa đều đặn, cho có màu tươi tốt, liền-lạc, không cho bời-rời, cũng như "Tạng-Luật" có thể làm cho tỳ-khưu "Tăng" có cách-thức đẹp đẽ, không vụng-về.

Trong những hạng người tu theo Phật-pháp làm Tỳ-khưu hoặc Sa-di chẳng phải do một nhà hoặc một họ mà đến, đều là người người khác dòng khác giống, không đồng bậc (bực cao, bực trung hoặc bực thấp). Có người khác nước, khác tiếng nói, khác xứ sở cho nên có thói quen khác nhau. Nếu không có Tạng-luật làm mực thước hoặc có mà Tỳ-khưu, Sa-di không học cho hiểu biết, hoặc đã hiểu biết mà không hành theo, ắt thân khẩu và tư cách hành-vi không sao tề-chỉnh, không đáng là ruộng phước của người đời, không làm cho người chưa tin, được tin, người đã tin càng thêm tin.

Nếu các Tỳ-khưu Sa-di hòa-hảo nhau, thỏa-thích nhau, không cố chấp theo phe, theo đảng, không cãi lẽ nhau, hiệp nhứt nhau như nước lộn với sữa, liếc xem nhau bằng cặp mắt từ-bi, khuyên nhau tôn-trọng, thực hành theo giới luật đều đủ, không dư thiếu, mới làm cho phần đông người phát lòng tín- ngưỡng, như các thứ hoa trong vườn có sắc tốt và mùi thơm khác nhau mà người bẻ đem để chung trong bình bông, không thứ lớp, không có mẹo-mực

thành ra vật không đáng thỏa thích. Nếu người bó hoa có trí, lành nghề, họ lấy các thứ hoa như thế đơm cho đều-dặn theo cách thức rồi để trong bình, hoa ấy sẽ thành vật đẹp xem không mỏi mắt. Không cần nói đến hoa đẹp, dầu hoa không đẹp cũng dễ coi, nhờ có mẹo mực làm cho ra vật đẹp được

Đức Thiên-nhân-Sư là Đấng giáo chủ của chúng ta, Ngài thấy điều lợi-ích như thế, cho nên chế ra "Tạng Luật" cho chư Phật-tử hành theo hầu được sự an vui sự tiến-hóa trong đời này và đời sau.

--- o0o ---

TRUYỀN GIỚI

-ooOoo-

BỔN PHẬN LÀM ÔNG THẦY HÒA THƯỢNG

Đức Phật có giải:

Pancahi Bhikkave angehi samannàgatena bhikkhunâapasampàdetabbam.

Nầy các Tỳ-khưu! Tỳ-khưu có đủ 5 chi 3 mới nên làm ông thầy Hòa~thượng truyền Cụ-túc-giới đến người xuất-gia. 5 chi ấy là:

l) Apattim jànàti: biết rằng có phạm tội. 2) Anàpattimjànàti: biết rằng không có phạm tội 3) Lahukam àpattimjànàti: biết rằng có phạm tội nhẹ 4) Garuka màpattim jànàti: biết rằng có phạm tội nặng. 5) Dasavasso và hoti atirekadasavasso và: Tỳ-khưu đã tu được 10 hạ hoặc trên 10 hạ.

Trong luật Cullaganthimahàvagga có nói bổn phận ông Thầy Hòa-thượng phải có đủ 3 chi nữa là:

1) Manussabhùto: phải thật là loài người (không phải thú). 2) Bhikkhubhàvo: đã thọ cụ-túc-giới làm Tỳ-khưu đầy đủ. 3) Opajjhàyangasamannàgato: có đủ chi làm ông thầy Hòa-thượng.

Trong 3 chi ấy, chi thứ 3 chia ra có 14 điều:

l) Mallgalàmangalànisamsamjànàti: biết quả báo của các kinh có điều hạnh- phúc, nhứt là Tam-bảo kinh (Ratanasùtra) và quả báo của kinh không có điều hạnh-phúc là kinh Tirokudda. 4

2) Kammakammam jànàti: biết là Tăng-sự hoặc không phải Tăng sự.

3) Sikkhàpadam jànàti: biết cả 227 điều-học trong giới bổn.

4) Sikkhàpadangam jànàti: biết các chi của 227 điều luật ấy.

5) Saranàgamanam jànàti: biết đọc "Tam qui" đúng phép theo Phạn ngữ như đọc "Buddham saranam gacchàmi" đọc một cách đừng cho gián đoạn.

6) Uposatham jànàti: biết phép hành lễ phát lồ theo 9 điều:

Càtuddasì Uposatha -- hành lễ phát lồ trong ngày 14 Pannarasì Uposatha -- hành lễ phát lồ trong ngày 15 Samaggi Uposatha -- ngày Tăng làm lễ Tự tứ 5 Sangha Uposatha -- ngày lễ phát lồ tăng đọc giới bổn Gana Uposatha -- 1 vị Tỳ-khưu hành lễ phát lồ Duggale Uposatha -- 1 vị tỳ-khưu làm lễ phát-lồ Suttuddoesa Uposatha -- từ 4 vị trở lên thì đọc giới bổn giữa tăng Parisuddi Uposatha -- tỏ cho nhau biết về sự trong sạch của mình Adhitthà Uposatha -- nếu chỉ có 1 vị Tỳ-khưu hành lễ phát lồ thì nguyện rằng: Ajja me Uposatha (nay là ngày lễ phát lồ sám hối của tôi).

7) Uposathakamman jànàti: biết cách làm lễ phát lồ có 4 cách:

Addhammenavaggam -- phe, không đúng theo phép
Dhammesamaggam -- đồng ý nhau nhưng không đúng phép
Addhammenavaggam -- phe đúng theo phép.
Dhammenasamaggam -- đồng ý nhau và đúng theo phép.
8) Nattisampattim jànàti: biết đọc truyền giới trúng phép giữa Tăng.

9) Nuttì vipattim jànàti: biết đọc truyền giới sái phép giữa Tăng.

l0) Akkhara sampattim jànàti: biết cách đọc trúng giọng Pàli (nattisampatti).

11) Akkhara vipattim jànàti: biết cách đọc sái giọng Pàli (nattivipatti). 6

12) Ubhayàpatimokkhàni: biết tụng nằm lòng cả giới-bổn tỳ-khưu và tỳ- khưu-ni.

13) Dasavasso và hoti atireka dasavasso: đã tu được 10 hạ hoặc 10 hạ trở lên.

14) Nàma rùpamjànàti: Thông rõ Tạng Luận, là tâm, tâm sở, sắc, Niết-bàn.

---o0o---

PHÉP TRUYỀN GIỚI SA-DI

Giới tử mặc y phục trang, hai tay bưng y ca-sa "vàng" theo ông thầy vào đứng giữa Giáo-hội trước mặt Hòa-thượng, bái ngài rồi đọc:

Phạn ngữ Nghĩa

Ukàsa vandàmi bhante sabbam Tôi xin thành kính làm lễ đại đức aparàdhan khamathame bhante maỳa katam punnam sàminà Bạch hoá đại đức, cầu xin đại đức anumoditabbam sàminàkatam tha các tội lỗi cho tôi. Những việc punnam mayham dàtabbam sàdhu lành mà tôi đã làm, xin đại đức nhận sàdhu anumodàmi. lãnh, việc làm mà đại đức đã làm xin chia sớt cho tôi và làm cho điều Ukàsa karunnam katvà pabbajjam lợi ích được thành tựu tôi xin hoan detha me bhante hỉ thọ lãnh

Tôi xin thành kính, cầu đại đức từ bi thương xót đến tôi và phép xuất gia cho tôi.

Ngồi chồm hổm chấp tay để ngay tam tinh (giữa trán) mà đọc:

Phạn ngữ Nghĩa

Aham bhante pabbajjam yàcàmi Bạch hóa đại đức xin đại đức làm

Dutiyampi aham bhante pabbajjam phép xuất gia cho tôi yàcàmi. Bạch đại đức xin đại đức làm phép Tatiyampi aham bhante pabbajjam xuất gia cho tôi, lần thứ nhì yàcàmi Bạch đại đức xin đại đức làm phép xuất gia cho tôi lần thứ ba

Rồi đọc bài sau này ba lần dâng y "Ca-sa" cho thầy:

Phạn ngữ Nghĩa

Sabbadukkha nissarananibbàna Bạch hóa đại đức xin đại đức thâu y sacchikara natthàya, imam kàsàvam cà sa vàng này và thương xót mà gahetvà pabbàjethamam bhante phép xuất gia cho tôi được dứt các anukampam upàdàya sự thống khổ và đến Niết Bàn

Rồi đọc bài kệ sau này ba lần xin y ca-sa lại:

Phạn ngữ Nghĩa

Sabbadukkha nissarana nibbàna Bạch hoá đại đức xin đại đức cho sacchikaranatathàya, etam kàsàvam xin y cà sa vàng ấy, và thương xót datvà pabbàjethamam bhante và làm phép xuất gia cho tôi được anukampam upàdàya dứt các sự thống khổ và đến Niết Bàn

Khi giới tử đọc xong ba bận, rồi vị Hòa thượng đưa "ca-sa" cho giới tử và dạy phép tham thiền như sau nầy:

Phạn ngữ Nghĩa

Kesà, lomà, nakhà, dantà, taco Tóc, lông, móng, răng, da Taco, danta, nakhà, lomà, kesà Da, răng, móng lông, tóc

Vị Hòa thượng phải giải sơ về cái thân trược cho giới tử nghe. Xong rồi, giới tử lui ra, để mặc y ca-sa và trong khi ấy phải suy ngẫm rằng: "Ta mặc y ca-

sa đây, để ngừa sự nóng, lạnh, gió, nắng, muỗi, mòng, rắn, rít và tránh sự lỏa thể, chẳng mặc để se sua".

Giới tử đọc:

Phạn ngữ Nghĩa

Ukàsa vandàmi bhante sabbam Tôi xin thành kính làm lễ đại đức. aparàdham khamatha me bhante Bạch hóa đại đức, cầu xin đại đức mayà kàtam punnam sàminà katam tha các tội lỗi cho tôi. Những việc punnam mayham dàtabham sàdhu lành mà tôi đã làm, xin đại đức nhận sàdhu anumodàmi. lãnh. Việc lành mà đại đức chia sớt cho tôi làm cho điều lợi ích được thành tựu, tôi xin hoan hỷ thọ lãnh.

Ukàsa kàrunnam katvà tisaranena Tôi xin thành kính cầu đại đức từ bi sahasilâni detha me bhante thương xót mà truyền tam qui và giới cho tôi.

Rồi ngồi chồm hổm chấp tay đọc:

Phạn ngữ Nghĩa

Aham bhante saranasìlam yàcàmi Bạch đại đức, xin đại đức truyền Tam qui và giới cho tôi Dutiyampi Aham bhante saranasìlam yàcàmi Bạch đại đức, xin đại đức truyền Tam qui và giới cho tôi lần thứ nhì Tatiyampi Aham bhante saranasìlam yàcàmi Bạch đại đức, xin đại đức truyền Tam qui và giới cho tôi lần thứ ba

Hòa thượng đọc:

Phạn ngữ. Nghĩa

Yamaham vadàmitam vadehi Ta đọc lời nào, ngươi đọc theo lời nấy

Giới tử đọc:

Àma bhante Dạ (tôi xin đọc theo)

Rồi giới tử đọc theo Hòa thượng:

Phạn ngữ. Nghĩa

Namo tassa bhagavato arahato Tôi đem hết lòng thành kính làm lễ sammàsambuddhassa Đức Phá-Gá-Qua ấy. Ngài là bậc Á- Rá-Hăng cao thượng, được chứng quả Chánh biến tri, do ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy (đọc ba lần) [*]

[*] Phá-gá-qua (Bhagava): Tàu dịch là Thế Tôn; Á–rá-hăng (Arahant): Ứng cúng, A-la-hán

Phạn ngữ Nghĩa

1) Buddham saranam gacchàmi 1) Tôi xin hết lòng thành kính, xin 2) Dhammam saranam gacchàmi quy y Phật 3) Sangham saranam gacchàmi 2) Tôi xin hết lòng thành kính, xin quy y Pháp 4) Dutiyampi buddham saranam 3) Tôi xin hết lòng thành kính, xin gacchàmi quy y Tăng 5) Dutiyampi dhammam saranam gacchàmi 4) Tôi xin hết lòng thành kính, xin 6) Dutiyampi sangham saranam quy y Phật lần thứ nhì. gacchàmi 5) Tôi xin hết lòng thành kính, xin quy y Pháp, lần thứ nhì 7) Tatiyampi buddham saranam 6) Tôi xin hết lòng thành kính, xin gacchàmi quy y Tăng, lần thứ nhì 8) Tatiyampi dhammam saranam gacchàmi 7) Tôi xin hết lòng thành kính, xin 9) Tatiyampi sangham saranam quy y Phật lần thứ ba gacchàmi 8) Tôi xin hết lòng thành kính, xin quy y Pháp lần thứ ba 9) Tôi xin hết lòng thành kính, xin

quy y Tăng lần thứ ba

Hòa thượng đọc:

Phạn ngữ. Nghĩa

Tisaranaggahanam paripunam Các thọ pháp Tam quy đều đủ rồi

Giới tử đọc:

Àma bhante Dạ (và lạy)

Hòa thượng đọc rồi Giới tử đọc theo:

Phạn ngữ Nghĩa

1. Pànàtipàtà veramanì sikkhàpadam 1. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý samàdiyàmi tránh xa sự giết thác lòai sanh mạng

2. Adinnàdânà vera manì 2. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý sikkhàpadam samadiyàmi tránh xa sự trộm cắp

3. Abrahma cariỳa ve ramanìyàmi 3. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự thông dâm 4. Musàvàdà veramanì sikkhàpadam samà diyàmi 4. Tôi xin vâng giữ điều học,là cố ý tránh xa sự nói dối 5. Surà meraya majjappamàdatthânà veramanì sikkhàpadam samàdiyàmi 5. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự dễ duôi uống rượu 6. Vikàlabhojanà vermanì sikkhàpadam samàdiyàmi 6. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự ăn sái giờ (từ đúng ngọ 7. Naccagìta vàditavisùkadassanà cho đến mặt trời mọc chẳng được veramanì sikkhapadam sayà diyàmi phép ăn vật chi cả).

8. Màlàgandha vilepanadhàrana 7. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý mandana vibhùsanatthànà veramanì

sikkhapadam sayà diyàmi tránh xa sự hát múa

9. Uccàsayana mahàsayanà veramanì 8. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý sikkhapadam sayà diyàmi tránh xa sự trang điểm, đeo tràng bông, thoa vật thơm và dồi phấn 10. Jàtarù parajatapatiggahanà veramanì sikkhapadam sayà diyàmi 9. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa chỗ nằm và ngồi quá cao và xinh đẹp

10. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự thọ lãnh, cất giữ, hoặc bảo kẻ khác thọ lãnh, cất giữ vàng bạc châu báu, hoặc cảm xúc đến các vật ấy

Ngài Hòa thượng đọc tiếp:

Phạn ngữ. Nghĩa

Imàni dassa sikkhàpadàni Tôi xin thọ trì cả 10 điều học ấy samàdiyàmi

Sa-di đọc theo ba bận, rồi lạy, xong đứng chấp tay đọc: Vandàmi bhante ... (như trước).

Xong rồi, Sa-di phải xin Nissaya, cầm nhang đèn dâng cho vị Hòa thượng, rồi đứng chấp tay đọc: Vandàmi bhante ... (như trước).

Sa-di đọc tiếp:

Phạn ngữ. Nghĩa

Ukàsa kàrunnam katvà nissayam Tôi xin thành kính, cầu đại đức dethame bhante thương xót mà cho tôi nương dựa theo

Xong rồi ngồi chồm hổm đọc:

Aham bhante nissayam yàcàmi Bạch đại đức, xin đại đức cho tôi nương dựa theo Dutiyampi Aham bhante nissayam yàcàmi Bạch đại đức, xin đại đức cho tôi nương dựa theo lần thứ nhì Tatiyampi Aham bhante nissayam yàcàmi Bạch đại đức, xin đại đức cho tôi nương dựa theo lần thứ ba (1 lạy). Upajjàyo me bhante hohi Bạch ngài, ngài là thầy tế độ của tôi

Trong mấy tiếng sau này, Hòa thượng nói 1 tiếng nào cũng được (Giới tử khỏi đọc theo):

Phạn ngữ. Nghĩa

Sàdhu Ngươi làm như thế này, là việc thành tựu điều lợi ích trong Phật pháp rồi. Làbu Ngươi làm như thế là sự nhẹ nhàng, Pàtirùpam là việc vui sống dễ dàng trong Phật pháp rồi Opàyikam Ngươi làm như thế, là đúng theo Pàsàdikena samàdehi phương pháp đem mình ra khỏi luân hồi khổ não rồi

Ngươi xin đức Hòa thượng như thế, là vừa đến sự tôn kính theo pháp xưa rồi

Ngươi hãy làm cho phép Tam học là: giới, định, tuệ, được thành tựu tốt đẹp vì đức tin đi

Xong rồi giới tử đọc:

Phạn ngữ. Nghĩa

Uhàsa sampaticchàmi Bạch đại đức, tôi xin thành kính hết lòng vâng chịu Sampaticchàmi Tôi xin hết lòng vâng chịu Sampaticchàmi Tôi xin hết lòng vâng chịu Ajjataggedàni thero mayham bhàro, ahampi therassa bhàro Kể từ nay tôi phải gánh vác công việc của đại đức, là phải tôn kính làm các việc mà tôi phải làm, về phần đại đức, đại đức cũng hoan hỉ gánh vác, là nên nhắc nhở, và dạy bảo tôi luôn khi.

Dứt phép truyền Sa-di giới:

Sa-di phải mang bát đứng dậy đi vào, đến giữa Tăng, ngay trước mặt Hòa thượng, rồi vị Yết ma đặt tên tạm cho Sa-di là Nàgo nàma, xong rồi hỏi Sa- di, (đây là khi nào giới tử thọ giới Sa-di rồi xin thọ luôn giới Tỳ Khưu).

---o0o---

PHÉP TRUYỀN TỲ-KHƯU GIỚI

Phạn ngữ. Nghĩa

Hỏi -- Tvam Nàgo nàma Hỏi -- Ngươi phải là tên Nàgo nàma không?
Đáp -- Àma bhante
Đáp -- Bạch ngài phải
Hỏi -- Tuyham upajjhàyo àyasmà
Tissathero nàma Hỏi -- Thầy của ngươi, phải chăng là ngài Tissathero Nàma không?
Đáp -- Àma bhante

Đáp - Bạch ngài phải
Xong rồi, ông thầy chỉ mấy ngón sau này, mà hỏi, giới tử trả lời: "Dạ phải"

Phạn ngữ. Nghĩa

Hỏi -- Ayam te patto Hòi -- Đây phải là bình bát của ngươi không?
Đáp -- Àma bhante
Đáp -- Dạ phải
Hỏi -- Ayam sanghàti
Hỏi -- Đây phải là y Tăng già lê (y
Đáp -- Àma bhante hai lớp) của ngươi không?
Hỏi -- Ayam anuttarà sangho Đáp -- Dạ phải

Đáp - Àma bhante Hỏi -- Đây, phải là y Huất đà la tăng (y mặc vai trái) của ngươi không?
Hỏi -- Ayam antaravàsako.
Đáp -- Dạ phải
Đáp -- Àma bhante
Hỏi -- Đây, là y An đà hội (y nội)
Gaccha amumhi okàse titthàni của ngươi không?
Đáp -- Dạ phải

Nói -- Ngươi lui ra đứng nơi kia

Giới tử lui ra (khỏi chỗ Tăng ngồi) đứng chấp tay, ngay phía Hòa thượng ngồi, thầy Kiết ma đọc cho Tăng nghe:

Phạn ngữ. Nghĩa

Sunàtu me bhante sangho nàgo Bạch cùng đại đức Tăng xin Tăng àyasmato tissassa nghe tôi trình: tên Sa-di Nàga đệ tử upasampadàpekkho yadi sanghassa của đại đức Tissa là người nguyện pattakallam aham nàgam tu lên bực cao. Nếu lời ấy đã đúng anusàseyyam theo phép, tôi xin đi day Sa-di tên Nàga

Xong rồi, thầy Kiết ma lui ra đứng trước mặt giới tử và dạy giới tử những điều sau đây:

Phạn ngữ. Nghĩa

Sunàsi nàga ayante saccakàlo Tên Nàga ngươi phải nghe hồi này là bhùtakàlo hồi nên nói thiệt

Yamjàtam tam sangha majjhe Những điều gì mà hỏi ngươi nơi giữa pucchante Tăng

Santam athìti vattabbam asantam Điều gì đã có, ngươi nói có, điều gì natthìti vattabbam không, ngươi nói không

Màkho pucchissanti santi te evarupà Ta hỏi ngươi như vầy: những tật âbàdhà bịnh như sau đây, ngươi có hay không?
Hỏi -- Kuttham?

Hỏi -- Ngươi có bịnh cùi hay không?
Đáp -- Natthi bhante
Đáp -- Bạch không.
Hỏi - Gando
Hỏi -- Ngươi có bịnh ung thư hay
Đáp - Natthi bhante không?
Hỏi -- Kilàso? Đáp - Bạch không

Đáp - Natthi bhante Hỏi -- Ngươi có bịnh ghẻ ngứa hay không?
Hỏi - Soso
Đáp - Bạch không
Đáp - Natthi bhante
Hỏi -- Ngươi có bịnh suyển hay
Hỏi -- Apamàro? không?
Đáp - Natthi bhante Đáp - Bạch không
Hỏi -- Manussosi? Hỏi -- Ngươi có bịnh phong điên hay không?
Đáp -- Àma bhante
Đáp - Bạch không
Hỏi -- Purisosi?
Hỏi -- Ngươi phải là người hay
Đáp - Àma bhante không?

Hỏi -- Bhujjissosi? Đáp -- Bạch phải

Đáp -- Àma bhante Hỏi -- ngươi phải là người nam hay không?
Hỏi -- Ànanosi?
Đáp -- Bạch phải
Đáp - Àma bhante
Hỏi - Ngươi phải là người vô sự
Hỏi -- Nasi ràjabhato? không?
Đáp - Àma bhante Đáp -- Bạch phải

Hỏi -- Anunnàtosi màtàpitohi? Hỏi -- Ngươi phải là người rảnh nợ không?
Đáp - Àma bhante
Đáp -- Bạch phải
Hỏi -- Paripunnavìsa Tivassosi?
Hỏi -- Ngươi là người không mắc
Đáp - Àma bhante việc quan phải không?
Hỏi -- Paripunnamte patta Civaram? Đáp -- Bạch phải
Đáp - Àma bhante Hỏi -- Ngươi có phép cha, mẹ cho xuất gia hay không?
Hỏi -- Kinnàmosi?
Đáp -- Bạch phải

Đáp - Àma bhante Nàgonàma

Hỏi -- Ngươi đúng 20 tuổi hay chưa?

Hỏi -- Knàmote upajjàyo?

Đáp -- Bạch phải

Đáp -- Upajjhàyo mebhante àyasmà tissatthero nàma Hỏi- Ngươi có đủ y, bát hay không?

Đáp -- Bạch phải

Hỏi -- Ngươi tên chử là gì?

Đáp -- Bạch tôi tên là Na-go na-ma

Hỏi -- Thầy ngươi tên chi?

Đáp -- Thầy tôi tên là Tissathero

Chờ ông thầy kêu.

Rồi giới tử lại ngồi chổm hổm, chắp tay đọc, khi đọc dạy giới tử, rồi thầy Yết ma trở vào nơi giữa Tăng, đọc tuyên bố và kêu giới tử vào rằng:

Sunàtume bhante sangho nàgo àyasmato tissassa upasampadàpekkho anusitto so mayà yadi sanghassa pattakallam nàgo àgaccheyya àgacchàhiti vattabbo àgacchàhi

Bạch hoá đại đức tăng, xin đại đức tăng nghe tôi trình: Tên Sa-di Nàgo (là đệ tử) của ngài Tissa là người nguyện tu lên bực cao. Tên Sa-di Nàgo ấy, tôi đã dạy bảo rồi. Nếu lễ truyền Tỳ-khưu giới này đã vừa đến giờ hành tăng sự, thì tên Sa-di Nàgo nên vào: Tên Sa-di Nàgo ấy, tôi nên gọi cho vào, "Người vào đi".

Tên Sa-di đi vào ngồi gữa trong Tăng, trước mặt ngài Hoà thượng, làm lễ ngài Hoà thượng và chư Tăng, rồi phải ngồi chồm hổm chấp tay, xin tu lên bậc trên bằng lời này:

Sangham bhante upsampadam yàcàmi, ullumpatumam bhante sangho anukampam upàdàya.

Dutiyampi bhante upsampadam yàcàmi, ullumpatumam bhante sangho anukampam upàdàya.

Tatiyampi bhante upsampadam yàcàmi, ullumpatumam bhante sangho anukampam upàdàya.

Bạch hoá đại đức tăng, xin Tăng cho tôi tu lên bậc trên 7.

Bạch hoá đại đức tăng, xin tăng thương xót tiếp độ đem tôi lên cho khỏi tướng mạo Sa-di và để tôi vào hàng Tỳ-khưu.

Bạch hoá đại đức tăng, xin Tăng cho tôi tu lên bậc trên.

Bạch hoá đại đức tăng, xin Tăng thương xót tiếp độ đem tôi lên cho khỏi tướng mạo Sa-di và để tôi vào hàng Tỳ-khưu lần thứ nhì.

Bạch hoá đại đức tăng, xin Tăng cho tôi tu lên bậc trên.

Bạch hoá đại đức tăng, xin Tăng thương xót tiếp độ đem tôi lên cho khỏi tướng mạo Sa-di và để tôi vào hàng Tỳ-khưu lần thứ ba.

Khi giới từ đã thọ cụ túc giới giữa Tăng, Tăng đều ngồi xa nhau 1 hắc, 1 gang 8 xong rồi thầy Kiết ma đọc bài sau này:

Sunàtume bhante sangho ayam nàgo àyasmato tissassa upasampadà pekkho yadi sanghassa pattakallam aham nàgam antaràyikedhamme pucheyyam

Bạch cùng đại đức tăng, xin Tăng nghe tôi trình: Tên Sa-di Naga, đệ tử của ngài Tissa, là người nguyện tu lên bậc cao nếu việc của tăng làm đây đã đúng theo pháp, tôi xin hỏi Sa-di Nàga các pháp chướng ngại.

Sunàsi nàga ayante saccakàlo bhùtakàlo:

Tên Nàga, ngươi phải nghe: Hồi này là hồi nên nói thiệt.

Yamjàtam tam pucchàmi:

Những điều gì có thì ta hỏi ngay đến điều ấy.

Santam atthìti vattabbam asantam natthìti vattabbam:

Điều gì đã có thì người nói có, điều gì không thì người nói không.

Santi te evarùpà àbàdhà:

Những tật bịnh như đây ngươi có hay không?

Hỏi -- Kuttham Hỏi -- Ngươi có bịnh chi hay không?

Đáp -- Natthi bhante Đáp -- Bạch không.

Upajjhàyo me bhante àyasmà tissathero nàma: nghĩa như trước (xem nơi chương "Bổn phận làm Hòa thượng").

Khi thầy Kiết ma hỏi các chướng ngại giữa Tăng xong rồi, đọc giới bổn lần tiếp theo cho Tăng nghe như vầy:

Sunàtume bhante sangho ayam nàgo àyasmato tissassa upasampadà pekkho parisuddho antaràyikehi dhammehi paripunnassa pattacìvaram nàgo sangham upasampadam yàcati àyasmatà tissena upajjhàyena yadi sanghassa pattakallam sangho nàgam upasampàdeyya àyasmatà tissena upajjhàyena esà natti

Bạch hoá đại đức tăng, xin tăng nghe tôi trình: Tên Sa-di Nàga,là đệ tử của đại đức Tissa, là người nguyện tu lên bậc trên cao được trong sạch, không phạm pháp chướng ngại, bình bát và ca-sa của Sa-di Nàga này có đều đủ. Sa-di Nàga có đại đức Tissa là hoà thượng, đã có đến xin Tăng, cho Sa-di ấy tu lên bậc cao. Lời này là lời để trình cho Tăng rõ.

Sunàtume bhante sangho ayam nàgo àyasmato tissassa upasampadà pekkho parisuddho antaràyikehi dhammehi paripunnassa pattacìvaram nàgo sangham upasampadam yàcati àyasmatà tissena upajjhàyena sangho nàgam upasampàdeti

àyasmatà tissena upajjhàyena yassàyasmato khamati nàgassa upasampadà àyasmatà tissena upajjhàyena so tunhassa yassa nakkhamati so bhàseyya dutiyampi, etamattham vadàmi:

Bạch hoá đại đức tăng, xin Tăng nghe tôi trình: Tên Sa-di Nàga,là đệ tử của đại đức Tissa, là người nguyện tu lên bậc trên cao được trong sạch, không phạm pháp chướng ngại, bình bát và ca-sa của Sa-di Nàga này có đều đủ. Sa-di Nàga có đại đức Tissa là hoà thượng, đã có đến xin tăng, cho Sa-di ấy tu lên bậc cao (là bậc Tỳ-khưu). Nếu sự nhận cho Sa-di Nàga có đại đức Tissa là hoà thượng tu lên bậc cao này vừa lòng vị đại đức nào, vị ấy nên nín thinh bằng chẳng vừa lòng vị đại đức nào, vị đại đức ấy được phép cải, tôi đã trình lần thứ nhì rồi.

Sunàtume bhante sangho ayam nàgo àyasmato tissassa upasampadà pekkho parisuddho antaràyikehi dhammehi paripunnassa pattacìvaram nàgo sangham upasampadam yàcati àyasmatà tissena upajjhàyena sangho nàgam upasampàdeti àyasmatà tissena upajjhàyena yassàyasmato khamati nàgassa upasampadà àyasmatà tissena upajjhàyena so tunhassa yassa nakkhamati so bhàseyya tatiyampi, etamattham vadàmi:

Bạch hoá đại đức Tăng, xin Tăng nghe tôi trình: Tên Sa-di Nàga,là đệ tử của đại đức Tissa, là người nguyện tu lên bậc trên cao được trong sạch, không phạm pháp chướng ngại, bình bát và ca-sa của Sa-di Nàga này có đều đủ. Sa-di Nàga có đại đức tissa là hoà thượng, đã có đến xin tăng, cho Sa-di ấy tu lên bậc cao. nếu sự nhận cho Sa-di Nàga có đại đức Tissa là hoà thượng tu

lên bậc cao này vừa lòng vị đại đức nào, vị ấy nên nín thinh bằng chẳng vừa lòng vị đại đức nào, vị đại đức ấy được phép cải, tôi đã trình lần thứ ba rồi.

Sunàtume bhante sangho ayam nàgo àyasmato tissassa upasampadà pekkho parisuddho antaràyikehi dhammehi paripunnassa pattacìvaram nàgo sangham upasampadam yàcati àyasmatà tissena upajjhàyena sangho nàgam upasampàdeti àyasmatà tissena upajjhàyena yassàyasmato khamati nàgassa upasampadà àyasmatà tissena upajjhàyena so tunhassa yassa nakkhamati so bhàseyya.

Bạch hoá đại đức tăng... vị ấy được phép cải... tôi đã trình lần thứ tư rồi.

Upasampanno sanghena nàho àyasmatà tisena upajjhàyena khamati sanghassa tsàm tunhì evametam dhàrayàmi.

Tên Sa-di Nàga này có đại đức Tissa là hoà thượng là người mà Tăng đã nhận cho tu lên bậc cao rồi. Tôihiểu chắc rằng: Tăng đã bằng lòng, vì sự nín thinh của tăng.

Thầy Kiết ma đọc dứt bổn phận, trình cho Tăng nghe xong giờ nào thì giới tử được lên Tỳ-khưu giờ ấy (y theo lời của đức Thế Tôn đã giáo truyền).

Những người tu Phật, nếu đã học đủ các phép thọ cụ túc giới theo cách đã giải trước xong rồi, thì phải nên biết rằng trong các phép ấy chia ra làm 2 phần.

Phần đầu chia ra làm 8 phép:

1) Khi làm lễ nhận Tỳ-khưu làm thầy tế độ. 2) Khi thầy Kiết ma chỉ bình bát và ca sa. 3) Khi thầy Kiết ma bảo giới tử lui ra khỏi Tăng và trình cho Tăng nghe rõ, để hỏi giới tử. 4) Khi thầy Kiết ma bảo giới tử lui ra khỏi Tăng và trình cho Tăng nghe rõ, rồi trở ra dạy giới tử. 5) Khi thầy Kiết ma trở vô, có dắt giới tử vào chỗ Tăng. 6) Khi giới tử làm lễ chư Tăng và đọc bài thọ cụ túc giới ở giữa Tăng. 7) Khi giới tử đọc bài xin thọ cụ túc giới rồi, thầy Kiết ma sẽ hỏi các pháp chướng ngại. 8) Thầy Kiết ma đã hỏi các pháp chướng ngại giữa Tăng.

Phần sau là từ khi thầy kiết ma Khởi sự đọc bài: Sunàtu me bhante sangho... Trình cho Tăng rõ đến 4 bận.

Phần đầu thuộc về giới tử. Phần sau thuộc về phần của thầy Kiết ma.

Dứt phép truyền cụ túc giới

-ooOoo-

GIỚI LUẬT SA-DI Những người học Phật trước khi muốn vào tu bậc Sa-di phải thông hiểu luật Sa-di, nghĩa là phải học luật y theo giáo pháp của đức Phật đã truyền dạy, không được canh cải. Giới luật ấy có 30 điều học chia ra làm 3 phần:

1) Sikkhàpada (phép học có 10 điều học). 2) Dandakamma (phép hành phạt có 10 điều học). 3) Nàsananha (phép trục xuất có 10 điều học).

---o0o---

1) MƯỜI PHÉP HỌC (SIKKHÀPADA)

Phạn ngữ Nghĩa

1. Pânàtipàtà veramanì sikkhàpadam 1. Sát sanh: Tôi xin vâng giữ điều samàdiyàmi học, là cố ý tránh xa sự giết thác loài sanh mạng 2. Adinnàdànà veramanì sikkhàpadam samàdiyàmi 2. Trộm cắp: Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự trộm cắp 3. Abrahmacariyà veramanì sikkhàpadam samàdiyàmi 3. Thông dâm: Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự thông dâm 4. Musàvàdà veramanì sikkhàpadam samàdiyàmi 4. Vọng ngữ: Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự nói dối. 5. Suràmeraya majjapamàdatthànà veramanì sikkhàpadam samàdiyàmi 5. Ẩm tửu: Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự dễ duôi uống 6. Vikàla bhojànà veramanì

sikkhàpadam samàdiyàmi rượu.

7. Naccagìta vàditavi sukadassanà 6. Ăn sái giờ: Tôi xin vâng giữ điều veramanì sikkhàpadam samàdiyàmi học là cố ý tránh xa sự ăn sái giờ (từ đúng ngọ cho đến mặt trời mọc 8. Màlàgandha vilepanadhàrana chẳng được phép ăn vật chi). mandana vibhù sanatthàna veramanì sikkhàpadam samàdiyàmi 7. Múa hát, đờn kèn: Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự múa 9. Uccàsayana mahàsayana hát, đờn kèn và đi xem múa hát nghe veramanì sikkhàpadam samàdiyàmi đờn kèn.

10. Jàtarùparajata patiggahanà 8. Trang điểm, thoa vật thơm, dồi veramanì sikkhàpadam samàdiyàmi phấn và đeo tràng hoa: Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý

tránh xa sự trang điểm, thoa vật thơm, dồi phấn và đeo tràng hoa.

9. Nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp: Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa chỗ nằm và ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

10. Thọ lãnh và cất giữ vàng, bạc châu báu: Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự thọ lãnh và cất giữ vàng, bạc châu báu hoặc cảm xúc đến các vật ấy.

---o0o---

2) MƯỜI PHÉP HÀNH PHẠT (DANDAKAMMA) 1. Vikàlabhogi hoti 1. Ăn sái giờ.

2. Naccàdivisùkadassiko hoti 2. Múa hát đờn kèn và xem múa hát đờn kèn. 3. Màlàdidhàranàdiko hoti 3. Trang điểm,đeo tràng hoa và thoa

4. Uccàsayanàyiko hoti vật thơm.

5. Jàtarùparaja tapatigganhako hoti 4. Nằm và ngồi nơi quá cao và xinh đẹp 6. Bhikkhùnam alàbhà yàvajìvika parisakkati 5. Thọ lãnh và cất giữ hoặc bảo kẻ khác thọ lãnh, cất giữ và cảm xúc 7. Bhikkhùnam anatthà parisakkhati đến vàng bạc châu báu.

8. Bhikkhùnam ana vàsàya 6. Cố ý làm cho Tỳ-khưu không có parisakkhati đồ dùng.

9. Bhikkhu akkosati paribbàsati 7. Cố ý làm cho Tỳ-khưu mất sự hữu ích. 10. Bhikkhu bhikkhùhi bhedeti. 8. Cố ý làm cho Tỳ-khưu không có chỗ ở.

9. Mắng chưởi Tỳ-khưu.

10. Làm cho Tỳ-khưu bất hoà cùng nhau.

Sa-di phạm 1 trong 10 điều kể trên, thì bị Tỳ-khưu hành phạt, nhất là bị bắt gánh nước.

---o0o---

3) MƯỜI PHÉP TRỤC XUẤT (NÀSANANGA) 1. Pànàtipàti hoti 1. Giết loài động vật.

2. Adinnàdàya hoti 2. Trộm cắp.

3. Abrahmacari hoti 3. Thông dâm.

4. Musàvàdi hoti 4. Nói dối.

5. Majjapàyi hoti 5. Uống rượu.

6. Cố ý làm Tỳ-khưu không có đồ

6. Bhikhùnam alàbhàya parisakkati dùng.

7. Bhikhùnam anatthàya parisakkati 7. Cố ý làm Tỳ-khưu mất sự hữu ích.

8. Bhikhùnam anavàsàya parisakkati 8. Cố ý làm Tỳ-khưu không có chỗ ở.
9. Bhikhùnam akkosati parisakkati
9. Mắng chưởi Tỳ-khưu.
10. Bhikkhu bhikkhùhi bhedeti
10. Làm cho Tỳ-khưu bất hoà cùng nhau.

Sa-di phạm 1 trong 10 điều kể trên, thì bị trục xuất

Bổn phận Sa-di phải học thông thuộc 30 phép đã nói trên và cũng phải thọ trì thêm 75 điều ưng học pháp.

(Xem trong giới bổn Tỳ-khưu chỗ "Ưng học pháp". Ngoài ra, Sa-di còn phải học thêm những điều học trong Pàtimokkha: phạm tội vì đời khiển trách - lokavajja. Như trong 13 điều Tăng tàn, trừ khi Điều 5, 6, 7...).

--- o0o ---

LỜI DẠY TIẾP (ANUSÀSANA)

Lời chỉ mà đức Chánh Biến Tri chế định cho Tỳ-khưu là thầy tế độ dạy bảo đệ tử mới vừa được thọ lễ tu lên bậc trên 9 (upasampadà) sau khi đã tụng tuyên ngôn lần thứ tư (natti catuttha kamma vàcà) cho Tỳ-khưu mới ấy được biết lần lần. Gọi là lời dạy tiếp (anusàsana). Lời dạy tiếp này có 8 điều chia ra làm 2 đoạn: "4 phép nương" (nissaya)10 và "4 sự không nên làm" (akaramìyakicca).

Vật dụng để cho hàng xuất gia dùng gọi là phép nương, có 4:.

- Ddi khuất thực
- Mặc y bẩn thỉu
- Ngụ dưới bóng cây
- Dùng thuốc ngâm với nước tiểu (nước tiểu bò đen).

Sự mà hàng xuất gia không nên làm có 4:

- Hành dâm
- Trộm cắp
- Giết người
- Khoe pháp bậc cao nhơn

---o0o---

TAM HỌC (TRISIKKHÀ)

Các đức mà hàng xuất gia phải tu tập gọi là Học (sikkhà) có 3: Giới (sìla), Định (samàdhi), Tuệ (panna).

Sự thu thúc thân và khẩu cho chơn chánh gọi là "Giới", sự trau dồi làm cho yên lặng gọi là "Định", sự biết rõ trong các sắc tướng gọi là "Tuệ". PHẠM TỘI (ÀPATTI).

Tội phát sanh vì sự dễ duôi điều học mà đức Chánh Biến Tri đã cấm chế (nghĩa là không cho làm), gọi là "phạm tội". Phạm tội ấy, gọi theo tên có 7:

1. Bất cộng trụ (Pàràjika).
2. Tăng tàn (Sanghàdisesa).
3. Trọng tội (Thullaccaya).
4. Ưng đối trị (Pàcittiya).
5. Ưng phát lộ (Pàtidesanìya).

6. Tác ác (Dukkata).
7. Ác ngữ (Dubbhàsita).
Tội Bất cộng trụ mà Tỳ-khưu phạm rồi, chẳng còn làm Tỳ-khưu được nữa.

Tội Tăng tàn, nếu Tỳ-khưu phạm rồi, phải chịu hình phạt cấm phòng rồi mới khỏi tội.

Còn 5 tội sau, khi Tỳ-khưu đã phạm phải cung xưng sám hối giữa Tăng, hoặc 2, 3 vị Tỳ-khưu, hoặc 1 vị Tỳ-khưu, rồi mới hết tội. Thể thức phạm tội (àpattàpajjanàkàra).

Thể thức mà Tỳ-khưu phạm các tội có 6:

1. Phạm vì không hổ thẹn (Alajjità). 2. Phạm vì không biết tội (Annànatà) là không biết rằng làm thế này, thế kia mà 3. phạm. 3. Phạm vì hoài nghi mà vẫn làm (Kukkuccapakatatta). 4. Phạm vì tưởng là nên trong điều không nên (Akappiye kappiya sannità). 5. Phạm vì tưởng là không nên trong điều nên (Kappiye akappiya sannità). 6. Phạm vì quên (Sati sammosà).

Chú giải: Nguyên nhân phạm tội có 6 điều ấy như vầy:

1) Phạm vì không hổ thẹn tội, là Tỳ-khưu không biết xấu hổ tội, vì lòng riêng tư thương riêng (chandàgati), giận riêng (dosàgati), lầm riêng (mohàgati), sợ riêng (bhàyàgati), mà phạm các điều học nhỏ, lớn, không biết xấu hổ, như thế gọi là phạm tội vì không biết xấu hổ.

2) Phạm vì không thông luật cấm: Tỳ-khưu ngu dốt, không biết rằng điều nào không nên làm rồi lầm lạc, làm điều ấy, điều nào nên làm lại làm sai, quá pháp luật, cho phát sanh tội, hoặc không biết điều học của Phật chế cấm rồi làm như thế gọi là phạm tội vì sự không thông.

3) Phạm vì hoài nghi: Tỳ-khưu có sự nghi ngờ, không hỏi luật sư cầu xin quyết định trước rồi mới nên làm như thế, rồi làm theo ý riêng của mình, vì sự nghi nan nên phạm tội. Khi đã nghi rồi, dù làm điều nên hoặc không nên, cũng không khỏi tội; đều đủ mỗi điều học, điều nào về Tăng tàn, Trọng tội, Ưng đối trị hoặc Tác ác thì phạm theo điều ấy, như thế gọi là phạm tội vì hoài nghi.

4) Phạm do tưởng trong điều không nên cho là nên: Tỳ-khưu tưởng trong thịt không nên dùng là như thịt gấu, cọp mà tưởng là thịt heo, hoặc bò, là thịt nên dùng, rồi ăn thì phạm tội, hoặc vật thực không nên dùng, rồi ăn thì phạm tội, hoặc đã chinh xế rồi tưởng là còn sớm, rồi thọ thực thì phạm tội, như thế gọi là phạm tội vì tưởng trong vật thực không nên cho là nên.

5) Phạm vì tưởng trong vật nên dùng cho là không nên là: Tỳ-khưu tưởng trong thịt nên dùng, như thịt heo, bò, cho là thịt gấu, cọp không nên dùng, rồi ăn vào thì phạm tội, hoặc ngày còn sớm tưởng là xế, rồi thọ thực vào thì

phạm tội, như thế gọi là: phạm tội vì tưởng trong vật thực nên dùng cho là không nên.

6) Phạm vì quên là: Tỳ-khưu nằm ngủ trong nơi lợp, che với người chưa tu lên bậc Tỳ-khưu đến 3 đêm, qua đêm thứ tư, rồi quên đi nằm, ngủ chung trong nơi lợp, che

nữa thì phạm tội hoặc quên, lìa xa 1 trong 3 y nào thì phạm tội; hoặc thọ thuốc (đường, mật, sữa) rồi cất giữa quá 7 ngày, thì phạm tội; hoặc thọ y dư để quên không gởi hoặc không cho đến kẻ khác quá 10 ngày thì phạm tội Ưng xã đối trị, như thế gọi là phạm tội vì quên. Chỗ sanh tội (samutthàna).

Chỗ sanh tội (samutthàna) trong điều học có 6:

1) Thân,
2) Khẩu,
3) Thân và khẩu,
4) Thân và ý,
5) Khẩu và ý,
6) Thân, khẩu và ý.

Tội chỉ sanh nơi thân hoặc chỉ sanh nơi khẩu là 1 chỗ sanh, như thế gọi có 1 chi (anga). Sanh nơi thân chung với ý, hoặc sanh nơi khẩu với ý, là 1 chỗ sanh, như thế gọi là có 2 chi. Sanh nơi thân chung với khẩu và ý là 1 chỗ sanh, như thế gọi là có 3 chi, 3 chỗ sanh trước, thân khẩu, thân và khẩu gọi là chỗ sanh "không cố ý" [*] (acittaka samutthàna), nghĩa là: Chỗ sanh của tội "không cố ý" không lẫn lộn với ý. Ba chỗ sanh sau là: thân khẩu ý, thân, khẩu, ý gọi là chỗ sanh cố ý. nghĩa là "chỗ sanh tội cố ý" lẫn lộc với ý.

[*] không cố ý làm cũng phạm tội

Tội trong điều học mà Tỳ-khưu dầu không cố ý cũng phạm gọi là "vô ý" (acittaka). Nếu cố ý, gọi là "cố ý" (sacittaka).

Tội trong điều học mà Tỳ-khưu phạm chỉ vì chỗ sanh thứ tư là thân ý, như trong điều học "Bất cộng trụ thứ nhất" (dâm dục) (pathama pàràjika); chỉ phạm vì chỗ sanh thứ 5, là khẩu ý như trong điều học "thuyết pháp đến phụ nữ" (dhamma desanà sikkhàpada); chỉ phạm vì chỗ sanh thứ 6, là thân khẩu ý như trong điều học "chia rẽ Tăng" (sanghabheda sikkhàpada), ba chỗ sanh này gọi là 1 chỗ sanh.

Tội trong điều học mà Tỳ-khưu phạm vì chỗ sanh thứ 1 (thân) hoặc thứ 4 (thân, ý) như trong điều học "Tỳ-khưu thọ lông cừu" (elakaloma sikkhàpada); phạm vì tội sanh thứ 2 (khẩu) hoặc thứ 5 (khẩu, ý) như trong điều học "dạy kệ đến người chưa tu bậc Tỳ-khưu" (upasampanna) (pada dhamma sikkhàpada); phạm vì chỗ sanh thứ 3 (thân khẩu) hoặc thứ 6 (thân, khẩu, ý) như trong điều học "lễ dâng y thứ nhất" [*] (pathama Kathina); phạm vì chỗ sanh thứ 4 (thân, ý); hoặc thứ 6 (thân, khẩu, ý) như trong điều học "trốn quan thuế" (theyya sattha sikkhàpada); phạm vì chỗ sanh thứ 5 (khẩu, ý) hoặc thứ 6 (thân, khẩu, ý), như trong điều học "Tỳ-khưu ni không hỏi trước mà làm lễ xuất gia cho phụ nữ có tội" (cirivutthapana sikkhàpada); 5 điều học này gọi là "có 2 chỗ sanh".

[*] đại lễ dâng y đến Tăng trong 1 năm có 1 kỳ, từ 16 tháng 9 đến rằm tháng 10.

Tội trong điều học mà Tỳ-khưu phạm vì chỗ sanh thứ 1 (thân), thứ 2 (khẩu), thứ 3 (thân, khẩu) như trong điều học "Tỳ-khưu nói thiệt pháp cao nhơn" (bhùtàrocana sikkhàpada); phạm tội vì chỗ sanh thứ 4 (thân, ý), thứ 5 (khẩu, ý) hoặc thứ 6 (thân,

khẩu, ý) như trong điều học trộm cắp (adinnàdàna sikkhàpada). Điều học này gọi là có "3 chỗ sanh".

Tội trong điều học mà Tỳ-khưu phạm vì chỗ sanh thứ 1 (thân), thứ 3 (thân, khẩu), thứ 4 (thân, ý), thứ 6 (thân, khẩu, ý) như trong điều học "Tỳ- khưu đi chung đường xa cùng Tỳ-khưu ni" (addhànasikkhàpada); phạm vì chỗ sanh thứ 2 (khẩu), thứ 3 (thân, khẩu), thứ 5 (khẩu, ý), thứ 6 (thân, khẩu, ý) như trong điều học "Tỳ-khưu ni làm lễ xuất gia cho phụ nữ mà cha, mẹ chưa cho phép" (ananaunnàta sikkhàpada); 2 điều học này gọi là "có 4 chỗ sanh".

Tội trong điều học mà Tỳ-khưu phạm vì chỗ sanh thứ 1 (thân), thứ 2 (khẩu), thứ 3 (thân, khẩu), thứ 4 (thân, ý), thứ 5 (khẩu, ý), thứ 6 (thân, khẩu, ý) như trong điều học "làm mai dong" (sancarita sikkhàpada); điều học này gọi là "có 6 chỗ sanh".

Tất cả điều học, nói về Chỗ sanh tội (samutthàna) có 13, cả 13 tội ấy có 13 tên, do chỗ sanh theo điều học chế ra lần đầu tiên như vầy "chổ sanh điều học Bất cộng trụ thứ nhất" (pathama pàràjika samutthàna), "chỗ sanh điều học trộm cắp" (adinnàdàna samutthàna), "chỗ sanh điều học làm mai dong" (sancarita samutthàna), "chỗ sanh điều học tụng lời khuyên răn" (samanubhàsana samutthàna), "chỗ sanh điều học lễ dâng y lần thứ nhất"

(pathama Kathina samutthàna), "chỗ sanh điều học Tỳ-khưu thọ lông cừu" (elakaloma samutthàna), "chỗ sanh điều học Tỳ-khưu đi đường xa chung cùng Tỳ-khưu ni" (addhàna samutthàna), "chỗ sanh điều học trốn quan thuế" (theyyasattha samutthàna), "chỗ sanh điều học thuyết pháp đến phụ nữ "(dhammadesanà samutthàna), "chỗ sanh điều học Tỳ-khưu nói thiệt pháp bậc cao nhơn" (bhùtàrocana samutthàna), "chỗ sanh điều học Tỳ-khưu ni làm lễ xuất gia cho phụ nữ mà cha mẹ chưa cho phép" (ananunnàtasamutthàna).

Phạm tội phát sanh trong điều học do thân và ý, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học Bất cộng trụ thứ nhất" (pathama pàràjika samutthàna).

Phạm tội trong điều học phát sanh vì cố ý (3 chỗ sanh phía trước), điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học trộm cắp" (adinnàdàna samutthàna).

Phạm tội trong điều học phát sanh do cả 6 chỗ sanh, điều học ấy gọi là chỗ sanh điều học "chỗ sanh điều học làm mai dong" (sancarita samutthàna).

Phạm tội trong điều học chỉ phát sanh do 1 chỗ sanh thứ 6, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học tụng lời khuyên răn" (samanubhàsana samutthàna).

Phạm tội trong điều học phát sanh do chỗ sanh thứ 3 và thứ 6, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học lễ dâng y lần thứ nhất" (pathama Kathina samutthàna).

Phạm tội trong điều học phát sanh do chỗ sanh thứ 1 và thứ 4, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học Tỳ-khưu thọ lông cừu" (elakaloma samutthàna).

Phạm tội trong điều học phát sanh do chỗ sanh thứ 2 và thứ 5, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học dạy kệ đến người chưa tu lên bậc Tỳ-khưu" (padaso dhamma

samutthàna).

Phạm tội trong điều học chỉ phát sanh do 1 chỗ sanh thứ 5, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học thuyết pháp đến phụ nữ "(dhamma desanà samutthàna).

Phạm tội trong điều học phát sanh do 3 chỗ sanh vô ý phía trước, "chỗ sanh điều học nói thiệt pháp bậc cao nhơn" (bhùtàrocana samutthàna).

Phạm tội trong điều học phát sanh do chỗ sanh thứ 5 và thứ, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học Tỳ-khưu ni làm lễ xuất gia cho phụ nữ có tội" (cirivutthàpana samutthàna).

Phạm tội trong điều học phát sanh do chỗ sanh thứ 2, thứ 3, thứ 5 và thứ 6, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học Tỳ-khưu ni làm lễ xuất gia cho phụ nữ mà cha mẹ chưa cho phép" (ananunnàtasamutthàna).

Về tiếng gọi là "vì thể thức có chỗ sanh" ấy là nói về: làm (kiriyà), tưởng (sannà), ý (citta), tội (vajja), nghiệp (kamma), tít cá (tikka), dạy người làm (anatti), theo thứ tự như vầy:

Phạm tội trong các điều học vì làm (kiriyà) có 5:

1) Phạm vì làm (kiriyà). 2) Phạm vì không làm (akiriyà). 3) Phạm vì làm và không làm(kiriyà akiriyà). 4) Phạm vì làm cũng có không làm cũng có (siyàakiriyà - siyàakiriyà). 5) Phạm vì làm cũng có và không làm cũng có (siyàkiriyà yàkiriyà kiriyà).

Tội trong điều học mà Tỳ-khưu phạm do thân hoặc khẩu, như trong điều học "Tỳ-khưu đào đất" (pathavikhana sikkhàpada), điều học ấy gọi là phạm vì làm (kiriyà).

Tội trong điều học mà Tỳ-khưu phạm vì không làm, nghĩa là: tự mình phải làm hoặc phải nói mà không làm không nói, như trong điều học "lễ dâng y lần thứ nhất" (pathama Kathina sikkhàpada) không làm dấu và đặt tên, cất giữ y quá 10 ngày, như thế điều học ấy, gọi là phạm vì không làm (akiriyà).

Tội trong điều học mà Tỳ-khưu phạm vì làm và không làm như trong điều học "thọ y nơi tay Tỳ-khưu ni không phải bà con" (cìvara patiggahana sikkhàpada) không đổi trước [*] mới phạm tội, điều học này gọi là "phạm vì làm và không làm" (kiriyà akiriyà).

[*] thọ là làm, không đổi là không làm

Tội trong điều học mà Tỳ-khưu phạm vì làm cũng có và không làm cũng có, như trong điều học "thọ bạc vàng châu báu..."(rùpiya patiggahana

sikkhàpada), có Tỳ-khưu phạm vì làm cũng có là thọ bạc vàng châu báu..., có Tỳ-khưu phạm vì không làm cũng có, là không ra dấu ngăn cản bạc vàng, châu báu... mà người đem đến dâng cho, điều học này gọi là "phạm vì làm cũng có và không làm cũng có" (siyàkiriyà siyàakiriyà).

Tội trong điều học mà Tỳ-khưu phạm vì làm cũng có, vì làm và không làm cũng có như trong điều học "Tỳ-khưu cất thất tô bằng vôi, hoặc bằng đất sét" (kutikàra sikkhàpada),

có khi phạm tội vì vì do Tăng chỉ chỗ, rồi làm thất lớn quá hạn định, điều học này gọi là "phạm vì làm cũng có, vì làm và không làm cũng có" (siyàkiriyà siyàkiriyà kiriyà).

Lại nữa, các điều học nói về ý tưởng (sannà) có 2 là:.

1) Khỏi phạm vì tưởng (sannàvimokkha). 2) Không khỏi phạm vì tưởng (no sannàvimokkha).

Trong điều học khỏi phạm vì tưởng, là không phạm vì tưởng, là không phạm tội, như nước có côn trùng mà tưởng rằng không có, rồi uống không phạm tội. điều học này gọi là Khỏi phạm vì tưởng (sannàvimokkha).

Trong điều học không khỏi tội vì tưởng, như mặt trời đã chinh xế mà tưởng rằng chưa mà dùng vật thực thì phạm tội. điều học này gọi là Không khỏi phạm vì tưởng (no sannàvimokkha).

Lại nữa, các điều học nói về ý có 2: cố ý (sacittaka) và vô ý (acittaka).

Phạm tội trong điều học phát sanh do 3 "chỗ sanh cố ý" (sacittaka samutthàna), "thân ý, khẩu ý, thân khẩu ý", không lầm lộn với "chỗ sanh vô ý" (acittaka samutthàna). Điều học như thế gọi là "chõ sanh cố ý" (sacittaka samutthàna).

Phạm tội trong điều học phát sanh do 3 "chỗ sanh vô ý" (acittaka samutthàna) là thân, khẩu, thân và khẩu. Điều học như thế gọi là vô ý (acittaka).

điều học nào gọi là Khỏi phạm vì tưởng (sannàvimokkha), điều học ấy gọi là vô ý (sacittaka).

điều học nào gọi là không khỏi phạm vì tưởng (no sannàvimokkha), điều học ấy gọi là vô ý (sacittaka).

Lại nữa,các điều học nói về tội có 2:

1) Tội vì đời (loka vajja). 2) Tội vì Phật cấm (pannatti vajja).

Phạm tội trong điều học nào, dầu là vô ý,như điều học uống rượu (suràpana sikkhàpada), ý trong thời phạm về phần vô ý, dầu Tỳ-khưu không biết là rượu, rồi cho vào khỏi cổ thì phạm tội, ấy là ác tâm về gốc xan tham (lobhamùla). Điều học này gọi là phạm tội vì đời (loka vajja), là tội mà bậc trí tuệ nên lánh, nên khinh khi trong đời.

Còn nói cố ý biết vật không nên dùng, như biết là rượu rồi uống vì ý tham, không nói về cái ý biết luật cấm là biết rằng không nên, nếu đã biết là không nên mà không tuân lịnh Phật, làm sái điều học vì ý nào, ý ấy (ý bất bình, bực bội) là gốc tội. Cho nên điều học uống rượu (suràpana sikkhàpada), điều học "Tỳ-khưu đi xem động binh đao" (Uyyutta sikkhàpada) và điều học "Tỳ-khưu đi đến nơi chiến trường" (uyyudhika sikkhàpada) mới gọi là vô ý, có tội vì đời. Còn ý biết điều tội trong điều học nào dầu là lành, điều học ấy gọi tội vì Phật cấm, là có tội mà bậc trí tuệ nên lánh vì Phật cấm.

Lại nữa, các điều học, nói về nghiệp có 3: thân nghiệp, khẩu nghiệp, thân và khẩu nghiệp.

Tội trong điều học nào mà Tỳ-khưu chỉ phạm vì thân môn, như tội phát sanh do chỗ sanh thứ 1 và thứ 4, điều học ấy gọi là "thân nghiệp".

Tội trong điều học nào mà Tỳ-khưu chỉ phạm vì khẩu môn, như tội phát sanh do chỗ sanh thứ 2 và thứ 5, điều học ấy gọi là "khẩu nghiệp".

Tội trong điều học nào mà Tỳ-khưu chỉ phạm trong thân và khẩu môn, điều học ấy gọi là "thân nghiệp, khẩu nghiệp".

Lại nữa Tikka có 2:

1) Phần tâm có 3: chỉ nói về thiện tâm. 2) Phần thọ có 3: chỉ nói về thọ.

Tỳ-khưu khi phạm tội có tâm lành phạm cũng có, có tâm dữ phạm cũng có, tâm vô ký như ngủ phạm cũng có.

Lại nữa, thọ khổ mà phạm cũng có, như trong điều học nào, nếu nói "chỉ có 1 tâm" (ekacittam) nên hiểu là nói về ác tâm: trong điều học nào, nếu nói "có 2 tâm" (dvicittam) nên hiểu là nói về tâm lành và tâm vô ký, trong điều học nào nếu nói "có 3 tâm" (ticittam) nên hiểu là nói về tâm lành, tâm dữ và tâm vô ký .

Trong điều học nào nói "có 1 thọ" (eka vedanà) nên hiểu là nói về thọ khổ, trong điều học nào, nói có 2 thọ(dvi vedanà) nên hiểu là nói về thọ vui và thọ vô ký. Trong điều học nào nói "có 3 thọ" (tisso vedanà) nên hiểu là nói về thọ vui, thọ khổ và thọ vô ký.

Lại nữa, phạm tội trong điều học này mà Tỳ-khưu tự mình làm hoặc bảo người khác làm cũng phạm điều học ấy gọi là "Sànattika", trong điều học mà Tỳ-khưu tự mình làm mới phạm, bảo kẻ khác làm thì không phạm, điều học ấy gọi là "anànattika".

Những lời chú giải trên đây, có nói nhất là về chỗ phát sanh tội (samutthàna), ấy là để phân biệt cho thấy rõ tội trong mỗi điều học, sẽ giải ra sau này.

-ooOoo-

ĐIỀU HỌC (SIKKHÀPADA)

Luật cấm mà đức Chánh Biến Tri chế định từ điều gọi là Điều học (Sikkhàpada) 11. điều học có trong Giới bổn 12 (Pàtimokkha) cũng có, không có trong giới bổn cũng có.

Điều học có trong Giới bổn (pàtimokkha) là:

1- Bất cộng trụ (pàràjika) có 4 điều.
2- Tăng tàn (sanghàdisesa) có 13 điều.
3- Bất định (aniyata) có 2 điều.
4- Ưng xã đối trị (nissaggiya) có 30 điều.
5- Ưng đối trị (suddhika pàcittiya) có 92 điều.
6- Ưng phát lộ (pàtidesanìya) có 4 điều.
8- Ưng học pháp (sekhiyatavatta) có 75 điều.
Tổng cộng: 220 điều.

Cộng thêm 7 điều Diệt tránh (adhikarana samatha), thành 227 điều.

---o0o---

BIỆT BIỆT GIẢI THOÁT THU THÚC GIỚI (PÀTIMOKKHA SAMVARASÌLA)

I. BỐN ĐIỀU BẤT CỘNG TRỤ (PÀRÀJIKA).

Biệt biệt giải thoát thu thúc giới nghĩa là giữ được 1 giới khỏi phạm 1 tội. Bất Cộng Trụ nghĩa là không được ở chung với các Tỳ-khưu khác.

1) Hành dâm (Methuna dhamma).

Tỳ-khưu hành dâm phạm tội Bất cộng trụ. Điều học này đức Thế Tôn cấm chế tại xứ Kalanda, gần thành Vesàlì, do Tỳ-khưu Sudinna hành dâm với vợ cũ.

Chú giải: Tỳ-khưu đã thọ Cụ túc giới và nuôi mạng chơn chánh theo các vị khác, rồi chưa xả tam y hoàn tục mà hành dâm, dầu là dâm với súc sanh, cũng phạm Bất cộng trụ.

Tỳ-khưu là người đã thọ Cụ túc giới theo chánh pháp của Phật đã khẩu truyền cho Tăng chúng thu nhận, rồi hòa hợp tiếp nối tương truyền (từ đời nọ đến đời kia) cho nhau bằng lời tụng tuyên ngôn 4 lần (catuttha kammàvacà) tránh khỏi 5 điều hư hỏng là:

- hư hỏng vì giới tử (vatthuvipati) 13, - hư hỏng vì đọc sai giọng Phạn ngữ (Natthivipati)14 , - Hư hỏng vì hỏi thiếu (Anussavanavipati) 15, - Hư hỏng vì địa phận Tăng hành sự phân ranh không đúng phép (Sàmà vipati), - Hư hỏng vì thiếu số Tăng (Purisavipati) 16.

Như thế mới gọi là Tỳ-khưu. Tỳ-khưu là người đi khất thực, là xin được hoặc không cũng vẫn tự nhiên, xin theo thể thức của bậc thánh nhơn. Sớm

mai mặc y cho kín mình, mang bát đến đứng trước nhà của thí chủ là người cao, thấp, trắng, đen, mập ốm, trai, gái.

Tỳ-khưu hoặc là già, trẻ, cao hạ hoặc mới xuất gia, nếu có sự biết mình (là Tỳ-khưu không phải người điên, không có tâm tán loạn, không hôn mê), cố ý muốn bỏ tướng mạo Tỳ-khưu và tỏ lời xả điều học (giới) không nói chơi, không nói lầm lộn, mới gọi là xả điều học. Còn đọc xả điều học có 22 cách, nhưng đây chỉ kể vài câu thường dùng là:

Sikkham paccakkhàmi (tôi xin xả điều học). Vinayam paccakkhàmi (tôi xin xả luật). Gihìtimam dhàrehi (xin ngài ghi nhớ rằng tôi là người thế). Upàsakotimam dhàrehi (xin ngài ghi nhớ rằng tôi là người cận sự nam).

Tỳ-khưu có lòng thiệt xả bỏ điều học đến vị nào. vị ấy được nghe và biết rõ lời xả ấy. Như thế mới gọi là xả điều học.

Về sự hành dâm (Methuna dhamma) là để ngọc hành của mình vào khiếu của người, của thú sống hoặc chết song khiếu chưa rã, hoặc chưa bị thú bươi mổ nhiều chổ, dầu cho ngọc hành vào bằng 1 hột mè hoặc bằng đầu 1 sợi tóc, vì lòng vui thích, hoặc có người khác dọa dẫm đè ép ngọc hành của mình rồi vui thích trong 4 thời là:

- Lúc để ngọc hành vào - Cho ngọc hành vào khiếu - Khi vào rồi để đó - Rút ngọc hành ra. Hoặc ngọc hành của mình dài đem vào miệng mình, hoặc lưng điệu xuống mút ngọc hành của mình vì lòng thỏa thích.

Những thể cách như thế gọi là hành dâm. Tỳ-khưu hành dâm phạm tội Bất cộng trụ (Pàràjika), không được phép hành tăng sự chung cùng các vị Tỳ- khưu khác

30 khiếu phát sanh chỗ hành dâm là:.

- Nữ nhơn có 3 khiếu - Nữ phi nhơn có 3 khiếu - Thú cái có 3 khiếu

Chúng sanh có 2 bộ sanh trược khí:

- Nhơn có 3 khiếu
- Phi nhơn có 3 khiếu
- Thú có 3 khiếu
- Nam nhơn có 2 khiếu
- Phi nhơn nam có 2 khiếu
- Thú đực có 2 khiếu
- Bộ nấp nhơn có 2 khiếu
- Bộ nấp phi nhơn có 2 khiếu
- Bộ nấp thú có 2 khiếu

Tổng cộng là 30 khiếu.

Về phần thú như vầy. Thú không thuộc loại mình dài như rắn. Thủy tộc như cá, rùa v.v... đều có 3 khiếu vừa cho ngọc hành vào, dầu chỉ bằng hột mè, hoặc cộng tóc. Như thế là vật của tội Bất cộng trụ. Những khiếu nhỏ hơn là vật của tội "Tác ác".

Về loại có 2 chân như: quạ, gà. v.v..., Thú có 4 bốn chân như thú nhỏ. Nên hiểu là vật của tội "Bất cộng trụ" và "Tác ác" như đã nói.

Tỳ-khưu có mụt ruồi hoặc lông mọc nơi ngọc hành của mình còn biết sự tiếp xúc, cho vào 1 trong 30 khiếu như đã nói, dầu khiếu ấy mà da và thịt đã lột lở hết, song khiếu còn rõ rệt, nếu có ý muốn, rồi hành dâm thì phạm tội Bất cộng trụ.

Tỳ-khưu có lông hoặc mụt ruồi mọc nơi ngọc hành không còn biết sự tiếp xúc, cho vào khiếu như đã giải phạm tội Tác ác. Nếu các khiếu ấy đã lở hết, dầu hình dạng các khiếu ấy chẳng còn sót, mà Tỳ-khưu cố ý cho ngọc hành vào nơi ấy phạm "Trọng tội".

Tỳ-khưu cho ngọc hành vào nhãn môn, nhĩ môn, tĩ môn, và thẹo ghẻ (phạm khí giới) của loài người phạm "Trọng tội". Thẹo ghẻ, lổ mũi của thú lớn như voi, ngựa, tử thi của loài người bị thú ăn nữa thân mình chưa sình, lưỡi hoặc răng bày ra ngoài miệng, đều là vật của "Trọng tội". Lỗ mắt, lỗ mũi, miệng vào được và khiếu đã lở, trong tử thi của người đã sình, đều là vật của tội Tác ác.

Tỳ-khưu để ngọc hành vào miệng tử thi không đụng các phía, phạm Tác ác.

Những điều giả trên là phần phạm tội. Còn về thể thức không phạm tội trong điều học này là: Tỳ-khưu không biết, không vui thích hoặc điên, tán loạn, bị bịnh hôn mê và

Tỳ-khưu phạm đầu tiên hết.

Tỳ-khưu ngủ quên (mê) có người đến hành dâm mà không hay biết song chẳng vui thích chi cả, như thế gọi là không vui thích, không phạm tội. Tỳ- khưu điên hoặc có người làm cho tâm tán loạn. Tỳ-khưu bị bịnh nặng làm cho tâm hôn mê, như thế gọi là hôn mê, không phạm tội. Tỳ-khưu hành dâm đầu tiên (trước hết) làm cho đức Thế Tôn ra điều luật cấm chế như Tỳ-khưu Sudinna phạm tội hành dâm trước hết các Tỳ-khưu khác, gọi là "người phạm đầu, bị cấm chế" (Adikammika), không phạm tội.

Lại nữa, điều học không phạm tội Bất cộng trụ vì dạy kẻ khác (Anànattika). Song không khỏi phạm tội Tác ác (dukkhata). Có 2 chi:.

- ý tính hành dâm (sevanacittam). - Cho ngọc hành vào khiếu, tiếp xúc nhằm một chỗ khiếu nào (Maggena maggapatipàdanam).

Như thế mới phạm tội Bất cộng trụ bằng không đủ 2 chi cũng không phạm tội.

Điều học này có 1 chỗ sanh tội (samutthàna) gọi là chỗ sanh tội điều học Bất cộng trụ thứ nhất (Pathama pàràjika samutthàna), nghĩa là phát sanh do thân, và ý 1 chỗ sanh, phạm vì làm (kirayà), khỏi phạm vì tưởng (sannàvimokkha), phạm vì cố ý (Sacittaka). phạm tội vì đời chê trách (lokavajja). phạm do thân nghiệp (kàyakamma), ác tâm (akusalacitta), thọ vui và vô ký (dvivedanam).

2) Trộm cắp (Adinnàdànà).

Tỳ-khưu trộm cắp của người đáng giá 5 màsaka [*] trở lên phạm tội Bất cộng trụ. Điều học này đức Thế Tôn cấm chế tại núi Kỳ xà quật (Gijjakùta) gần thành Vương xá (Ràjagaha) do Tỳ-khưu Dhaniya lấy cây của vua Tần bà sa (Bimbisàra) đem đi cất tịnh thất.

[*] Màsaka là giá bạc thông dụng ngày xưa bên xứ Trung Ân độ bằng 6 cắc bạc của ta (năm 1966).

Chú giải: Thể thức trộm cắp có 6 là:

1) Kiện lấy (Adiyana): là kiện lấy ruộng vườn, đất của kẻ khác về làm của mình. Trong khi kiện phạm tội Tác ác. Khi chủ đất nghĩ rằng: "ta được hay không được". Tỳ-khưu phạm Trọng tội. Khi chủ bỏ hẳn rằng "không còn là của ta nữa" và Tỳ-khưu quyết định không trả của ấy lại cho họ mới phạm tội Bất cộng trụ.

nếu Tỳ-khưu thầm tính, chỉ dọa dẫm thôi thì chưa phạm Bất cộng trụ. khi nào cả 2 bên là Tỳ-khưu chắc chắn không trả lại cho chủ và chủ cũng đã định bỏ của ấy không kêu nài, mới phạm tội Bất cộng trụ.

2) Tiếp đem đi (Harana): Tỳ-khưu tiếp (đội, vác) đem của người đi. Nếu cố ý rờ đụng vật (đội) ấy, phạm tội Tác ác. Mỗi lần rờ đụng làm cho vật ấy cử động qua lại,phạm Trọng tội,mỗi lần cử động để vật ấy xuống vai hoặc dở hõng đầu, phạm Bất cộng trụ. còn về gánh vác trên vai và đem cầm nơi tay cũng kể như đội trên đầu.

3) Dấu nói ngược (Ayaharana): Tỳ-khưu lãnh của người gởi, khi người chủ đến đòi, Tỳ-khưu cố ý dấu rồi nói ngược lại rằng: "Ta không biết, ta không có lãnh của người đâu", cố ý như thế phạm tội Tác ác. làm cho người chủ nghi ngờ phạm Trọng tội. Khi người chủ bỏ vì không đòi được, vị Tỳ- khưu quyết định không cố ý trả lại phạm Bất cộng trụ (của người gởi, Tỳ- khưu làm mất, không chịu bồi thường cũng phạm Bất cộng trụ).

4) Làm cho đổi oai nghi (Iriyapatha vikopana): Tỳ-khưu cố ý trộm cắp đem của cải và người mang của, rồi đuổi người mang của ấy, đi khỏi bước đầu theo ý mình, phạm Trọng tội, đi khỏi bước thứ nhì phạm Bất cộng trụ.

5) Dời khỏi chỗ (Thànàcàpanà): Tỳ-khưu tính trộm cắp của để trên khô hoặc trong nước, rồi đụng chạm nhằm, phạm Tác ác. Làm cho vật cử động tới lui, phạm Trọng tội. Làm cho vật ấy ra khỏi chỗ, phạm Bất cộng trụ .

6) Qua khỏi chỗ quan thuế tra xét (Sanketavitinàmana): Tỳ-khưu biết chỗ quan thuế đi đến chỗ, tính không đóng thuế, cố ý rờ đụng cầm lấy vật mà mình đem đi, đánh giá thuế 6 cắc, phạm Tác ác. Đi bước đầu ra khỏi chỗ quan thuế phạm Trọng tội, qua bước thứ 2 phạm Bất cộng trụ.

Lại nữa, Tỳ-khưu dạy các Tỳ-khưu khác đi trộm cắp, rằng "ông đi trộm lấy vật ấy" Tỳ-khưu dạy phạm Tác ác trong lúc dạy. Tỳ-khưu đi trộm phân

biệt rằng "của này hoặc vật này, hoặc biết rằng vật khác, rồi đi lấy được theo lời dạy như thế, cả 2 đều phạm tội. Nếu Tỳ-khưu trộm cắp phân biệt rằng vật này hoặc vật khác, rồi trộm được vật khác, ngoài ra vật của Tỳ-khưu dạy đi ăn trộm và đã nhứt định, như thế Tỳ-khưu dạy không phạm, Tỳ-khưu đi trộm phạm Bất cộng trụ.

Tỳ-khưu dạy rằng "ông đi trộm của ấy, vật ấy của người kia trong giờ nào, trộm trong giờ ấy". Như thế nếu Tỳ-khưu dạy trộm được theo giờ đã định, cả 2 Tỳ-khưu đều phạm tội Bất cộng trụ trong giờ trộm. Nếu trộm ngoài giờ dạy, Tỳ-khưu dạy không phạm, Tỳ-khưu trộm phạm tội Bất cộng trụ.

Nhiều Tỳ-khưu rủ nhau đi trộm, chỉ có 1 vị trộm được, cả thảy cũng đều phạm tội Bất cộng trụ.

Tỳ-khưu hăm dọa cho người sợ, để lấy của như của bọn trộm cướp, phạm Bất cộng trụ.

Tỳ-khưu đổi thẻ có viết tên vị khác mà thí chủ để trên y đem bố thí. lấy thẻ của người cao giá, hoặc thấp hơn hoặc bằng giá như nhau, để gần của phần mình, Tỳ-khưu cắm thẻ của mình lên, vì muốn để trong phần của người khác, lấy thẻ của mình hoặc của người, mà chưa đổi thẻ để xuống, phần của người về mình, phần của mình về người thì chưa phạm, khi đổi xong, để thẻ xuống rồi mới phạm Bất cộng trụ .

Lại nữa, Tỳ-khưu tính trộm của người rồi đi, lúc đi trộm, đi mỗi bước là 1 Tác ác, rờ đụng nhằm cũng phạm Tác ác, làm cử động của trộm phạm Trọng tội. Đến khi trộm được đáng giá 1 cắc, phạm Tác ác. Nếu của ấy đáng giá hơn 1 cắc trở lên, chưa đến 6 cắc, phạm Trọng tội. Của ấy đáng 6 cắc hoặc nhiều hơn phạm Bất cộng trụ.

Lại nữa điều học trộm cắp này rất sâu xa, vi tế có giải trong luật (samantapàsàdika). đây chỉ giải tóm tắt vậy thôi, và chư vị A la hán có dạy: "điều học này rất cao sâu, khó định nghĩa được". Cho nên khi có người tố cáo Tỳ-khưu trộm cắp, dầu có luật sư có hỏi theo thể thức trộm cắp, nếu thấy cũng không nên vội định tội, nên hỏi đến 5 điều này trước.

- Vật (vatthu).
- Giờ (kala).
- Xứ (padasa).
- Giá (agha).
- Dùng (paribhoga).

"Vật" là của Tỳ-khưu trộm, đem vật ấy đến hỏi tra coi, vật ấy có chủ hay không có chủ, nếu có chủ, sau khi trộm được, chủ còn thương tiếc hay bỏ. Nếu chủ còn thương tiếc, phải xử theo giá vật trộm, bằng chủ đã bỏ, không nên xử phạm Bất cộng trụ. nếu chủ đòi thì nên trả lại, như thế mới là chơn chánh.

"Thời" là lúc trộm vật ấy, có khi của ấy cầm giá, có khi lên giá.

"Xứ" là chỗ mà Tỳ-khưu trộm của được, trộm trong xứ nào, phải xử theo giá trong xứ ấy.

"Giá" là giá của vật trộm đã dùng rồi hoặc chưa. Nếu vật ấy người đã dùng rồi thì giá rẻ.

Ấy là 5 điều nên tra hỏi trước.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khưu tưởng là của mình rồi cầm lấy, lấy vì thân thiết với nhau, mượn nhau để dùng, vật ấy của tinh, quỉ hoặc súc sanh, không phải của người lượm ngoài đường là vật không có chủ và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy người khác trộm (sanattika) có 5 chi:

- Của người gìn giữ (paraparíggahitam).
- Tưởng là của người gìn giữ (paraparigg hitasannità).
- Của ấy đáng giá 1 bát hoặc cao hơn (garuparikkhàro) ("bát" bên xứ
Trung ấn độ bên ấy bằng 6 cắc của nước ta lưu hành đến ngày nay - năm
1966).
- Ý tính trộm cắp (theyyacittam).
- Đã trộm được theo lẽ đã giải trước (avaharanam).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm tội Bất cộng trụ. điều học này có 3 chỗ sanh gọi là "chỗ sanh tội trộm cắp" (adinnàdànà samutthàna), là tội sanh do:

- Thân ý - Khẩu ý

- Thân, khẩu, ý

Phạm vì làm (kiriyà), khỏi tội vì tưởng (sannàvimokkha), phạm vì cố ý (sacittaka), phạm tội vì đời (lokavajja), thân nghiệp (kàyakamma), khẩu nghiệp (vacìkamma), ác tâm (akusalacitta). Có 3 thọ: thọ khổ (ekàvedanà), thọ vui (dvivedanà) thọ vô ký (tissovedanà).

3) Giết người (Manussa viggaha).

Tỳ-khưu cố ý giết người phạm tội Bất cộng trụ.

Điều học này đức Thế Tôn cấm chế tại phước xá (phước xá này cất trong rừng lớn gần biển và núi Tuyết sơn) có đãnh trong rừng Tuyết sơn, gần thành Vesali do chư sư sát hại lẫn nhau vì được nghe đức Phật giảng giải sự ô trược và điều khổ của thân ngũ uẩn, rồi tưởng lầm, nên giết lẫn nhau cho khỏi khổ.

Chú giải: Tỳ-khưu có ý giết người, dầu là bào chế thuốc uống, đập, đánh, chỉ cách giết, hoặc để khí giới giết người, hoặc giảng lời tặng khen về sự chết rằng: người sống có ích chi, xấu xa, đê hèn, không bằng chết còn hơn, chết sanh về cõi vui hoặc dạy cách chết, là dạy "người nên đâm họng, nên uống thuốc độc...". Giải như thế mà người chết trong khi ấy, hoặc lâu ngày mới chết, Tỳ-khưu phạm Bất cộng trụ.

Người là vật của Bất cộng trụ, không phải người phi nhơn (tinh, quỉ là vật của Trọng tội, thú là vật của Ưng đối trị).

Tỳ-khưu dạy người giết có 6 điều:

1) định giết người: Dạy kẻ nào, người chịu lời đi giết kẻ ấy thì phạm tội cả 2 người (người dạy và người đi giết), nếu giết lầm kẻ khác, người bảo không phạm Bất cộng trụ.

2) định giờ: Nếu người chịu lời, giết ngoài giờ dạy, thì người dạy không phạm Bất cộng trụ.

3) định chỗ: Nếu Tỳ-khưu dạy giết người ở trong nhà này, nơi khoảng trống kia, mà người chịu lời đi giết ngoài chỗ đã định, thì người dạy không phạm Bất cộng trụ.

4) định khí giới: Dạy người giết bằng đao, chĩa, người chịu lời dạy đi giết bằng khí giới khác, thì người bảo giết không phạm Bất cộng trụ.

5) định oai nghi: Dạy giết kẻ đứng hoặc đi, người chịu lời lại giết kẻ ngồi hoặc nằm, thì người bảo giết không phạm Bất cộng trụ.

6) định cách giết: Dạy giết bằng cách đâm hoặc chém, người chịu lời lại giết bằng cách đánh hoặc cưa, thì người bảo giết không phạm Bất cộng trụ.

Lại nữa, nếu người chịu lời đi giết, không được người dạy, bảo thêm rằng: nếu ngươi có thể giết được giờ nào nên giết giờ ấy, như thế dầu là lâu đến đâu, người giết chắc sẽ giết được, người dạy phạm Trọng tội trong lúc dạy, người giết phạm tội trong khi giết.

Tỳ-khưu đào giếng, đào hầm, gài bẩy, để khí giới hoặc bỏ thuốc độc để giết người, nếu muốn giết người nào, người ấy chết mới phạm tội, bằng không định nghĩa rằng: "nhằm kẻ nào thì kẻ ấy chết", như thế phạm tội theo hạng người chết; như nhằm A la hán, cha, mẹ của Tỳ-khưu ấy chết thì phạm ngủ ngịch đại tội và "Bất cộng trụ".

Nếu kẻ khác hoặc tinh, ngạ quỉ, hoặc thú chết thì phạm Trọng tội hoặc Ưng đối trị.

Nếu Tỳ-khưu đưa bẩy, viết thơ cho kẻ khác hoặc bán cho người đem dùng để giết thì phạm tội cả 2 bên.

Nếu Tỳ-khưu ăn năn, đi đòi hoặc mua vật ấy lại thì mới khỏi tội. Tỳ-khưu tự mình làm bẩy, viết thơ nên đem đốt cho hết mới khỏi tội. Nếu đốt chưa cháy hết, kẻ khác đem giết người, Tỳ-khưu cũng không khỏi tội; thơ chưa cháy tiêu có kẻ khác đem học để giết người, rồi giết theo thơ ấy, Tỳ-khưu cũng không khỏi tội.

Tỳ-khưu đào giếng, đào hầm cho sanh vật chết, lúc đào phạm tội Tác ác mỗi lần đào; nếu thú, phi nhân sa vào bẩy, Tỳ-khưu phạm tội Tác ác, thú chết phạm Ưng đối trị, phi nhơn chết phạm Trọng tội. Người mắc bẩy phạm Trọng tội, chết phạm Bất cộng trụ.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khưu không cố ý giết người, không biết (như không biết trong cơm có thuốc độc, đem cho kẻ khác ăn rồi chết và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội).

Điều học này "phạm tội vì dạy kẻ khác giết" (sànatika) có 5 chi:

1) Loài người (manussajàtipàno)
2) Biết là người có sanh mạng (pànasannità).
3) Cố ý giết (upakkamo)
4) Ráng sức giết 1 trong 6 điều đã giải (vadhakacittam)
5) Người ấy chết vì nình ráng sức (tena maranam).
Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm Bất cộng trụ.

Chỗ sanh tội (samutthàna vidhi) như trong điều học "cấm trộm cấp" (adinnàdànà samutthàna), phạm vì làm (kiriyà), khỏi phạm vì tưởng (sannàvimokkha). Cố ý (sacittaka), phạm vì tội đời (lokavajja), thân nghiệp (kàyakamma), khẩu nghiệp (vacikamma), ác tâm (akusalacitta), thọ khổ (ekàvedanà).

4) Khoe pháp bậc cao nhơn (Uttarimanussadhamma).

Tỳ-khưu khoe pháp của bậc cao nhơn là pháp của người cao thượng mà tự mình không có, phạm Bất cộng trụ.

Điều học này đức Thế Tôn cấm chế tại phước xá, có đãnh (Rutàgàrasàlà), trong rừng Tuyết sơn gần thành Quê-sa-li (Vèsàli), do nhóm Tỳ-khưu tu gần mé sông "Veggumudà" khoe pháp bậc cao cho người tín ngưỡng bố thí.

Chú giải: Tỳ-khưu chưa giác ngộ, song là người ham muốn sự tặng khen, rồi khoe rằng đắc pháp bậc cao thượng, mà tự mình chưa được, nếu có người biết nghe rõ, trong khi ấy, sau rồi bị tra hỏi hoặc không bị tra hỏi, Tỳ-khưu ấy cũng phạm tội Bất cộng trụ. Dầu muốn được trong sạch, hoàn tục rồi trở lại nói rằng: "Tôi không đắc đạo cao nhơn cố ý nói đắc, là tôi nói dối", như thế ấy cũng không khỏi phạm Bất cộng trụ.

Pháp của bậc cao nhơn là "4 thiền hữu sắc, 4 thiền vô sắc, lục thông [*]; 4 đạo, 4 quả và Niết-bàn, 37 phần pháp Bồ đề; không tham, không sân, không si, 3 cái giác, 8 cái giác..."

Đều là pháp của bậc cao nhân, vì người nào được các pháp ấy đều gọi là bậc cao thượng hơn thường nhơn.

[*] lục thông là: nhãn thông, nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, thần túc thông, lậu tận thông.

Tỳ-khưu không có pháp cao nhơn trong mình mà nói rằng "ta đắc sơ thiền... ta đắc thần thông, ta đắc quả...", nói như thế, khi tính nói cũng biết ta sẽ nói dối, lúc đang nói cũng biết ta đang nói dối, khoe đến kẻ khác nghe, kẻ ấy dầu là bậc xuất gia hay cư sĩ được hiểu biết trong khi ấy rằng: "Vị Tỳ- khưu đã đắc thiền định đạo quả... ". Họ tin thật hoặc họ không tin lời nói thật, Tỳ-khưu cũng phạm Bất cộng trụ.

Nếu nói đến người nghe, không hiểu biết; Tỳ-khưu phạm Trọng tội; muốn khoe khoang mà nói mé rằng "người nào mà ngụ trong chùa này đều là người đắc thiền định", người nghe hiểu biết trong khi ấy, Tỳ-khưu phạm Trọng tội. Nếu người nghe không hiểu biết, Tỳ-khưu phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Nói thiệt rằng mình đã đắc... không cố ý khoe và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác khoe (anànattika), có 5 chi:

1) Khoe pháp bậc cao nhơn là tự mình không có (Uttari manussadhammassa atàni asantatà). 2) Khoe vì muốn được lợi, được khen (pàpicchatàya tassa àrocanam). 3) Khoe theo lời của người khác (anannàpadeso). 4) Khoe nói đến người nào, người ấy là loài người (yassu àroceti tassa manussajàtikatà). 5) Khoe mà người nghe hiểu biết rõ rệt trong khi ấy (tamkhanam vijànanam).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm tội Bất cộng trụ.

Chỗ sanh tội (samutthàna) cũng như trong điều học trộm cắp (adinnàdànà).

Đức Phật giải về 5 bọn cướp lớn:

Này các Tỳ-khưu, trong Phật pháp này có 5 bọn Tỳ-khưu cướp lớn. Này các Tỳ-khưu! 5 bọn Tỳ-khưu cướp lớn như thế nào?

Này, các Tỳ-khưu! Có bọn cướp lớn trong thế gian, suy xét rằng: bao giờ ta được 100 hoặc 1000 bộ hạ quy thuận, ta sẽ vào trong xóm, làng, châu, quận giết hại đốt phá dân cư ấy. Đến sau, bọn cướp ấy được 100 hoặc 1000 người tùy tùng, rồi đem nhau vào xóm, làng, châu, quận đánh đập giết hại các cư dân ấy, thế nào. Này các thầy Tỳ-khưu! Sự suy xét của Tỳ-khưu ác trong Phật pháp này cũng như thế. Tỳ-khưu ác ấy suy xét rằng: Bao giờ ta được 100 hoặc 1000 người sùng bái, ta sẽ vào xóm, làng, châu, quận, ta sẽ được các thứ y, món ăn, chỗ ở và thuốc men mà các hàng cư sĩ hoặc bậc xuất gia thành tâm cúng dường. Đến khi sau, Tỳ-khưu ác ấy được 100 hoặc 1000 người phục tùng, rồi vào xóm làng châu, quận, xin được y, vật thực, chỗ ở và thuốc men và các hàng cư sĩ hoặc bậc xuất gia hết lòng tôn kính cúng dường. Nầy các Tỳ-khưu! Tỳ-khưu ấy gọi là kẻ cướp lớn thứ nhất, có rõ rệt trong thế gian.

Nầy các Tỳ-khưu! Còn nguyên nhân khác nữa: trong Phật pháp này, có Tỳ-khưu ác, học hỏi pháp luật mà Như Lai đã giảng dạy, rồi tự thiêu đốt lấy mình 17. Này, các Tỳ-khưu! Tỳ-khưu ấy gọi kẻ cướp lớn thứ nhì, có rõ rệt trong thế gian.

Này, các Tỳ-khưu! Còn nguyên nhân khác nữa trong Phật pháp này có bọn Tỳ-khưu khác vô cớ 18 tố cáo Tỳ-khưu trì giới thanh cao đang hành pháp cao thượng trong sạch, rằng tu hành không cao thượng 19. Này, các Tỳ-khưu! Tỳ-khưu ấy gọi là kẻ cướp lớn thứ ba, có rõ rệt trong thế gian.

Này, các Tỳ-khưu! còn nguyên nhân khác nữa trong Phật pháp này có Tỳ- khưu ác, muốn làm cho vừa lòng hành cư sĩ, đem tài sản của Tăng hoặc phụ tùng là: 1) bông và cây, 2) chỗ trồng bông và cây, 3) tịnh thất, 4) chỗ cất tịnh thất, 5) giường, 6) bàn thấp dài, 7) nệm, 8) gối, 9) nồi, 10) cân, 11) thùng, 12) chậu làm bằng loại kim, 13) dao nhỏ, 14) búa, 15) riều, 16) xuổng, 17) vá, 18) dây, 19) tre dài 8 ngón tay trở lên, 20) cỏ thường, 21) cỏ năn nỉ, 22) cỏ ống, 23) đất sét, 24) vật làm bằng cây, 25) vật làm bằng đất. Này, các Tỳ- khưu, Tỳ-khưu ấy gọi là kẻ cướp lớn thứ tư, rõ rệt trong thế gian.

[tài sản của Tăng từ số 9 đến 17 đều làm bằng kim loại.]

Này, các Tỳ-khưu! Tỳ-khưu nào khoe pháp bậc cao nhơn, mà chính mình không có rõ rệt, Tỳ-khưu ấy gọi là kẻ cướp lớn thứ năm, là kẻ cướp lớn tột

bực trong thế gian và cả luôn cõi trời, cõi Dạ ma thiên (Yàmà), cõi Phạm thiên, trong các bọn chúng sanh cho đến Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc vua chúa.

Vì sao Như Lai giải như thế? Này, các Tỳ-khưu, vì Tỳ-khưu cướp cục cơm của hàng cư sĩ đem ăn. (đức Chánh Biến Tri muốn cho việc này được rõ rệt, mới giải thêm kệ ngôn sau đây:).

Tỳ-khưu nào tu hành không được trong sạch, mà làm cho kẻ khác biết mình là trong sạch, Tỳ-khưu ấy gọi là cướp vật thực của họ, đem về dùng, như người thợ săn núp mình bên lùm cây mong chờ bắn thú.

Tỳ-khưu chỉ dùng y ca-sa mặc cho kín mình, nhưng tu hành theo phép xấu xa, không thu thúc (theo pháp luật) là người rất dơ bẩn, Tỳ-khưu ấy chắc hẳn phải đọa vào địa ngục vì tự mình gây ra nghiệp quấy. Nên ăn cục sắt đang cháy như ngọn lữa còn tốt hơn Tỳ-khưu phá giới không thu thúc (theo pháp luật) ăn cục cơm của hàng cư sĩ.

--- o0o ---

II. MƯỜI BA (13) ĐIỀU HỌC TĂNG TÀN (SANGHA DISESA)

(Tăng Tàn là tội mà phải cần phải xử phạt với số Tăng từ 4 vị cho đến phần đông).

---o0o---

1) DI TINH (sukkavisatthi)

Tỳ-khưu cố ý làm di tinh khỏi chỗ, phạm Tăng tàn.

Điều họ này, đức Phật cấm chế tại Kỳ viên Tịnh xá (jetavana) gần thành Xá vệ (Sàvatthì) do Tỳ-khưu Seyyasaka làm cho di tinh.

Chú giải: Tỳ-khưu muốn di tinh cho khỏi bịnh, cho được vui thích... rồi ráng sức dùng tay hoặc dạy kẻ khác làm, hoặc rờ rẫm ngọc hành bằng tay, hoặc nằm sắp đè ngọc hành, hoặc kẹp trong bắp vế ... rồi làm cho di tinh, dầu chỉ vừa cho con ruồi nhỏ nuốt được, dầu tinh chưa ra, là chưa xuất ra ngoài cũng phạm tội Tăng tàn.

Cố ý muốn cho di tinh, cầm da ngọc hành để tiểu tiện, tinh di phạm Tăng tàn, tinh không di phạm Trọng tội.

Cố ý nắm ngọc hành của Sa-di đang ngủ, tinh di phạm Tác ác. Xem chỗ kín của phụ nữ, tinh di phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Lúc nằm mộng không, cố ý và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội. Không cố ý cho tinh di và không vui thích cũng không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 3 chi:

- Tác ý muốn làm cho tinh di (cetanà) - Ráng sức làm (upakkamo). - Tinh đã di (mocanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm Tăng tàn.

Chỗ sanh tội (samutthàna) cũng như trong điều học Bất cộng trụ thứ nhất (pathama pàràjika samutthanà).

---o0o---

2) ĐỤNG CHẠM VÀO MÌNH PHỤ NỮ (Kàyasamsagga)

Tỳ-khưu cố ý đụng cọ vào mình phụ nữ, phạm Tăng tàn.

Điều học này, đức Phật cấm chế tại Kỳ viên Tịnh xá (jetavana) gần thành Xá vệ (sàvatthi) do Tỳ-khưu Udàyi rờ rẩm phụ nữ.

Chú giải: Tỳ-khưu rờ rẩm mình phụ nữ, dầu mới sanh trong vòng 1 ngày cũng phạm tội Tăng tàn.

Bộ nấp, nữ, ngạ quỉ, tinh, đều là vật Trọng tội, thú cái, thú đực, người nam đều là vật của tội Tác ác.

Phụ nữ: Tỳ-khưu biết là phụ nữ rồi chạm nhằm, vì lòng vui thích cho đến sự đụng chạm lông với lông. Phụ nữ đụng mà Tỳ-khưu có lòng vui thích sự đụng chạm ấy, Tỳ-khưu phạm Tăng tàn.

Phụ nữ: Tỳ-khưu nghi là phụ nữ, hoặc không phải là phụ nữ, hoặc tưởng là bộ nấp, là người nam, là thú rồi đụng nhằm vật dính với thân mình hoặc chạm vào vật dính với thân phụ nữ, như cọ nhằm y phục của phụ nữ, hoặc bộ nấp, Tỳ-khưu phạm Trọng tội.

Tỳ-khưu đụng vật dính với thân phụ nữ, do vật dính với thân mình, hoặc phụ nữ liệng đồ Tỳ-khưu lãnh, liệng qua lại hoặc chạm nhằm bộ nấp, Tỳ-khưu nghi hoặc tưởng là phụ nữ, là người nam hoặc người nam mà Tỳ-khưu tưởng là phụ nữ, là bộ nấp, là thú, hoặc nghi rồi mà có lòng vui thích, rồi đụng nhằm mình hoặc cọ nhằm vật dính với thân liệng vật ấy qua lại... như thế đều phạm tội Tác ác. phạm nhiều hay ít tùy theo vật và mỗi lần đụng.

Tỳ-khưu rờ hình phụ nữ, hoặc nắm chặt, rờ bằng 1 ngón tay hoặc trọn bàn tay, rờ từ đầu tới chân không rời chỉ phạm 1 tội. Nếu vật khác nhau rồi rờ bằng 5 ngón tay thì phạm đến 5 tội.

Thể thức không phạm tội:

Phụ nữ đụng nhằm Tỳ-khưu, Tỳ-khưu không vui thích vì không cố ý muốn đụng, dầu biết sự đụng chạm ấy hoặc muốn cho khỏi rồi xô ra hoặc chạm nhằm vì cố ý, không biết, quên vì không lòng vui thích, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm vì dạy người khác (anànattika) có 5 chi:

- Người phụ nữ (manussitthì) - Tưởng là phụ nữ (itthìsannità). - Ráng sức đụng chạm vừa theo sự vui thích (tenaràgena vàyàmo). - Vui thích vì sự chạm nhằm mình phụ nữ (kàyasamsaggaràgo). - Đụng chạm với nhau, nhất là nắm tay (hatthagàhàdi samàpajjànam).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm Tăng tàn .

Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học Bất cộng trụ thứ nhất (pathama pàràjika sikkhàpada) .

---o0o---

3) NÓI LỜI HOA TÌNH (dutthullavàcà)

Tỳ-khưu nói lời thấp hèn, nói ngay sản môn, nói với phụ nữ, như thế phạm Tăng tàn .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên Tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá vệ (savatthi) do Tỳ-khưu Udàyi nói lời đê hèn thô tục với phụ nữ.

Chú giải: Tỳ-khưu cố ý vui thích rồi trêu ghẹo phụ nữ như trai trêu ghẹo gái, phụ nữ biết trong khi ấy, phạm Tăng tàn, người phụ nữ biết lời tốt hoặc xấu về sự hành dâm là vật phát sanh Tăng tàn. vật làm cho sanh Trọng tội và Tác ác như trong điều học trước. lời nói về sản môn và giang môn về sự dâm dục với phụ nữ đều gọi là đê hèn, thuộc về chỗ phát sanh Tăng tàn.

Trong thân phụ nữ từ ngực sắp xuống từ đầu gối trở lên là vật cho sanh Trọng tội. tứ chi ngoài ra là vật cho sanh Tác ác.

Tỳ-khưu nói: Này phụ nữ nào hầu hạ bằng nhục dục, đến người có giới luật, có đạo đức hành pháp phạm hạnh (hạnh thanh cao) như ta, sự hầu hạ ấy là cao thượng hơn các sự hầu hạ khác, nếu phụ nữ hiểu được trong khi ấy, Tỳ- khưu phạm Tăng tàn.

Điều học này có 5 chi:

- người nữ (manussitthì).
- Tưởng là người nữ (itthìsannità).
- Vui thích trong chỗ nói lời hoa tình (dutthullavàcàsaràgo).
- Khen sự vui thích ấy (tenaràgena).
- Phụ nữ nghe hiểu được trong khi ấy (tamkhanam vajànanam).

Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học trước, chỉ khác nhau chỗ nói, khen sự hầu hạ bằng nhục dục.

---o0o---

4) HẦU HẠ MÌNH BẰNG NHỤC DỤC (attàma pàricariya).

Tỳ-khưu có tình dục nói ướm cho phụ nữ hầu hạ mình bằng nhục dục, phạm Tăng tàn.

Điều học này cấm chế tại Kỳ viên Tịnh xá gần thành Xá vệ (sàvatthi) do Tỳ- khưu Udàyi bảo phụ nữ hầu hạ mình bằng nhục dục.

Chú giải: Tỳ-khưu nói: Này em gái, phụ nữ hầu hạ người có giới, có đạo đức, hành pháp phạm hạnh như ta, bằng nhục dục, sự hồi hởi cao thượng hơn các sự hầu hạ khác. Nếu phụ nữ hiểu được trong khi ấy, Tỳ-khưu phạm Tăng tàn.

Điều học này có 5 chi:

- người (maunssitthì).
- tưởng là người nữ (Itthìsannità).
- vui thích trong sự hầu hạ mình bằng nhục dục (attakàma pàricàriỳayaràgo).
- khen sự vui thích (Tenaraganavannabbhananam).
- phụ nữ hiểu biết trong khi ấy (Tamkhanamvacànanam).

Chỗ sanh tội như trong điều học trước, chỉ khác nhau chỗ nói khen bằng sự nhục dục.

---o0o---

5) LÀM MAI DONG (Sancaritta)

Tỳ-khưu làm mai dong cho trai và gái làm vợ chồng nhau phạm Tăng tàn.

Điều học này cấm chế tại Kỳ viên Tịnh xá gần thành Xá vệ (sàvatthi) do Tỳ- khưu Udàyi làm mai dong.

Chú giải: Người nam, người nữ (không phải là ngạ quỉ, tinh) là kẻ thế hoặc là người xuất gia chưa được làm chồng vợ, hoặc đã làm chồng vợ mà từ bỏ hẳn nhau rồi, dầu là cha mẹ của Tỳ-khưu, đều là vật cho sanh Tăng tàn.

Sự đem mai mối có 3 chi:

1) Nam hoặc nữ, hoặc cha mẹ của người nữ, hoặc của người nam, cầu Tỳ- khưu nói đến người nữ, hoặc người nam nói đến cha mẹ của người nữ (patigganhàti).

2) Họ cầu đi nói người nào, Tỳ-khưu nói với người ấy rằng: "ngươi hãy làm chồng, làm vợ với nhau, hoặc trai gái cùng nhau (vimamseti)".

3) Người nào cầu đi nói, Tỳ-khưu trở về nói với người ấy (paccàharati).

Làm mai dong cho người, được hoặc không được không quan trọng, nếu có đủ 3 chi ấy, phạm tội Tăng tàn. nếu chỉ có 2 chi, là chịu đi nói hoặc đã nói rồi, trở lại cho hay (1 trong 2 chi nào) thì phạm Trọng tội. Nếu chỉ có 1 chi là chịu đi nói hoặc trở về nói lại (trong 1 chi nào) thì phạm tội Tác ác.

Nếu trai cầu Tỳ-khưu đi nói với gái có mẹ gìn giữ, Tỳ-khưu đi nói với gái ở với cha, như thế sai lời cầu, không phạm Tăng tàn. Tỳ-khưu làm mai dong cho bộ nấp phạm Trọng tội.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khưu đem tin của Tăng, tin của Tỳ-khưu bịnh và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy kẻ khác (sànattika). Tỳ-khưu đã chịu lời người, dạy kẻ khác nói đến trai, hoặc gái đã nói rồi, dạy kẻ khác trở về nói cho người cầu ấy hay, cũng phạm Tăng tàn. có 5 chi:

1) đem lời cho người nào, người ấy là người thiệt (không phải phi nhơn) (yesam sancarittam samàpajjati tesam manussajàtikatà). 2) Họ không phải là vợ chồng với nhau từ trước hoặc là đã có làm chồng vợ rồi, song đã từ bỏ nhau hẳn rồi (nanàlamvacaniyatà). 3) Chịu lời cầu (patigganhànam). 4) Nói theo lời người cầu (vimamsanam). 5) Trở lại cho người cầu hay biết (paccàharanàni).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm Tăng tàn.

Có 6 chỗ sanh (sàmutthàna) là:

1) Tỳ-khưu không biết luật cấm, hoặc không biết họ đã từ bỏ hẳn nhau rồi, chịu lời đi nói, hoặc ra dấu hiệu trở lại cho hay bằng cách ra dấu hiệu, như thế là tội phát sanh do thân.

2) Tỳ-khưu ngồi, trai đến hỏi rằng: "gái ấy sẽ lại tìm ông, xin ông biết bụng người" rồi Tỳ-khưu chịu lời rằng "ờ! phải rồi". Khi gái đến Tỳ-khưu nói lại, khi trai trở lại thì Tỳ-khưu cho hay như thế, là tội phát sanh do khẩu, vì Tỳ- khưu không có ra dấu hiệu.

Lại nữa, Tỳ-khưu nhận lời của trai bằng khẩu, rồi đi đến nhà gái, vì nguyên nhân nào khác trở lại gặp nói với trai ấy, như thế, gọi là chỉ phát sanh do khẩu.

3) Tỳ-khưu không biết luật cấm, dầu bậc A la hán cha dạy đi, ngài cũng đi nói với mẹ (đây nói về cha mẹ đã từ bỏ nhau rồi), rằng: người về cho cha mẹ hay biết, như thế gọi tội phát sanh do thân khẩu (3 cách) như thế gọi là "chỗ sanh tội vì vô ý" (acittaka samutthàna) nghĩa là: Tỳ-khưu biết, hoặc là không biết cũng phạm tội.

Tỳ-khưu biết luật cấm, hoặc biết rằng: họ đã từ bỏ hẳn rồi: họ đã từ bỏ hẳn rồi, còn đem mai mối cả 3 cách ấy, 3 chỗ sanh ấy gọi là "chỗ sanh điều học làm mai dong" vì ý biết luật cấm và biết rõ họ đã bỏ hẳn nhau rồi gọi là: có 6 chỗ sanh như thế.

Phạm vì làm (kiriyà), không phạm vì tưởng (no sannà vimokkha) không cố ý phạm (acittaka), tội vì Phật cấm (pannatiitvajja) thân nghiệp (kàyakamma), khẩu nghiệp (vacìkamma) có 3 tâm (ticittam), có 3 thọ (tissovedanà), thọ vui, thọ khổ và thọ vô ký.

---o0o---

6) TẠO THẤT (sannàcika)

Tỳ-khưu tạo thất tô bằng vôi với đất sét không có người đứng làm chủ cất cho mình ở, phải làm cho đúng mực thước, là: bề dài 12 gang, bề ngang 7 gang (1 gang của đức Phật, bằng 3 gang người thường), khi cất phải do Tăng chỉ chỗ trước rồi mới nên cất, nếu không do Tăng (sangha) chỉ chỗ hoặc cất cho quá mực, phạm Tăng tàn. điều học này gọi Kùtikàra cũng được.

Điều này, đức Phật cấm chế tại Trúc lâm tịnh xá (Veluvanà) gần thành Vương xá (Ràjagaha) do chư sư A la vi dạy người cất thất cho mình quá mực định.

Chú giải: Tỳ-khưu chủ thất không cho Tăng chỉ chỗ cất, hoặc cất lớn quá thước tấc, trong mỗi khi làm phạm tội Tác ác, còn dư vôi 2 cục nữa thì cất xong còn dư 1 cục đầu phạm Tăng tàn làm xong phạm Tăng tàn.

Điều học này có 7 chi:

- Mô tả phía trong và phía ngoài
- Phía dưới không đúng thước.
- Không có Tăng chỉ chỗ cho
- Cất lớn quá thước
- Cất cho mình ở
- Cất làm để ở
- Tô cả nóc và vách

Chỗ sanh tội như trong điều học làm mai dong (sancarita).

---o0o---

7) TẠO THẤT LỚN (mahallaka)

Tỳ-khưu tạo thất lớn, nếu thất ấy có thí chủ, làm chủ cất, làm lớn quá mực thước được, song phải trình cho Tăng chỉ chỗ trước mới nên làm. Nếu Tỳ- khưu không cho Tăng chỉ chỗ, cất phạm Tăng tàn.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tịnh xá của trưởng giả (ghosita) gần thành Kosambi do Tỳ-khưu Channa tạo thất lớn quá mực thước.

Chú giải: điều học này như điều học trước, chỉ khác nhau đây là không định "thất lớn, nhỏ".

---o0o---

8) VÔ CỚ CÁO GIAN (amùlaka).

Tỳ-khưu giận rồi cố ý cáo vị khác rồi phạm tội Bất cộng trụ,do không có cớ phạm Tăng tàn.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc Lâm tịnh xá (Veluvana), gần thành Vương xá (Ràjagaha) do Tỳ-khưu Mettiya và Kummajaka cáo gian đại đức Dabbamallaputa, Sa-di 7 tuổi đắc A la hán quả.

Chú giải: Tỳ-khưu vô cớ cáo gian dầu sau có ai hỏi, rồi tự mình khai rằng "Tôi đã nói dối như thế ấy", cũng phạm Tăng tàn. Trong khi tố cáo ấy mắt không thấy, tai không nghe, không nghi rằng "Tỳ-khưu ấy phạm 1 trong 4 tội Bất cộng trụ", không nghe ai nói, như thế gọi là vô cớ cáo gian. Cáo gian có 4 cách, cáo rằng:

- Ông hành dâm (chỉ vật). - Ông phạm tội vì hành dâm (chỉ tội). - Hành lễ phát lộ (Uposatha), là lễ Tự tứ (Pavàranà: là sau khi nhập hạ rồi, nhằm ngày rằm tháng 9, Tăng nhóm lại mà tỏ tội cùng nhau), hành Tăng sự với ông không được. - Ông không phải là Sa-môn (cấm ngăn sự tôn kính).

Cáo gian đều đủ đến điều thứ tư, mới phạm tội.

Tỳ-khưu cáo gian đến người trong sạch (vô tội) hoặc không trong sạch, cáo vì tội Bất cộng trụ nào, muốn cho Tỳ-khưu ấy xa khỏi phạm hạnh (brahmacariya), không cho Tỳ-khưu ấy biết trước bằng lời này "Ngài hãy cho phép tôi, tôi muốn nói với ngài (Karotume àyasmà Okàsam ahantam)". Nếu không nói như thế trước, rồi tố cáo sau, mà Tỳ-khưu ấy biết trong khi ấy rằng "Họ cáo mình như thế", Tỳ-khưu tiên cáo phạm tội Tăng tàn và tội Tác ác trong mỗi lời cáo gian, khi tiên cáo cho Tỳ-khưu bị cáo biết trước rồi sẽ cáo sau, chỉ có phạm 1 tội Tăng tàn, dầu là Tỳ-khưu cáo bằng lời nói hoặc ra dấu hiệu trước mặt, cũng vậy. (Cáo "sau lưng", lúc vắng mặt không kể).

Tỳ-khưu dạy kẻ khác cáo, người cáo, do theo lời dạy cáo gian, thì chỉ có người dạy phạm tội, như đoạn trên giải rõ. nếu người chịu lời đi cáo nói "ta cũng được thấy, được nghe vậy", thì phạm tội Tăng tàn cả 2 người.

Tỳ-khưu không cho người biết trước rồi chửi mắng phạm tội Ưng đối trị và tội Tác ác. Nếu cho biết trước rồi cảnh cáo sau, chỉ phạm 1 tội Ưng đối trị.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khưu tưởng là người không trong sạch là người trong sạch, là người trong sạch trong người không trong sạch đi cáo, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy người (Sànattika), có 5 chi:

- Tự mình cáo hoặc dạy người cáo người đã tu lên bực trên (upasampannoti samkhayam gamanam). - Tưởng người ấy là người trong sạch (tasmim suddhasannità). - Cáo vì tội Bất cộng trụ, không có cớ (amulakatà). - Tự mình cáo hoặc dạy người cáo trước mặt, cho xa khỏi phạm hạnh (càvanà dhippàyenasammukhàcodanàvàcodàpadàvà). - Người bị cáo biết trong khi ấy (tassatamkhanam vijànanam).

Đều đủ 5 chi ấy mới phạm Tăng tàn.

Chỗ sanh tội (samutthàna) cũng như trong điều học trộm cắp (adinnàdàna samutthàna) chỉ khác nhau điều học này thuộc về thọ khổ.

---o0o---

9) NHƠN CỚ KHÁC CÁO GIAN (Annabhàgiya).

Tỳ-khưu giận hờn người khác rồi cố tìm cớ, nhất là tìm dòng, phái đem cáo người vì tội Bất cộng trụ, phạm Tăng tàn.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc Lâm tịnh xá (Veluvana) gần thành Vương xá (Ràjagaha) do Tỳ-khưu Mettiya và Kummajaka nhơn cớ khác mà cáo gian vị A la hán Dabbamallaputta.

Chú giải: Tỳ-khưu nhơn cớ khác, nhất là dòng vua đem cáo vị khác phạm một tội Bất cộng trụ, nào rồi dùng dòng ấy làm cớ để cho Tỳ-khưu cũng thuộc dòng vua như nhau rằng "người là dòng vua, hành dâm phạm tội Bất cộng trụ" vì ta được thấy, được nghe, hoặc nghi như thế; phạm tội Tăng tàn trong khi ấy, dầu về sau có khai thiệt cũng không khỏi phạm tội.

---o0o---

10) CHIA RẼ TĂNG (sanghabheba).

Tỳ-khưu ráng sức chia rẽ Tăng (Sangha: nghĩa là 1 nhóm Tỳ -khưu từ 4 vị trở lên ở hoà thuận nhau để hành đạo) cho xa nhau, Tăng đã tụng lời khuyên can, ngăn cấm cho bỏ sự ấy, nếu không bỏ, phạm Tăng tàn.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc Lâm tịnh xá (Veluvana) gần thành Vương xá (Ràjagaha) do Tỳ-khưu Đề bà đạt đa (Devadatta) chia rẽ Tăng.

Chú giải: Tỳ-khưu khuyên "ngài chẳng nên làm như thế, ngài hãy thuận hoà với Tăng, vì Tăng hoà hảo như thế mới được an vui", nếu Tỳ-khưu không nghe lời khuyên can thì phạm tội Tác ác. Tỳ-khưu được nghe, được thấy mà không ngăn cấm cũng phạm tội Tác ác. Tỳ-khưu không thể khuyên can được nữa, nên cho các Tỳ-khưu khác hay biết để gọi Tỳ-khưu ấy vào giữa Tăng, cho Tăng tụng Samanubhàsana (là lời khuyên răn). Nếu chịu bỏ thì tốt, bằng không thuận, phạm Tác ác. Tăng tụng Samanubhàsana xong 1 bận, Tỳ-khưu phạm 1 tội Tác ác; tụng xong 2 bận, Tỳ-khưu không bỏ phạm Trọng tội; tụng xong 3 bận, phạm Tăng tàn.

Thể thức không phạm tội:

Tăng chưa tụng Samanubhàsana mà Tỳ-khưu chịu bỏ, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này có 4 chi:

- Ráng sức chia rẽ Tăng (bhedàyaparakkamanam). - Tăng hành Tăng sự theo pháp (dhammakammena samanubhàsanam). - Tụng dứt thời khuyên can lần thứ ba (dhammavàcà pariyosànam). - Không chịu bỏ tà kiến (appatinissajanam).

Chỗ sanh tội: thuộc về tụng lời khuyên răn (samanubhàsana samutthàna), phạm vì không làm (akiriyà) không phạm vì tưởng (sannavimokkha) cố ý (sacittaka) tội vì đời (lokavajja), thân nghiệp (kàyakamma), khẩu nghiệp (vacìkamma), ác tâm (akusalacitta), thọ khổ (dukkhavedanà).

---o0o---

11) HÀNH THEO TỲ-KHƯU CHIA RẼ TĂNG (Bhedànuvattaka).

Tỳ-khưu hành theo Tỳ-khưu chia rẽ Tăng, các vị khác khuyên răn không nghe, Tăng tụng Samanubhàsana ngăn cấm cho dứt bỏ sự hành vi ấy, nếu không tuân theo phạm Tăng tàn.

Chỗ sanh tội (samutthàna) cũng như trong điều học trước.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc Lâm tịnh xá (Veluvana) gần thành Vương xá (Ràjagaha) do Tỳ-khưu Kajamo, Rakatissa, Khanda, Deviputta và Samuddadatta, hành theo Tỳ-khưu chia rẽ Tăng.

---o0o---

12) TỲ-KHƯU CỨNG CỖI (Dubbaccaỳatika).

Tỳ-khưu có tánh khó dạy, vị khác khuyên dạy cũng không nghe, Tăng đã tụng Samanubhàsana ngăn cấm bỏ chừa nghiệp ấy, nếu không tuân theo phạm Tăng tàn.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Ghositàràma gần thành Kosambi do Tỳ- khưu Channa cứng cỏi.

Chú giải: Tỳ-khưu không cho vị khác thức tỉnh, nói rằng "các ngài đừng nói lời chi tốt, hoặc lời chi xấu đến tôi, tôi cũng chẳng nói lời lành hoặc dữ đến với các ngài, vậy các ngài hãy nín thinh, đừng nhắc nhở tôi như thế". Khi các vị khác đã khuyên lơn mà không nghe, nên đem Tỳ-khưu ấy đến giữa Tăng để tụng Samanubhàsana. Khi tụng đến 3 bận mà không chừa bỏ tánh cũ, không tuân theo lời khuyên nhủ của Tăng, thì phạm tội Tăng tàn.

---o0o---

13) TỲ-KHƯU NỊNH HÓT (Kuladùsaka).

Tỳ-khưu bợ đỡ kẻ thế. Tăng đã xử, đuổi ra khỏi chùa, rồi còn trở lại hủy báng Tăng. Tăng đã tụng Samanubhàsana ngăn cấm, nếu không tuân theo, phạm tội Tăng tàn.

Điều học này cấm chế tại Kỳ viên Tịnh xá gần thành Xá vệ (Sàvatthi) do Tỳ- khưu Assagi, Punabhasuka nịnh hót.

Chú giải: Tỳ-khưu ngụ nơi làng, xóm, nịnh hót, cho trái cây, bông cây... đến kẻ thế cho họ mất quả phước của sự bố thí đã làm đến mình,như thế gọi là nịnh hót.

Tỳ-khưu có tánh xấu xa trồng cây để cho người thế, làm những việc ấy rõ rệt, đến tai, mắt người, vị khác được thấy, được nghe, nên đuổi ra khỏi xóm làng, Tỳ-khưu ấy trở lại nói xấu Tăng, đã đuổi rằng "thiên vị", vì thương

(chandàgati) hoặc ghét (dosàgati), hoặc lầm lạc (mohagati) hoặc sợ (bhaỳagati). Nói như thế, các vị khác nghe được, thấy được, nên ngăn cấm không cho hủy báng Tăng, nếu ngăn cấm không được phải đem đến giữa Tăng để tụng Samanubhàsana 3 bận rồi mà không bỏ tánh xưa, thì phạm Tăng tàn.

Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học trước.

***

Từ điều học "di tinh" (sukkavisatthi) đến điều học "nhơn cớ khác cáo gian" (annabhàgiya), Tỳ-khưu phạm tội trong khi phá giới lần đầu (pathamàpattika) trong 4 điều học sau (10,11,12,13) Tỳ-khưu phạm tội khi Tăng đã tụng Samanubhàsana xong 3 bận (yàvatatiyakà) mà không tuân theo thì mới phạm tội Tăng tàn. ---o0o---

III. ĐIỀU HỌC BẤT ĐỊNH (ANIYATTA)

Bất Định nghĩa là chỗ kín hoặc chỗ trống không định cho nên có phạm tội, nhưng không có thể định tội trước được

1) CHỖ CÓ THỂ HÀNH DÂM (Alamkammaniya).

Tỳ-khưu ngồi trong chỗ khuất mắt, chỉ hai người với phụ nữ, nếu có người đáng tin lời nói được, đến cáo vì phạm 1 trong 3 tội Bất cộng trụ, Tăng tàn, Ưng đối trị, nếu Tỳ-khưu nào cho luật sư xử đoán theo điều luật ấy, hoặc họ đã cáo ngay tội nào, cho luật sư ấy, hoặc họ đã cáo ngay tội nào, cho luật sư trừng phạt ngay tội ấy.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do nàng Visàkhà thấy Tỳ-khưu Udàyi, ngồi nơi khuất mắt với 4 người nữ.

Chú giải: Tỳ-khưu nằm hoặc ngồi trong chỗ khuất mắt với phụ nữ, nếu có tín nữ đáng tin lời là bậc quý nhơn được thấy Tỳ-khưu rồi đi cáo vì tội Bất cộng trụ hoặc Tăng tàn hoặc Ưng đối trị. Tỳ-khưu thú tội nào cho luật sư xử theo tội ấy, nếu chịu có hành dâm thì phạm theo tội Bất cộng trụ, chịu có rờ rẫm phụ nữ thì nên phạt cấm phòng, do theo điều học Tăng tàn, nếu thấy

ngồi hoặc nằm với phụ nữ nên phạt Ưng đối trị, bằng khai rằng, mình đứng hoặc phụ nữ đứng, không làm điều chi thì luật sư không nên xử phạt, vì sự thật ấy có khi đúng như được thấy, có khi cũng không đúng thiệt như thấy không rõ rệt.

Tỳ-khưu tìm phụ nữ nơi thanh vắng vì tình dục, đi mỗi bước là mỗi phạm tội Tác ác, đi đến nơi ngồi, hoặc nằm và phụ nữ mới đến ngồi hoặc nằm xuống hoặc phụ nữ đã ngồi hoặc nằm xuống hoặc phụ nữ đã ngồi, hoặc nằm, Tỳ- khưu mới đến ngồi hoặc nằm xuống hay hai người cùng ngồi hoặc cùng nằm cùng nhau phạm Ưng đối trị. Nếu có người nam sáng mắt ngồi xa 1, 2 hắc tay, vừa xem thấy được, là người có tâm phóng đãng, dầu ngồi ngủ gục, Tỳ- khưu cũng không khỏi phạm tội, người sáng mắt nhưng ngủ quên, ngồi kề bên, dầu có 100 phụ nữ, Tỳ-khưu cũng không khỏi phạm tội.

Thể thức không phạm tội:

Có người nam biết chuyện, mắt không mù, nằm không ngủ, hoặc người nam đi vào nơi ấy, hoặc Tỳ-khưu khi đứng, hoặc phụ nữ đứng, Tỳ-khưu ngồi mà tâm tưởng đâu đâu và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người (anànattika).

Chỗ phạm tội trong điều học này là lời thú nhận của Tỳ-khưu. Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học Bất cộng trụ, chỗ sanh tội thứ nhứt (pathama pàràjikakkhàpada).

---o0o---

2) CHỖ KHÔNG THỂ HÀNH DÂM (Anàlam Kammaniya).

Tỳ-khưu ngồi chỗ khuất tai 2 người với phụ nữ, nếu có người đáng tin lời được đến cáo vi phạm 1 trong 2 tội Tăng tàn hoặc Ưng đối trị. Nếu Tỳ-khưu nhận phạm tội nào cho luật sư xử theo tội ấy, nếu họ cáo ngay điều học nào, cho luật sư xử phạt ngay tội ấy.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do nàng Visàkhà thấy Tỳ-khưu Udàyi ngồi chỗ khuất tai với hụ nữ.

Chú giải: điều học này cũng như điều học trước, chỉ khác nhau chỗ, dầu phụ nữ hoặc người nam biết chuyện, không mù, không điếc, ngồi hoặc đứng trong khoảng cách xa 12 hắc tay dầu có tâm phóng túng hoặc ngủ quên cũng khỏi tội.

Người điếc dầu mắt sáng, người mù không điếc cũng không khỏi tội được.

Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học trộm cắp (sikkhàpada adinnàdànà).

--- o0o ---

IV. 30 ĐIỀU HỌC ƯNG XẢ ĐỐI TRỊ (NISSAGGIYA PÀCITTIYA)

Ưng xả đối trị nghĩa là phạm phép chứa cất y càsa, bình bát, vàng, bạc, trái luật, nếu chịu xả vật ấy giao cho Tăng rồi sám hối mới được khỏi tội.

Chia làm 3 phần:

1) Lễ dâng y lần thứ nhất. (cìvaravagga) có 10 điều. 2) Ngọa cụ trộn với chỉ tơ lần thứ nhì (kositavagga) có 10 điều. 3) Bình bát dư lần thứ ba (pattavagga) có 10 điều.

1) LỄ DÂNG Y LẦN THỨ NHẤT.

Có 10 điều học:

1/- Lễ Dâng Y Lần Thứ Nhất (pathama kathina).

Y chưa gởi, chưa nguyện gọi là y dư (atirekacìvara) khi hết hạn quả báo lễ Dâng y rồi Tỳ-khưu đem cất giữ y dư ấy, lâu lắm là đến 10 ngày. Nếu quá 10 ngày phạm Ưng xả đối trị, nghĩa là y ấy, là vật phải xả, còn Tỳ-khưu phạm Ưng xả đối trị (pacittiya).

Điều học này đức Phật cấm chế tại tháp Gotamaka gần thành Xá vệ (Sàvatthi) do Ànanda hỏi Phật.

Chú giải: Y có 6 thứ:

- Y dệt bằng chỉ vỏ cây (khomam).
- Y dệt bằng chỉ bông (kappàsikam).
- Y dệt bằng chỉ tơ (koseyyam).
- Y dệt bằng lông thú (trừ lông củ người, lông đuôi, lông cánh của thú) (kambalam).
- Y dệt bằng cây gai (sànam).
- Y làm trộn với 5 thứ chỉ trên (bhangam).

Tất cả y làm bằng 1 trong 6 thứ chỉ ấy, nếu Tỳ-khưu cất giữ đến mặt trời mọc đến ngày thứ 11 kể từ ngày thọ y mà không gởi, không nguyện, không xả, trong hạn kỳ 10 ngày, thì phạm Ưng xả đối trị. Nếu không xả cho Tăng, cho 1, 2 hoặc 3 Tỳ-khưu trước mà đem ra mặc, phạm Tác ác (dukkata).

Y đã quá 10 ngày Tỳ-khưu biết rằng quá 10 ngày hoặc nghi, hoặc tưởng chưa quá cũng phạm Ưng xả đối trị.

Y chư quá 10 ngày tưởng đã quá, hoặc nghi đem ra mặc, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khưu đã nguyện, gởi, xả cho người nào trước 10 ngày, y thấy tiêu mất, bị lửa cháy, bị trộm cắp, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người (anànattika) có 5 chi:

- Y của mình (cìvarassa attanosantakatà). - Y ấy đã đến tay mình, hoặc được nghe rồi là y của mình (gananupagàtà). - 2 điều bận (Palibodha) đã dứt (niccha Palibodhabhàvo) [xem trong Kathina-khandhaka] - y ấy là y dư (atirekacivaratà). - đã quá 10 ngày (dasàhàtikamo).

Đều đũ cả 5 chi ấy mới phạm Ưng xả đối trị.

Chỗ sanh tội như trong điều học lễ dâng y lần nhứt (pathamakathina), phạm tội phát sanh do thân nghiệp (kayakamma), do thân khẩu ý (kàyavàcàcitta), phạm vì không làm (akiriyà), không khỏi phạm vì tưởng (nosannàvimokkha), vô ý cũng phạm (acittaka), phạm vì Phật cấm (pannàttivajja), thân nghiệp (kàyakamma), khẩu nghiệp (vacìkamma), có 3 tâm (ticittam), có 3 thọ (tissovedanà).

2/- Lễ Dâng Y Lần Thứ Nhì (dutiya Kathina).

Khi mãn hạn kỳ quả báo lễ Dâng y rồi, Tỳ-khưu còn xa lìa Tam y, dầu chỉ trong 1 đêm cũng phạm Ưng xả đối trị, trừ ra Tỳ-khưu có bịnh và được Tăng cho phép (điều học này gọi là "uddosita" cũng được.).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do đức Ànanda đi thấy Tỳ-khưu đem y để hong nắng rất nhiều, nên hỏi thăm mới hay là y của chư Tỳ-khưu gởi, bỏ đi đến xứ khác, do cớ ấy, đức Ànanda bèn bạch với Phật.

Chú giải: Tỳ-khưu để y trong chỗ không có ngăn, che, phải ở trong nơi ấy không nên ở xá 1 hắc, 1 gan. Nếu nơi ấy có nhiều chủ, là nơi có ngăn che, để y nơi nào, phải ở trong nơi ấy, hoặc ở trong chỗ đô hội, hoặc gần cửa là nơi vô ra, không nên xa lìa khỏi hắc (hatthapàsa). Nếu để xa khỏi hắc đến mặt trời mọc, phạm Ưng xả đối trị.

Phải xả y ấy đến Tăng, đến 2, 3 Tỳ-khưu hoặc đến một Tỳ-khưu, nên mới mặc được, phải xả trước rồi sám hối sau mới khỏi tội.

Tam y mà Tỳ-khưu đã xa lìa rồi, biết rằng đã xa lìa, hoặc nghi, hoặc tưởng, không xa lìa cũng phạm Ưng xả đối trị.

Tam y mà Tỳ-khưu chưa xa lìa, tưởng rằng đã xa lìa hoặc nghi rồi đem, mặc phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khưu đã nguyện gởi... trước khi mặt trời mọc, Tỳ-khưu có bịnh có Tăng cho phép và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm vì dạy người (anànattika) có 4 chi:

- Y mà Tỳ-khưu đã nguyện đặt tên rồi (adhitthita cìvaratà). - Không có quảbáo lễ Dâng y (anatthatakathinatà). - Không có Tăng cho phép (aladdhasammatità). - Ở xa y ấy đến khi mặt trời mọc(rattivikappavàso).

Đều đủ cã 4 chi ấy phạm Ưng đối trị.

Chỗ sanh tội trong điều học "lễ dâng y lần thứ nhất" chỉ khác nhau là điều học trước không được nguyện, không được gửi gọi là phạm "vì khônglàm "(akirayà), trong điều học này vì không xả nguyện trước khi mặt trời mọc gọi là phạm vì không làm" (akiriyà).

3/- Lễ Dâng Y Lần Thứ 3 (Tatiya Kathina).

Nếu vải phát sanh ngoài lễ dâng y (akàlacìvara) đến Tỳ-khưu [*], Tỳ-khưu được rồi muốn làm y nhưng vải ấy thiếu,không đủ, nếu cố ý để tìm thêm hoặc tin chắc rằng sẽ được vải nữa, nên để vải ấy lâu lắm đến 1 tháng phạm Ưng xả đối trị.

[*] xem trong Kathina-khandhaka: tam y phát sanh trong 11 tháng, từ 16/10 năm này đến rằm tháng 9 năm sau, gọi là y ngoài lễ dâng y.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Ngài ngự xem thấy Tỳ-khưu được vải muốn làm y mà thiếu, song cố ý tìm vải thêm để may y.

Chỗ sanh tội như trong điều học lễ Dâng y lần thứ nhất, chỉ khác nhau là điều học này để quá 1 tháng.

4/- Dạy Tỳ-khưu ni giặt y (cìvara dhovana).

Tỳ-khưu sai Tỳ-khưu ni không phải bà con đi giặt y hoặc nhuộm y cũ, phạm Ưng đối trị (điều này gọi là puràna cìvara cũng được).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khưu Udàyi sai Tỳ-khưu ni là vợ cũ đi giặc y.

Chú giải: Tỳ-khưu bảo Tỳ-khưu ni không phải bà con đi giặc, nhuộm y cũ đã có mặc rồi, dầu chỉ đã mặc 1 lần, cũng phạm Ưng xả đối trị.

5/- Lãnh y nơi tay Tỳ-khưu ni (cìvarappatigahana).

Tỳ-khưu thọ y nơi tay Tỳ-khưu ni không phải bà con phạm Ưng xả đối trị, trừ ra đổi y với nhau.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc Lâm tịnh xá (Veluvana) gần thành Vương xá (Ràjagaha) do Tỳ-khưu Udàyi lãnh y nơi tay Tỳ-khưu ni.

6/- Xin y nơi người không phải bà con (annatakavinnatti).

Tỳ-khưu xin y nơi người thế không phải bà con, không phải người có yêu cầu, nếu xin được y phạm Ưng xả đối trị (trừ ra có duyên cớ nên xin y được, là khi y bị cướp, hoặc bị hư, mất, cháy).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khưu Upananda xin y nơi nhà phú trưởng giả không phải bà con.

Chú giải: thí chủ là bà con, Tỳ-khưu tưởng không phải bà con, nghi rồi đi xin phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Xin có duyên cớ (duyên cớ là lúc y bị cướp mất, lửa cháy, nước lôi, mối ăn, cũ rách), hoặc xin nơi bà con, hoặc nơi người có yêu cầu, xin cho người khác, đổi với nhau và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Nếu có cớ, đức Phật cho phép xin y nơi người không phải bà con, nếu chưa được xin đi đến chùa trước, dùng y để trong chùa, y để trải giường, nệm của Tăng trong chùa này rồi sẽ trả lại cũng nên. Nếu không có ý như thế, nên che mình bằng cỏ hoặc lá cây rồi mới nên đi, nếu đi lõa thể, phạm Tác ác.

Người thế có đức tin bạch rằng "tôi yêu cầu bố thí 4 món vật dụng, nếu đại đức cần dùng món chi xin cho tôi biết, tôi sẽ dâng" như thế gọi là yêu cầu, người yêu cầu bố thí ngay món nào, nếu cần dùng chỉ nên xin món ấy. Dâng sao dùng vậy chẳng nên đòi hỏi thêm.

Xin nơi bà con và người yêu cầu của mình, xin cho Tỳ-khưu khác không phạm.

Điều học này không phạm tội vì dạy người (anànattika) nhờ Tỳ-khưu khác đi xin nơi bà con và người yêu cầu của Tỳ-khưu cho mình, không phạm tội, có 4 chi:

- Y có thước tất vừa gởi (vikappanupagacìvaratà).

- Không có duyên cớ (samaỳabhàvo). - Xin nơi người không phải bà con (annatakavinnattita). - Xin được (patilàbho).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm Ưng xả đối trị.

Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học làm mai dong (sancarita samutthàna), phạm vì làm (kiriyà), không khỏi phạm vì tưởng (nosannavimokkha), vô ý cũng phạm (acittaka), phạm vì Phật cấm (pannattivajja), thân nghiệp (kàyakamma), khẩu nghiệp (vacikamma), có 3 tâm(ticitam), có 3 thọ (tissovedanà).

7/- Trong mấy duyên cớ ấy (Taduttara).

Trong mấy duyên cớ ấy, Tỳ-khưu chỉ được phép xin y nội và y vai trái thôi (antaravàsaka, uttàsanga), nếu xin quá số xin được, thì phạm Ưng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do chư Tỳ-khưu phe Thập thất sư, tìm các Tỳ-khưu bị mất y rồi dạy đi xin y rất nhiều.

Chú giải: Tỳ-khưu cố ý muốn xin nhiều y nơi người không phải bà con, ra đi mỗi bước phạm mỗi tội ác, nếu xin được y phạm Ưng xả đối trị.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khưu nói "ta chỉ làm 2 cái y còn dư ta trả lại", thí chủ nói "vải còn dư xin để dâng ngài", xin nơi bà con hoặc người có yêu cầu và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người (anànattika) có 4 chi:

- Vui thích trong y nhiều quá số (tasuttarita). - Không có duyên cớ mất hết y (acchinnàdikàramatà). - Xin y nơi người không phải bà con (annàtakavinnathità). - Xin y được để cho mình (patilàbho).

Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học trước.

8/- Định giá y lần thứ nhất (pathama upakkhata).

Nếu thí chủ không phải bà con, không có yêu cầu họ nói sẽ Dâng y đến Tỳ- khưu tên này, Tỳ-khưu ấy được biết rồi, đi nói cho họ dâng y như vầy, như kia, cao giá tốt hơn y của người đã định dâng mình, được y, thì phạm Ưng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khưu Upananda dạy người dâng y ca-sa cao giá hơn của họ đã định

Chú giải: Thí chủ bà con, tưởng không phải bà con, phạm Tác ác.

Thí chủ mua y tốt hoặc giá cao, Tỳ-khưu dạy mua y xấu hoặc rẽ, hoặc bằng giá y mà họ đã định hoặc xin nơi bà con, nơi người có yêu cầu hoặc của mình nhờ kiếm giùm và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này thuộc về "tikkapàcittiya" có 3 chi:

- dạy dâng y cao giá hơn của người đã định (cìvarabhiyyokamyatà). - xin nơi thí chủ không phải bà con (annatakavinnatthta). - được y theo giá định ấy (patilàbho).

đều đủ 3 chi ấy mới phạm Ưng xả đối trị.

chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học "trong mấy duyên cớ ấy".

9/- Định giá y thứ nhì (dutiya upakkhata).

nếu có người thí chủ, họ chung đậu dâng y đến Tỳ-khưu, từ 2 người trở lên đều là không phải bà con, không phải người có yêu cầu, Tỳ-khưu đi nói cho họ chung đậu nhau để mua y giá cao hoặc tốt hơn y mà hạn định dâng ấy, được y, thì phạm tội Ưng xả đối trị.

Điều học này như trước, chỉ khác nhau là điều học này có nhiều thí chủ.

10/- Các thí chủ nhất là vua (Ràja).

Nếu có người đem dâng để mua y, họ hỏi Tỳ-khưu "Bạch ngài, người nào hộ ngài?" Tỳ-khưu cần dùng y nên chỉ người hộ (veyyàvaccakarana) hoặc cận

sự nam (thiện nam - upàsaka) cho họ biết rằng "người này hộ chư sư trong chùa ". Khi họ đã giao y đến người hộ ấy, rồi đến bạch với Tỳ-khưu rằng "Nếu ngài cần dùng y, xin cho người hộ ấy hay rằng 'Ta cần dùng y'", như thế đến 3 lần, nếu không được y nên đi đứng cho vừa người hộ ấy xem thấy. Đứng nhiều lắm đến 6 lần, nếu chưa được mà đi đòi cho quá 3 lần, đi đứng quá 6 lần, được y, thì phạm Ưng đối trị. Nếu đã đi đòi, đi đứng đủ, theo luật định, mà không được y, nên đi cho thí chủ hay hoặc dạy người đi nói rằng "Của ấy không được sự lợi ích đến người đâu". Cho họ đòi của họ lại.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khưu Upananda thúc hối người dâng y lập tức, người hộ vì có việc gấp nên yêu cầu để qua ngày khác mà Tỳ-khưu Upananda không chịu.

Chú giải: khi Tỳ-khưu cần dùng y nên cho hay rằng "Ta cần dùng y", không nên nói "Ngươi nên dâng y đến ta, đem y đến cho ta", nói như thế không nên.

Nếu đi đòi 2, 3 lần được thì tốt, bằng không được Tỳ-khưu nên đi đến đứng làm thinh đến 4, 5 lần hoặc 6 lần là nhiều, đừng ngồi, đừng thọ vật chi, đừng nói đạo cho họ. Nếu họ hỏi "Ngài đến có việc chi? Nên đáp "Ngươi hãy nên biết lấy". Nếu Tỳ-khưu ngồi, hoặc thọ vật chi của họ, nói pháp cho họ nghe gọi là bỏ oai nghi đứng, làm cho hư hỏng sự đi đến.

Nếu Tỳ-khưu đứng làm thinh, đứng 6 lần là nhiều, được y thì tốt bằng không được y, Tỳ-khưu ráng đến đứng quá 6 lần thì phạm Tác ác, trong mỗi lần đứng, được y thì phạm Ưng xả đối trị.

Tỳ-khưu chỉ đi đứng, không đòi, đứng được 12 lần, nếu người hộ mà thí chủ chỉ, Tỳ-khưu đi đòi cũng được. Nếu làm cả 2 oai nghi, thì chỉ đi đòi được 3 lần, đứng đến 6 lần.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khưu đòi theo phép và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người (ànànattika) có 4 chi:

- Tỳ-khưu chỉ người hộ (kappiyakàrakàsss abhikkhanoni ditthabhàvo).

- Người tay sai nói cho người hộ hay rồi cho Tỳ-khưu biết nữa (dùtena appitatà). - Ráng đi đòi, đi đứng quá luật định (taduttam vàyamo). - Được y vì sự ráng sức ấy (tànavàỳamenapatilàbho).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm Ưng xả đối trị.

Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học xin y nơi người không phải bà con

---o0o---

2) NGOẠ CỤ TRỘN VỚI CHỈ TƠ LẦN THỨ NHÌ (kosiyavagga).

Có 10 điều học:

1/- Ngọa cụ trộn với chỉ tơ (kosiya).

Tỳ-khưu làm ngọa cụ bằng lông cừu trộn với chỉ tơ, phạm Ưng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tháp Aggàlava gần thành Àlavi do phe Lục sư dạy người nấu tơ cho nhiều để làm ngọa cụ bằng chỉ tơ.

Chú giải: dầu làm ngọa cụ có trộn một sợi chỉ cũng phạm Ưng xả đối trị.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khưu làm trần thất, làm sáo che, làm nệm, gối và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì người dạy (sànàtika) có 3 chi:

- Làm ngọa cụ trộn với chỉ tơ (kosiyamissakabhàvo). - Mình làm hoặc dạy người làm cho mình (attano atthàyasantha tassa karanakàràpanam). - Làm được (patilàbho).

Điều đủ 3 chi ấy mới phạm Ưng xả đối trị.

Điều học này có 6 chỗ sanh tội vì làm (kiriyà), không khỏi phạm vì tưởng (nosannàvimokkha), vô ý cũng phạm (acittaka), phạm vì Phật cấm (pannattivajja), thân nghiệp (kàyakamma), khẩu nghiệp (vacìkamma), có 3 tâm (ticitta), 3 thọ (tissovedanà).

2/- Ngọa cụ lông cừu toàn màu đen (suddhakàlaka).

Tỳ-khưu làm ngọa cụ lông cừu bằng màu đen, phạm Ưng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại phước xá Kùtàgàra, trong rừng Tuyết sơn gần thành tỳ sa li (Vesàli) do phe Lục sư làm ngọa cụ bằng lông cừu bằng đen.

3/- Ngọa cụ lông cừu là màu đen hơn 2 phần (dvebhàga).

Tỳ-khưu làm ngọa cụ mà phải để lông cừu đen 2 phần, lông trắnng 1 phần, lông cừu đỏ 1 phần, thành 4 phần. Nếu không làm như thế rồi để lông cừu đen nhiều hơn 2 phần, phạm Ưng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư làm ngọa cụ để lông cừu đen nhiều hơn 2 phần.

4/- Dùng ngọa cụ mới chưa đến 6 năm (Chabhassa).

Tỳ-khưu làm ngọa cụ mới phải dùng cho đến 6 năm, nếu chưa đến 6 năm, rồi làm ngọa cụ mới khác, phạm Ưng xả đối trị (trừ ra Tỳ-khưu có bịnh, có Tăng cho phép).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do chư Tỳ-khưu xin lông cừu rất nhiều để làm ngọa cụ.

5/- Làm tọa cụ (nissidanasanthata).

Tỳ-khưu làm tọa cụ phải cắt lấy chung quanh tọa cụ cũ một gan của đức Phật đem may chung với tọa cụ mới, nếu không làm như thế, phạm Ưng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do chư Tỳ-khưu bỏ rải rác tọa cụ.

6/- Thọ lãnh lông cừu (Elakaloma).

Khi Tỳ-khưu đi đường xa, nếu có lông cừu phát sanh đến mình, rồi muốn cần dùng, thì được phép lãnh, nếu có người hộ, được phép tự mình đem đi xa lắm đến 3 do tuần. Đem đi xá quá 3 do tuần, phạm Ưng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khưu thọ lông cừu đi xa quá 3 do tuần.

7/- Khiến Tỳ-khưu ni giặc lông cừu (Elakalomadhovàpana).

Tỳ-khưu dạy Tỳ-khưu ni, không phải bà con đi giặt, hoặc nhuộm, hoặc chải lông cừu, phạm Ưng xả đối trị.

Điều này đức Phật cấm chế tại Tịnh xá Nigrodhà gần thành Ca tỳ la vệ (Kàpilavatthu) do phe Lục sư dạy Tỳ-khưu ni giặc lông cừu.

Chú giải: chỗ sanh tội (Samutthàna) của 6 điều học trên đây như trong điều học "ngọa cụ trộn với chỉ tơ" (kosiya).

8/- Thọ lãnh vàng bạc (Rùpiya).

Tỳ-khưu lãnh hoặc dạy người khác lãnh vàng bạc hoặc vui thích ngay vàng hoặc bạc mà người cất giữ cho mình phạm Ưng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại thành Vương xá (ràjagriha) do Tỳ-khưu Upananda thọ vàng bạc.

Chú giải: vàng lá, vàng cục, bạc hình, bạc cục, bạc nén, bạc giấy... hoặc các vật dụng để mua, bán, đổi thế cho vàng bạc cũng đều gọi là vàng bạc là vật phải xả bỏ.

Ngọc ngà, châu báu, 7 thứ lúa, tớ trai, tớ gái, ruộng vườn, trái, bông cây, đều là vật phát sanh tội Tác ác.

Chỉ gai, vải bông các thứ đậu, mè, thuốc, sữa, dầu,mật, nước mía ... đều là vật dụng thọ lãnh được, không phạm.

Trong vật phải xả bỏ, Tỳ-khưu thọ, hoặc dạy người lãnh cất cho mình, hoặc người cất ngay trước mặt họ nói: "vật này là của ngài", hoặc vật ấy để nơi

kín, chủ chỉ dâng bằng thân, hoặc bằng khẩu, hoặc ra dấu nói như vầy "bạc, vàng của tôi có trong chỗ đó, bạc vàng ấy là của ngài". Nếu họ nói như thế, Tỳ-khưu không ngăn cấm, bằng ra dấu hoặc bằng khẩu cũng gọi là vui thích bạc vàng mà họ cất, phạm Ưng xả đối trị.

Nếu đã phạm nên xả như vầy: Aham bhate rùpiyam patiggahesim idam me bhate nissaggiyam imàham sanghassa nissajàmi.

Nghĩa: Bạch đại đức Tăng, tôi thọ bạc vàng rồi, bạc vàng ấy là của tôi phải xả, tôi xin xả bạc vàng ấy đến Tăng.

Nếu có mặt người thế nơi đó, cho Tăng nói với họ rằng "Người hãy biết vật này". Nếu họ hỏi "Với của này, tôi phải đem vật chi đến?" Tỳ-khưu không nên nói: "Phải đem vật chi chi...", chỉ nên nói "đem vật nên dùng" (sữa, dầu, mật). Nếu họ đem các vật ấy đến, các Tỳ-khưu nên chia nhau dùng, trừ ra Tỳ-khưu đã thọ vàng bạc ấy, Tỳ khưu đã thọ bạc vàng không nên dùng đến.

Nếu người thế họ không muốn lấy vàng bạc ấy, Tăng nên nhờ họ rằng "Ngươi nên liệng bỏ vật ấy đi". Nếu liệng trong một chỗ nào, hoặc họ lấy đi, chẳng nên ngăn cản, nếu họ không chịu liệng Tỳ-khưu ấy phạm Tác ác.

Không phải bạc vàng, tưởng là bạc vàng, hoặc nghi, hoặc lãnh bạc vàng cho người khác, nhất là thọ cho Tăng hoặc cho tháp, đều phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Họ dâng vàng bạc, hoặc cất để trong nơi khuất mắt, hoặc trước mặt họ nói rằng "Vậy này là vật dụng của ngài". Nếu Tỳ-khưu có tâm vui thích muốn lấy rồi ngăn cản ra, bằng cách ra dấu, hoặc bằng khẩu rằng "Vật ấy không nên", hoặc nếu không ngăn cản bằng thân hay khẩu mà có tâm trong sạch, không vui thích, tính rằng là "Vật không nên đến ta", cũng được, không có tội.

Tỳ-khưu lấy, hoặc dạy người ấy vàng bạc của người rớt trong chùa, hoặc trong chỗ mình ở, tính rằng "Của người nào, thì người ấy hãy lại lấy" như thế, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này, phạm tội vì dạy người (sànattika) có 3 chi:

- Vật ấy là vàng bạc, là vật phải xả bỏ (Jàtarùparajatabhàvo).

- Về phần của mình (attudesikatà). - Tự mình lãnh hoặc dạy người khác lãnh, hoặc người cất giữ mà mình vui thích (patiggahanàdisu annatarabhàvo).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm Ưng xả đối trị.

Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học làm mai dong, chỉ khác nhau là điều học này phạm vì lãnh (siyà akiriyà) và phạm vì không làm là không ngăn cản (siyà akiriyà) bạc vàng mà họ cất giữ cho.

9/- Mua, bán, đổi bạc vàng. (Rùpiyasamvohàra).

Tỳ-khưu mua bán, đổi vàng bạc là vật mà người dùng thế cho vàng bạc, phạm Ưng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư mua, bán, đổi bạc vàng.

Chú giải: chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học trước.

Điều học này không phạm tội vì dạy người (anànattika) có 2 chi:

- vật đã đổi được hoăc của mình đem đi đổi (yamattanodhane parivateti tassavà dhanassavàrùpiyabhàvoceva). - thành tựu được trong việc mua bán, đổi (parivatananca).

đều đủ 2 chi ấy phạm tội Ưng xả đối trị.

10/- Mua, bán, đổi vật y, bát (kayavikaya).

Tỳ-khưu mua, bán, đổi các vật nhất là y vật thực với người thế phạm Ưng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khưu Upananda đổi y.

Chú giải: Tỳ-khưu nói với người thế "ngươi hãy cho vật này", do vật này hoặc ngươi lấy vật này cho vật kia cho tôi, lấy vật này, đổi lấy vật này như thế, phạm Tác ác, nếu đổi được thì phạm Ưng xả đối trị.

Lấy vật của người gọi là mua, đem của mình cho người gọi là bán, cho nên Tỳ-khưu đưa vật của mình, lấy vật của người như thế, trừ ra hạng người xuất gia (Sa-di), Tỳ-khưu dầu là của cha mẹ, nếu nói tiếng "đổi", thì phạm Ưng xả đối trị.

Tỳ-khưu cho vật thực hoặc đồ gì khác đến người thế rồi nói, người nên dùng vật này, rồi đem vật kia đến cho tôi hoặc làm việc này cho tôi, hoặc làm việc kia cho tôi rồi dạy lấy nước nhuộm hoặc vật khác hoặc dạy đào đất, làm cỏ... Như thế phạm Ưng xả đối trị. Nếu có vật phải xả, bằng không có vật xả thì sám hối tội Ưng xả đối trị.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khưu hỏi giá rằng: của giá bao nhiêu hoặc muốn lấy vật gì nơi tay người ấy, nhờ kẻ khác, dầu là bà con của chủ vật ấy tiếp đổi dùm, rằng "ngươi hãy lấy của này, đổi vật kia lại cho ta", hoặc nói không ra dấu, như người đi đường chỉ có gạo mà muốn được cơm nên nói với chủ cơm rằng: "Ta có gạo, không cần dùng, ta cần dùng cơm" như thế, chủ lấy gạo đi, cho cơm lại Tỳ- khưu, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người (anànattika) có 3 chi:

- của mình đem đi đổi hoặc của người đổi lại (tesamlappiyavatthutà). - chủ của ấy là người thế (asahadhàmmikatà). - đổi như các đã nói (kàyavikkaỳapajjanam).

Đều đủ cả 3 chia ấy mới phạm Ưng xả đối trị. Chỗ phạm tội như trong điều học thọ lãnh vàng bạc.

---o0o---

3. BÌNH BÁT LẦN THỨ BA (pattavagga).

Có 10 điều học.

1/- Bình bát dư (patta): Bình bát chưa gởi, chưa nguyện gọi là bình bát dư. Tỳ-khưu cất giữ bình bát dư ấy lâu lắm đến 10 ngày, nếu cất giữ quá 10 ngày phạm Ưng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư cất giữ nhiều bình bát.

Chú giải: Bình bát có 2 thứ: bình bát sắt và bình bát đất vừa cho Sa-môn dùng nên mới nguyện và gởi.

Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học lễ dâng y lần thứ nhất (pathamakathina).

2/- Bình bát chưa nứt bể đến 5 chỗ: (Onapancabhanna): Bình bát nứt bể 2 ngón tay gọilà nứt bể 1 chỗ, Tỳ-khưu có bình bát nứt bể chưa đẻ 5 chỗ, nghĩa là có nứt bể chưa đủ 10 ngón tay, rồi đi xin bình bát mới nơi người thế không phải bà con, nơi người không có yêu cầu, nếu xin được, phạm Ưng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Nigrodha tịnh xá gần thành Ca tỳ la vệ (Kaoilavatthu) do chư Tỳ-khưu xin bình bát mới nhiều.

Chú giải: Tỳ-khưu phạm Ưng xả đối trị phải xả bình bát trước mặt 5 vị Tỳ- khưu trở lên, 5 vị Tỳ-khưu thế mặt cho Tăng ấy là người đổi bình bát. Nên đem bình bát của người cao hạ đem dâng cho vị thấp hạ, đổi theo thứ tự, lần xuống như thế, cho đến Tỳ-khưu ngồi sau cuối cùng chư Tăng, rồi lấy bình bát của Tỳ-khưu này, cho Tỳ-khưu vừa xả ấy và nói "bình bát của ngài, ngài hãy dùng cho đến bể và không bỏ, không nên cho ai".

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khưu có bình bát nứt hoặc bể, xin nơi bà con, nơi người có yêu cầu của mình, nơi bà con và người có yêu cầu của Tỳ-khưu khác, xin cho vị khác hoặc kiếm do của mình và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 4 chi:

- Bình bát nên nguyện, nứt bể chưa đủ chỗ. (onapancahamdanattà).
- Xin cho mình (attuddesikatà).
- Xin nơi ngườikhông phải bà con, không có yêu cầu (agatavinnattità).
- Xin được (patilàbho).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm tội Ưng xả đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học "khiến Tỳ-khưu ni giặt lông cừu" (ekaloma dhovàpana).

3/- Thuốc chữa bịnh (Bhesajja).

Tỳ-khưu lãnh 1 trong 5 thứ thuốc là: sữa lỏng, sữa đặc, dầu, mật ong, nước mía, chỉ được phép để dành dùng lâu lắm là đến 7 ngày, nếu quá 7 ngày, phạm Ưng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do chư Tỳ-khưu cất giữ thuốc ấy lâu ngày.

Chú giải: Tỳ-khưu cất giữ 1 trong 5 thứ thuốc ấy đến mặt trời mọc ngày thứ 8, phạm Ưng xả đối trị. Kể theo mỗi thứ thuốc, nếu đựng chung trong 1 chỗ phạm 1 tội. Thuốc xả rồi, dùng thoa, xức được, uống không được.

Cả 5 thứ thuốc ấy, nếu đã giao cho người chưa thọ Tỳ-khưu giới (Sa-di, thiện tín) trong 7 ngày được lại dùng không phạm. Tỳ-khưu đã thọ rồi, tính dùng, rồi mới để cho quá 7 ngày mới phạm Ưng xả đối trị, nếu không tính uống để thoa xức, dầu quá 7 ngày cũng không phạm tội.

4/- Y tắm mưa (Vassikasàtikà): Còn 1 tháng hết mùa nóng, kể từ 16 đến cuối tháng 5, trong nữa tháng ấy là hạn định cho Tỳ-khưu phải kiếm y tắm mưa, từ ngày mùng 1, đến trăng rằm tháng 6, trong nửa tháng này, Tỳ-khưu phải kiếm và làm cho xong y tắm mưa và mặc cũng được, nếu kiếm, làm, hoặc sái thì giờ đã định, phạm Ưng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư kiếm làm, mặc y tắm mưa trước thì giờ đã định.

Chú giải: Thể thức không phạm tội: Tỳ-khưu có y bị trộm cướp hoặc mất và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người (anànattika - Pariyesanàpatti) (phạm tội vì cách xin) có 3 chi:

- Y tắm mưa của mình . - Tìm kiếm ngoài hạn kỳ. - Xin được.

Navàsanàpatti (phạm tội vì cách mặc ngoài hạn định) có 4 chi:

- Không có hư mất.
- Tỳ-khưu không có y đều đủ.
- Y tắm mưa của mình.
- Mặc ngoài hạn kỳ.

Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học "khiến Tỳ-khưu ni giặt lông cừu".

5/- Đòi y (cìvaràcchindana).

Tỳ-khưu đã cho y đến vị khác, rồi giận đòi lại hoặc dạy kẻ khác đòi lại, đòi y được phạm Ưng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khưu Upananda cho y đến Tỳ-khưu rồi giận đòi lại.

Chú giải: Không phải Tỳ-khưu tưởng là Tỳ-khưu, Sa-di tưởng là Tỳ-khưu hoặc nghi, hoặc biết là Sa-di rồi đòi lại hoặc cho các y phục tùng khác đến Tỳ-khưu, rồi đòi lại thì phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Người được y vui, hoặc giận rồi trả lạivà Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người (anànattika) có 5 chi:

- Y có thước tấc nên gởi (vikkappanupaga pacchimacìvaratà). - Chính tay mình cho (sàmamdinnatà). - Tưởng là của mình (sakkha sannatà). - Người đi theo là Tỳ-khưu (Upasampannatà). - Chính mình đòi hoặc dạy kẻ khác đòi y vì giận (kodhavasena acchintanamvà acchindàpanamvà).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm Ưng xả đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học trộm cắp (adinnàdàna samutthàna) chỉ khác nhau là điều này thuộc về thọ khổ.

6/- Xin chỉ nơi người không phải bà con. (suttavinnatti).

Tỳ-khưu xin chỉ nơi người thế không phải bà con, không phải người có yêu cầu đem cho thợ dệt y, phạm Ưng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc Lâm tịnh xá (Velivana) gần thành Vương xá (Ràjagaha).

Chú giải: khi thợ dệt sắp sửa dệt, phạm Tác ác, mội lần dệt phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Xin chỉ để may vá các thứ y hoặc cho thợ dệt bà con hoặc có người yêu cầu, xin cho kẻ khác, kiếm do của mình và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội

Điều học này không phạm tội vì dạy người (anànattika) có 3 chi:

- Xin chỉ để dệt - Cho mình - Cho người thợ dệt và xin chỉ nơi người không phải bà con hoặc không phải người có yêu cầu.

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ưng xả đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong Điều học "khiến Tỳ-khưu ni giặt lông cừu".

7/- Thợ dệt (Mahapesakàra).

Người thế không phải bà con, không có yêu cầu, họ cho thợ dệt y để dâng đến Tỳ-khưu. Nếu Tỳ-khưu đi nói với thợ, cho họ dệt y tốt hơn rồi thưởng thêm, được y thì phạm Ưng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khưu Upananda nói với thợ dệt cho tốt rồi thưởng thêm.

Chú giải: Tỳ-khưu nói với thợ dệt. "người hãy dệt cho dài, cho lớn, cho mịn, cho tốt, khéo", như thế rồi đem vật chi chẳng hạn cho thợ (hoặc cho vật thực), nếu thợ dệt thêm chỉ rồi theo lời dạy, trong mỗi lần dệt phạm Tác ác, dệt xong đem về phạm Ưng xả đối

trị.

Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học trên, nhưng đây có 4 chi:

- Tỳ-khưu dạy thợ dệt của thí chủ không phải bà con,không có yêu cầu (vikappamàpajjanatà). - Cho mình (attuddesikatà). - Thợ dệt thêm chỉ theolời Tỳ-khưu (suttavaddhamma). - Được y (cìvarapatilàbho).

8/- Cất giữ y quá hạn kỳ (Accekacìvara).

Còn 10 ngày nữa đến kỳ lễ tự tứ, là từ ngày mùng 5 tháng 9 nếu thí chủ muốn dâng y nhập hạ gấp đến Tỳ-khưu, Tỳ-khưu nên thọ để dành đến hết hạn kỳ giữ y, nếu để cho quá hạn, phạm Ưng xả đối trị.

Hạn kỳ giữ y ấy như vầy: nếu đã nhập hạ rồi không được thọ lễ dâng y, hạn kỳ giữ y chỉ có 1 tháng, kể từ ngày 16 tháng 9 đến rằm tháng 10, nếu có thọ lễ dâng y thì hạn kỳ giữ y có 5 tháng, kể từ 16 tháng 9 đến rằm tháng 2 năm sau (5 tháng ấy gọi là hạn kỳ giữ y).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do chư Tỳ-khưu không dám lãnh y gấp vì chưa có lịnh cho.

Chú giải: Y gấp vì người mắc đi chinh chiến, người có bịnh, hoặc phụ nữ sắp sanh sản, hoặc có người đức tin mới xin dâng y đến Tăng trong ngày mùng 5 tháng 9. Y như thế Tỳ-khưu thọ rồi nên để dành cho sự dứt hạ sẽ đem dâng lại cho Tăng. Nếu gởi, không nguyện cũng được, nếu cất giữ cho quá kỳ giữ y, phạm Ưng xả đối trị. Y ngoài kỳ hạn ấy, kể từ ngày 16, nếu không được thọ lễ dâng y thì được phép cất giữ đến rằm tháng 10 (trong 1 tháng), tháng 2 năm sau (trong 5 tháng) gọi là hạn kỳ.

Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học lễ dâng y lần thứ nhất (pathamakathina) chỉ khác nhau là điều học này có 4 chi:

- Y dâng cúng gấp có thước tấc, dầu nhỏ hơn hết là vừa gởi nguyện (Accekacìvarassa attanosantakatà). - Y phát sanh từ ngày mùng 5 táng 9 (uppannabhàno). - Y không được gởi, không được nguyện (anadhitthita avikappitatà). - Qua khỏi hạn kỳ giữ y (cìvarakàlàtikkamo).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm tội Ưng xả đối trị.

9/- Chổ nguy hiểm (Sàlanka).

Tỳ-khưu nhập hạ trong rừng là nơi có điều lo sợ, khi ra hạ rồi, còn trong tháng là (1 tháng) từ 16 tháng 9 đến rằm tháng 10, nếu muốn để 1 trong 3 y nào trong xóm, chỉ được phép để trong 1 tháng ấy, khi có cớ đi khỏi nơi ấy được phép lìa xa y ấy chi trong 6 đêm, xa lìa quá 6 đêm thì phạm Ưng xả đối trị, trừ ra có Tăng chứng nhận cho.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do chư Tỳ-khưu để y trong xóm quá 6 đêm,làm cho y phải hư mất.

Chú giải: Khi có đều đủ 4 chi, đức Phật cho phép gởi 3 y trong xóm được 4 chi là:

- Tỳ-khưu nhập hạ ngày 16 tháng 6 và được làm lễ tự tứ (Pavàranà). - Từ 16 th1ng 9 đến rằm tháng 10 - Chỗ ở trong rừng xa xóm, ít lắm là 500 cây cung (lối ngàn thước tây). - Chỗ ở trong rừng có điều lo sợ, nghĩa là trong chùa hoặc nơi gần chùa là chỗ ở, chỗ ăn, chỗ ngồi của bọn cướp, thấy rõ rệt, chỗ ở có điều lo sợ là trong chùa hoặc nơi gần chùa, bọn cướp giựt đánh phá người cũng thấy rõ.

Đều đủ cả 4 chi như thế, Tỳ-khưu được phép gởi tam y trong xóm chỉ trong 1 tháng. Nếu hữu sự, Tỳ-khưu muốn đi khỏi nơi ấy, chỉ nên xa lìa tạm lâu lắm là 6 đêm, nếu xa lìa quá 6 đêm, qua đêm thứ 7 mặt trời mọc lên, phạm Ưng xả đối trị (trừ ra Tỳ-khưu có bịnh, có Tăng cho phép xa lìa tam y).

Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học lễ dâng y lần thứ nhì (ditiyakathina).

10/- Đoạt lợi về cho mình (Parinata).

Tỳ-khưu biết rằng: lợi ích mà thí chủ họ sẵn dành để dâng đến Tăng rồi đoạt về cho mình, phạm Ưng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư đoạt y về cho mình, phạm Ưng xả đối trị.

Chú giải: Tỳ-khưu biết rằng lợi ích của Tăng là 4 vật dụng họ để dâng cho Tăng, bằng lời "chúng ta sẽ dâng y đếnTăng" Tỳ-khưu biết như thế rồi đoạt

về cho mình, trong mỗi lời nói khuyên người dâng đến mình ấy, phạm Tác ác, nếu đoạt được thì phạm Ưng xả đối trị.

Lợi mà thí chủ đã dâng choTăng, rồi Tỳ-khưu nghi, tính đoạt về cho mình, lợi mà họ dâng đến 1 Giáo hội, tính đoạt về 1 Giáo hội khác, hoặc cho tháp, như thế phạm Tác ác. Lợi mà họ tính dâng cho 1 tháp rồi đoạt về cho tháp khác, hoặc đoạt về cho Tăng, cho Tỳ-khưu, hoặc lợi mà họ để dâng cho Tỳ- khưu, rồi tính đoạt về cho Tỳ-khưu hoặc cho chỗ khác, hoặc lợi mà họ chưa dâng, Tỳ-khưu tưởng đã dâng, nghi đoạt về cho mình cho người khác, đều phạm Tác ác (trong khi nói).

Thể thức không phạm tội:

Lợi của họ đã dâng rồi, Tỳ-khưu tưởng chưa dâng rồi nói họ dâng cho mình, cho ngườikhác,hoặc thí chủ hỏi "tôi nên dâng cho ai?" Tỳ-khưu đáp "Ngươi có đức tin nơi nào nên dâng đến nơi ấy" nói như thế, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 3 chi:

- Lợi mà thí chủ đã dâng đến Tăng rồi (sanghe parinatabhàvo). - Đã biết rồi mà còn về đoạt về cho mình (attanoparinnàmanam). - Được lợi (patilàbho).

Chỗ sanh tội (samutthàna) cũng như trong điều học trộm cắp (sikkhàpada adinnàdànà samutthàna).

--- o0o ---

V. ƯNG ĐỐI TRỊ (PÀCITTIYA)

Pàcittiya nghĩa là tội làm cho thiện pháp phải sa sẩy. Tàu dịch là "Ưng đối trị", nghĩa là không phải như tội chất chứa y, bình bát trái phép, cho nên không phải xả, chỉ nên sám hối trước mặt 1, 2, 3 Tỳ-khưu hoặc giữa Tăng thì được khỏi tội.

Có 92 điều học chia làm 9 phần:

1) NÓI DỐI PHẦN THỨ NHẤT (musàvàdavagga) có 10 điều học. 2) THẢO MỘC LẦN THỨ NHÌ (bhùtagàmavagga) có 10 điều học. 3) DẠY PHÁP PHẦN THỨ BA (ovàdavagga) có 10 điều học. 4) VẬT THỰC PHẦN THỨ TƯ (bhojanavagga) có 10 điều học. 5) ĐẠO LÕA THỂ PHẦN THỨ NĂM (accelokavagga) có 10 điều học. 6) UỐNG RƯỢU PHẦN THỨ SÁU (surà pànavagga) có 10 điều học. 7) GIẾT CÔN TRÙNG PHẦN THỨ BẢY (sappànakavagga) có 10 điều học. 8) NÓI THEO PHÁP PHẦN THỨ TÁM (saha dhammikavagga) có 12 điều học. 9) TRONG ĐỀN VUA PHẦN THỨ CHÍN (ràjavagga) có 10 điều học.

Tổng cộng 92 điều học.

---o0o---

I. NÓI DỐI PHẦN THỨ NHẤT (musàvàdavagga).

1) Nói dối (musàvàdà): Tỳ-khưu nói dối phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khưu Hatthaka nói dối.

Chú giải: Tỳ-khưu trước khi nói, trong khi nói biết là không sự thiệt, rồi ra dấu giải dối, như có hỏi hỏi "thấy hay không thấy" rồi dối, lúc lắc đầu cho người biết là không thấy, hoặc nói dối phạm Ưng đối trị.

Tỳ-khưu nói dối để khoe pháp bậc cao nhơn, phạm Bất cộng trụ: nói dối vô cớ để cáo Tỳ-khưu khác phạm Bất cộng trụ thì phạm Tăng tàn, nói dối vô cớ để cáo gian Tỳ-khưu khác phạm tội Ưng đối trị, nói dối vô cớ cáo gian Tỳ- khưu khác phạm tội làm quấy thì phạm Tác ác, người nghe hiểu biết ý nghĩa thì phạm Trọng tội, người nghe không rõ ý nghĩa thì phạm Tác ác.

Tỳ-khưu nói dối thấy, nói không thấy, nghe nói không nghe biết rằng mũi, lưỡi thân, mà nói không biết hoặc không thấy, không nghe, nói có thấy, có nghe, không biết, nói biết, tâm không biết, nói rằng biết như thế phạm Ưng đối trị.

Chưa suy nghĩ rồi nói gấp hoặc tính nói như vầy rồi nói lên lời khác, sai lời thiệt và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 2 chi:

- Tính nói lời không thiệt (visamvàdanapurekkhàratà). - Ra dấu hoặc nói cho người nghe hiểu sự lý mà mình cố ý muốn nói sai lời thiệt (vinnà panapayogo).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị.

Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học trộm cắp (adinnàdana sikkhàpada).

2) Chưởi mắng (omasavàda)

Tỳ-khưu chưởi rủa hoặc mắng nhiếc vị khác, phạm Ưng đối trị .

Điều học nàu Đức Phật cấm chế tại Kỳ Viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ, do phe Lục sư chửi mắng Tỳ-khưu có giới trong sạch.

Chú giải: Tỳ-khưu chưởi mắng ngay trước mặt, phạm Ưng đối trị . Nếu chửi mắng sau lưng thì phạm Tác ác, kể theo mỗi tiếng chưởi . Tỳ-khưu cố ý chửi để giuễu chơi thì phạm Tác ác, kể theo mỗi tiếng chưởi .

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khưu không cố ý chưởi mắng, nói đạo, dạy đạo, và Tỳ-khưu điên, đều không phạm tội .

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác chửi (anàpattika) có 4 chi:

- Chửi Tỳ-khưu (tassa upasampannattà) - Chửi trước mặt (jàti àdihi akkosanam) - Người bị chửi biết răng mình bị chửi (mamakko sati tijànanatà) - Không phải nói đạo, thuyết pháp dạy người (atthadhamma purekkhàratàdinàbhàvo)

Đều đủ cả 4 chi ấy thì mới phạm Ưng đối trị .

Chỗ sanh tội (samutthàna vidhi) như trong điều học "trộm cắp" (adinnàdana sikkhàpada). Chỉ khác nhau là trong điều học này thuộc về thọ khổ (dukkhavedanà).

3) Lời đâm thọc (pesunna).

Tỳ-khưu nói lời đâm thọc vị khác, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư nói dối đâm thọc các vị Tỳ-khưu khác.

Chú giải: Tỳ-khưu nghe vị khác chưởi Tỳ-khưu với nhau, rồi cố ý muốn cho người chưởi ấy thương mình hoặc muốn cho cả 2 người chia rẽ nhau rồi nói lời đâm thọc, đem lời chửi của vị này, đến nói với vị kia, phạm Ưng đối trị, đều đủ mỗi tiếng.

Nếu đem lời của Tỳ-khưu chưởi không nói ngay đến Tỳ-khưu bị chưởi, hoặc đemlời của Sa-di chưởi đến cho Tỳ-khưu hay, hoặc đem lời chưởi của Sa-di đến cho Sa-di hay, đều phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khưu không cố ý muốn cho vị bị chưởi thương mình, hoặc không muốn cho cả 2 vị chia rẽ nhau và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người đâm thọc (anànattika) có 3 chi:

- được nghe lời người chưởi (không phải do người khác mà biết) rồi đem nói lại cho người bị chưởi (jàti àdihi... bhikkhussa upasamharanam). - muốn cho người bị chưởi thương yêu mình hoặc muốn cho 2 người chia rẽ nhau (piyakamyatà bhedàdhippàyesu annataratà). - người bị chưởi hiểu biết sự lý (tassa vijjànanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học trộm cắp (adinnàdanà sikkhàpada).

4) Dạy kệ pháp (padasodhamma).

Tỳ-khưu dạy kệ pháp đến người chưa tu lên bực trên (upasampanna) đọc chung cùng nhau phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư dạy kệ đến người chưa tu lên bực Tỳ-khưu và đọc chung cùng nhau.

Chú giải: như "rùpam aniccam" gọi là 1 câu đầu, câu sau như ‘ vedanàniccà" gọi là câu nói (anupada) Tỳ-khưu dạy pháp làm bằng kệ rằng: asevanàcabàlànam, đọc rồi, Sa-di đọc theo, Tỳ-khưu đọc chung cùng nhau với Sa-di, rồi đọc tiếp nối thêm asevanà cabàlànam, đọc chung cùng nhau như thế phạm Ưng đối trị, kể theo mỗi câu.

Tỳ-khưu dạy pháp 1 lần 2 câu như là "asevanàcabàlànam panditànanca sevanà" rồi trở lại đọc nữa với Sa-di, Sa-di đọc câu đầu không kịp, đọc theo kịp câu thứ nhì thì rằng "pandità nan sevanà" chung cùng với Tỳ-khưu như thế gọi là trước đọc khác nhau, sau đọc chung cùng nhau, phạm Ưng đối trị kể theo câu sau.

Tỳ-khưu dạy Sa-di đọc "rùpam aniccam vedanàaniccà", rồi Tỳ-khưu chỉ đọc đến được rùpam aniccam, Sa-di lẹ miệng đọc đến vedanàanicca là câu nối tiếp liền theo câu aniccam như thế phạm Ưng đối trị, kể theo mỗi câu.

Thể thức không phạm tội:

Học Pali chung với Sa-di hoặc học nơi Sa-di hoặc đọc chung nhau, tụng kinh đã đọc thuộc lòng rồi hoặc Sa-di tụng sai, Tỳ-khưu dạy rằng "đọc như vầy" rồi đọc chung cùng nhau, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 3 chi:

- Người chư tu lên bậc Tỳ-khưu (anupassam pannatà). - Dạy học pháp bằng câu kệ (vuttalakkhanam dhammam padaso vàcanatà). - Đọc dính chung cùng nhau (ekato osàpanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) dạy pháp bằng kệ (padasodhamma samutthàna), phạm vì làm (kiriỳa), không khỏi phạm vì tưởng (nosannavimokkha), không cố ý cũng phạm, phạm tội vì Phật cấm (pannattika), khẩu nghiệp (vàcikamma), có 3 tâm, 3 thọ.

5) Nằm chung trong chỗ có che lợp lần thứ nhất (pathamasahaseyya).

Tỳ-khưu nằm trong chỗ có dừng, lợp chung với người chưa tu lên bực trên (chưa tu lên bậc trên là chưa thọ cụ túc giới làm Tỳ-khưu - upasampanna) quá 3 đêm phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại pháp Aggâlava gần thành Aggalavi, do Tỳ-khưu mới xuất gia ngủ quên trong phước xá chung cùng với cư sĩ.

Chú giải: Tỳ-khưu ngủ trong nơi dừng kín, hoặc lợp kín, hoặc lợp nhiều, dừng nhiều chung với người chưa tu lên bực trên (trừ ra Tỳ-khưu với nhau), dầu ngủ chung với súc sanh có khiếu có thể sanh tội Bất cộng trụ. Nếu quá 3 đêm, phạm Ưng đối trị, kể từ đêm thứ 4.

Chỗ ở có dừng vách không chí với nóc, cao 1 hắc, 1 gang chung quanh gọi là "chỗ ở dừng kín" hết. Cho nên chỗ ở như thế dầu là lầu 7 tầng hoặc nhà 4 mặt, có 100 phòng, nếu có 1 cửa ra vào chung cùng nhau, cũng gọi là chỗ ở chung cùng nhau.

Tỳ-khưu ngủ chung với người chưa tu lên bực trên, trong chỗ ở như thế đến 3 đêm, rồi qua ngày thứ 4, khi mặt trời đã lặn, người ấy nằm trước Tỳ-khưu đóng cửa phòng hoặc không đóng rồi nằm, hoặc Tỳ-khưu nằm trước, người ấy nằm sau mà Tỳ-khưu không ngồi dậy thì phạm Ưng đối trị, kể theo mỗi lần nằm xuống và ngồi dậy với người ấy và kể theo số người (Sa-di, cư sĩ) nằm trong nơi ấy.

Tỳ-khưu mà tưởng là Sa-di hay là cư sĩ hoặc nghi rồi nằm phạm Tác ác.

Chỗ ở lợp phần nửa dừng phần nửa, lợp kín dừng ít, lợp nhiều dừng ít, dừng kín lợp ít, dừng nhiều lộp ít, đều là vật phát sanh tội Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Chỗ ở lợp kín, không dừng hoặc không lợp mà dừng kính hoặc không lợp nhiều, không dừng nhiều đều là vật không cho phát sanh tội, ngủ đến 2 hay là 3 đêm hoặc trong đêm thứ 3, ra trước mặt trời mọc rồi trở thêm nữa đến đêm thứ tư, Sa-di cư sĩ nằm, Tỳ-khưu ngồi hoặc Tỳ-khưu nằm, đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người nằm (anànattika) có 3 chi:

- chỗ ở cho sanh tội Ưng đối trị (pàcittiyavatthu senàsanam). - nằm cùng người chưa tu lên bực trên, trong nơi ấy (tattha anupasampanne sahanipajjanam). - mặt trời đã lặn trong ngày thứ 4 (catutthadi vasesuri yatthamgamanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học thọ lông cừu (alakaloma samutthàna).

Phạm tội do thân, do thân ý, phạm vì làm (kiriya) không khỏi phạm vì tưởng (nosannà vimokkha) vô ý cũng phạm (acittaka), tội vì Phật cấm (pannttivajja) thân nghiệp (kàyakamma) có 3 tâm, 3 thọ.

6) Nằm chung trong chỗ kín lần thứ nhì (dutiyasahaseyya).

Tỳ-khưu nằm trong chỗ lợp, dừng chung cùng phụ nữ, dầu chỉ trong 1 đêm, cũng phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do đức Anuruddha vào ngủ chung trong nhà với phụ nữ.

Chú giải: Dầu nằm chung với phụ nữ mới sanh 1 ngày cũng phạm tội Ưng đối trị.

Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học trước, chỉ khác nhau là điều học này dầu nằm chung chỉ trong 1 đêm cũng phạm.

Tỳ-khưu nằm chung với tinh nữ, ngạ quỉ nữ có thân hình rõ rệt, bộ nấp và thú cái là vật cho sanh sự hành dâm, phạm Tác ác.

7) Thuyết pháp đến phụ nữ (dhamma desanà).

Tỳ-khưu nói pháp quá 6 tiếng đến phụ nữ, không có người nam, biết nghe chung với, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khưu nói pháp đến phụ nữ.

Chú giải: Tỳ-khưu nói pháp quá 6 tiếng đến phụ nữ như đã giải trong điều học "dạy kệ đến người chưa tu lên bực trên" (padasodhamma), đến phụ nữ biết nghe lời quấy phải và lời thô tục, phạm Ưng đối trị, kể theo số phụ nữ,

theo câu kệ, trừ ra có người nam biết nghe ở chung với, như đã có nói trong điều học "bất định thứ nhì" thì không phạm tội.

Không phải phụ nữ, tưởng là phụ nữ hoặc nghi rồi mới nói pháp đến tinh nữ, ngạ quỉ nữ, bộ nấp và thú cái có thân hình như người thì phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khưu chỉ nói pháp đến 6 tiếng, hoặc ít hơn 6 tiếng hoặc có người nam như đã có giải ở chung với hoặc Tỳ-khưu nói rồi ngồi xuống, rồi nói tiếp thêm, hoặc phụ nữ đứng dậy, rồi ngồi xuống, rồi Tỳ-khưu nói tiếp thêm, hoặc nói pháp đến phụ nữ khác, hoặc phụ nữ hỏi đạo, Tỳ-khưu đáp và Tỳ- khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người nói pháp (anànattika) có 5 chi:

- Nói pháp quá 6 tiếng (channam vàpànam uparidesanà). - Phụ nữ như đã có giải (vuttalahhkanomàtugàmo). - Không thay đổi oai nghi (iriỳa patha parivattanàbhàvo). - Không có người nam biết nghe ở chung với (vinnupurisàbhàvo). - Không có sự luận đạo (apanhavisajjanà).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học "dạy kệ pháp đến phụ nữ" (padasodhamma samutthàna) chỉ khác nhau là điều học này phạm vì làm và không làm (kiriỳa akiriyà) làm là: thuyết quá 6 tiếng, vì không làm là "không đổi oai nghi".

8) Khoe sự thiệt (bhuttàrocana).

Tỳ-khưu khoe pháp bậc cao nhơn mà tự mình đã đắc, đến người chưa tu lên bực trên, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Phước xá Kùtàgàra gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do chư Tỳ-khưu khoe pháp bậc cao nhơn cùng nhau.

Chú giải: Tỳ-khưu khoe pháp bậc cao nhơn như là đắc thiền định mà chính mình đã được, đến người chưa tu lên bực trên, phạm Ưng đối trị.

9) Khai tội nặng (dutthullàrocana).

Tỳ-khưu nói tội nặng là (là tội Tăng tàn) mà vị khác đã phạm, đến người chưa tu lên bực trên, phạm Ưng đối trị, trừ ra Tăng cho phép nói.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư nói tội Tăng tàn của Tỳ-khưu Upananda đến người thế.

Chú giải: không phải tội nặng Tỳ-khưu tưởng là tội nặng, nghi rồi nói hoặc nói phạm 5 tội khác (Trọng tội, Ưng đối trị,...) đến người chưa tu lên bực trên, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Nếu chỉ nói ngăn điều học rằng, "Tỳ-khưu này cố ý cho tinh di hoặc đụng chạm phụ nữ hoặc chỉ tội rằng: Tỳ-khưu này phạm Tăng tàn, phạm Trọng tội", hoặc "Tăng" cho phép nói đến đâu thì nói đến đó và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội".

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác nói (anànattika) có 3 chi:.

- Nói tội Tăng tàn của Tỳ-khưu cả và cách phạm tội (savatthukosanghàdiseso). - Nói đến người chưa tu lên bực trên (anupasampannassa arocanam). - Tăng không cho phép (bhikkhusammatiyabhavo).

Chỗ sanh tội (samutthàna vidhi) như trong điều học "trộm cắp", chỉ khác nhau là điều học này thuộc về thọ khổ.

10) Đào đất (pathàvìkhanana).

Tỳ-khưu đào đất, hoặc dạy người khác đào đất bằng lời không nên, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Tháp Aggàlava gần thành Àlavi do phe Tỳ-khưu Alavi đào đất và dạy người khác đào đất.

Chú giải: Đất có 2 thứ: đất có đất nhiều hơn các vật khác (jàtapathavì) và đất có đất ít hơn các vật khác.

Đất thứ nhất toàn là đất phân, đất sét, đất có đá ít, có sỏi ít, đất có cát ít, có phần đất nhiều, có đất sét nhiều, hoặc đất mà họ chưa từng đốt, hoặc đống phân đất, đống đất sét mà chưa có mưa xuống nhằm trên 4 tháng gọi là đất phì (đất tốt).

Đất thứ nhì: đất toàn là đá, toàn là sỏi, toàn là cát có đất phần ít, có đất sét ít có cát nhiều, đất đã có người đốt rồi gọi là Đất chai (ajàtapathavì). Đất toàn là sỏi, đá, cát thì không phạm tội.

Tỳ-khưu cố ý đào hoặc dạy người đào bằng lời không nên, làm cho đất nẻ, bể, lở, phạm Ưng đối trị. Kể theo mỗi lần làm. Tỳ-khưu dạy nói "ngươi hãy đào" dạy, dầu đào suốt ngày, chỉ phạm 1 tội Ưng đối trị thôi, người dạy nhiều lần phạm nhiều tội Ưng đối trị. đất Tỳ-khưu nghi, không phải đất tưởng là đất, hoặc nghi rồi làm cho cử động, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Đất cục không dính với đất liền, đất lở không phạm, hoặc nói "ngươi hãy biết cái lỗ cật này, ngươi hãy cho tôi đất này, ngươi hãy lầy đất này cho tôi, tôi cần dùng đất", không cố ý làm cho cử động, hoặc dùng ngón chân, tay, xủi đất, hoặc tưởng không phải là đất đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người (anànattika) có 3 chi:

- Chất đất phì (jàtapathavità) - Biết là đất (pathavisannità). - Tự mình đào hoặc dạy người khác đào (khananakhanàpanànam anntaram).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội. Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học trộm cắp (adinnàdàna samutthàna), chỉ khác nhau là trong điều học này phạm tội vì Phật cấm (pannattivajja) có 3 tâm, 3 thọ.

---o0o---

II. THẢO MỘC PHẦN THỨ NHÌ (Bhùtagàmavagga).

Có 10 điều học:

1) Phá hoại thảo mộc (Bhùtagàma).

Tỳ-khưu phá hoại cây cỏ sanh, mọc trên đất hoặc trong 1 nơi nào, cho đứt lìa, gãy, tét, phạm Ưng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Tháp Aggalava gần thành Aggàvi, do Tỳ- khưu đốn cây làm các công việc.

Chú giải: Các thứ cây cỏ, dầu nhỏ nhem đến đâu (rong rêu), mọc trong một nơi nào chẳng hạn, Tỳ-khưu đã biết mà tự mình dạy kẻ khác nhổ, chặt, bẻ làm cho lìa khỏi chỗ nó mọc, phạm Ưng đối trị .

Các thảo mộc mà người đã đào đã nhổ khỏi chỗ nó mọc dù không có rể, mụt, củ, hột... mà còn giống (bìjagàma), họ đem để trong đồ đựng hoặc cất trong một nơi nào (có thể còn gieo trồng nữa được) mà Tỳ-khưu làm hại thì phạm Tác ác. Nghi trong thảo mộc, hoặc các thứ giống thảo mộc, không phải thảo mộc tưởng là thảo mộc hoặc giống của thảo mộc, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Thảo mộc hoặc giống của thảo mộc tưởng là không phải rồi làm hại, Tỳ- khưu điên vô ý hoặc kéo cây, lăn đá mà thảo mộc chết đều không phạm tội. không cố ý giết hại, không cố ý nhớ như Tỳ-khưu nói chuyện cùng nhau mà lấy ngón chân hoặc tay làm hại thảo mộc cũng không phạm tội hoặc nói người nên biết bông cây này,trái cây này cho tôi dùng được. Nói như thế không phạm tội.

Khi ăn rau, cần phải nhờ Sa-di hoặc thiện tín làm cho có thể ăn được khỏi phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 3 chi:

- Thảo mộc (dhutagamo). - Biết là thảo mộc (bhutagamasannita). - Tự mình hoặc dạy kẻ khác phá hoại (vikopanam vàvikapàpanamvà).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học đào đất (Pathavìkhananam).

2) Lời nói tráo trở (annavàdaka).

Tỳ-khưu làm quấy, Tăng đã gọi đến hỏi tra mà cố ý nói tráo trở, hoặc nín thinh không nói. Nếu Tăng đã tụng lời khuyên răn, mà còn giữ thái độ như thế phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tịnh xá Ghosita gần thành Kosambi do Tỳ-khưu Channa làm quấy, đến Tăng hỏi mà nói tráo trở.

Chú giải: Tỳ-khưu cố ý muốn dấu lỗi, nòi tráo trở như nói "ai phạm, phạm tộigì", làm khó cho Tăng, phạm Tác ác. đến khi Tăng đã tra hỏi mà còn tráo trở nữa, hoặc nín thinh phạm Ưng đối trị.

Tỳ-khưu không làm khó cho Tăng, không nói tráo trở như thế phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khưu không biết tội hoặc không biết mình phạm tội hoặc hỏi "ngài hỏi thế nào", và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này có 3 chi:

- Tụng để cáo tội (dhammakamme àropita). - Tăng tra hỏi tội hoặc điều phạmtội (ànuyujjiyamànatà). - Nói tráo trở, hoặc nín thinh, vì muốn dấu lỗi (patticaranamvà tunhìbhàvovà).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học trộm cắp (adinnàdàna samutthàna).

3) Tỳ-khưu nói xấu vị khác (ujjhàpanaka).

Tỳ-khưu nói xấu vị khác mà Tăng đã chỉ định để làm việc cho Tăng như lót chỗ ngồi, hoặc chia tài vật, nếu vị ấy làm việc cho Tăng được đúng đắn, Tỳ- khưu nói xấu, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc Lâm tịnh xá (Vihàra veluvàna) gần thành Vương xá (Ràjagaha). do phe Lục sư nói xấu đức A la hán Dabbamallaputta.

Chú giải: Nếu Tỳ-khưu mà Tăng đã chỉ định hành đúng theo phép, thì vội nói xấu phạm Ưng đối trị, hành không đúng theo phép vị nói xấu thì phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khưu nói xấu vị khác hành theo 4 pháp tây vị (agati) (như thương hươ

Tỳ-khưu đứng trong nhà ăn, dạy rằng: người đem để trong giữa chùa rồi đi. Tỳ-khưu ấy ra khỏi nhà ăn, đi đến nơi khác như thế, nên cho luật sư phạt tội.

Nếu chỗ ngồi nằm của Tăng thì phạm Ưng đối trị, vật riêng của Tỳ-khưu thì phạm Tác ác.

Tỳ-khưu ngụ trong rừng, nếu không có chỗ che mưa, đem các vật ấy để trên nhánh cây cho khỏi thú phá hoại (như mối ăn) rồi đi khỏi nơi ấy cũng được.

Thể thức không phạm tội:

Chỗ ngồi nằm của mình và Tỳ-khưu thân thiết nhau, không phạm tội, tự mình cất hoặc nhờ người khác cất, hoặc gởi đem phơi, rồi đi tính sẽ trở lại dọn cất, hoặc có người ở hoặc có Tỳ-khưu trưởng lão [*] lại đuổi, hoặc cho Sa-di, người thế đến lấy, có thú dữ đến đứng nơi ấy, không được dọn dẹp rồi đi khỏi vì sợ có điều hại hoặc khó tu hành, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

[*] nếu có vị trưởng lão bảo dậy, hoặc có tinh, ngạ quỉ đến ngồi nơi ấy hoặc có quan lớn đến ngồi nơi ấy, bỏ đi khỏi phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy người khác (sànattika) có 6 chi:

- Nhất là giường, bàn thấp dài của Tăng (mancàdinam samghikatà). - Tự mình hoặc dạy người đem ra ngồi nằm trong chỗ đã nói (santhàranam và santhàràpanamvà). - Không có người lại tranh giành (abalibuddhatà). - Không có điều hại (àpadàyàbhàvo). - Không cố ý trở lại dẹp cất (nirapekkhatà). - Đi khỏi nơi ấy (lenducàtàtikkamo).

Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học lễ dâng y lần thứ nhất (pathamakathinasamuttàna). Chỉ khác nhau là điều học này phạm vì làm là dọn ra, và không làm là không dọn cất, hoặc không gởi cho người khác (kiriỳakiriyà).

5) Chỗ ngồi nằm thứ nhì (dutiya senasana).

Tỳ-khưu đem gởi ngọa cụ của Tăng lót nằm trong thất của Tăng, khi đi khỏi nơi ấy, không dọc cất, hoặc không nhờ người khác dọn, phạm Ưng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Thập thất sư đến trải lót ngọa cụ rồi bỏ ra đi không dẹp nên bị mối ăn hư hết.

Chú giải: các thứ ngọa cụ của Tăng, nệm, y lót lưng, y lót giường, y đắp, chiếu, đệm, da, tọa cụ có bìa... Tỳ-khưu lấy 1 thứ tọa cụ nào đem lót nằm trong chùa, thất của Tăng, rồi không đem cất, hoặc không nhờ kẻ khác cất, đi ra khỏi nơi ấy, 1 buớc đầu phạm Tác ác, khỏi bước thứ 2 phạm Ưng đối trị. trong nơi nào không có điều hại, dầu không gởi rồi cũng phạm, gởi là phận sự của Tỳ-khưu. Trong chỗ của Tăng thì phạm Ưng đối trị, trong chổ của Tỳ-khưu thì phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Chỗ ở của mình hoặc của Tỳ-khưu thân thiết tự mình dọn cất hoặc nhờ người dọn cất, hoặc có người tranh dành (như đã có giải) rồi bỏ đi, hoặc tính sẽ lại dọn cất trong ngày ấy, hoặc đi rồi tính trở lại nhưng có tai hại không trở lại được và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy người khác (sànattika) có 7 chi:

- chỗ nằm như đã nói (vuttalakkhanàseyà). - chỗ nằm ấy của Tăng (tassàsamghikatà). - mình lót trải hoặc dạy người khác lót trải trong nơi như đã nói (santharanam và santharàpanamvà). - không có người tranh dành (aPalibhudhatà). - không có điều hại (àpadàyàbhàvo). - đi đến nơi khác,không cố ý trở về (anapekkhasSa-disà pakkamanam). - đi khỏi ranh chùa (upacàra simàtikkamo).

Đều đủ cả 7 chi ấy mới phạm tội.

Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học trên.

6) Chen lấn (anupakhajja).

Tỳ-khưu biết là thất của Tăng đã có vị khác vào ngụ trước rồi, cố ý lấy đồ trải lót ngồi, hoặc nằm chen lấn trong nơi ấy, làm cho vị đã vào ngụ trước phải chịu chật hẹp, khó khăn, rồi bỏ đi rakhỏi, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư dành chỗ ở tốt đẹp làm cho chư trưởng lão phải khó khăn.

Chú giải: tự mình hoặc dạy kẻ khác lót trải ngọa cụ trong chỗ ở của Tăng, phạm Tác ác, ngồi hoặc nằm phạm Ưng đối trị. Trong chỗ ở của Tỳ-khưu phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Lót trải trong chỗ ở của mình hoặc trong chỗ ở của Tỳ-khưu thân thiết, trong chỗ ở của Tỳ-khưu bịnh, hoặc vì có điều hại, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 4 chi:

- Chỗ ở của Tăng (sanghikahàratà). - Biết rằng đã có người vào trước không nên chen lấn (anumatthàpaniyabhàvajànanam). - Cố ý làm cho Tỳ-khưu ấy chật hẹp (sambàdhetukàmatà). - Đã ngồi hoặc nằm trong nơi ấy (upacàre nisìdanamvà nippajùnamvà).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học Bất cộng trụ thứ nhất (pthama pàràjika), chỉ khác nhau là điều học này thuộc về thọ khổ (dukkhavedanà).

7) Lôi Tỳ-khưu ra khỏi thất (nikaddhana).

Tỳ-khưu giận hờn vị khác rồi lôi kéo hoặc đuổi vị ấy ra khỏi thất của Tăng, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư dành chỗ ở nên kéo lôi phe Thập thất sư.

Chú giải: Tỳ-khưu giận đuổi, dạy người khác lôi kéo, trong khi dạy phạm Tác ác, đuổi hoặc lôi ra khỏi cửa thất, phạm Ưng đối trị, đuổi, hoặc kéo hoặc

lôi ra khỏi chỗ ở Tỳ-khưu phạm Tác ác. đuổi Sa-di, liệng vật dụng ra khỏi chỗ ở của Tăng, phạm Tác ác, kể theo mỗi vật dụng.

Thể thức không phạm tội:

Kéo lôi ra khỏi chỗ ở của mình,hoặc chỗ ở của Tỳ-khưu thân thiết, hoặc can gián người cãi cọ rồi liệng vật dụng của cải ra khỏi chỗ ở của Tăng, hoặc ép Tỳ-khưu phá giới, đệ tử của mình làm quấy, hoặc liệng vật dụng của người làm quấy và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy người khác (sànattika) có 3 chi:

- chỗ ở của Tăng (sanghikahàratà). - kéo lôi Tỳ-khưu vô tội, không cãi cọ (bhandanakàrakabhàvàdivimuttatà). - tự mình kéo hoặc dạy người khác kéo lôi Tỳ-khưu ấy vì giận hờn (kopenanikadhanamvà nikaddhàpanamvà).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học trộm cắp (adinnàdànà sikkhàpada) . Chỉ khác nhau là điểu học này thuộc về thọ khổ (dukkhavedanà).

8) Gác trong thất (vehàsakùtì).

Tỳ-khưu ngồi hoặc nằm trên giường, ghế mà họ chỉ kê đỡ, chưa làm thiệt chắc, để trên gác trong thất, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khưu ở trên gác, ngồi trên giường mà họ kê sỡ, rớt xuống nhằm đầu Tỳ-khưu ở tầng dưới.

9) Tịnh thất lớn (mahallaka).

Tỳ-khưu dùng đất và vôi tô tịnh thất chỉ được phép tô nhiều lắm là 3 lớp, nếu tô quá 3 lớp phạm Ưng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại tịnh xá Ghosita gần thành Kosambi do Tỳ-khưu Channa tô thất lớp nhiều lớp làm cho thất phải ngã sập.

Chú giải: Phải đứng tránh chỗ cây xanh (cây, cỏ) là đứng xa cho khỏi ruộng, vườn, mà người có trồng cây, gieo mạ, trồng dâu... Nếu đứng trong các nơi ấy mà tô, sơn, phết, phạm Tác ác.

10) Nước có côn trùng (sappànaka).

Tỳ-khưu biết nước có côn trùng sống rồi đem tưới cây, cỏ, hoặc tưới đất phạm Ưng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại tháp Aggàlava, gần thành Aggalavi, do các Tỳ-khưu xứ Aggalavi dùng nước tưới côn trùng đem tưới cỏ, đất.

Chú giải: Liệng cây, cỏ xuống chỗ nước ít làm cho côn trùng chết, liệng 1 lần phạm 1 tội.

Trong nước không có côn trùng tưởng là có, hoặc nghi, rồi đem tưới cây cỏ, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tưới vì tưởng là nước không có côn trùng, không cố ý, quên không biết, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 4 chi:

- Nước có côn trùng sống (udakassasasappànakatà). - Biết rằng côn trùng sẽ chết vì sự tưới nước (marissantitijànanam). - Nước sẽ rút hết (tabbà udakamtàdisameva). - Như đem nước tưới cỏ, vì 1 lẽ gì (tinàndinamsibbànam).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học trộm cắp (adinnàdànà sikkhàpada). Chỉ khác nhau là điều học này phạm tội vì Phật cấm (pannattivajja), có 3 tâm, 3 thọ.

--- o0o ---

III. DẠY PHÁP PHẦN THỨ BA (Ovàdavagga).

Có 10 điều học:

1) Dạy pháp cho Tỳ-khưu ni (bhikkhunovàda).

Tỳ-khưu mà Tăng không chỉ định, rồi đi dạy 8 điều trọng pháp cho Tỳ-khưu ni, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư thấy các đại đức dạy đạo cho Tỳ-khưu ni được nhiều vật dụng, bèn rủ nhau đi dạy Tỳ-khưu ni.

Chú giải: Tỳ-khưu có đủ 8 chi:

1. Thu thúc theo giới bổn.
2. Học rộng.
3. Thông cả 2 giới bổn.
4. Tiếng thanh tao dễ nghe.
5. Đáng cho Tỳ-khưu ni kính mến.
6. Có sức vừa dạy bảo Tỳ-khưu ni được.
7. Tỳ-khưu ít khi phạm điều trọng pháp với Tỳ-khưu ni.
8. Xuất gia được 20 hạ, hoặc nhiều hơn 20 hạ.
Đều đủ cả 8 chi ấy mới mới nên chỉ định chi đi dạy Tỳ-khưu ni.

8 Trọng pháp là:

1. Tỳ-khưu ni, dầu tu được 100 hạ cũng phải làm lễ Tỳ-khưu mới xuất gia trong một ngày. 2. Không nên nhập hạ trong chỗ không có Tỳ-khưu. 3. Nên cố ý hỏi ngày lễ phát lộ, sám hối và đến thọ giáo nơi Tỳ-khưu Tăng trong nửa tháng. 4. Nhập hạ rồi nên hành phép tự tứ trong hai phái Tăng. 5. Phạm trọng pháp (là Tăng tàn) rồi nên cho 2 phái

Tăng giao hiệp lại. 6. Phải tu bậc Thất xoa ma na thọ trì 6 giới trong 2 năm nơi 2 phái Tăng rồi mới được xuất gia lên Tỳ-khưu ni. 7. Không được phép mắng nhiếc Tỳ-khưu. 8. Tỳ-khưu ni không được dạy Tỳ-khưu.

Tỳ-khưu ni phải nên tôn kính thọ trì 8 trong pháp ấy cho đến trọn đời không được bỏ qua.

2) Mặt trời lặn (atthangata).

Dầu là Tỳ-khưu mà Tăng chỉ định khi mặt trời đã lặn mà còn dạy đạo đến Tỳ-khưu ni phạm Ưng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do đại đức A la hán Culapanthaka dạy đạo cho Tỳ- khưu ni mến tài đức ngài, đưa ngài ra khỏi thành bị thành đóng cửa vào không được, làm cho thiên hạ nói xấu.

3) Tại chỗ ở của Tỳ-khưu ni (upassaya).

Tỳ-khưu đi dạy Tỳ-khưu ni nơi chỗ ở của cô, phạm Ưng đối trị, trừ ra dạy Tỳ-khưu ni có bịnh.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tịnh xá Nigrodha gần thành Ca tỳ la vệ (Kapilavatthu), do phe Lục sư đi dạy cho phe 6 Tỳ-khưu ni tại chỗ ở của các cô.

4) Mong được tài vật (àmisa).

Tỳ-khưu nói xấu vị khác rằng đi dạy Tỳ-khưu ni rằng mong được tài vật phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư nói các đại đức đi dạy Tỳ-khưu ni vì muốn được lợi.

5) Cho y đến Tỳ-khưu ni (cìvaradàna).

Tỳ-khưu cho y đến Tỳ-khưu ni không phải bà con, phạm Ưng đối trị, trừ ra đổi y với nhau.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do 1 Tỳ-khưu cho cà sa đến Tỳ-khưu ni không phải bà con.

6) May y cho Tỳ-khưu ni (cìvarasibhana).

Tỳ-khưu tự mình may y hoặc dạy kẻ khác may y cho Tỳ-khưu ni không phải bà con Ưng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khưu Udàyi may y cho Tỳ-khưu ni.

7) Rủ Tỳ-khưu ni đi chung đường (samvidhàna).

Tỳ-khưu rủ Tỳ-khưu ni đi chung đường, dầu chỉ đi xa 1 khoảng trong xóm cũng Ưng đối trị, trừ ra có đường nguy hiểm.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư rủ Tỳ-khưu ni đi chung đường.

8) Rủ Tỳ-khưu ni đi chung thuyền(nàvàbhirùhana).

Tỳ-khưu rủ Tỳ-khưu ni đi chung thuyền, đi ngược hoặc đi xuôi nước cũng phạm Ưng đối trị, trừ ra đi qua sông rạch.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư rủ Tỳ-khưu ni đi chung thuyền.

9) Dọn nấu ăn (paripàcana).

Tỳ-khưu đã biết thọ thực (vật ngọt, hoặc mặn) mà Tỳ-khưu ni dọn, dạy thiện tín dâng cúng, phạm Ưng đối trị, trừ ra thiện tín đã tính trước.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc lâm tịnh xá (Vihàra veluvana) gần thành Vương xá (Ràjagaha) do Tỳ-khưu đề bà đạt đa (Davadatta) đã biết nhờ Tỳ-khưu ni nên được mời ăn mà còn đi dự.

10) Chỗ khuất mắt (rahonisajja).

Tỳ-khưu ngồi hoặc nằm trong chỗ khuất mắt với Tỳ-khưu ni phạm Ưng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khưu Udàyi vào ngồi nơi kín với Tỳ-khưu ni (vợ trước).

---o0o---

IV. VẬT THỰC PHẦN THỨ TƯ (Bhojana vagga).

Có 10 điều học:

1) Nhà thí thực (àvasathapinda).

Vật thực trong phước xá mà họ bố thí không phân hạng người, Tỳ-khưu không bịnh chỉ được phép thọ thực 1 ngày rồi phải nghỉ, bỏ qua 1 ngày, thọ nữa mới được, nếu thọ thực liên tiếp đến ngày thứ 2, phạm Ưng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư đến thọ thực nhà thí thực ấy luôn khi, làm cho người chê trách.

Chú giải: Có bịnh tưởng là không bịnh hoặc nghi rồi phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Có bịnh biết là có bịnh, thọ thực 1 lần thọ thực cách 1, 2 ngày hoặc thọ rồi qua ngày sau đi khuất nơi khác mà có sự rủi ro, trở lại thọ nữa được, hoặc thí chủ thỉnh thọ luôn, hoặc họ để dành riêng cho Tỳ-khưu hoặc thọ ngoài 5 món ăn (cơm, bánh sốt, bánh nguội, thịt, cá) và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 3 chi:

- Cơm trong phước xá (àvasathapindatà). - Không có bịnh (agilànàtà). - Ở chờ ăn (anuvasitvàbhojanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học thọ lông cừu (elakalomasikkhàpada).

2) Thọ thực chung nhiều vị (gànabhojana).

Nếu thí chủ họ thỉnh, cho biết tên vật thực 5 món là (cơm, bánh, sốt, bánh nguội, cá, thịt) một món nào, nếu Tỳ-khưu thọ vật thực ấy chung nhau từ 4 vị trở lên, rồi ăn chung hoặc ăn riêng, phạm Ưng đối trị, trừ ra có 7 duyên cớ này:

- Tỳ-khưu bịnh (gilànasamayo).
- Lễ dâng y (cìvaradànasamayo).
- Kỳ làm y (cìvarakàrasamayo).
- Đi đường xa (addhànagamanasamayo).
- Đi chung thuyền (nàvàtirùhanasamayo).
- Tỳ-khưu hội hợp quá số, vật thực không đủ dùng (mahàsamayo). - Vật thực của các hạng xuất gia thỉnh thọ thực (samanabhattasamayo).

Có 1 trong 7 duyên cớ ấy thọ thực không phạm tội (trong điều học này chỉ lấy cớ đi thọ thực chung cùng nhau làm bằng).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc lâm tịnh xá (Vihàra Veruvana) gần thành Vương xá (Ràjagaha) do phe Tỳ-khưu Đề bà đạt đa (Devadatta) dẫn đi thọ thực chung cùng nhau thường thường tìm xin vật ngon.

Chú giải: Dầu Tỳ-khưu lên tiếng xin ngay tên của vật thực rằng: người cho tôi xin cơm... cá... thịt ... xin chung chỗ, hoặc khác chỗ, nhưng thọ trong 1 chỗ cùng nhau cũng phạm tội.

Thọ thực chung cùng nhau nhiều vị, trong khi thọ phạm Tác ác, ăn vào phạm Ưng đối trị, mỗi khi đã ăn vào khỏi cổ. Không phải thọ thực cchung nhiều vị mà tưởng là thọ chung, hoặc nghi rồi ăn, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Không phải thọ thực chung nhiều vị biết là không phải, hoặc 2, 3 Tỳ-khưu thọ thực chung cùng nhau, hoặc nhiều Tỳ-khưu đi khuất thực rồi về ăn chung, hoặc thọ thực chung ngoài 5 món ăn, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 3 chi:

- Thọ thực chung nhiều vị (ganabhojanatà). - Không có duyêncớ (samayàbhàvo). - Đã ăn vào khỏi cổ (ajjhoharanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học thọ lông cừu (ekalakalomasikkhàpada).

3) Thọ thực nơi khác (paramparabhojana).

Tỳ-khưu đã chịu thỉnh đi thọ 1 trong 5 món ăn, trong 1 nơi nào, rồi không đi trong nơi ấy, trở lại đi thọ trong nơi khác phạm Ưng đối trị, trừ ra đã có cho Tỳ-khưu đi thế cho mình hoặc có 1 trong 3 duyên cớ này:

- Tỳ-khưu bịnh - Lễ dâng y. - Kỳ làm y.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc lâm tịnh xá (Vihàraveluvana) gần thành Vương xá (Ràjagaha) do chư Tỳ-khưu đã chịu thỉnh rồi mà còn đi thọ thực nơi khác làm cho thí chủ bất bình.

Chú giải: Khi thọ vật thực nơi thí chủ thỉnh sau phạm Tác ác, khi ăn vào phạm Ưng đối trị (mỗi miếng ăn mỗi tội) trừ ra có 1 trong 3 duyên cớ đã nói. Không phải thọ thực nơi khác mà tưởng là phải, hoặc nghi, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết không phải thọ thực nơi khác, đã chongười đi thọ thế cho mình, hoặc ăn chung 1 lượt, hoặc ăn theo vật thực đã thọ (thọ trước, ăn trước, thọ sau ăn sau), (ngoài 5 vật thực đã nói thì không kể) và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 3 chi:

- Vật thực của người khác (paramparabhojanatà). - Không có duyên cớ (samaparabhojana). - Đã ăn vào (ajjhoharanam).

Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học lễ dâng y lần thứ nhất (pathamakathina sikkhàpada). Chỉ khác nhau là điều học này phạm vì làm và không làm (kiriya kiriyà).

4) Thọ bánh (kànamàtà).

Tỳ-khưu vào xóm khuất thục, nếu có thí chủ họ đem bánh nhiều đến dâng, được phép thọ nhiều lắm đến 3 bát, nếu thọ quá hạn định, phạm Ưng đối trị. Bánh mà Tỳ-khưu đã thọ được 2 hay 3 bát ấy, phải chia sót cho Tỳ-khưu khác với, mới nên.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do chư Tỳ-khưu thọ bánh của mẹ nàng Kànà.

Chú giải: Tỳ-khưu đã thọ 2 bát, khi ra khỏi gặp Tỳ-khưu nơi phía ngoài nên nói "trong chỗ ấy tôi đã thọ 2 bát rồi, ngài chỉ nên thọ thêm 1 bát nữa". Tỳ-

khưu này thấy vị khác nên cho hay "Tỳ-khưu trước đã thọ 2 bát rồi, tôi cũng đã thọ 1 bát rồi ngài không nên thọ nữa". Tỳ-khưu đã thọ trước 1 bát rồi, cũng phải nói lại với Tỳ-khưu khác như thế. Tỳ-khưu đã thọ 3 bát rồi, thấy vị khác đến ngăn cản không cho đến thọ nữa, nếu không ngăn cản, phạm Tác ác. Tỳ-khưu đã nghe vị khác ngăn cản mà còn đi đến thọ nữa, phạm Tác ác. Tỳ-khưu ấy về đến nhà ăn, hoặc đến nơi thường thọ thực, để cho mình 1 bát còn dư lại phải dâng đến Tăng, cho theo ý muốn mình không được (không nên cho đến người thân thiết). Tỳ-khưu thọ được 1 bát, không muốn cho ai cũng được tùy sở thích.

5. Ngăn vật thực lần thứ nhất (pathama pavàranà).

Tỳ-khưu đương ăn, nếu có thí chủ đem trong 5 vật thực đến dâng, trong khoảng 2 hắc 1 gang mà không thọ gọi là "ngăn vật thực". Tỳ-khưu đã ngăn vật thực không phải của Tỳ-khưu bịnh hoặc vật chưa làm theo luật (vinaya kamma) phạm Ưng đối trị.

Chú giải: ngăn vật thực [*] có 5 chi:

- đương khi ăn (àsanampannàyati).
- vật ăn và vật ăn (5 thứ vật thực) (bhojanampannàyati).
- người dâng ở trong khoảng 2 hắc 1 gang (hatthapàsethito).
- họ dâng vật thực vào (abhiharati).
- ngăn ra (patikkhepopannàyati).

[*] 5 thứ vật thực, nhất là cơm và bánh làm bằng 7 thứ mễ.

Đều đủ cả 5 chi ấy mới gọi là ngăn. 7 thứ mễ hoặc bánh làm bằng 7 thứ mễ là vật sanh "ngăn vật thực" thịt và cá mà Tỳ-khưu đương ăn mà họ dâng thịt cá, dầu nhỏ bằng hột cải để trong đồ đựng, nếu Tỳ-khưu chưa ăn mà ngăn các vật thực khác, có thể làm cho sanh "ngăn vật thực" cũng không gọi là ngăn. Nhưng thịt và cá mà Tỳ-khưu đương ăn, 1 miếng còn trong tay, và trong bát, nếu Tỳ-khưu ngăn thịt, cá khác, gọi là ngăn cả 2 miếng. Cơm dầu 1 hột, vật thực trong bát, trong miệng và trong tay mà Tỳ-khưu còn tiếc rồi ngăn vật thực khác, gọi là ngăn. Nếu Tỳ-khưu không tiếc vật thực còn dư lại vật thực, vật thực ấy Tỳ-khưu không cố ý để ăn, hoặc muốn cho đến người khác, hoặc muốn đi ăn trong nơi khác, Tỳ-khưu ấy dầu ngăn cũng không gọi là ngăn.

Giải về hắc (hatthapàsa): Nếu Tỳ-khưu ngồi thì kể từ chỗ cuối cùng phía sau, nếu đứng kể từ gót chân, nằm nghiên bên nào, kể từ lưng bên ấy đến

chỗ cuối cùng tay, chân của người dâng, ngồi hoặc đứng, hoặc nằm (trừ ra tay đưa ra dâng, được 2 hắc, 1 gang gọi là hắc). Họ đứng ở trong hắc rồi cúi dâng đến mà Tỳ-khưu ngăn ra mới gọi là "ngăn". Nếu quá hắc mà ngăn thì không gọi là "ngăn".

Giải về vật thực đến: Nếu Tỳ-khưu ngồi theo hàng ngũ, không đưa bát trong tay hoặc trên chân ra, chỉ nói "ngươi hãy lấy cơm" như thế, nếu Tỳ-khưu ngăn cũng không gọi là "ngăn", dầu vật trong thúng đem để trước mặt rồi bạch như thế cũng vậy. Chỉ đến khi xúc cơm lên rồi Tỳ-khưu ngăn mới gọi là ngăn, dầu 2 người đồng nhau đở lên cũng gọi là ngăn. Khi họ dâng đến Tỳ-khưu ngồi theo hàng ngũ rồi Tỳ-khưu ở ngoài tiếp đập bát, gọi là ngăn vật mà họ dâng đến người khác, vì lẽ ấy, không gọi là ngăn.

Giải về cách ngăn: Trong vật mà họ dâng đến bằng lời, thì ngăn không được. Vật mà hạ dâng bằng thân, cũng phải ngăn bằng thân, như đưa tay ra chận ngăn hoặc nói "vừa rồi, đừng dâng nữa, như thế mớigọi là ngăn".

Một người dâng canh thịt rằng "Bạch ngài, xin ngài thọ canh" Tỳ-khưu nghe, ngăn người ấy ra, như thế không gọi là ngăn, khi nào họ nói "Bạch ngài, xin ngài thọ canh thịt" mà Tỳ-khưu "ngăn" mới gọi là ngăn. Nếu họ nói "xin ngài thọ vật này" mà Tỳ-khưu ngăn cũng gọi là ngăn. Dầu họ làm thịt chút ít thịt bằng hột cải mà ngăn thì cũng gọi là ngăn. Họ nấu canh cá, thịt chung với mít và canh măng, rồi đem đến dâng rằng "Bạch ngài, xin ngài thọ canh mít, canh măng" nếu ngăn cũng không gọi là ngăn, vì họ nói tên

của vật nên dùng, không sanh sự "ngăn" Nếu họ nói "xin ngài thọ canh cá, canh thịt" hoặc nói "hãy thọ vật này" mới gọi là ngăn.

Ngăn vật thực có 5 chi:

- Tỳ-khưu đương ăn.
- Họ đem vật thức đến dâng nữa.
- Họ ở trong hắc.
- Họ dâng vật thực vào.
- Tỳ-khưu ngăn vật thực.

Như thế gọi là ngăn.

Trong 4 oai nghi (nằm, đi, đứng, ngồi) Tỳ-khưu ngăn trong 4 oai nghi nào, đừng thay đổi oai nghi ấy, ăn không có tội.

Vật dùng mà không làm theo luật (vinaya kamma) và không phải là vật dư (anatiritta) dùng không được, vật thực đã làm theo luật và vật dư của Tỳ- khưu bịnh gọi là vật dư (atiritta) nên dùng được.

Bảy cách làm theo luật (vinaya kamma).

1- Các vật thực như trái cây hoặc củ mà người không được làm thành vật cho Tỳ-khưu dùng được (samanakappa) [*] và thịt không nên dùng, Tỳ- khưu người làm theo luật (vinaya kamma) lấy các vật không nên dùng ấy đem làm theo luật rằng "tất cả vật này nên rồi" (alameta sabbam).

[*] cách thọ lãnh vật mà thí chủ dâng có 5:

- Vật mà người có sức lực bậc trung vừa dở lên rồi.
- Người dâng ở trong hắc
- Thí chủ nghiêng mình dâng vào
- Chư thiên, người hoặc thú dâng.
- Tỳ-khưu thọ lãnh vật ấy bằng thân hoặc bằng vật dính thân

2- Vật mà Tỳ-khưu, người làm theo luật chưa thọ, rồi làm theo luật rằng "tất cả vật này nên rồi".

3- Vật mà Tỳ-khưu đem đến cho Tỳ-khưu, người làm theo luật, làm cho thành vật nên dùng, nhưng chưa dở lên, hoặc chưa dâng vào, rồi làm theo luật rằng "tất cả vật này nên rồi".

4- Tỳ-khưu đem đến cho Tỳ-khưu trong bọn làm theo luật ấy ở ngoài hắc rồi làm theo luật rằng "tất cả vật này nên rồi".

5- Một Tỳ-khưu nào làm theo luật rằng "tất cả vật này nên rồi". nhưng Tỳ- khưu, người làm theo luật ấy, chưa ăn rồi làm theo luật rằng "tất cả vật này nên rồi".

6- Tỳ-khưu, người làm theo luật được ăn rồi, đã ngăn vật thực rồi, đứng dậy khỏi chỗ ngồi rồi, đi làm theo luật cho vị khác rằng "tất cả vật này nên rồi".

7- Tỳ-khưu người làm theo luật nói rằng "tất cả vật này nên rồi".

Một trong 5 thứ vật thực nào, mà không phải là vật dư của Tỳ-khưu bịnh, vật không nên làm theo luật (7 cách trên) hoặc vật thực không phải là của dư của Tỳ-khưu bịnh, cả 2 vật thực ấy gọi là không phải của dư (anatiribhojana).

Không phải vật dư (anatiritta) là nói về vật không làm theo luật là:

- Vật mà không được làm cho thành vật nên. - Vật mà Tỳ-khưu không được thọ, rồi làm cho ra vật nên. - Vật mà Tỳ-khưu không được dở lên hoặc không được dâng vào gần cho Tỳ-khưu làm ra vật nên. - Tỳ-khưu ở trong hắc rồi làm. - Tỳ-khưu chưa được ăn rồi làm - Tỳ-khưu đã ăn rồi, được ngăn vật thực rồi đứng dậy khỏi làm. - Vật mà Tỳ-khưu không nói "tất cả vật này nên rồi", và vật không phải của dư của Tỳ-khưu bịnh.

Cả 2 vật thực ấy gọi là "không phải vật dư" (anatiritta), "vật dư" (atiritta) là nói về vật đã được làm theo luật (vinaya kamma) là:

- Vật mà họ làm cho ra vật nên. - Vật mà Tỳ-khưu thọ lãnh rồi làm cho ra vật nên. - Vật mà Tỳ-khưu dở lên hoặc dâng vào gần cho làm ra vật nên. - Tỳ-khưu ở trong hắc rồi làm. - Tỳ-khưu đã ăn rồi mới làm. - Vật mà Tỳ-khưu đã ăn, ngăn vật thực rồichưa đứng dậy khỏi chỗ ngồi, rồi làm. - Vật mà Tỳ-khưu nói "tất cả vật này nên rồi" và vật dư của Tỳ-khưu bịnh.

Cả 2 thứ vật thực ấy gọi là vật dư (atiritta).

Tỳ-khưu ngăn cơm như có giải trên, nếu đã thay đổi oai nghi rồi thọ thực không phải của Tỳ-khưu bịnh, để dùng phạm Tác ác, vì thọ. Ăn vào, phạm Ưng đối trị mỗi miếng ăn. Nhất là thọ yàmakàlika để làm vật thực, ăn ngoài bữa ăn, thế cho vật thực, vật dư của Tỳ-khưu bịnh mà tưởng là không phải của Tỳ-khưu bịnh, hoặc nghi, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Thọ vật thực không phải của Tỳ-khưu bịnh vì nghĩ sẽ đem cho Tỳ-khưu khác làm kappiya cho, rồi mới dùng, thọ cho người khác, thọ yàmakàlika 20 sattàhakàlika 21, yàvajìvika 22 ngoài vật thực, dùng theo luật là đức Phật đã cho phép, và Tỳ-khưu bịnh không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 3 chi:

- Người ăn cơm và đã ra khỏi chỗ ngồi (pavàritabhàvo). - Vật thực chưa làm kappiya không phải vật dư của Tỳ-khưu bịnh (amisassa anarittà). - Ăn trong giờ (kàle ajjhoharanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học lễ dâng y lần thứ nhất. Chỉ khác nhau là điều học này "phạm vì làm là ngăn cản, phạm vì không làm là không được làm theo (kiriỳakiriyà) trước rồi mới nên ăn".

6) Ngăn vật thực lần thứ nhì (dutiya pavàranà).

Tỳ-khưu biết rằng vị khác đã ngăn vật thực như thế, tính cáo tội vị ấy, rồi cố ý lấy vật thực không phải của Tỳ-khưu bịnh, hoặc không được làm theo luật (vinayakamma),

đem nài nỉ hoặc ép, nếu vị ấy ăn, Tỳ-khưu nài nỉ hoặc ép lấy, phạm Ưng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khưu đem vật không phải của dư, đến nài ép Tỳ-khưu mà mình oán đó.

Chú giải: Tỳ-khưu nài nỉ hoặc ép dâng vật thực đến Tỳ-khưu khác phạm Tác ác, ăn vào Ưng đối trị.

Thể thức không phạm tội:

Cho vật thực dư của Tỳ-khưu bịnh, hoặc vì cho vì có lời rằng "ngài dạy học thành vật thực dư của Tỳ-khưu bịnh rồi sẽ dùng" hoặc đem cho người khác, hoặc như có yàmakàlika rồi nói "khi có duyên cớ sẽ dùng",và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 5 chi:

- Tỳ-khưu đã ngăn cơm (pavàrittatà). - Đã biết Tỳ-khưu ấy ngăn cơm (pavàrittasannittà). - Cố ý để cáo tội (asàdanàpekkhatà). - Lấy vật không phải của dư của Tỳ-khưu bịnh đem cho (abhihatthumpavàranatà). - Tỳ-khưu ấy đã ăn rồi (bhojanapariyosànam).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị .

Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học trộm cắp (adinnàdànà sikkhàpada). chỉ khác nhau là điều học này thuộc về thọ khổ (dukkhavedanà).

7) Ăn vật thực sái giờ (vikàlabhojana).

Tỳ-khưu ăn vật thực trong khi sái giờ là từ chinh xế đến mặt trời mọc, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc lâm tịnh xá (Vihàra Veluvana) gần thành Vương xá (Ràjagaha) do phe Thập thất sư thọ thực sái giờ.

Chú giải: Thọ nhất là yàmakàlika để dùng làm vật thực trong khi sái giờ hoặc trong giờ, là từ sớm mai đến đúng ngọ, hoặc tưởng là sái giờ, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội trong giờ biết là trong giờ, ăn không phạm, có duyên cớ ăn yàmakàlika trong khi sái giờ cũng được, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 3 chi:

- Trong lúc sái giờ (vikàlatà). - Vật thực là yàmakàlika (vật ăn trong buổi sáng - từ mặt trời mọc tới đứng bóng) (yàvakàlikatà). - Đã ăn vào (ajjhoharanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ưng xả đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna vidhi) như trong điều học thọ lông cừu (elakalomàsikkhàpada).

8) Vật thực để dành (sannidhikàraka).

Tỳ-khưu dùng vật thực đã thọ, rồi để dành cách đêm, phạm Ưng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khưu Velatthsisa ẩn tu trong rừng (thầy của đại đức Ananda) phơi cơm khô để ăn nhiều ngày.

Chú giải: Nếu rữa bát không sạch, lấy tay chùi thấy rõ dấu tay, đem phơi trong chỗ có nắng, hoặc thọ cháo nóng, mồ hôi bát chảy ra, Tỳ-khưu dầu ăn trong bát như thế, trong buổi mai ngày sau, phạm Ưng xả đối trị.

Vật nào mà Tỳ-khưu đã cho dứt đến Sa-di không còn tiếc rồi Sa-di cất giữ, Tỳ-khưu được vật ấy dùng cũng nên. Trong vật để cách đêm phạm Ưng xả đối trị. thọ yàmakàlika, sattàhakàlika và yàvajìvika để cách đêm làm vật thực, hoặc như vật thực, hoặc trong vật thực không phải để cách đêm, tưởng là vật để cách đêm, hoặc nghi đều phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết là vật không phải để cách đêm, cất yàvakàlika, sattàhakàlika và yàvajìvika, không quá hạn định, rồi dùng theo hạn định, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 3 chi:

- Vật thực dùng buổi sáng (anisam). - Đã thọ vật thực ấy rồi để cách đêm (sannidhibhàvo). - Đã ăn vật thực ấy vào (tassa ajjhoharanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học thọ lông cừu (ekalomàsikkhàpada).

9) Vật thực quí (panìbhojana).

Tỳ-khưu không bịnh xin cơm chung với 9 vật thực quí là: mỡ lỏng, sữa lỏng, sữa đặc, dầu, mật ong, nước mía (đường), cá, thịt, sữa tươi, sữa chua, 1 vật quí nào nơi thiện tín không phải bà con, không phải người có yêu cầu đem ăn, phạm Ưng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi), do nhóm Lục sư xin 9 vật thực quí để ăn.

Chú giải: xin vật thực quí không chung với cơm phạm Tác ác. Xin cơm với cá, họ cho cơm với thịt không phạm tội. Có bịnh tưởng là không bịnh, nghi phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết mình có bịnh xin khi có bịnh, hết bịnh rồi ăn, hoặc ăn vật dư của Tỳ- khưu bịnh, xin nơi bà con, nơi người có yêu cầu, xin cho người khác hoặc đổi, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 4 chi:

- Cơm với vật thực quí (panìtabhojanatà).
- Không có bịnh (agilànatà).
- Xin được (katavinnattiỳapatilàbho).
- Đã ăn vào (ajjhoharanam).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị.

Điều học này tội sanh do thân, thân khẩu, thân ý, thân khẩu ý, phạm vì làm (kiriyà) không khỏi phạm vì tưởng (nosannavimokkha) không cố ý cũng phạm (acitaka) phạm vì Phật cấm (pannattikavajja), thân nghiệp, khẩu nghiệp, có 3 tâm, 3 thọ.

10) Trừ ra tăm và nước trắng (dantapona).

Tỳ-khưu dùng vật thực mà người không dâng phạm Ưng đối trị, trừ ra nước trắng và tăm xỉa răng.

Điều học này đức Phật cấm chế tại phước xá trong rừng tuyết sơn gần thành Tỳ sa ly (Vesali), do Tỳ-khưu ẩn tu nơi mồ mả ăn vật thực của họ đem cúng mồ rồi bỏ nơi ấy, làm cho người chê trách.

Chú giải: Tỳ-khưu dầu thọ vật nhỏ nhem bằng cát bụi mà họ không dâng, thì phạm Tác ác, đã ăn vào khỏi cổ, phạm Ưng đối trị, trừ ra nước trắng và tăm. Nước không cần dâng, được phép dùng tuỳ thích. tăm không cần dâng, vì không phải là vật ăn vào khỏi cổ, nếu ăn vật qua khỏi cổ mà không hay biết cũng phạm Ưng đối trị; trong vật thọ mà người không dâng, phạm Ưng đối trị tưởng là chưa dâng hoặc nghi, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết là vật mà họ đã dâng, ăn vào khỏi cổ không phạm tội: 4 thứ thuốc nước tiểu, phẩn, tro, đất, khi hữu sự là bị rắn mổ mà không có người hộ thì mình lấy dùng, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội hoặc có người hộ mà khó dạy mà không thể làm được. Khi không có tro Tỳ-khưu được phép đốt củi khô, củi khô không có, bẻ cây tươi đốt làm tro cũng nên.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 4 chi:

- Vật không có người dâng (apatiggahitakatà). - Vật ấy đức Phật không cho phép (ananunnàtàta). - Vật ấy không phải là abbohàrika như khói, lửa (dhumàdi abboharikabhàvo). - Đã ăn vào khỏi cổ (ajjhoharanam).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthàna vidhi) như trong điều học thọ lông cừu (elakalomàsikkhàpada).

---o0o---

V. ĐẠO LÕA THỂ PHẦN THỨ NĂM (Accelakavagga).

1) Kẻ tu đạo lõa thể (Accelaka).

Tỳ-khưu tự tay mình hoặc dạy kẻ khác cho vật thực đến kẻ tu đạo lõa thể, tu ngoại đạo, Ưng đối trị (mỗi lần cho mỗi tội).

Điều học này đức Phật cấm chế tại phước xá Kutàgàra trong rừng tuyết sơn, gần thành Tỳ sa li (Vesàli), do đại đức Ànanda cho bánh đến phụ nữ tu đạo lõa thể.

2) Rủ đi khuất thực (uyyojana).

Tỳ-khưu rủ vị khác, đi khuất thực cùng nhau tính làm quấy, rồi đuổi vị ấy trở về, phạm Ưng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khưu Upananda rủ đệ tử người bạn đi khuất thực rồi đuổi về.

Chú giải: đuổi Sa-di, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Đuổi có duyên cớ như 2 vị ở chung chỗ cùng nhau, vật thực không vừa đủ nuôi mạng sống, hoặc thấy vật tốt cao giá, hoặc thấy phụ nữ rồi sanh lòng tham, khó chịu hoặc dạy đem vật chi đến Tỳ-khưu bịnh hoặc không tính làm quấy rồi đưa đi về, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 3 chi:

- Tính làm việc quấy (anàcàramàcaritukamatà). - Đuổi Tỳ-khưu vì sự lợi ích ấy (tadatthamevaupasam pannassanyojanata). - Người bị đuổi đi khỏi chỗ (evàm uyyojetassa upacàràtikkamo).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị:

Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học trộm cắp (adinnàdànà sikkhàpada).

3) Chỉ có 2 vợ chồng (sabhojana).

Tỳ-khưu vào ngồi trong nhà không có người khác ngồi với, chỉ có 2 vợ chồng chủ nhà, Ưng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khưu Upananda vào ngồi trong buồn của vợ người bạn.

4) Chỗ khuất mắt (rahopaticchanna).

Tỳ-khưu ngồi hoặc nằm trong chỗ khuất mắt với một người nữ không có người nam ngồi chung với phạm Ưng đối trị .

Điều học này gọi là (pathama rahonisajja) cũng được.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi), do Tỳ-khưu Upanada vào ngồi nơi khuất mắt với vợ người bạn.

Chú giải: dầu ngồi chung với phụ nữ mới đẻ trong ngày cũng phạm Ưng đối trị .

5) Chỗ khuất tai (rahonisajja).

Tỳ-khưu ngồi hoặc nằm chỗ khuất tai với một người nữ, phạm Ưng đối trị.

Điều học này gọi là "dutiya rahonisajja" cũng được.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi), do Tỳ-khưu Upananda vào ngồi trong nhà với người bạn.

Chỗ sanh tội (samutthâna vidhi) của 2 điều học này như trong điều học "Bất cộng trụ thứ nhất" (pathama pàràjikasikkhàpada); ngoài ra, nên xem thêm điều học "Bất định".

6) Đi nơi khác (càritta).

Tỳ-khưu được thỉnh đi thọ 1 trong 5 món ăn, rồi đi nơi khác, trước giờ ăn hoặc ăn rồi đi từ sớm mai đến đứng bóng phải cho Tỳ-khưu trong nơi ấy hay với, mới nên đi. Nếu không cho hay mà đi, phạm Ưng đối trị, trừ ra có 1 trong 2 duyên cớ, là: kỳ lễ dâng y, làm y.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc Lâm tịnh xá (vihàra veluvana) gần thành Vương xá (Ràjagaha), do Tỳ-khưu Upananda đã chịu thỉnh ăn mà còn đi đến các nhà thiện tín khác, làm cho chư sư phải chờ gần đến giờ, nên thọ thực không được vừa lòng.

Chú giải:

Dầu Tỳ-khưu đã chịu thỉnh để ăn cửa thí chủ rồi, hoặc chưa ăn,không từ giã Tỳ-khưu trong bọn rồi đi đến nơi khác từ sớm mai đến đứng bóng, khi đi bước thứ nhất phạm Tác ác, đi đến bước thứ nhì phạm Ưng đối trị .

Thể thức không phạm tội:

Biết là họ không mời, hoặc có một trong hai duyên cớ, từ giã Tỳ-khưu trong bọn, không từ giã đi về chùa, đi đến chỗ ở Tỳ-khưu ni, đi đến nơi ngoại đạo, đi đến nhà ăn, đi vì có tai hại, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 5 chi:

- Vui thích trong sự thỉnh đi ăn 1 trong 5 thứ vật thực (annatarenanimantana sàdiyanam). - Không cho Tỳ-khưu trong bọn hay(santambhikkumannànucchatà). - Đi đến nơi khác, khỏi nhà họ mời(annssagharassapavesanam). - Chưa quá đứng bóng(majjhantikànatikkamo). - Không có duyên cớ hoặc tai hại(samayassavà àpadànam và abhàvo).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị .

Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học "lễ dâng y lầ thứ nhất" (pathamakathina sikkhàpada). Chỉ khác nhau là điều học này, phạm vì làm là

chịu thỉnh đi thọ thực, vì không làm là không từ giã Tỳ-khưu trong bọn (kiriyà kiriyà).

7) Chỉ được phép xin vật dụng theo hạn định (Mahànàma).

(*) Mahànàma là đức vua dòng Thích Ca, con nhà chú của đức Phật, tuổi lớn hơn đức Phật 1 tháng, đã đắc quả Tư đà hàm

Nếu thí chủ họ yêu cầu dâng 4 vật dụng có han 4 tháng hoặc định vật dụng, Tỳ-khưu không bịnh,nên xin trong hạn kỳ hoặc trong vật đã định thôi, xin quá hạn định ấy, phạm Ưng đối trị, trừ ra họ đã yêu cầu thêm hoặc họ yêu cầu luôn.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tịnh xá nigrodha gần thành Ca tỳ la vệ (Kapilavatthu) xứ Sakya do phe Lục sư xin thuốc quá hạn.

Chú giải: Xin không quá hạn định tưởng là quá, hoặc nghi rồi xin, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết là không quá hạn định, xin không phạm tội cần dùng cho biết thiệt, rồi xin trong hạn định hoặc xin nơi trong bà con và người đã yêu cầu vô hạn, hoặc xin cho kẻ khác, hoặc đổi, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy người khác (sànattika) có 4 chi:

- Họ yêu cầu đến Tăng (sanghapavàranata).
- Xin thuốc cho quá số định (tato uttaribhesajjavinnàtti).
- Không có bịnh (agilànatà).
- Xin quá hạn kỳ (pariyantàtikkamo).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học làm mai dong (sancarittasikkhàpada).

8) Xem động binh (uyyutta).

Tỳ-khưu đi xem động binh ra trận, phạm Ưng đối trị, trừ ra khi có duyên cớ nên đi, là có bà con mang bịnh trong nơi ấy.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư xem động binh.

Chú giải: Voi vừa cho 12 người cỡi, ngựa vừa cho 3 người cỡi, xe vừa cho 4 người có cầm khí giới ngồi, gọi là động binh. Tỳ-khưu đứng trong nơi nào rồi thấy trong nơi ấy, ngó xem thường thường, phạm Ưng đối trị . động binh tưởng là đội binh thường, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết là không phải động binh rồi đi xem không phạm, ở nơi chùa rồi xem, hoặc gặp giữa đường rồi xem, hoặc có tai hại, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 4 chi:

- động binh ra đi (uyyuttasenam). - đi để xem (dassanatthàyagamanam). - và xem trong các chỗ khác, ngoài khoảng trống mà đức Phật đã cho phép (annatradassanam). - không có duyên cớ, hoặc tai hại (àpadàyavà abhàvo).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học thọ lông cừu (elakalomàsikkhàpada). Chỉ khác nhau là điều học này phạm tội vì đời (lokavajja), phạm vì ác tâm, có 3 thọ.

9) Ngụ trong cơ binh (senavàsa)

Nếu có duyên cớ, có thể đi được, Tỳ-khưu ngụ trong binh cơ ấy lâu lắm là trong 3 ngày, nếu ở quá hạn, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư đi xem cơ binh.

10) Đi đến chiến trường (uyyodhika).

Trong khi ngụ trong cơ binh theo hạn định ấy, Tỳ-khưu đi đến chiến trường, hoặc nơi động binh, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư đi đến chiến trường.

--- o0o ---

VI. UỐNG RƯỢU PHẦN THỨ SÁU (Suràpànavagga)

1) Uống rượu (suràpàna).

Tỳ-khưu uống nước có chất say, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại xứ Bhaddavatikà, do Tỳ-khưu Sàgata uống rượu.

Chú giải: nước say làm bằng chất say nhất là làm bằng bột gọi là rượu (sura), nước mà người ngâm bông cây gọi là "meraya".

Cả 2 thứ nước ấy dầu Tỳ-khưu uống 1 nhỏ, cũng phạm Ưng đối trị.

Không phải nước say tưởng là nước say, hoặc nghi rồi uống, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết là không phải nước say, uống không phạm tội, uống thuốc có chất say, mà có mầu, mùi và vị như nước say, hoặc canh, thịt, dầu, tầm ruột rừng và đường mà người để chút ít nước say vào cho bán mùi hôi, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 2 chi:

- Nước có chất say (majjabhàvoca) - Uống nước có chất say ấy (tassapànam)

Đều đủ cả 2 chi ấy thì mới phạm tội. Chỗ sanh tội (samutthàna vidhi) như trong điều học "thọ lông cừu" (elakalomàsikkhàpada). Chỉ khác nhau là điều học này phạm tội vì đời (lokavajja), phạm vì ác tâm (akusalacitta), có 3 thọ .

2) Dùng tay chọc léc (angulipatodaka)

Tỳ-khưu dùng tay chọc léc vị khác, phạm Ưng đối trị .

Điều học này do đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá, gần thành Xá Vệ, do phe Lục sư chọc léc vị khác.

Chú giải: Chọc léc Sa-di, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Không cố ý chọc léc chơi rồi đụng nhằm, có việc rồi đụng nhằm, và Tỳ- khưu điên, đều không phạm tội .

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 2 chi:

- Cố ý chọt lét chơi (hassàdhippàyatà). - Tay mình đụng nhằm Tỳ-khưu khác (upasampannassakàye nakàỳamasanam).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học Bất cộng trụ thứ nhất (pathama pàràjika sikkhàpada).

3) Giỡn nước (hassadhamma).

Tỳ-khưu giỡn nước phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Tỳ-khưu Vagga giỡn nước.

Chú giải: Giỡn trong nước sâu từ cườm chân trở xuống phạm Tác ác. mỗi lần lặn xuống ngước lên phạm Ưng đối trị, lội phạm Ưng đối trị, mỗi lần tay bơi chân quậy. Nếu lội nổi trên nước, phạm Ưng đối trị, mỗi lần tay chân bơi quậy; xuống chơi trong nước cạn dưới cườm chân, hoặc chơi ghe, hoặc lấy tay, chân, cây... chận nước hoặc giỡn nước trong đồ đựng, giỡn bùn, hoặc khoác nước chơi, đều phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Viết chữ giải nghĩa không cố ý chơi, xuống tắm như thường, lội ngang rạch, sông hoặc có tai hại, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 2 chi:

- Nước sâu ngập cườm chân (uparigoppahatà). - Xuống cố ý giỡn chơi cho vui (hassàdhippàyenakilanam).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthàna vidhi) như trong điều học Bất cộng trụ thứ nhất (pathama pàràjikasikkhàpada).

4) Không kiên luật (anàdariya).

Tỳ-khưu tỏ dạng không kiên luật hoặc không kiên người giảng luật, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tịnh xá Ghosita, gần thành Kosambi, do Tỳ-khưu Channa không kiên pháp luật.

Chú giải: Tỳ-khưu nhờ vị khác thức tỉnh, khuyên dạy dìu dắt, cấm răn theo điều học của đức Phật đã cấm chế mà không kiên vị ấy, hoặc không kiên luật pháp, phạm Ưng đối trị. Nghĩ rằng "Vị này kiếm điều bắt tội chê trách, nói xấu, lời vị này, ta không hành theo rồi không kiên nể như thế gọi là không kiên", với Tỳ-khưu, phạm Ưng đối trị, với sa-di, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khưu có học Phạn, đáp: "sự học đọc Pali và Chú giải của thầy giáo thọ của tôi như vậy.", và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 2 chi:

- Tỳ-khưu thức tỉnh theo luật mà Phật cấm chế(Upasampannassa pannattena vacanam); - Dễ duôi không kiêng nể(anàdariya karanam).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học trộm cắp (adinnàdànà sikkhàpada). Chỉ khác nhau là điều học này thuộc thọ khổ (dukkhavedanà).

5) Nhát Tỳ-khưu khác (bhimsàpana).

Tỳ-khưu nhát hoặc làm cho vị khác kinh sợ, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư nhát phe Thập thất sư.

Chú giải: Làm cho Tỳ-khưu khác sợ là nói: chỗ nầy có kẻ cướp độc ác, hoặc đem vật gì làm cho sợ, nói lời chi cho Tỳ-khưu khác sợ, Tỳ-khưu này dầu sợ hay không sợ, Tỳ-khưu nhát cũng phạm Ưng đối trị; Tỳ-khưu nhát cũng phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Không tính làm cho người sợ, nói lời thiệt, như nói "đường này xa có bọn cướp", và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 2 chi:

- Người ấy là Tỳ-khưu (upasampannata); - Cố ý ráng làm cho Tỳ-khưu kinh sợ, trong khi vị này nghe và thấy(bhimsàpetukàmatàya vàyamanam).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như điều học trên.

6) Nhúm lửa lên ngọn (jotisamà dahana).

Tỳ-khưu vô bịnh tự mình hoặc dạy người khác nhúm lửa cho lên ngọn đặng hơ, Ưng đối trị.

Nếu đốt vì hữu sự, như đốt bát, không phạm tội.

Điều học này đức Phật cấm chế tại rừng Bhesaka do các Tỳ-khưu nhúm lửa để hơ trong tháng lạnh.

Chú giải: Nhúm lửa chưa cháy phạm, cháy lên ngọn phạm Ưng đối trị.

Tỳ-khưu có bịnh, không có lửa chịu không được gọi là: "có bịnh". Tỳ-khưu có bịnh tưởng là không bịnh, nghi rồi nhúm lửa để hơ, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết là có bịnh rồi nhúm lửa hơ không phạm tội, hơ lửa của người khác nhúm, nhúm lửa vì hữu sự hoặc có tai nạn, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 4chi:

- Vô bịnh (agilànatà);

- Không có duyên cớ mà đức Phật cho phép (anunnàtakaranàbhàvo).
- Cố ý để hơ (Visibbhetukàmata).
- Tự mình hoặc dạy kẻ khác nhúm lửa cháy lên ngọn (samàdahanam).
Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học làm mai dong (sancaritta sikkhàpada).

7) Tắm (nahàna).

Tỳ-khưu ở xứ Trung Ấn độ, 15 ngày tắm một kỳ được, nếu chưa đủ 15 ngày rồi tắm, phạm Ưng đối trị, trừ ra có dịp mới tắm được. (điều học này chỉ cấm ở xứ Trung Ấn độ, xứ ngoài như xứ ta nên tắm thường thường, không phạm tội).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc Lâm tịnh xá (Vihàra veluvana) gần thành Vương xá (Ràjagaha). Do chư Tỳ-khưu tắm lâu, làm cho đức vua "Tần Bà Sa" chờ đợi.

8) Làm dấu (dubhannakarana).

Tỳ-khưu được y mới, nếu muốn mặc, cần phải dùng 1 trong 3 màu là: màu xanh chàm, đen xậm, xám tro (bùn), để làm dấu tròn (bandukappa) mới nên mặc, nếu chưa làm dấu tròn mà dùng, phạm phạm Ưng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do chư Tỳ-khưu không biết nhìn y đã bị bọn cướp đoạt.

Chú giải: Tỳ-khưu đã mặc y là, dấu mà tưởng là chưa làm, hoặc nghi mà mặc, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Đã làm dấu tròn, biết đã làm rồi mặc, hoặc đã làm mà dấu tròn đã bay tan, hoặc chỗ làm dấu tròn ấy đứt rách mất, hoặc y làm không được, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 3 chi:

- Y chưa làm dấu tròn (cìvarassa akatakappalà). - Không phải là Tỳ-khưu có y mất (nanatthàcìvaradità). - Đã mặc hoặc đắp y ấy (nivàsanamvà pàrupanamvà).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học thọ lông cừu (elakalomà sikkhàpada). Chỉ khác nhau là điều học này phạm vì làm, là mặc, đắp, vì không làm là không làm dấu (kiriyà kiriyà).

9) Gởi y (vikappana).

Tỳ-khưu gởi y cho 1 trong 5 hạng người xuất gia, Tỳ-khưu, Tỳ-khưu ni, Thất xoa ma na, Sa-d, Sa-di ni, mà không cho người lãnh gởi xả phép gởi cho, rồi đem y về mặc, đắp, phạm Ưng đối trị .

Điều học này gọi là "paccudhàra" như thế cũng được.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khưu Upananda gởi y khi lấy y đem vể mặc không nhờ người lãnh gởi

xả phép gởi.

Chú giải: Tỳ-khưu đã gởi y rồi đem về mặc mà chưa xả phép gởi ấy phạm Ưng đối trị . Nguyện đặt tên và lìa xa y chưa xả phép gởi. Phạm Tác ác, đã xả phép gởi tưởng là chưa xả hoặc nghi rồi mặc, đắp, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết đã xả phép gởi rồi mặc, đắp, chưa chịu gởi đã xả phép gởi cho, hoặc dùng y vì thân thiết với người chịu gởi, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 3 chi:

- Không xả y mà mình đã gởi (sàmamvikappi tassa apaccudhàro).

- Y ấy đủ thước tấc (bề ngang, bề dài) nên gởi (vikappanùpaga cìvaratà). - Đã mặc, đắp (paribhogo).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học lễ dâng y lần thứ nhất (pathamakathina sikkhàpada).

10) Giấu vật dụng (ananidhàna).

Tỳ-khưu giấu 1 trong 5 món, bát, ca-sa, tọa cụ, dây thịt lưng của vị khác, để giểu chơi Ưng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư giấu các vật dụng (bát, cà-sa...) của phe Thập thất sư.

Chú giải: Người lãnh đem giấu phạm Tác ác. Tỳ-khưu giấu hoặc dạy người đem giấu, phạm Ưng đối trị, giấu của người chưa tu lên bực trên phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Vật dụng của người khác cất không kỹ lưỡng giùm cất cho, hoặc lượm cố ý để thức tỉnh, rồi mới cho lại, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy người khác (sànattika) có 2 chi:

- Nhất là dấu bát của Tỳ-khưu (pattàdinam apanidhànam). - Cố ý làm cho chủ khó lòng, hoặc giễu chơi (hassadhippàyatà).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học trộm cắp (adinnàdànà sikkhàpada).

---o0o---

VII. GIẾT CÔN TRÙNG PHẦN THỨ BẢY (sappànakavagga)

1) Giết súc sanh (sancicapàna).

Tỳ-khưu cố ý giết súc sanh phạm Ưng đối trị . Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ- khưu Udàyi bắn thác điểu thú (quạ).

Chú giải: Tỳ-khưu cố ý giết súc sanh dù nhỏ bằng trứng chí, trứng rệp cũng phạm Ưng đối trị .

Thú lớn thì nghiệp ác lớn, nghi con thú còn sống, hoặc không phải thú còn sống mà tưởng là còn sống, rồi giết phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết rằng không-phải thú, không cố ý, quên, không biết, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

2) Giết côn trùng (sappànaka).

Tỳ-khưu biết trong nước có côn trùng sống rồi dùng nước ấy để: uống, tắm hoặc rữa tay, chơn, hoặc rửa đồ đựng phạm Ưng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư dùng nước có côn trùng sống.

3) Nhắc vụ cũ lại (ukkotana).

Tỳ-khưu biết Tăng đã giải sự tranh biện theo 1 trong 7 pháp diệt tránh rồi mà còn nhắc việc ấy lại nữa, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư nhắc lại việc cũ mà Tăng đã xử xong đúng theo pháp.

Chú giải: Tỳ-khưu nào biết Tăng đã diệt tránh rồi mà còn đến nói vời Tỳ- khưu ấy rằng "Tăng xử việc ấy không đúng đâu, phải xử lại nữa" nói như thế thì phạm Ưng đối trị.

Tăng dùng theo pháp nghi, tưởng là không dùng theo pháp, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tưởng là Tăng sự không đúng theo pháp, biết Tăng sự không đúng, và Tỳ- khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 3 chi:

- Tranh biện mà Tăng đã diệt theopháp (yadhàdhammam nihatabhàvo). - Đã biết (jànanatà). - Nhắc lại (ukkotanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học trộm cắp (adinnàdànà sikkhàpada) chỉ khác nhau là điều học này thuộc về thọ khổ (dukkha vedanà).

4) Giấu tội nặng (dutthullapaticchàdana).

Tỳ-khưu biết Tỳ-khưu khác phạm tội nặng là tội Tăng tàn, mà lại giùm giấu tội ấy, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khưu Upananda nhờ Tỳ-khưu khác giấu tội Tăng tàn - làm mai dong - mà ngài đã phạm.

Chú giải: Trong tội nặng, nghi, tưởng là không phạm tội nặng, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tính sợ có sự cãi lẻ đến Tăng hoặc nghi rằng người ấy hung ác sẽ có hại đến sinh mạng hoặc đến phạm hạnh, rồi nín thinh, chưa gặp Tỳ-khưu đáng nói, hoặc không muốn giấu rồi nín thinh, không nói vì nghi, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 2 chi:

- Biết là Tỳ-khưu phạm tội nặng (upasam pannassa dutthullàpattijànanam). - Định không nói vớingười khác vì muốn giấu tội nặng ấy (dhùranikkhapo).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthàna) tội sanh vì thân khẩu ý, phạm vì làm (kiriya) không phạm vì tưởng

(sannàvimokkha), vô ý cũng phạm (acittaka), phạm tội vì đời (lokavajja), thân nghiệp, khẩu nghiệp, ác tâm (akusalacitta), thọ khổ (dukkhavedanà).

5) Người chưa đủ 20 tuổi (onavìsativassa).

Tỳ-khưu biết là người chưa đủ 20 tuổi rồi làm thầy tế độ cho tu lên bực trên (upasampadà), phạm Ưng đối trị .

Người ấy vẫn còn là Sa-di, chưa được lên bậc Tỳ-khưu đâu.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc lâm tịnh xá (Vihàra veluvana) gần thành Vương xá (Ràjagaha) do Tỳ-khưu truyền Tỳ-khưu giới cho những người trẻ tuổi.

Chú giải: Tỳ-khưu làm hoà thượng tế độ, phạm Ưng đối trị. Ngoài ra, các Tỳ-khưu khác chứng minh đều phạm Tác ác. Về phần người tu lên bậc trên ấy, dầu hoà thượng biết, hay không làm phép cho lên bậc trên cũng không được lên. Người ấy khi đã tu được 10 hạ rồi, được làm hoà thượng cho kẻ khác tu lên bậc trên, trừ hoà thượng ấy ra, nếu các Tỳ-khưu chứng minh đủ số, người mới tu ấy được gọi là lên bực trên đúng đắn. Dầu người chưa được lên bực trên kia, chưa biết mình đến đâu thì đường trời và Niết Bàn cũng không hư hại đến đó. Nếu biết thì nên làm lễ người tu lên bực trên lại.

6) Trốn quan thuế (theyyasattha).

Tỳ-khưu biết bọn buôn tính trốn thuế nhà nước, trốn quan thuế, rồi còn rủ đi chung đường cùng nhau, dầu đi khỏi một khoảng xóm cũng phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do 1 Tỳ-khưu đi chung với bọn buông lậu bị bắt rồi được thả ra.

Chú giải: đi đường rừng không có xóm, qua khỏi nửa do tuần cũng phạm Ưng đối trị.

Người không rủ, Tỳ-khưu không rủ, hoặc bọn buôn mà Tỳ-khưu nghi, hoặc không phải bọn buôn, đều phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khưu tưởng là không phải bọn buôn lậu, không rủ mà đi chung đường cùng nhau hoặc người rủ mà Tỳ-khưu không rủ, hoặc rủ nhau đi vì có tai hại, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 4 chi:

- Bọn buôn lậu (theyyasatthabhàro).
- Đã biết (jànanam).
- Cả 2 bên đồng rủ nhau đi (samvidhànam).
- Đi khỏi xóm hoặc đã quá nửa do tuần (avisanketenagamanam).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Tội phát sanh do thân ý, thân khẩu ý, phạm vì làm (kiriyà), khỏi phạm vì tưởng (sannavimokkha) phạm vì cố ý (pannattivajja), thân nghiệp, khẩu nghiệp, 3 tâm, 3 thọ.

7) Rủ phụ nữ đi chung (samvidhàra).

Tỳ-khưu rủ phụ nữ đi chung đường cùng nhau ., dầu chỉ đi qua khỏi xóm cũng Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do 1 vị Tỳ-khưu rủ 1 người phụ nữ đi chung đường.

Chú giải: Trong tinh nữ, ngạ quỉ nữ, bộ nấp và thú cái có thân hình như người, Tỳ-khưu phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết là không phải phụ nữ, không phạm tội, ngòai ra như điều học trên trừ ra có sự nguy hiểm.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 3 chi:

- Cả hai bên đều rủ nhau đi chung đường (Dvinampisam vidahitvà maggapati pannatà); - Không sai ý muốn(avisanketatà); - Đã đi qua khỏi xóm hoặc đi khỏi nữa do tuần (gàmantàrogamanam và adhayojanàtikkamovà);

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Tội phát sanh do thân khẩu, thân ý, thân khẩu ý, phạm vì làm (kiriyà), không khỏi phạm vì tưởng (nosannàvimokha) vô ý cũng phạm tội (acittaka), phạm vì Phật cấm (pannattivajja), thân nghiệp, khẩu nghiệp, có 3 tâm, có 3 thọ.

8) Tỳ-khưu tà kiến (aritha).

Tỳ-khưu chấp tà kiến, hiểu thấy sai lầm pháp luật mà đức Phật đã giảng giải, các Tỳ-khưu khác ngăn cản cũng chẳng nghe, nếu Tăng đã tụng lời khuyên răn đến 3 lần (samanubhàsanakamma) mà còn chưa dứt bỏ tà kiến, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khưu Arittha tà kiến.

Chú giải: Tỳ-khưu tà kiến là nói "tiếp xúc phụ nữ không có tội, ví như đụng nhằm vật lót, trải,mêm dịu, không thấy tội, trong sự dâm dục như thế, vị khác nghe biết nên giảng tội ngũ trần, răn cấm Tỳ-khưu ấy đến 2, 3 lần mà không nghe, Tỳ-khưu tà kiến ấy phạm Tác ác. Nếu Tỳ-khưu tà kiến không chịu bỏ kiến thức xấu xa nên dẫn đến cho Tăng khuyên răn. Nếu đã khuyên mà không nghe Tăng tụng Samanubhàsana đến 2 lần mà Tỳ-khưu ấy cũng chưa bỏ tánh cũ thì phạm Tác ác, khi tụng dứt lần thứ 3 rồi, phạm Ưng đối trị.

9) Thân cận cùng Tỳ-khưu si mê (ukkhitasambhoga).

Tỳ-khưu biết rõ vị ấy chưa bỏ kiến thức lầm lạc như thế rồi thân cận cùng vị ấy, là ăn chung hoặc hành Tăng sự chung (sanghakamma), ngủ trong nơi dừng che cùng nhau phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư hành Tăng sự chung với Tỳ-khưu Arittha.

Chú giải: Tỳ-khưu nào phạm tội, Tăng không cho ở chung cùng Tăng, vì không thấy tội hoặc không chịu sám hối, hoặc không bỏ tà kiến mà vị nào được biết như thế rồi cho vật thực, hoặc ăn chung cùng nhau, hoặc học hay dạy pháp, hoặc cho Tỳ-khưu ấy làm Tăng sự chung cùng nhau ... phạm Ưng đối trị. Nghi trong Tỳ-khưu mà Tăng đã cáo tội ấy thì phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tưởng là Tỳ-khưu mà Tăng không cáo tội, biết là Tỳ-khưu đã bỏ tà kiến, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 3 chi.

- Tăng không hành theo pháp (akatànudhammata). - Biết rõ (jànanam). - Có làm việc nhất là thân cận cùng Tỳ-khưu ấy (sambhogàdikaranam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học trộm cắp (adinnàdànà sikkhàpada), chỉ khác nhau là điều học này phạm tội vì đời (lokavajja) có 4 tâm, 3 thọ.

10) Dỗ dành Sa-di (kanthaka).

Tỳ-khưu biết Sa-di mà Tỳ-khưu đã hủy bỏ rồi vì tội thấy quấy ngoài pháp luật mà đức Phật đã giải, dỗ dành Sa-di ấy về cho hầu hạ mình, hoặc ăn chung ngủ chung trong chỗ che lợp, Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi), do phe Lục sư dỗ dành Sa-di Kanthaka tà kiến cho hầu hạ mình.

Chú giải: Tỳ-khưu nghe thấy biết Sa-di tà kiến như thế rồi khuyên răn đến 2, 3 lần mà không nghe nên tụng lời hủy thương (không cho ở chung, ăn chung - nàsana) đến Sa-di ấy rằng: "Ajjatagge te àvuso samanuddesa nacevaso bhagavà satthà apadisitabboyampicanne samanudde sàlabhanti bhikhùhisaddhim dirattatirattam

sahaseyyam sàpite caraparevinassàti".

Nghĩa là: Này Sa-di! Kể từ ngày nay ngươi chẳng nên ỷ lại nói đức Thế Tôn là tôn sư của ngươi nữa. Các Sa-di khác được phép ngủ chung với Tỳ-khưu đến 2, 3 đêm là hạn định, dầu như thế ngươi cũng không được phép ngủ chung, ngươi lánh xa ra đi, ngươi là người xấu xa, hãy hư hại đi", như thế nếu Tỳ-khưu nào đã biết Sa-di mà Tăng đã phá hoại như vậy rồi lại dỗ dành cho vật dụng hay dạy đạo, cho hầu hạ mình vui thích thân cận hoặc ở chung cùng Sa-di, phạm Ưng đối trị.

---o0o---

VIII. NÓI THEO PHÁP PHẦN THỨ TÁM (Dhammika vagga)

1) Nói theo pháp (sahadhammika).

Tỳ-khưu làm quấy, khi vị khác thức tỉnh mà còn cãi lẽ rằng "Tôi chưa học hỏi điều học ấy, chờ tôi học hỏi các ngài bác học, luật sư đã", nói lời như thế thì phạm Ưng đối trị.

Lẽ thường Tỳ-khưu học hỏi, nếu chưa được biết rõ điều nào thì cần phải học tập cho thấu đáo điều ấy nơi bậc minh sư, cầu ngài giảng giải cho thấy rõ rệt.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Ghositàràma gần thành Kosambi, do Tỳ- khưu Channa làm quấy.

Chú giải: cãi lẽ với người chưa tu lên bậc trên phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khưu nói "Tôi biết sẽ học hỏi", và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội, điều này không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 2 chi:

- Tỳ-khưu đã cóvị khác khuyên răn theo điều luật cấm chế (upasampannattena vacanam). - Cãi lẽ như thế (asikkhitukàmatàya evamvacanam).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học trộm cắp (adinnàdànà sikkhàpada). Chỉ khác nhàu là điều học này thuộc về thọ khổ (dukkhavedanà).

2) Nói cho người dãi đãi (vilekhana).

Tỳ-khưu đương học luật, vị khác cố ý nói xấu điều học làm cho Tỳ-khưu ấy dãi đãi, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư nói cho Tỳ-khưu dãi đãi.

Chú giải: Nói xấu rằng "học tập điều học có ích chi, người nào học như thế chỉ làm khó khăn, nóng nảy bực bội, trong tâm thôi", nói như thế thì phạm Ưng đối trị.

Nói cho Sa-di thì phạm Tác ác, nói xấu kinh và luận trong Tỳ-khưu và Sa-di thì phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Không cố ý nói xấu, nóirằng "hãy đọc kinh hoặc luận, hoặc kệ ngôn đi, sau sẽ học luật", và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 2 chi;

- cố ý nói xấu (garahitukàmatàca). - nói xấu điều học trong Tỳ-khưu (upasampannassa santike sikkhàpadavivannamca).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học trộm cắp (adinnàdànà sikkhàpada). chỉ khác nhau là điều học này thuộc về thọ khổ (dukkhavedana

3) Làm như không biết (mohana).

Tỳ-khưu phạm tội, cố ý nói "tôi chỉ mới biết đây rằng: điều ấy có trong giới bổn (Pàtimokkha). Nếu vị khác nói: Tỳ-khưu ấy đã từng biết trước rồi mà nói như thế ấy là cố ý làm như không biết. Tăng nên tuyên bố bài moharo panakamma [*] đến Tỳ-khưu ấy khi tăng đã tụng rồi mà vẫn còn làm như không biết" nữa, phạm Ưng đối trị.

[*] Moharo panakamma là lời Tăng khuyên rằng: - Này ông, việc không phải là lợi của ông đâu, ông chỉ được điều quấy vì khi Tỳ-khưu tụng giới bổn, ông không ghi nhớ cho đúng đắn.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư làm tuồng như không biết.

4) Đánh Tỳ-khưu khác (pahàradàna).

Tỳ-khưu giận vị khác rồi đánh đánh vị ấy như bốp tai, đá, cú ..., phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư đánh phe Thập thất sư.

Chú giải: Dầu vị ấy bị đánh như thế mà rủi có chết cũng phạm Ưng đối trị, vì chỉ cố ý đánh cho đau khổ thôi. đánh Sa-di thì phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Nếu có người muốn làm hại đánh mình, mình có thể cự lại cho khỏi bị hại, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 3 chi:

- Giận hờn (kupikatà). - Không cố ý, muốn cho mình khỏi bị hại (namokkhàdhippàyatà). - Đánh người tu lên bậc trên (upasam pannassapahàradànam0

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học Bất cộng trụ thứ nhất (pathamapàràjika sikkhàpada). chỉ khác nhau là điều học này thuộc về thọ khổ (dukkhavedanà).

5) Dá tay muốn đánh (talasattika).

Tỳ-khưu giận hờn vị khác rồi dưa tây lên muốn đánh, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư dá tay muốn đánh phe Thập thất sư.

Chú giải: Nếu Tỳ-khưu dá tay muốn đánh rồi quên đánh nhằm phạm Tác ác. Vì không cố ý đánh. nếu trúng nhằmmình bị bịnh thế nào, cũng phạm Tác ác. Ngoài ra cũng như trong điều học trên.

6) Cáo vô cớ (amùlaka).

Tỳ-khưu vô cớ, là không được thấy, không được nghe, không nghi mà cáo vị khác vì tội Tăng tàn, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư, vô cớ cáo các Tỳ-khưu trong phe.

Chú giải: Tỳ-khưu tự mình cáo vô cớ hoặc dạy kẻ khác cáo phạm 1 trong 13 tội Tăng tàn, nếu vị bị cáo được biết rằng mình bị cáo thì Tỳ-khưu tiên cáo phạm Ưng đối trị, cáo Sa-di phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tưởng là Tỳ-khưu phạm, rồi cáo theo ý tưởng, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 4 chi:

- Bị cáo là người tu lên bậc trên (upasampannatà). - Cáo tội Tăng tàn không có cớ (sanghàdisesassa amùlakata). - Tự mình cáo hoặc dạy kẻ khác cáo (anuddhasanata - Trong khi bị cáo biết rằng mình bị cáo (tamdhanamvijànanam).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị: Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học trộm cắp (adinnàdànà sikkhàpada). chỉ khác nhau là điều học này thuộc về thọ khổ (dukkhavedanà0.

7) Cố ý làm cho Tỳ-khưu nghi ngờ (san cicca).

Tỳ-khưu cố ý làm cho sự nghi ngờ lo buồn phát sanh đến các vị khác, dầu là trong một chốc lát cũng phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư cố ý làm cho phe thật thất sư nghi ngờ.

Chú giải: Làm cho phát sanh sự nghi ngờ là nói "có lẽ ngài chưa đúng 20 tuổi chăng? Tu không lên bậc trên được", có lẽ ngài ăn vật thực sái giờ, có lẽ ngài uống nước có chất say, có lẽ ngài ngồi trong chỗ kín với phụ nữ, làm cho người lo buồn, như thế phạm Ưng đối trị, làm cho Sa-di phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Không cố ý làm cho Tỳ-khưu buồn lo, là nói vì muốn cho sự lợi ích đến thấy, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 3 chi:

- Người đã tu lên bậc trên (upasampannatà). - Cố ý làm cho Tỳ-khưu ấy lo buồn (adhàsukàmatà). - Làm cho sự lo buồn phát sanh như đã giải (kukucca upàdanam0

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học trên.

8) Rình nghe lén (upassuti).

Khi các Tỳ-khưu đương tranh biện nhau, Tỳ-khưu đi rình nghe lén, tính rằng các Tỳ-khưu này nói lời chi, ta nghe lời ấy rồi cố ý để cáo, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư cãi lẽ với Tỳ-khưu khác trong sạch, rồi đi rình nghe lén.

Chú giải: Tỳ-khưu khi đếnnơi nghe các Tỳ-khưu khác đương tranh biện rồi ra dấu "tằng hắn" hoặc nói "tôi ở đây", nếu không làm như thế, nín thinh để nghe cũng phạm Ưng đối trị, rình nghe Sa-di thì phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Đi rình nghe, tính rằng được nghe các ngài nói, ta trở về, ta lánh đi, ta chịu nhịn, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 3 chi:

- Người đã tu lên bậc trên (upasampannata) - Cố ý cáo (codanà dhippàyo). - Rình nghe lén được (savanam).

Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học trốn qua thuế (theyyasattha sikkhàpada), phạm vì làm là mình nghe lén (siỳa kiriỳa) phạm vì không làm là không "tằng hắn" cho người biết (siyà akiriyà), khỏi phạm vì tưởng (sannàvimokkha), phạm vì cố ý (sacittaka), phạm vì tội đời (lokavajja)

thân nghiệp, khẩu nghiệp (kàỳakamma vacìkamma), phạm ác tâm (akusalacitta) thuộc về thọ khổ (dikkha vedanà).

9) Phỉ báng Tăng làm việc phải (kammapatibàhana).

Tỳ-khưu nhận chịu cho Tăng, làm việc phải, đến sau trở lại nói xấu Tăng làm việc ấy, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư nói xấu Tăng làm việc phải.

Chú giải: Tỳ-khưu nghi trong Tăng sự đúng theo pháp, hoặc trong Tăng sự đúng theo pháp mà nói là không đúng, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khưu tưởng trong Tăng sự không đúng theo pháp, rồi nói xấu, và Tỳ- khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 3 chi:

- Tăng sự đúng theo phép (dhammakammatà). - Tưởng là tăng sự đúng theo phép (dhammakammamtisannà). - đã nhận chịu rồi nói xấu (chandam datvàkhiyanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học trộm cắp (adinnàdànà sikkhàpada), chỉ khác là điều học này thuộc về thọ khổ (dukkha vadanà).

10) Chưa chịu mà bỏ ra đi (pakkamana).

khi Tăng đương hội họp để diệt tránh hoặc làm Tăng sự. Tăng chưa làm xong việ ấy, Tỳ-khưu ở trong hội chưa ưng chịu mà bỏ ra đi, phạm Ưng đối trị.

Điều học này gọi là Chandamadtvà gamana như thế cũng được.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tăng hội họp làm Tăng sự có Tỳ-khưu chưa chịu rồi bỏ ra đi.

Chú giải: Tỳ-khưu bỏ ra đi, bước chưa khỏi hắc "Tăng" (hatthapàsa sangham) thì phạm Tác ác, ra khỏi hắc Tăng thì phạm Ưng đối trị, nghi trong Tăng sự đúng theo phép hoặc trong Tăng sự không đúng theo phép, tưởng là không đúng thì phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết là Tăng sự không đúng theo phép, bỏ ra đi không phạm tội, biết rằng chẳng có tiếng chẳng lành đến Tăng, hoặc Tăng làm không đúng theo phép rồi bỏ ra đi, hoặc có bịnh, hoặc đi tiểu, đại tiện, hoặc đi ra tính sẽ trở lại, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 6 chi:

- Trong khi phân xử (vinicchayaka thàyavaggamànatà). - Tăng sự đúng theo pháp (dhammakammatà). - Biết rằng Tỳ-khưu đúng theo pháp (dhammakammasannità). - Ở trong giới hạn Tăng (samànasìmàyathitatà). - Mình có sự đồng đẳng với Tăng (samànasamvàsakatà). - Cố ý làm cho hư Tăng sự, rồi bỏ ra đi khỏi Tăng hội (kotitukàma tàyahatthapàsavijahanam).

Đều đủ cả 6 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna), tội sanh do thân, khẩu, ý, phạm vì làm là bỏ ra đi và không làm là không hữu sự (kiriỳa kiriỳa), khỏi phạm vì tưởng (sannàvimokkha), phạm vì cố ý (sacittaka), phạm vì tội đời (lokavajja), thân nghiệp, khẩu nghiệp, ác tâm (akusalacitta), thọ khổ (dukkhavedanà).

11) Phỉ báng các Tỳ-khưu (khiyyadhamma).

Tỳ-khưu đồng ý với Tăng đã thưởng y đến 1 Tỳ-khưu nào, đến sau trở lại nói xấu rằng "các Tỳ-khưu ấy đem lợi của Tăng đến Tỳ-khưu vì ý riêng", như thế phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc Lâm tịnh xá (Velivana) gần thành Vương xá (Ràjagaha), do phe Lục sư nói xấu vị A la hán Dabbamalla.

12) Đoạt về cho người khác (parinnàmana).

Tỳ-khưu biết rằng lợi mà thí chủ đã sẵn lòng dâng đến Tăng rồi thành lợi đến Tăng ấy về cho người khác, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư đoạt của Tăng về cho Tỳ-khưu khác.

Chú giải: như trong điều học đoạt về cho mình (parihatta sikkhàpada) trong Ưng xả đối trị. chỉ khác là trong điều học "đoạt về cho mình" phạm tội Ưng xả đối trị vì đoạt về cho mình, trong điều học này chỉ phạm Ưng đối trị, vì đoạt về cho người khác.

---o0o---

IX. TRONG ĐỀN VUA PHẦN THỨ CHÍN (antepura)

1) Trong cung cấm (antepura).

Đức vua được thọ lễ tôn vương làm chúa trong nước, ngài còn ngự trong cung cấm với hoàng hậu, Tỳ-khưu chưa được lịnh đòi vào cung cấm ấy, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do đức Ànanda vào trong cung cấm trong khi đức vua Pasanadikosala cùng hoàng hậu còn ngự trên long sàn.

2) Lượm vật báu (ratana).

Tỳ-khưu thấy vật dụng của người thế rơi hoặc bỏ quên trong nơi nào, cho là vật làm rớt rồi tự mình hoặc bảo kẻ khác lượm lấy, phạm Ưng đối trị, trừ ra vật ấy rơi hoặc bỏ quên trong chùa hoặc chỗ ở của mình, phải lượm cất cho chủ, nếu không lượm cất, phạm Tác ác.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khưu đi tắm lượm được túi bạc đựng 500 lượng của người bà la môn.Bà-la-môn đã nhờ Tỳ-khưu cho túi bạc lại, rồi tính cáo gian rằng của tôi có đến 1000 lượng không phải chỉ 500 lượng đâu, bèn bắt Tỳ-khưu ấy rồi thả ra.

Chú giải: Tự mình lượm lấy hoặc bảo kẻ khác lượm lấy bạc vàng cho mình, phạm Ưng đối trị. Cho Tăng, cho Tháp và cho vị khác, phạm Tác ác, dầu

của cha mẹ rồi lượm cất như người giữ kho, phạm Ưng đối trị. Nếu người thế nói: "xin ngài cất giùm vật này", thì nên ngăn "không nên". Nếu họ bất bình liệng vật ấy rồi bỏ đi, gọi là việc bận của Tỳ-khưu, Tỳ-khưu nên lượm cất.

Thợ mộc, hoặc người của nhà nước làm việc trong chùa họ gởi vật chi hoặc gởi chỗ ở, xin cất giữ dùm cho, cũng chẳng nên vị mặt, sợ sệt, nên chỉ chỗ cất để cũng được. Dầu phía trong chùa hoặc phía trong chỗ ở hoặc trong nơi mà họ nghi, có lẽ Tỳ-khưu hay Sa-di lượm lấy vật rơi rớt trong chỗ như thế, nên tự mình hoặc bảo kẻ khác lượm lấy

rồi làm dấu cất và nên nói: "Vật của người nào người ấy hãy vào lấy đi". Nếu người vào đến, nên hỏi người ấy rằng "vật của ngươi làm mất ấy như thế nào" Nếu họ nói trúng nên cho họ, nói không trúng nên đáp "Ngươi hãy vào kiếm đi".

Nếu Tỳ-khưu đi khỏi nơi ấy, nên gởi cho vị khác đáng gởi, nếu không có vị như thế, nên gởi cho vị cư sĩ đáng tin cậy, rồi ra đi được.

Tỳ-khưu không đi khỏi chùa và không thấy chủ lại kiếm, nên lấy vật ấy dùng vào chỗ ở hoặc tháp, hoặc ao sen, là vật bền chắc. Nếu đã quá lâu ngày mà chủ lại đến, nên chỉ rõ vật bền chắc ấy, rồi nói "Ngươi nên hoan hỉ đi". Nếu chủ không vui lòng, muốn đòi lại nên cho người khác lấy vật bền chắc ấy làm của họ, rồi hườn vật mà họ làm rơi trong chùa hoặc trong chỗ ở của mình ấy lại cho họ. Nếu không lượm cất, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Vật rơi trong chỗ mà đức Phật cho phép lượm, Tỳ-khưu lượm cất vật có thể cất được, lượm vật ấy vì sự cần thiết, hoặc là vật lượm, hoặc lượm lấy cho là vật đã bỏ, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy người khác (sànattika) có 4 chi:

- Không có cớ mà đức Phật cho phép (anunnàtakàranam). - Vật của người khác (parasantakatà). - Không phải lượm lấy vì cho là vật bỏ và mượn (vissàsagànakapàlukulasannànam abhàvo). - Tự mình lượm hoặc bảo kẻ khác lượm (uggahanamvà uggahàpanamvà).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học làm mai dong (sancaritta sikkhàpada).

3) Đi vào xóm sái giờ (vikàlegàmappavesana).

Tỳ-khưu không cho vị khác trong bọn hay mà đi vào xóm sái giờ thì phạm Ưng đối trị, trừ ra có việc gấp, nhất là có rắn mỗ Tỳ-khưu trong bọn.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư đi vào xóm sái giờ để nói chuyện vô ích làm cho thiên hạ chê trách.

Chú giải: Ra đi vào xóm bước đầu, phạm Tác ác. qua bước thứ nhì, phạm Ưng đối trị. Ăn trong nhà thiện tín hoặc trong nhà ăn rồi muốn đi vào xóm, nếu có Tỳ-khưu ngồi bên trái hoặc bên mặt cũng phải từ giã có nên nghĩ rằng "không có " rồi đi. Khi đi ra đến đường dầu thấy Tỳ-khưu khác cũng phải từ giã bằng lời này "Tôi xin từ giã đi vào xóm trong lúc sái giờ (vikalegàmappavesanam àpucchàmi)". Trong lúc sái giờ thì phạm Ưng đối trị, trong giờ tưởng là sái giờ thì phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết là buổi sớm có việc gấp, hoặc có từ giã vị khác rồi đi, không có việc nào khác rồi đi hoặc đi đến chùa mà phải qua sớm, hoặc đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khưu ni, đi đến chỗ người tu ngoại đạo hoặc có tai hại, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 3 chi:

- Không từ giã Tỳ-khưu trong bọn (santambhikkhuni anàpucchà). - Không có cớ mà đức Phật cho phép (anunnàtakàranam). - Đi vào xóm sái giờ (vikàlegàmappanesanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học lễ dâng y lần thứ nhất (pathamakathina), chỉ khác nhau điều học này phạm tội vì làm và không làm (kiriỳa kiriya).

4) Làm ống đựng kim (suceghana).

Tỳ-khưu làm ống đựng kim bằng xương, hoặc bằng ngà, bằng sừng, phạm Ưng đối trị.

Phải phá bỏ ống đượng kim ấy rồi sám hối rồi mới hết tội.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tịnh xá Nigrodha gần thành Kapilavatthu, xứ "Thích Ca", do chư sư xin rất nhiều ống đựng kim bằng ngà, thí chủ không rãnh làm việc để nuôi sanh mạng và vợ con, làm cho thiên hạ chê trách.

Thể thức không phạm tội:

Làm ống đựng thuốc nhỏ mắt, cán dao, ống lược nước và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anànattika) có 3 chi:

- Ống đựng kim (sùcigharatà); - Làm, nhứt là bằng xương (atthima ỳadità); - Tự mình làm hoặc bảo kẻ khác làm cho mình làm được (attano atthàỳa karanam và kàràpetvà và patilàbho).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học làm mai dong (sancaritta sikkhàpada).

5) Làm giường(manca).

Tỳ-khưu làm giường hoặc bàn nhỏ thấp dài, nên làm chân cao hơn hết là chừng 8 ngón tay của đức Phật (ngón tay của Phật bằng 3 ngón tay của người bậc trung) -- kể từ dạ dưới giường trở xuống, nếu làm quá mực thước, phạm Ưng đối trị.

Phải cắt bỏ cho bằng hạn định rồi sám hối, mới hết tội (điều học này gọi là "chedanaka" như thế cũng được).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi), do Tỳ-khưu Upananda làm giường cao quá hạn định.

Thể thức không phạm tội:

Bảo họ làm cho vừa hạn định hoặc cao quá giới hạn rồi dạy họ cắt bỏ cho vừa và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội. Có hai chi:

- Giường hoặc bàn nhỏ dài cao quá giới hạn(pamànàtikkantani ancapithatà); - Tự mình làm hoặc bảo kẻ khác làm cho mình, làmđược (attano attàyakaranam vàkàràpetvàvà patilàbho);

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) ngoài ra, như trong điều học làm ống đựng kim(sùcighara sikkhapada).

6) Làm giường có dồn gòn(tulonaddha).

Tỳ-khưu làm giường hoặc bàn nhỏ thấp dài có dồn gòn hoặc dồn bông, phạm Ưng đối trị. Phải phá bỏ rồi sám hối mới hết tội.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi),do phe Lục sư làm giường có dồn bông làm cho thiên hạ chê trách.

Thể thức không phạm tội:

Trong các đồ trang sức, dây nịch lưng, áo bát, vải lược nước, gối có dồn bông không tội.

Điều học này phạm tội vì dạy người khác (sànattika) có 2 chi:

- Giường hoặc bàn nhỏ thấp dài có dồn gòn (tulonaddhamancapithatà). - Tự mình làm hoặc bảo kẻ khác làm cho mình, làm được (attano atthàyakaranam vàkàràdetvà và patilàbho).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị.

7) Làm tọa cụ (nisìdana).

Tỳ-khưu làm tọa cụ để ngồi, nên làm theo hạn định là bề dài 2 gang, bề ngang một gang rưỡi, bề 1 gang của đức Phật, nếu làm quá hạn định phạm Ưng đối trị. Phải cắt bỏ cho bằng mực thước rồi sám hối mới hết tội.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư làm toạ cụ quá hạn định.

Thể thức không phạm tội:

Làm cho vừa theo hạn định hoặc nhỏ hơn người khác làm cho, quá hạn định rồi cắt bỏ ra cho bằng và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội . Có 2 chi:

- Toạ cụ quá hạn định(nisìdanassapamànàtikknatatà). - Tự mình làm hoặc bảo kẻ khác làm, làm được (attano atthàya karanam và karàpetvà patilàbho);

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthàna) như trong điều học trên.

8) Vải rịt ghẻ (gandappaticchàdi).

Tỳ-khưu làm vải rịt ghẻ, nên làm cho đúng theo hạn định là bề dài bốn gang, bề ngang 2 gang của đức Phật.

Nếu làm quá hạn định phạm Ưng đối trị .

Phải cắt bỏ cho bằng hạn định rồi sám hối mới hết tội.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi),do phe Lục sư làm vải rịt ghẻ quá giới.

9) Làm y tắm mưa (vassikasàtikà).

Tỳ-khưu làm y để tắm mưa, nên làm theo hạn định là: bề dài 6 gang, bề ngang 2 gang của đức Phật. Nếu làm quá giới phạm Ưng đối trị .

Phải cắt bỏ cho đúng theo luật định, rồi sám hối mới hết tội.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư làm y tắm mưa quá giới.

10) Làm cà-sa lớn (nanda).

Tỳ-khưu làm ca-sa dài, lớn bằng cà sa của Phật thì phạm Ưng đối trị. Ca-sa của Phật có bề dài 9 gang, bề ngang 6 gang của đức Thế Tôn. Phải làm theo luật định là cắt cho vắn, cho nhỏ hơn ca-sa của Phật, rồi sám hối mới hết tội.

Điều học này gọi là Nandatthera cũng được.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khưu Nanda (em của Phật) có tướng mạo rất đẹp (bề cao thấp hơn đức Phật 4 ngón), mặc ca-sa lớn bằng ca-sa của Phật, ở xa đi lại, chư Tỳ-khưu tưởng là đức Thiên nhơn sư, bèn sửa soạn đứng dậy tiếp nghinh, rõ lại không phải là đức Phật, nên chê trách.

--- o0o ---

VI. BỐN ĐIỀU HỌC ƯNG PHÁT LỘ (Patidesaniya)

Patidesaniya nghĩa là tội mà Tỳ-khưu phải sám hối bằng cách khác (có giải trong chương sau).

1) Tự tay mình thọ lãnh (hatthatopatiggahana).

Tỳ-khưu tự tay mình thọ lãnh vật thực nơi tay Tỳ-khưu ni không phải bà con, phạm Ưng phát lộ.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do 1 Tỳ-khưu thọ vật thực nơi tay Tỳ-khưu ni đi bát dâng cho đến 4 ngày, làm cho Tỳ-khưu ni ấy phải nhịn đói, mình gầy sức yếu.

2) Đương ăn trong chỗ họ thỉnh mời (kulesunimantità).

Tỳ-khưu đang ăn trong chỗ họ thỉnh mời, nếu có Tỳ-khưu ni đến dạy thí chủ đem vật này, vật kia đem đến dâng đến Tỳ-khưu ấy, vì lòng thương yêu trọng đãi Tỳ-khưu, nên đuổi Tỳ-khưu ni ra khỏi, nếu không đuổi phạm Ưng phát lộ.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư được mời thỉnh ăn, có phe sau Tỳ- khưu ni đến dạy thí chủ dâng vật này, vật nọ đến phe Lục sư, lục sư nhờ đó mà ăn no. Các vị khác phải chịu nhịn.

3) Bậc thánh mà Tăng đã chỉ định (Sekkhasammata).

Bậc thánh nhơn nào mà Tăng đã chỉ lịnh định là bậc có đức tin nhiều mà nghèo, nếu Tỳ-khưu không bịnh, không được thỉnh mà thọ vật thực nơi ấy đem về dùng, phạm Ưng phát lộ.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc Lâmtịnh xá (Velivana) gần thành Vương xá (Ràjagaha) do chư sư thọ lãnh vật thực nơi bậc thánh nhơn mà nghèo, làm cho nhà ấy phải chịu đói khát.

4) Chỗ ở trong rừng nguy hiểm (arannikasenàsana).

Chỗ ở trong rừng là nơi xa xóm ít nhất là 1000 thước. Tỳ-khưu ngụ trong rừng là nơi nguy hiểm có điều lo sợ, nếu không bịnh mà thọ lãnh vật thực của thí chủ đã cho tin trước rằng "họ sẽ đến dâng vật thực trong nơi ấy" và Tỳ-khưu không cho họ hay có sự nguy hiểm trong nơi ấy, tự tay mình thọ lãnh đem dùng, phạm Ưng phát lộ.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Nigrodha tịnh xá, gần thành Ca tỳ la vệ (Kapilavatthu) (dòng thích ca), do chư sư ngụ nơi rừng nguy hiểm, có phe tín nữ vào trai Tăng bị bọn trai hung ác đón đường cướp của và hãm dâm.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khưu cho hay sự nguy hiểm ấy mà tưởng là chưa cho hay, hoặc nghi, hoặc tưởng đã có cho hay rồi, có bịnh, thọ lãnh vật thực của thì chủ dâng đến mà mình đã cho hay trước, hoặc dùng vật thực dư của Tỳ-khưu bịnh, hoặc dùng củ, trái cây mà mình được thọ lãnh ngoài chùa, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Điều học này có 7 chi:

- Chỗ ngụ trong rừng như đã nói (yacàvutta àrannika senàsakatà). - Vật thực không phải phát sinh trong nơi ấy (yàvakàlikassa attatthajàtakatà). - Không có bịnh (agilànatà). - Vật thực không phải của dư của Tỳ-khưu bịnh (agilànàvasesakatà). - Không cho hay (appatisam viditata - Thọ lãnh trong chùa (ajjhàràme patiggahanam). - Đã ăn vào (ajjhoharanam).

Đều đủ cả 7 chi ấy mới phạm tội Ưng phát lộ.

Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học lễ dâng y lần thứ nhất (pathamakathina sikkhàpada). Chỉ khác nhau là điều học này phạm tội vì làm là thọ lãnh và vì không làm là không cho hay trước (akiriỳa).

Nếu phạm 1 trong 4 tội Ưng phát lộ ấy nên sám hối như vầy:.

- Tôi đã phạm phép đáng cho đức Phật chê trách là phạm Ưng phát lộ mà người phạm cần phải bày tỏ ngay, tôi xin bày tỏ pháp ấy, còn lời xin sám hối và lời thọ tiếp theo như lời sám hối trong các tội khác.

Gàrayham Bhante / Àvuso dhammam àpajjim asappàyam patidesa nìyam tam patidesemi.

Nếu nhiều vị, đọc "àpajjimhà" thế cho "àpajjim", "patidesama" thế cho "patidesemi".

---o0o---

VII. BẢY MƯƠI LĂM (75) ĐIỀU HỌC ƯNG HỌC PHÁP (SEKKHIYAVATTA)

Ưng học pháp là điều học mà Tỳ-khưu, Sa-di phải học và hành. chia làm 4 phần.

I. Mặc y cho nghiệm trang, phần thứ, có 26 điều (sàrùpa). II. Thọ thực cho tề chỉnh, phần thứ nhì, có 30 điều học (bhojanapatisamyutta). III. Thuyết pháp cho đúng phép, phần thứ ba, có 16 điều học (dhammadesanàpatisamyutta). IV. Lượm lặt, phần thứ tư có 3 điều (pakinnaka).

---o0o---

I. MẶC Y CHO NGHIÊM TRANG - PHẦN THỨ NHẤT(SÀRUPA).

Có 26 điều học:

1) Tỳ-khưu nên làm như vầy: Ta phải mặc, đắp y cho kín mình (parimandalanivàsana).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư mặc y nội phía trước và phía sau không đồng, làm cho thiên hạ chê trách.

Chú giải: Phải mặc y nội phía trên cho kín rún, phía dưới từ đầu gối xuống 8 ngón tay như thế gọi là mặc kín mình. Nếu dễ đuôi, mặc phía trước hoặc phía sau xệ xuống, phạm Tác ác.

Nếu phạm 1 trong 75 điều "ưng học pháp" gọi là phạm Tác ác cả, không cố ý, quên không biết có bịnh, có điều rủi ro, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Không cố ý là: Tính mặc cho kín mình thiệt mà quên, rồi mặc không kín như thế gọi là: không cố ý không phạm tội . tâm tưởng nơi khác, rồi mặc không kín như thế gọi là quên, vì "quên" nên không phạm tội.

Không biết mặc áo cho kín như thế, gọi là không biết, không phạm tội như lệ thường, Tỳ-khưu phải học hỏi trước, nếu không học hỏi trước, như thế gọi là "dễ duôi", cũng không khỏi phạm Tác ác.

Tỳ-khưu nào, đầu gối lớn, ống chân dài, mặc y phục xuống khỏi 8 ngón tay cho kín cũng nên.

Tỳ-khưu nào có ghẻ nơi đầu gối hoặc trong chân như thế gọi là có bịnh, mặc y cao lên hoặc thấp xuống cũng nên.

Thú dữ rượt hoặc bọn cướp đánh đuổi gọi là: có điều rủi ro. Trong khi rủi ro như thế, không phạm.

Các nguyên nhân không sanh tội nhất là: không cố ý như đã nói trên, cũng kể vào trong tất cả điều học "ưng học pháp" sẽ giải ra phía sau, nơi nào có chi khác nhau sẽ giải thêm trong điều ấy.

Trong tất cả điều học ấy, đều không phạm tội vì bảo kẻ khác làm (anànattika).

Điều học này có 3 chi:

- Không đề đặt cẩn thận (anàdasiyam);

- Không có nguyên nhân không phạm tội (anàpattikaranàbhàvo); - Mặc không kín mình (aparimandalam nivàsanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm Tác ác .

Trong mỗi điều học "Ưng học pháp" đều có 3 chi giống nhau như trong điều học này. cho nên trong mấy điều học sau, không cần phải nói đến phần chi phạm tội nữa.

Chỗ sanh tội sẽ giải ra phía sau cuối cùng. Trong mỗi câu đầu của "Ưng học pháp" không nói tên tội, chỉ có câu Tỳ-khưu nên làm như vầy: "điều đủ cả điều học" (sikkhàkaranìyà). Biết rằng phạm tội Tác ác, vì tiếng "không cẩn thận" mà làm thì phạm Tác ác. Cho nên phía sau không cần phải nói tên tội nữa, cũng nên biết phạm tội vì không cẩn thận.

2) Tỳ-khưu nên làm như vầy: Ta nên đắp y cho kín mình, mặc y vai trái phía dưới từ đầu gối xuống khoảng 4 ngón tay, phía trên trùm cho kín cánh chỏ tay trái (parimandala pàràpana).

3) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta nên trùm y cho kín mình khi đi vào khoảng nhà (supaticchannoantaragharegamana).

4) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta nên trùm y cho kín mình khi ngồi trong khoảng nhà (supaticchannoantaragharenisidana);

Vào ngụ trong khoảng nhà dầu ngồi rồi ra y, mặc cho kín mình (như trong khi ở trong chùa) trong lúc ban ngày hoặc ban đêm cũng không phạm tội.

Tiếng "vàsupagatassa" trong kinh chú giải rằng: "đi vào để ngụ, nhưng không định ngụ đêm hay là ngụ đở". Có chỗ lại nói "vàsupagato" nghĩa là đi vào ngụ đêm.

5) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta nên thu thúc cho chánh đáng là không nên múa tay chơn, khi đi vào khoảng nhà (susamvuto antaraghare gamana).

6) Tỳ-khưu nên làm như vầy: Ta nên thu thúc cho chánh đáng là không nên múa tay chơn, khi ngồi trong khoảng nhà (susamvuto antaraghare nisìdana).

7) Tỳ-khưu nên làm như vầy: Ta nên ngó xuống là xem phía trước, xa 4 hắc khi đi vào khoảng nhà (nghỉ đứng trong nơi nào rồi liếc xem để ngừa sự rủi ro tai hại: như voi, ngựa, xe cũng nên) (ukkhittacakkhuantaraghare gamana).

8) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta nên ngó xuống xa 4 hắc khi ngồi trong khoảng nhà (ukkhittacakkhu antaraghare nisìdana).

9) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên dỡ y lên, khi đi vào trong khoảng nhà, dầu trong khi thọ thực cũng không nên dỡ y lên (na ukkhittakàya antaraghare nisìdana).

10) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên dỡ y lên, khi ngồi trong khoảng nhà (na ukkhittakàya antaraghare nisìdana).

11) Tỳ-khưu nên làm như vầy: Ta không cười lớn tiếng khi đi vào khoảng nhà, dầu có bịnh cũng không khỏi phạm tội (na ujjhaggikàya antaraghare gamana).

12) Tỳ-khưu nên làm như vầy: Ta không cười lớn tiếng khi ngồi trong khoảng nhà. Nếu có cớ nên cười, thì, mĩm cười, không phạm tội (na ujjhaggikàya antaraghare nisìdana).

13) Tỳ-khưu nên làm như vầy: Ta nên nói nhỏ nhẹ khi đi vào khoảng nhà (appasaddho antaraghare gamana).

14) Tỳ-khưu nên làm như vầy: Ta nên nói nhỏ nhẹ khi ngồi trong khoảng nhà (appasaddho antaraghare nisìdana). nói nhỏ nhẹ là như nhà bề dài 12 hắc, đại đức (sư cả) ngồi đầu, vị thứ nhì ngồi giữa, vị thứ ba ngồi sau chót.

nếu vị cả nói với vị thứ nhì, vị này chưa đủ nghe rõ, còn vị thứ ba chỉ nghe tiếng mà không phân biệt được lời lẽ chi của 2 vị ngồi trước, như thế gọi là nói nhỏ nhẹ. Còn nói lớn tiếng là tiếng nói nghe đến vị thứ ba phân biệt được sự lý, như thế gọi là lời nói lớn.

Trong kinh Chú giải nói: phân biệt tiếng nhỏ, tiếng lớn là tiếng nói thường không nhỏ không lớn nhưng có người có tiếng lớn, có người có tiếng nhỏ. Vậy nên nói tiếng thường làm mẫu.

15) Tỳ-khưu nên làm như vầy: Ta không uốn mình khi đi vào khoảng nhà (nakàyappacàlakam antaragha renisìdana).

16) Tỳ-khưu nên làm như vầy: Ta không uốn mình khi khi ngồi trong khoảng nhà (nakàyappacàlakam antaragha renisìdana).

17) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên đánh đồng xa khi đi vào khoảng nhà (nabàhuppalakaman antaragha gamana).

18) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên uốn vai khi ngồi trong khoảng nhà (nabàhuppacà lakaman antaragha renisìdana).

19) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên lắc đầu khi đi vào khoảng nhà (nasisappacà lakaman antaragha gamana).

20) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên lắc đầu khi ngồi trong khoảng nhà (nasisappacà lakam antaragha renisìdana). Nên ngồi cho thân thể, tay chân ngay thẳng, trong khi ngồi trong khoảng nhà.

Trong 3 điều học, nói về khi ngồi ấy, nếu vào ngụ đêm trong xóm, dầu uốn mình, lắc đầu cũng không phạm tội.

21) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên chống nạnh khi đi vào trong khoảng nhà (nakhambhakato antaraghare gamana).

22) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên chống nạnh khi ngồi trong khoảng nhà, vào ngụ đêm chống nạnh không phạm tội (nakhambhakato antaragha renisìdana).

23) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên trùm đầu khi đi vào trong khoảng nhà (na ogunthito antaraghare gamana).

24) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên trùm đầu khi ngồi trong khoảng nhà (na ogunthito antaraghare nisìdana).

25) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên nhón gót khi đi vào trong khoảng nhà (na ukkutikàya antaraghare gamana).

26) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên ngồi khoanh tay choàng đầu gối khi ngồi trong khoảng nhà (napallathikàyan taraghare nisìdana), vào ngụ đêm không phạm tội.

Trong cả 26 điều này, Tỳ-khưu vì dễ duôi, cố ý làm sai luật cấm, phạm Tác ác.

Không cố ý, quên, không biết, có sự tai hại và Tỳ-khưu bịnh, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

---o0o---

II. THỌ THỰC CHO CHỈNH TỀ - PHẦN THỨ NHÌ (Bhojanapatisamyutta).

Có 30 điều học:

1) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta nên chú ý thọ lãnh vật thực cho đúng phép, là không làm như thế, lấy đem đi đổ bỏ, vì giận (sakkaccam pindapàta patiggahana).

2) Tỳ-khưu nên làm như vầy: khi thọ thực ta chỉ nên ngó trong bát (pattasanni pindapàta patiggahana).

3) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta chỉ nên thọ lãnh canh vừa với cơm (samasùpaka pindapàta patiggahana).

4) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta chỉ nên thọ lãnh vật thực vừa miệng bát (samatittika pindapàta patiggahana), dầu thọ lãnh vật ajàmakàlika, sattàkakàlika hoặc yàvajìvika đầy tràn bát cũng nên.

nếu thọ lãnh 2 bát nên thọ trước 1 bát rồi để vào nơi khác gởi về chùa, rồi thọ thêm nữa, hoặc mía đã róc, chặt ra từng đoạn, hoặc trái cây mà họ gói lại để lên bát, như thế nói là vun bát cũng không đặng, cho nên thọ lãnh cũng nên.

Trong điều này, dầu Tỳ-khưu đau thọ lãnh vật thực, vung tràn bát cũng không khỏi tội.

5) Tỳ-khưu nên làm như vầy: Ta nên ăn cho chỉnh tề (sakkaccam pindapàta bhunjana).

6) Tỳ-khưu nên làm như vầy: khi ăn ta chỉ nên ngó trong bát (pattasanni pindapàta bhunjana).

7) Tỳ-khưu nên làm như vầy: Ta phải ăn vật thực cho đều, là không ăn sâu giữa bát, hoặc đùn vun lên (sapadàna pindapàta bhunjana).

8) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta chỉ dùng canh cho vừa với cơm (samasùpaka pindapàta bhunjana).

9) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên đùa cơm vun lên giữa bát mà ăn (nathùpikato omaddità pindapàta bhunjana).

10) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên đùa cơm khuất lấp đồ ăn, cố ý muốn được nhiều thêm nữa, dầu Tỳ-khưu bịnh cũng không khỏi phạm tội.

Nếu không cố ý muốn được thêm mà đùa khuất vật thực không phạm tội (nasùpamvàbyanjanam vàodane napaticchàdana).

11) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không bịnh không xin vật thực để ăn; xin nơi bà con hoặc nơi người có yêu cầu, hoặc xin cho người khác không phạm tội (sùpamvàbyanjanam vàodanam và agilànno attano atthàya vinnàpetvà bhunjana).

12) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên liếc xem bát vị khác, cố ý tìm lỗi người, Tỳ-khưu bịnh cũng không khỏi phạm tội.

Liếc xem cố ý cho thêm, hoặc không cố ý tìm lỗi không phạm tội (na ujjhàna sanniparesam pattaolokana).

13) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không làm vắt cơm cho lớn quá bằng trứng ngỗng, gọi là lớn quá, nhỏ bằng trứng gà gọi là nhỏ quá, nhỏ hơn trứng ngỗng, lớn hơn trứng gà thì vừa (nàtimahan takavalakarana).

14) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta làm vắt cơm cho tròn không dài (parimandala àlopakarana).

15) Tỳ-khưu nên làm như vầy: khi vắt cơm chưa đến miệng, ta không hả miệng chờ (na anàhataka valemuhkadvà ravivarana).

16) Tỳ-khưu nên làm như vầy: trong khi ăn không nhét trọn bàn tay vào miệng (nabhunjamà nosabbam hatthammukhe pakkhipana).

17) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nói chuyện khi vật thực còn trong miệng (nasakavalena mukhenabỳaharana).

18) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không thảy vật thực vào miệng mà ăn (napindukkhepakabhunjana).

19) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không cắn vắt cơm mà ăn (nakavalàvaccedakabhunjana).

20) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không ăn độn cơm bên má như khỉ ăn (nà avagandakàraka bhunjana).

21) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không búng rảy tay trong khi ăn (rảy rác được) (nahatthaniddhunaka bhunjana).

22) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không làm cho cơm đổ, liệng, bỏ rác, có đổ cơm không phạm tội (nasitthàvakàraka bhunjana).

23) Tỳ-khưu nên làm như vầy: trong khi ăn ta không le lưỡi ra khỏi miệng (na jivchànicchà raka bhunjana).

24) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên ăn và chắp (nacapucapukà raka bhunjana).

25) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không dùng vật thực nghe tiếng rột rột (nasurusurukà raka bhunjana).

Điều học này, đức Phật cấm chế tại Ghosita tịnh xá, gần thành Kosambi, do 1 vị Tỳ-khưu nghe Tăng thọ sữa húp rột rột rồi diễu rằng: có lẽ Tăng húp sữa cho nguội chăng?

26) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không ăn, liếm tay (nahatthanilehaka bhunjana).

27) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nên ăn liếm bát và vét bát (napattanille haka bhunjana).

28) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không liếm môi trong khi ăn (na otthanille napattanille haka bhunjana).

29) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không dùng tay còn dính vật thực, cầm đồ đựng nước, tính đem rửa tay hoặc cho người khác rửa, cầm không phạm tội. (nasàmi senahatthenapà nìyathàlakapatiggahana).

Điều học này đức Phật cấm chế tại rừng Bhesakalà gần thành sumsumàratira, do chư Tỳ-khưu tay còn dính cơm mà cầm đồ đựng nước bị thí chủ chê trách.

30) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không đổ nước rửa bát còn hột cơm, trong khoảng nhà. Nên lượm cơm cho nát rồi đổ, hoặc đổ trong ống nhổ, rồi đem đi đổ hoặc đem đổ nơi khác, đều không phạm tội (nàsasittha kampattadhovanaman taragharechaddana).

trong cả 30 điều học này, Tỳ-khưu nào dễ duôi, cố ý, phạm Tác ác. Không cố ý, không trí nhớ, không biết mình, có sự hại, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

Tỳ-khưu bị bịnh không phạm tội, trừ ra trong 4 điều học thọ vật thực đầy tràn miệng bát, móc ăn giữa bát, đùa cơmlấp vật thực và liếc xem bát Tỳ- khưu khác để tìm lỗi người, dầu Tỳ-khưu bịnh cũng không khỏi phạm tội.

---o0o--- III. THUYẾT PHÁP CHO ĐÚNG PHÉP PHẦN THỨ BA (dhammadesanàpatisamyutta).

Có 16 điều học:

1) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nói pháp đến người vô bịnh, có dù trong tay.

Chú giải: Nếu người khác họ che cho, hoặc dù để trong mình cho vừa rảnh tay cũng gọi là người không có dù trong tay, nói pháp đến người ấy cũng nên (nachatta pànissagilànassadhammadesana).

2) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nói pháp đến người vô bịnh, có gậy trong tay (như trong điều học trên) (nadanda pànissagilànassadhammadesana).

3) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nói pháp đến người vô bịnh, có vật bén (dao, gươm) trong tay (như trong điều học trên) (nasattha pànissagilànassadhammadesana).

4) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nói pháp đến người vô bịnh, có cung tên, súng trong tay (àvudha pànissagilànassadhammadesana).

5) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nói pháp đến người vô bịnh, có mang dép guốc (napàdukàru dhassa gilànassadhammadesana).

6) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nói pháp đến người vô bịnh, có mang giầy da (naupàhanàarullhassaa gilànassadhammadesana).

7) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nói pháp đến người vô bịnh, ngồi trên xe, võng ... ngồi trên xe với nhau, nói pháp cũng được.

Tỳ-khưu ngồi trên xe cao, người nghe ngồi xe thấp hoặc ngồi trên xe bằng nhau, Tỳ-khưu ngồi xe trước, người nghe ngồi xe sau, đều nói pháp được hết. Nhưng người ngồi xe sau, dầu cao hơn mà nói pháp đến người ngồi xe trước không nên (naỳanaga tassa gilànassadhammadesana).

8) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nói pháp đến người vô bịnh, ngồi hoặc nằm trên giường (nasayanaga tassa gilànassadhammadesana).

Tỳ-khưu nằm nơi cao nói pháp đến người nằmnơi thấp cũng nên, người nằm nói pháp đến người đứng, hoặc ngồi nói đến người đứng, hoặc ngồi với nhau, hoặc đứng nói với người đứng đều được cả.

9) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nói pháp đến người vô bịnh, ngồi khoanh tay choàng qua đầu gối (napallatthikàyanisinnassa agilànassadhammadesana).

10) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nói pháp đến người vô bịnh, có bịt khăn (navetthitasìsassa agilànassadhammadesana).

11) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nói pháp đến người vô bịnh, đội khăn hoặc nón (na ogunthitasisassa agilànassadhammadesana).

12) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không nói pháp đến người vô bịnh, ngồi trên chiếu đệm (nachamàyamnisìditvà àsane nisinnassa agilànassadhammadesana).

13) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không ngồi trên chỗ thấp nói pháp đến người vô bịnh ngồi nơi cao (nanice àsanenisìditvà uce àsanenisinnassa agilànassadhammadesana).

14) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không đứng nói pháp đến người vô bịnh ngồi (nathito nisinnassa agilànassadhammadesana).

Trong kinh Chú giải có nói, dầy Tỳ-khưu trẻ đến chỗ Tỳ-khưu cao hạ, rồi Tỳ-khưu trẻ ấy đứng, vị trưởng ngồi hỏi đạo, Tỳ-khưu trẻ không nên đáp. Nếu Tỳ-khưu trẻ không có thể bảo vị trưởng lão đứng dậy mới nên hỏi,không dám nói, vì tôn kính vị trưởng lão, nên nghĩ rằng; ta nói pháp đến Tỳ-khưu trẻ đứng gần bên, rồi nói cũng nên.

15) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không đi phía sau nói pháp đến người vô bịnh đi phía trước (napacchato gacchanto purato gacchantassa agilànassadhammadesana).

kinh Chú giải có nói, nếu người đi trước nói đạo không nên đáp, nên nghĩ rằng: ta nói pháp đếnngười đi phía sau, như thế rồi nói.

16) Tỳ-khưu nên làm như vầy: Ta không đi ngoài đường, nói pháp đến người vô bịnh đi trong đường (na upathena gacchanto pathena gacchantassa agilànassadhammadesana).

nếu mỗi người đi 1 bên đường, nói pháp cũng nên.

Trong cả 16 điều học, Tỳ-khưu dễ duôi cố ý phạm Tác ác .quên, không biết mình, có bịnh, có điều hại,và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

---o0o---

IV. LƯỢM LẶT, PHẦN THỨ TƯ (Pankinnaka).

Có 3 điều học:

1) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không bịnh, không đứng tiểu hoặc đại tiện. Trong khi mắc đại tiểu tiện gấp rút không phạm tội. (nathito agilàno uccàram vàpassàvamvàkarana).

2) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không bịnh, không đại hoặc tiểu tiện, khạc nhổ, hỉ mũi trên chỗ xanh nhứt là cây cỏ tươi, dầu rễ cây còn sống cũng đều gọi là xanh cả (naharite agilàno uccàram vàpassàvamvàkarana).

Lên ngồi trên nhánh cây để đại tiểu tiện rớt xuốn chỗ không có vật xanh cũng nên. Đi tiểu chỗ không có vật xanh, dầu đại tiểu tiện đến gấp rút cũng gọi như người có bịnh, không tội. Nếu tìm không kịp nơi không có vật xanh, nên kiếm vật chi lót. đại tiểu tiện có chảy nhằm vật xanh cũng vô tội.

3) Tỳ-khưu nên làm như vầy: ta không bịnh không đại hoặc tiểu tiện, khạc nhổ, hỉ mũi trong nước (na udake agilàno uccàram vàpassàvamvàkarana).

Nước để dùng được, nước không dùng được không phạm tội. Nước ngập không có gò đất, đại tiểu tiện trong nước ấy không tội. đại tiểu tiện trênkhô chảy xuống nước không phạm tội.

Trong cả 3 điều học ấy, Tỳ-khưu dễ duôi cố ý phạm Tác ác. Không cố ý, không có trí nhớ, không biết mình có bịnh, có sự rủi ro, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

***

Trong cả 75 điều ưng học pháp (trừ ra điều 25, 29, 30 trong phần thọ thực tề chỉnh), đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sư làm quấy.

2 điều học cười lớn, 2 điều học nói lớn tiếng, 1 điều học nói chuyện còn vật thực trong miệng thành 5 điều học.

1) Ngồi sát đất nói pháp đến người trên chiếu đệm.
2) Ngồi nơi thấp nói pháp đến người ngồi nơi cao.
3) Đứng nói pháp đến người ngồi.
4) Đi ngoài đường nói pháp đến người đi trong đường

5) Đi sau nói pháp đến người đi trước

5 điều học này với 5 điều trên thành 10 điều học. 10 điều học này thuộc về samanubhàsanasamutthàna là tội sanh do thân khẩu ý, phạm tội vì làm (kiriỳa) khỏi phạm tội vì tưởng (sannàvimokkha) phạm tội vì cố ý (sacittaka), phạm tội vì đời (lokavajja) thân nghiệp (kàyakamma), khẩu nghiệp (vacikamma), ác tâm (akusalacitta), thọ khổ (dukkhavedana).

Nói pháp đến người vô bịnh, có dù trong tay, có gậy trong tay, có vật bén (dao, gươm) trong tay, có cung tên trong tay, mang guốc, dép, mang giầy da đến người đi trên xe, người nằm, đến người ngồi khoanh tay choàng qua đầu gối, người bịch khăn, người đội khăn. 11 điều học ấy thuộc về dhamma desanasamutthàna là tội sanh do khẩu ý (kiriyà, kiriyà, sannàvimokkhà, sacittaka, lokavajja, vacikamma, akusalacetta, dukkhavedanà. Còn lại 53 điều học chỗ sanh tội (sanutthàna) như trong điều học Bất cộng trụ thứ nhất (pathamapàràjika sikkhàpada).

Lại nữa, Ưng học pháp không có nhất định là chỉ bấy nhiêu, mà không nhất định ấy là cách thức Tỳ-khưu nên học và hành chẳng phải có bấy nhiêu đâu, dầu là pháp hành đức Phật đã chế định trong phần hành (vattakhanidha) cũng gọi là ưng học pháp, vì là pháp hành Tỳ-khưu nên học và hành theo.

---o0o---

VIII. DIỆT TRANH (ADHIKARANA SAMATHA)

Duyên cớ tranh biện (Adhikarana) có 4:

1) Tranh biện điều phải trái(vivadàadhikarana) là nói rằng: cái này là pháp là luật, cái này không phải là pháp,không phải là luật;.

2) Bắt tội nhau (anevàdàdhikarana) là buộc tội nhau vì phạm tội này tội kia;

3) Phạm các tội (apattàdhikarana);

4) Việc mà Tăng nên làm (kiccàdhikarana).

Diệt Tranh có 7 phép:

1) Sự dứt trong 4 điều tranh biện trong nơi giữa Tăng, giữa Pháp, giữa Luật là dứt điều cãi lẽ do theo Pháp, do theo Luật, đúng theo lời của đức Phật cấm

chế và chuẩn hành (budhappannatti, budhànunnatti) trước mặt người là tiên cáo và bị cáo hoặc Tỳ-khưu thú nhận tội (sammukhàvinaya);

[Diệt tranh: Dứt điều tranh biện (giải hoà); Cấm chế: là cấm ngăn; Chuẩn hành: là cho thi hành]

2) Sự mà Tăng tụng để tuyên bố chỉ tên A la hán là bậc có trí nhớ đủ rồi, không kẻ nào buộc tội chi được cả(sativinaya);

3) Sự mà tăng tụng để tuyên bố chỉ tên Tỳ-khưu điên đã hết điên rồi; không cho kẻ nào cáo tội mà Tỳ-khưu ấy đã phạm trong khi còn điên (amulhavinaya);

4) Sự định tội theo lời thú nhận mà người khai thiệt (patinnatakarana);

5) Sự phân đoán, lấy theo lời khai của phần đông người có đạo đức (yebhuyyasikà);

6) Sự mà luật định đến người phạm tội (tassapàpiyasika);

7) Sự giải hòa cho nhau cả hai bên không cần xử đoán việc trước (tinavatthàraka).

--- o0o ---

NHỮNG ĐIỀU HỌC NGOÀI GIỚI BỔN TRỌNG TỘI (Thullaccaya)

Thullaccaya dịch là "Trọng tội" hay là tội xấu, nghĩa là: tội trọng hay tội xấu hơn các tội khác (ngoài tội Bất cộng trụ và Tăng tàn).

Giải về Trọng tội có hai điều:

1) Tỳ-khưu không bỏ.

2) Không nên chia tài sản trọng của tăng, nếu bỏ hoặc chia, phạm Trọng tội,vì Phật có cấm rằng: tài sản trọng có 5 phần:

Phần thứ nhất:

1) Àràmo: vườn, trái cây, bông cây. 2) Aràmàvatthu: đất vườn

Phần thứ nhì:

3) Vihàro: thất, nhà. 4) Vihàravatthu: đất chùa, thất

Phần thứ ba:

5) manco: vườn.
6) pitham: bàn nhỏ thấp dài.
7) bhisi: nệm.
8) bimbohanam: gối.
Phần thứ tư (các vật trong phần này đều làm bằng kim loại):

9) lohakimbhi: nồi.
10) lohabhànakam: cân
11) lohavàrako: thùng lớn
12) lohakajàham: chậu
13) vàsi: dao nhỏ
14) pharasu: búa
15) kuthàri: rìu
16) kuddàro: xuổng
17) nikhàdanam: vá
Phần thứ năm:

18) vali: dây
19) velu: tre (dài 8 ngón tay ngón tay trở lên).

20) munjam: cỏ óng

21) pabbajjan: cỏ năn nỉ

22) tinam: các thứ cỏ để che lợp (từ 1 bó trở lên).

23) mattika: đất sét

24) dàrubhandam: vật dụng làm bằng cây

25) mattikàbhandam: vật dụng làm bằng đất.

Tất cả 25 món ấy, món nào thí chủ đã dâng đến "Giáo hội", hoặc phát sanh trong "Giáo hội" đều gọi là tài sản trọng của "tăng già" (garubhanda) nghĩa là: Tăng già hoặc nhóm (2,3 Tỳ-khưu) hoặc 1 Tỳ-khưu nên không bỏ, không nên chia, dầu bỏ dầu chia cũng không gọi là bỏ, là chia của ấy cũng còn là của "tăng già" như cũ. Tỳ-khưu nào,vì chấp mình làm lớn, bỏ hoặc chia của "tăng già" như thế phạm Trọng tội (thullaccaya). Nếu cố ý bỏ, hoặc chia, cho luật sư trừng phạt theo giá của vật. Nếu làm sanh sự lợi ích đến "tăng già", đem đổi vật bền chắc, theo phép, hoặc vật cao giá hơn, hoặc dùng vật thấp hèn đổi lấy gạo để ăn, hoặc để tu bổ chùa, thất... trong cơn đói cũng nên.

Tất cả tài sản trọng của "tăng già" một món nào chẳng hạn, Tỳ-khưu lấy dùng riêng cho mình, nên kiếm vật khác bằng giá, hoặc cao giá hơn đem thế lại mới nên; nồi bát tách bình trà, ô ... bằng kim loại; đũa, thuốc nhỏ mắt ... ống khoá, chìa khoá vật bằng kim loại; hoặc bằng cây đang làm, nên chia được, dây, tre ... đem làm việc cho"Tăng già". Hoặc cho tháp thờ, rồi còn dư, đem dùng làm việc cho Tỳ-khưu cũng nên.

Đây chỉ giải vắn tắt, nếu muốn học cho rộng, tìm thêm trong phẩm Catutthasàmantapàsàdikà.

Lại nữa không nên cho ai mổ trong chỗ kín, hoặc mổ gần chỗ kín cách chừng lối 2 ngón, nếu thoa thuốc không cấm.

Điều học này phạm vì cố ý(sacittaka).

Không nên lõa thể, không nên mặc y làm bằng lá tranh, bằng vỏ cây, bằng tóc người, bằng lông đuôi của thú, bằng lông cánh chim, da cọp, y làm bằng vỏ gai.

Không nên lạm dụng chạm vào chỗ kín thú cái.

Không gấp làm lễ Phát lồ (Uposatha) hoặc Tự tứ (Pavàranà) vì cố ý cho Tỳ- khưu khác không làm được. Tỳ-khưu nào phạm các điều trên đây gọi là phạm Trọng tội (thullaccaya.).

---o0o---

TÁC ÁC (Dukkata).

Tỳ-khưu không nên mặc y phục như kẻ thế.

Không nên mặc y màu xanh, vàng nhợt.

Không nên mặc y may đường chỉ xuôi (không có cắt may đường ngang, nghĩa là không có "điều").

Không nên mặc y có bông hoa thêu thùa, không nên chỉ mặy y nội và y vai trái mà đi, vào xóm, trừ ra có duyên cớ mới được phép để y 2 lớp lại (y tăng dà lê);.

Không nên mang dép đi vào xóm nếu không có bịnh.

Không nên mang dép 2 lớp, dép rơm, guốc, giày hàm ếch, giày thêu, giày có nhiều màu (là có màu đỏ, đen, sậm, trắng), da cọp, da beo, da voi, da cá nược.

Không nên thoa phấn sức dầu, soi hình trong kiến và trong nước, nếu vô bịnh.

Không nên đeo vòng cà rá.

Không nên cho ai hớt tóc hớt râu, nhổ tóc bạc.

Không nên xem nhan sắc phụ nữ.

Không nên lấy cây mà kỳ mình trong khi tắm.

Không nên đâu lưng nhau mà kỳ, trong khi tắm.

Không nên máng bát lên nhánh cây.

Không nên chứa đốn ăn còn dư trong bát.

Không nên lấy bát còn ước đem cất.

Không nên ngồi chung nghế hoặc chung chiếu cùng phụ nữ, hoặc bán nam bán nữ, hoặc kẻ thấy trai biến ra gái, thấy gái biến ra trai (có cả 2 bộ sanh trược khí).

Không nên ngồi chung giường chung ghế cùng Tỳ-khưu tu lâu hơn 3 hạ.

Không nên nằm ngồi chỗ cao và rộng, chỗ có lót nệm gòn, nệm bông và tọa cụ bằng lông cừu tốt.

Không nên dùng gối lớn dài quá nửa mình.

Không nên ngồi chỗ có trải lót trước, nếu chưa xem xét.

Không nên nằm chỗ có treo bông hoa.

Không nên ngồi chỗ của vị Tỳ-khưu lâu năm, thường hay ngồi.

Không nên lạy 10 hạng người:

1. Tỳ-khưu tu sau mình.
2. Sa-di và kẻ thế.
3. Tỳ-khưu tu lâu năm hơm mà hành sái theo kinh luật.
4. Phụ nữ.
5. Bán nam bán nữ.
6. Tỳ-khưu phạm phép "Tăng tàn".
7. Tỳ-khưu đáng cho Giáo hội phạt lại như trước, vì đang khi bị phạt mà lại phạm thêm phép Tăng tàn.
8. Tỳ-khưu đang sửa mình để cho Giáo hội giao thiệp lại như trước.
9. Tỳ-khưu đang hành phạt sửa lỗi để cho Giáo hội giao thiệp lại.

10. Tỳ-khưu đã bị hành phạt rồi, mà Giáo hội đang chứng cho nhập vô
Giáo hội lại.

Không nên lấy đồ lót trải ngủ của Tỳ-khưu nào đem dùng nơi khác.

Không nên bảo Tỳ-khưu nào đứng dậy trong khi vị ấy đang ăn.

Không nên đuổi Tỳ-khưu nào có bịnh đi ra khỏi chỗ ở mà phải nên săn sóc.

Không nên cấm vị khác ngủ đậu, nếu vị ấy có bịnh chút ít.

Không nên thọ lãnh thịt và cá tươi.

Không ăn thịt mà mình biết hoặc nghe hoặc thấy họ giết để cho mình ăn. Nếu có 1 trong 5 hạng người xuất gia thấy giết thì không nên ăn.

Không nên học hoặc dạy kẻ khác những việc ngoại đạo.

Không nên nói đạo trong chỗ đông người, nếu có mặt vị Tỳ-khưu trưởng lão mà ngài chưa thỉnh nói.

Không nên tụng kinh kéo dài như giọng hát.

Không nên không cho mượn vải lọc nước (nếu có vị khác muốn mượn).

Không nên làm cho tài vật của thí chủ bố thí ít phước (vì sự tà mạng).

Không nên đem đồ khuất thực cho kẻ thế ăn trước mình (trừ ra cho cha, mẹ vua, kẻ cướp, người sắp vào tu).

Không nên làm thầy thuốc.

Không nên làm kẻ đi thơ.

Không nên bợ đở kẻ thế mong được lợi.

Không nên trồng kiểng.

Không nên đánh đờn, thổi kèn, đánh cờ.

Không nên lấy đá cục, đá sỏi thảy mà chơi.

Không nên vô cớ mà leo cây.

Không nên đốt rừng.

Không nên dùng bát làm bằng cây, thau, đồng, nhất là bát có màu xanh và đen sậm

Không nên lấy cây dài quá 8 ngón tay, hoặc cụt hơn 4 ngón tay mà chà răng.

Không nên rù quến người xuất gia làm điều vô đạo.

Không nên nhuộm y bằng nước nghệ, nước cây dan, nước cây vàng lồ.

Không nên động đến hình tượng phụ nữ, đồ nữ trang, 7 thứ lúa, 10 thứ ngọc thạch, đờn, kèn, trống, trái còn trên cây và khí giới, nhất là đao, gươm, súng.

Không nên cầm lấy những vật đựng đồ mà thí chủ chưa dâng cúng.

Tỳ-khưu đi xa mới đến, phải lột giày, sập dù, và không nên ngồi gần trưởng thượng.

Không nên cấm vị mới tu ngồi phải chỗ.

Không nên làm cho nước văng đầy y các vị ngồi gần.

Không nên ra vô lật đật, khi đi khất thực.

Không nên đứng xa hoặc gần người dâng cơm lắm.

Không nên lật đật thọ lãnh vật thực.

Không nên dòm, ngó mặt người thí chủ.

Không nên quét, giủ, đập đồ chỗ có người hoặc gần các vị khác, hoặc gần nước uống hay phía trên gió.

Không nên dạy ai học, hoặc tụng kinh, thuyết pháp mà chưa bạch cùng vị trưởng thượng trong lúc ở chung.

Không nên nhúm lữa, hoặc tắt lữa, đóng hoặc mở cửa sổ mà không bạch cùng vị trưởng lão, trừ ra ngài có cho phép trước.

Không nên đi đụng nhằm, hoặc phất y trúng nhằm vị trưởng lão.

Không nên đi vào nhà xí mà còn chấp tôn ti thượng hạ.

Không nên đi vào nhà xí lật đật nếu cửa đóng thì phải gõ cửa.

Không nên cởi y ở ngoài nhà xí.

Không nên đại tiện, rặn nghe lớn tiếng.

Không nên đại tiện hoặc tiểu tiện phía ngoài lỗ xí.

Không nên nên khạc nhổ, hỉ mũi ngoài lỗ xí.

Không nên dùng cây có gai, cây mụt mà chùi.

Không nên rửa nghe lớn tiếng.

Không nên để nước dư trong lon, nếu nhà xí dơ quét rửa cho sạch.

Không nên đi ra nhà xí lật đật.

Không nên chưa mặc y mà ra khỏi nhà xí.

Không nên đi xem hát đờn kèn.

Không nên mặc y nội, thiếu dây lưng mà đi vào xóm.

Không nên mở cửa mà tay còn cầm bát.

Không nên ngủ chung cùng nhau trên chỗ có trải lót.

Không nên ăn tỏi, không có món chi trộn chung.

Không nên đi trên chỗ ngồi, chỗ nằm, nhất là: đi trên giường ghế và chỗ đẹp hoặc có sơn phết, nếu chân chưa rửa hoặc còn ướt, hoặc còn mang giày.

Không nên dựa vách nhà có tô vôi hoặc sơn phết và nhổ nước miếng nơi ấy.

Không nên trải tọa cụ, trước khi nằm trên chỗ ngủ sạch sẽ của Giáo hội.

Không nên để tóc dài quá 2 ngón tay, hoặc lâu hơn 2 tháng mới cạo.

Không nên để râu, lông mũi, móng tay, móng chân dài quá.

Không nên đánh bóng móng tay và móng chân.

Không nên ăn vật chi nếu chưa quán tưởng.

Không nên ăn thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt rắn,, thịt sư tử, thịt beo, thịt gấu, thịt chó rừng, thịt cọp.

Các Tỳ-khưu nào đã phạm nhằm những phép đã kể trên, gọi là phạm Tác ác (dukkata).

---o0o---

ÁC KHẨU (Dubbhàsita)

Tỳ-khưu không nên mắng chửi làm cho người hổ thẹn.

Không nên chơi với vị khác, hoặc trong bọn hay nói xiên xéo rằng "Mày là vua, ngươi là Bà la môn, cháu là thú, anh là bậc thông minh, ngươi là kẻ trộm cướp". Kêu danh hiệu giễu chơi như cách ấy, phạm tội ác khẩu (Dubbhàsita) (mỗi tiếng mỗi tội).

---o0o---

CHÚ GIẢI 10 ĐIỀU LẦM LẠC

Sau khi Phật diệt độ 100 năm. 700 vị đại A la hán cu hội lần thứ nhì, có đại đức Sabbakàmithero làm tọa chủ để giải quyết 10 lầm lạc sau này:

1) MUỐN ĐỂ TRONG ỐNG BẰNG SỪNG ĐƯỢC PHÉP ĂN (kappati singilonakappo)

Luật dạy rằng: Trong các món được phép ăn buổi sáng, nếu Tỳ-khưu thọ lãnh rồi để dành qua ngày khác đemra ăn lại, phạm Ưng đối trị .

Các Tỳ-khưu xứ Vajjiputtaka lại nói "muối để dành trong ống làm bằng sừng, nếu qua ngày khác đem ra ăn với đồ lạt cũng được không phạm.

2) XẾ BÓNG 2 NGÓN TAY CÒN ĂN ĐƯỢC (kappatidvangulakappo)

Luật dạy rằng: Trong các món buổi mai, nếu xế bóng mà Tỳ-khưu đem ra ăn, phạm Ưng đối trị .

Các Tỳ-khưu xứ Vajjiputtaka lại nói "Nếu chính xế qua 2 ngón tay cũng còn ăn được không phạm".

3) ĐI VÀO XÓM CÒN ĂN ĐƯỢC (kappatigàmantarakappo)

Luật dạy rằng: Nếu Tỳ-khưu ăn rồi, đi khỏi nơi ấy mà còn ăn nữa, phạm Ưng đối trị .

Các Tỳ-khưu xứ Vajjiputtaka lại nói "Ta đi vào trong xóm, ăn nữa cũng được, không phạm".

4) Ở CHUNG CHỖ LÀM PHÉP "SÁM HỐI" (kappati àsàsa kappo)

Luật dạy rằng: Chỗ ở thuộc về Giáo hội, Tỳ-khưu không nên làm phép "sám hối" riêng (làm lễ Uposatha), nếu làm thì phạm Tác ác.

Phép sám hối ấy cũng không kết quả chi.

Các Tỳ-khưu xứ Vajjiputtaka lại nói "Làm như thế cũng được, không phạm".

5) LÀM PHÉP SÁM HỐI THEO Ý MÌNH CŨNG ĐƯỢC (kappati anuma tikappo)

Luật dạy rằng: Tỳ-khưu làm phép sám hối (làm lễ Uposatha) phải hiệp nhau nơi chỗ của Giáo hội hành đạo vào ngồi đâu mặt nhau, nếu có vị nào đau phải cho hay rồi mới nên hành. Bằng chẳng tuân theo đây gọi là hành theo phe đảng, phạm Tác ác.

Các Tỳ-khưu xứ Vajjiputtaka lại nói "Không cần phải hiệp chung cùng nhau như thế. Ai đến trước sám hối lần lần cũng được, không phạm".

6) LÀM THEO THÓI QUEN CŨNG ĐƯỢC (kappati ácinna kappo)

kinh luật đã dạy phân minh chỉ cho biết: sao là trật, sao là trúng. Những việc hành động theo ý riêng ông thầy của mình, nếu đúng theo kinh luật thì nên hành theo, bằng không đúng tròn chẳng nên nghe.

Các Tỳ-khưu xứ Vajjiputtaka lại nói "Trò làm theo thói quen của ông thầy cũng được, không phạm."

7) SỮA TƯƠI ĐỂ CHUA THIỆT CHUA DÙNG CŨNG ĐƯỢC (kappati amathitakappo)

sữa tươi để lâu 1 lát chẳng còn chất sữa như hồi mới nặn ra, như ng chưa đến nổi chua.

luật dạy rằng: Tỳ-khưu ngăn thực rồi, đi khỏi nơi ấy mà còn dùng sữa như vậy thì phạm Ưng đối trị .

Các Tỳ-khưu xứ Vajjiputtaka lại nói "Dùng được, không phạm".

8) RƯỢU MỚI, CHƯA THIỆT MẠNH UỐNG CŨNG ĐƯỢC (kappati jalogimpàtum)

luật dạy rằng: rượu mới bỏ men vào, chua thành rượu thiệt, nếu Tỳ-khưu uống thì Ưng đối trị .

Các Tỳ-khưu xứ Vajjiputtaka lại nói "Rượu ấy Tỳ-khưu uống cũng được, không phạm".

9) TỌA CỤ KHÔNG CÓ BÌA DÙNG CŨNG ĐƯỢC (kappati adasakam nisìdana)

luật dạy rằng: Tỳ-khưu làm tọa cụ, phải làm cho có bìa, bằng không, phạm Ưng đối trị .

Các Tỳ-khưu xứ Vajjiputtaka lại nói "Không cần làm cho có bìa dùng cũng được, không phạm".

10) CẢM XÚC VÀNG BẠC CŨNG ĐƯỢC (kappati jàtarùparajatam)

luật dạy rằng:Tỳ-khưu không nên thọ lãnh hoặc cảm xúc đến vàng bạc, nếu thọ lãnh, hoặc cảm xúc, thì phạm Ưng đối trị .

luật cho phép Tỳ-khưu cảm xúc đến 4 món vật dụng: áo ca-sa, vật thực, chỗ ở, thuốc ngừa bịnh, nhưng cấm cảm xúc đến vàng bạc.

Các Tỳ-khưu xứ Vajjiputtaka lại nói "Tỳ-khưu thọ lãnh hoặc cảm xúc đến vàng bạc cũng không phạm".

***

Các Tỳ-khưu xứ Vajjiputtaka khởi nói 10 điều lầm lạc này giờ nào là Phật pháp suy đồi giờ nấy, làm cho xúc động đến tất cả chư vị A la hán. các ngài hội hiệp lại để chỉnh đốn Phật pháp và quyết rằng 10 của các Tỳ-khưu xứ Vajjiputtaka nói trên là tà đạo, trái hẳn với Phật pháp đã có điểm giải phân minh từ lúc ấy rồi.

Những người xuất gia tu Phật, chẳng nên hành theo của các Tỳ-khưu xứ Vajjiputtakađã nói trên.

---o0o---

14 PHÁP HÀNH (VATTA 14)

1) NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU XA MỚI ĐẾN PHẢI HÀNH (àgantukavatta)

Tỳ-khưu ở nơi khác mới đến,muốn vào chùa phải làm như sau đây:

Nếu có mang giày phải cổi ra và xách đi.

Nếu che dù thì sập xuống.

Nếu đội khăn thì lấy xuống và cởi y trùm mình ra (mặc vừa vai mặc) rồi mới đi chầm chậm vào chùa, thấy các Tỳ-khưu nhóm ở nơi nào phải đi ngay vào nơi ấy, để bát xuống và ngồi chỗ mình nên ngồi, hỏi thăm nước uống, nước tắm. Nếu cần dùng nước uống, nước rửa thì được phép dùng. Phải rửa chơn,

một tay xối, một tay rửa: hỏi giẻ chùi châm mà chùi, lấy giẻ khô chùi trước giẻ ước chùi sau, rồi đem đi phơi.

Nếu thầy tu lâu năm hơn thì mình phải lạy trước bằng mình cao hạ hơn thì vị kia phải làm lễ mình trước.

Hỏi thăm chỗ ở, chỗ đi khuất thực cho gần hay xa, đi sớm hay là đi trưa, chỗ nào không nên đi (là nhà không tin Phật pháp và quen cho có 1 vá cơm hoặc một hoặc 2 vị xin).

Hỏi cho biết có vị nào đắc thánh, mà còn ở thế đã có Giáo hội nhận.

Hỏi thăm nhà xí. hỏi thăm chỗ mà Giáo hội đã dạy phải vào phải ra, cho biết giờ vô, ra đặng ngừa thú dữ người ác.

Nếu thất cất trệt bỏ trống, thì phải gõ cửa chờ 1 chặp đã, rồi xô cửa xem xét khắp nơi, rồi mới nên bước vào, e có sự hại. Nếu thất ấy có rác, bụi tên gường, quét được thì phải quét.

Nếu không làm theo đây thì phạm Tác ác.

---o0o---

2) NHỮNG VIỆC TỲ-KHƯU Ở CHÙA PHẢI HÀNH (àvàsikavatta)

Tỳ-khưu ở chùa phải lo cho có nước uống, nước tắm, ván lót, giẻ chùi chân sẵn để cho các vị ở phương xa đến dùng.

Nếu Tỳ-khưu ở xa mới đến, tu lâu năm hơn mình, mình phải đi rước y bát, lót chỗ ngồi và chỉ chỗ vừa cho người nghỉ, mình phải lạy trước. Nếu vị ở xa tu ít hạ hơn, thì bảo vị ấy để đồ xuống theo chỗ, vị ấy phải làm lễ mình trước. Mình phải chỉ chỗ nào nên đi, chỗ nào là nhà vị đã đắc thánh quả mà Giáo hội đã nhận, chỉ nhà xí và nơi nhà Giáo hội đã dạy đi vô ra có giờ định.

Nếu vị ở xa cao hạ hơn dầu mình có bận việc may y hay đang làm việc gì khác phải dẹp lại đó, dầu đang khi quét hoặc rửa tháp cũng vậy. Nếu vị ở xa biết điều, nên để cho mình làm việc càng tốt. đang khi làm thuốc cho Tỳ- khưu bịnh nếu bịnh ấy vừa vừa thì để đó mà đi tiếp rước. Nếu bịnh nặng thì lo thuốc trước đã. Nếu vị ở xa biết điều, nên để cho mình lo thuốc. Nếu dâng

nước 1 lần vị ở xa uống hết phải đem thêm. Nếu quạt nên quạt dưới chân 1 lần. Nếu vị ở xa dạy thôi quạt thì quạt trở xuống, nếu đến 3 lần thì để quạt xuống.

Nhữnng lời trên đây là dạy phận mình phải ở với vị cao hạ hơn. Nếu tu ít năm hơn, nên chỉ nước uống, nước tắm, chỗ nào, bấy nhiêu cũng được.

---o0o---

3) NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU RA ĐI ĐÁNG PHẢI HÀNH (gamikavatta)

Tỳ-khưu có việc đi xa khỏi chùa, phải dẹp cất đồ trong thất của mình, dẹp giường, ghế của Giáo hội và đóng cửa thất và giao cho Tỳ-khưu hoặc Sa-di, hoặc người chức việc trong chùa, hay thí chủ nào cũng được.

Nếu không có ai thì lấy 4 cục đá làm dấu, để kê chân giường, chồng ghế lên chiếu, gối, chồng lên ghế, cây, ván chất lại cho có chỗ, đóng cửa sổ hết rồi mới nên đi. Nếu thất ấy dột thì lợp dặm lại, nếu dặm không được, phải lấy đồ (chiếu, gối, mền, giường) để lên trên 4 cục đá xa vách, chỗ không dột. Nếu thất dột gần hết phải đem các món ấy gởi trong xóm. Nếu không cần đem gởi phải kê giường lên trên 4 cục đá để chính giữa thất, gối, chiếu, đệm để lên trên như trước và lấy cỏ, lá cây, đậy lên, rồi mới nên ra đi. đây là nói thất lợp bằng lá.

---o0o---

4) NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU Ở TRONG NHÀ ĂN PHẢI HÀNH (anumodanavatta)

đức Phật cho phép Tỳ-khưu đọc kinh trong nhà ăn. Vị trưởng lão đọc kinh trước, các vị ngồi kế chờ tiếp, rồi đến mấy vị sau đọc tiếp nữa, hoặc vị cả dạy vị nhỏ đọc cũng được, mấy vị ngồi kế đó chờ. vị cả cùng mấy vị khác đi ra trước cũng được (không cầnphải ngồi chờ).

Nếu vị cả bảo, thôi chúng ta đi, ngài ở lại, vị nhỏ lại bạch: dạ ngài đi đi. Nếu vị nhỏ không trả lời các vị lớn tính ra chờ bên ngoài cũng được. Ra ngoài rồi nên bảo trò mình, chờ vị kia đọc kinh rồi đã, nói như vậy càng tốt. Nếu thí

chủ mời 1 vị nào đọc kinh theo ý họ, vị ấy đọc cũng vô lỗi. Nếu thí chủ thỉnh thuyết pháp, thì nên bạch cho vị cả hay trước. Một nữa, các vị ngồi chờ ấy, muốn đi đại tiện hay tiểu tiện phải từ giả vị ngồi gần mình, rồi mới nên đi.

---o0o---

5) NHỮNG VIỆC TỲ-KHƯU CHỊU MỜI ĂN PHẢI HÀNH(bhattaggavatta)

Nếu có thí chủ mời trai tăng, Tỳ-khưu mặc y cho đúng phép, mang bát theo đi thong thả không nên đi trước vị lớn.

Phải mặc y cho kín giữ theo 75 điều ưng học pháp, đi đứng cho tề chỉnh, ngồi cho nghiêm trang không nên ngồi khoanh tay,(không nên ngồi gần đụng vị cả, chỗ ngồi ngang nhau). Nếu chỗ ngồi rộng rãi, phải ngồi chừa cách 1, 2 chỗ ngồi xa hơn vị cả. Nếu chiếu chật hẹp,không dám ngồi gần,vị cả nên cho phép ngồi. Nếu vị cả không nói, nên bạch rằng: chỗ ngồi đây trọng lắm.Nếu đã nói như vậy, mà vị cả không trả lời, sẽ ngồi không lỗi, chỉ một mình vị cả lỗi thôi. Nếu vị nhỏ không bạch mà vẫn ngồi là phạm phép.

Không nên ngồi trên y 2 lớp.

Nếu thí chủ dâng nước rửa bát, phải 2 tay bợ mà thọ lãnh nước theo phép (nếu tay không dính cơm). Phải rửa bát cho tử tế không nên động khua nghe tiếng. Nếu có ống nhổ thì đổ vào đó cho êm ái bằng không thì đổ xuống đất cho dè dặt, sợ e văng nước trúng nhằm vị khác.

Không nên thọ lãnh cơm đầy bát, để dành chỗ đựng đồ ăn .

Vị cả phải dạy thí chủ nên đem cơm chia ra cho đủ. Nếu đổ ăn vừa đủ 1, 2 vị thì nên làm thinh. Khuất thực chỉ phải nhìn xem trong bát (lãnh 2 phần đồ ăn, 2 phần cơm). Nếu thí chủ chia vật thực chưa đủ cho các vị, vị cả chưa nên ăn. Đây nói về nhà ăn chật hẹp.

Nếu nhà ăn rộng rãi vừa cho các vị ngồi ăn, các Tỳ-khưu ngồi 1 bên, thí chủ ngồi 1 bên, phải ăn thong thả, theo 75 điều ưng học pháp. Nếu tay dơ, không nên cầm chém nước mà uống. Nếu các Tỳ-khưu ăn chưa xong, vị cả không nên lãnh nước rửa bát, đến khi đi ra khỏi nhà ăn vị nhỏ phải ra trước (vị lớn ra sau) bởi nhà ăn chật hẹp. Khi ra khỏi rồi, phải đứng chờ vị cả, phải theo

phép, (lớn trước, nhỏ sau). Không nên đi gần nhau lắm, đi chừa cách khoảng 1 người qua lọt.

Không nên vừa đi vừa chơi. Phải giữ theo 75 điều ưng học pháp cho đến khi về tới chùa.

---o0o---

6) NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU ĐI KHUẤT THỰC PHẢI HÀNH (pindacàrikavatta)

Tỳ-khưu lúc ra đi khuất thực phải mặc y cho đúng, theo phép như đã nói trên, lấy bát mang vào xóm, đi chậm rải, trùm mình cho kín, giữ theo 75 điều Ưng học pháp, đi ngay hàng. Khi đến xóm phải nghĩ rằng: "Mình đi vào phía này, ra phía này".

Không nên đi vô, ra lật đật, không nên đứng xa hoặc gần thí chủ lắm. Không nên quay mình lật đật, xem chủ nhà thọ thí cơm hay không. Nếu họ thôi làm việc và đứng dậy, bưng thau cơm, hoặc mời thì hiểu rằng họ chịu dâng, nên đứng chờ. Nếu họ để cơm thì phải dùng tay trái đở y, tay mặt bợ bát đưa ra và dở nắp bát bằng tay trái và bợ bát luôn. Không nên xem mặt thí chủ, chỉ biết họ chịu dâng cùng không. Nếu họ cầm thau cơm, hoặc vá cơm, họ mời mình đứng lại thì rõ họ chịu dâng. Nếu họ để bát rồi thì đậy bát lại, bỏ y xuống quanh mình đi cho tề chỉnh, giữ theo 75 điều ưng học pháp.

Vị nào trở về chùa trước phải trải lót nhà ăn, lo rửa chân, giẻ chùi chân, rửa chén dành để đồ ăn, nước uống, nước rửa cho đủ sẳn. Đi khuất thực trở về hiệp nhau rồi ăn, đổ bỏ đồ ăn dư nơi trống, hoặc đổ xuống nước nào không có côn trùng (sợ nó chết). Quét nhà ăn cho sạch, vị nào thấy nước uống, nước xài, hoặc nước trong nhà xí không có, nên gánh đổ cho đầy, gánh 1 mình không nổi, gọi vị khác tiếp với.

---o0o---

7) NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU ẨN TU TRONG RỪNG PHẢI HÀNH (àrannikavatta)

Tỳ-khưu ẩn tu nơi rùng phải thức cho sớm, sửa soạn mang bát vào xóm, mang y vai trái, đóng cửa thất rồi ra đi. Gần đến xóm, nếu có mang dép, phải lột ra gỏ đất cho tử tế, trùm mình cho kín theo phép. Đến khi trở về, nếu

ngoài xóm không có nước thì ăn trong xóm. Nếu có nước ngoài xóm, nên ăn ngoài xóm, rồi rửa bát cho sạch, mang bát và đắp y vai trái, mang dép vào mà đi (đây nói trong rừng vắng vẻ không ai thấy, nếu đi vào xóm thì không nên). Mặc như vậy, trong phải có lót mồ hôi, rồi trở về rừng.

Lại nữa, Tỳ-khưu ở trong rừng phải xách nước uống, nước xài để dành nếu không có lu, lấy ống tre mà đựng và phải nhúm lửa để dành (ngừa khi hữu sự), có ống quẹt thì không cần, ở rừng hoặc đi đàng xa cũng phải vậy. Nếu có bạn, không có lửa cũng không cần, chỉ có gậy, phải biết xem phương hướng (ngừa sự lạc đường).

---o0o---

8) NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU Ở THẤT PHẢI HÀNH (senàsanavatta)

Tỳ-khưu ở chùa, ở thất, nếu dơ phải quét. Khi quét phải lấy y bát để có nơi và đem tọa cụ, chiếu, nệm, giường ra ngòai cho tử tế. Nếu trong thất có rác, váng nhện, phải quét ở tên trước, vách cửa làm bằng cây có sơn phết, nên rửa chùi cho sạch, đổ rác cho có nơi. Không nên đập quét bụi bay gần thất vị khác, gần nước uống, nước xài, không nên giũ đập trên gió; đệm có đóng móc phải phơi cho hết rồi đem vào để chỗ cũ. Giẻ chùi chân cũng phải đem phơi, phải chùi giũ giường, ghế cho sạch; chiếu gối tọa cụ cũng vậy.

Đem y bát cất cho có nơi, gió thổi bụi vào phía nào đóng cửa phía ấy. Mùa lạnh trưa phải mở cửa, tối phải đóng; mùa nóng khi ngủ mở cửa cho mát. Sân nhà ăn, nhà bếp có rác nhiều phải quét cho sạch. Không có nước uống nước sài phải gánh cho có, nước rửa nhà xí cũng vậy. Trong thất có Tỳ-khưu lớn tuổi, nếu muốn đọc kinh, nói kinh, hoặc làm việc khác (trừ ra mở cửa cái) phải bạch với vị trưởng lão mới nên làm. Bạch 1 lần mà vị cả cho phép, không cần bạch nữa cũng được.

---o0o---

9) CÔNG VIỆC PHẢI HÀNH Ở NHÀ BẾP (jantaghararavatta)

Tỳ-khưu nào nhóm lữa trong nhà bếp, nếu có vị trưởng lão cấm không cho chất củi nhiều mà chẳng vâng theo thì phạm Tác ác. Không nên đóng cửa nhà bếp và ngồi chờ, nếu không vâng lời thì phạm Tác ác. Vị nào đến nhà

bếp trước thấy tro nhiều phải hốt đổ . Có rác phải quét cho sạch. Thiếu nước phải đổ cho đầy rồi mới nên vào nhà bếp. Không nên ngồi gần đụng vị trưởng lão; nếu siêng bóp mình cho ngài. Đi ra nên lấy ghế đem ra, đóng cửa trước, sau rồi mới nên đi. Không nên tắm trước vị trưởng lão và tắm phía trên gió; không nên đi trước ngài, nhà bếp dơ phải quét rồi tắt lữa rồi mới nên đi ra.

Phật cho phép hơ mình nếu có bịnh.

---o0o---

10) CÔNG VIỆC PHẢI HÀNH TRONG NHÀ XÍ (vaccakutivatta)

Phật dạy Tỳ-khưu, đi đại tiểu tiện mà không rửa thì phạm Tác ác. Nếu có nước mà không có chỗ kín, thì múc nước đem đến chỗ kín mà rửa. Không có đồ múc phải lấy bát mà múc. Không có bát thì mới gọi là không đồ múc. Nếu nơi ấy trống trải lắm thì đi kiếm nơi kín khác. Đi tới trước mà không có nước, gần đến giờ khuất thực nên kiếm cây mà chùi, rồi đi khất cũng được.

Lại nữa Tỳ-khưu vào nhà xí, không nên câu chấp tôn ti, thượng hạ, câu chấp phạm Tác ác. Phật cho phép ai đến trước vào trước, đến sau vào sau. Đi đến nhà xí phải lên tiếng (tằn hắn hoặc ho). Nếu có ai ở trong phải tằn hắn trả lời. Vào nhà xí phải máng y khuất đà la tăng ở ngoài.

Không nên đi vào lật đật.

Không nên cởi y trước khi vào.

Không nên rặn lớn tiếng.

Không nên đại tiểu tiện và xỉa răng.

Không nên đại tiện hay tiểu tiện ngoài lỗ xí.

Không nên khạc nhổ, hỉ mũi ngoài lỗ xí.

Không nên dùng cây nhọn, cây mục, cây gai, cây có lỗ mà chùi.

Không nên bỏ cây chùi vào lỗ xí, chùi đứng dậy mặc y lại không nên đi ra lật đật.

Không nên chưa mặc y mà đi.

Không nên để dư nước lại trong ống, nếu có uống thuốc xổ để giành nước trong ống thì không sao.

Nhà xí dơ phải quét cho sạch, có nước không có đồ múc, hoặc có đồ múc mà không có nước mới gọi là không có chi. Nếu có giỏ đựng cây chùi thì đem đi đổ. Nhà xí hàng ba, hoặc sân nhà xí dơ, phải quét cho sạch, phải gánh nước để trong nhà xí.

---o0o---

11) BỔN PHẬN TRÒ ĐỐI VỚI THẦY HOÀ THƯỢNG (upajjhàyavatta)

Tỳ-khưu hoặc Sa-di phải giữ cho tròn bổ phận đối với ông thầy hoà thượng. Sớm mai thức dậy, nếu có mang dép lột ra và mặc y chừa vai trái, lấy tăm xỉa răng, nước rửa mặt dâng cho thầy, dọn dẹp chỗ ngủ và chỗ ngồi.

Có cháo phải đem cho thầy dùng: phải dâng và dọn dẹp đồ ăn, phải thủ lễ theo phép (không nên khua chén bát) và dâng nước rửa. Thầy muốn đi vào xóm, phải lấy y vai trái, y 2 lớp và dây lưng đem dâng. Thầy muốn cho trò đi theo, trò phải mặc y theo phép và đi theo sau. Không nên đi theo gần hoặc xa lắm, đi vừa cho thầy kêu nói. Bát của thầy đầy cháo hoặc cơm, phải đổi bát cho mình.

Thầy đang nói chuyện không nên nói xía vào. Thầy nói gần phạm lỗi, phải nhắc thầy bằng cách này: "Bạch thầy! Nói vậy có phạm lỗi chăng?" Chẳng nên cãi bằng lời vô lễ. Lúc trở về, trò phải về trước dọn dẹp chỗ ngồi, múc nước rửa chân, kiếm cây kê để rửa chân. Thầy về đến phải ra rước bát, lấy y đem cho thầy đổi và đem ra hong 1 lát rồi xếp cất; phải xếp vắn 1 lớp, lớp sau xếp cho bằng lại (bìa 1 bên, xếp qua chừa 4 ngón tay, rồi xếp lớp sau cho bằng nhau). Lấy dây lưng xế để vào y vai trái.

Nếu có cơm mà thầy muốn ăn, phải dâng nước rồi mới dâng đồ ăn và ngồi xem chừng, ngừa thiếu thốn. Thầy ăn rồi dọn bát cất cho có nơi không nên động khua. Lấy nước rửa chùi cho khô, đem phơi 1 lát đừng phơi lâu và đem

y, bát cất cho tử tế. Thầy đi ra khỏi rồi dọn dẹp chỗ ăn. Thầy muốn tắm, phải lo cho có sẳn nước. Thầy muốn tắm nước lạnh phải có nước lạnh, nước nóngphải có nước nóng. Thầy muốn vào nhà bếp, đem ghế cho thầy ngồi, lấy y cất cho có nơi và đi theo vào bếp. Phải đấm bóp cho thầy. Lúc thầy trở ra cũng phải làm y theo phép (xem trong việc nhà bếp). Thầy tắm phải xối nước, kỳ cho thầy tắm rồi lấy y dâng lên, chùi lau cho thầy, dâng y cho thầy, lấy ghế đem cất, xem chừng nước rửa chân,giẻ chùi chân có sẵn. Nếu muốn học chữ Phạn, phải bạch thầy cho, thất của thầy có rác, phải quét cho sạch.

Thầy buồn muốn hoàn tục, phải khuyên thầy đi chỗ này chỗ nọ cho thầy giải buồn hoặc nói kinh cho thầy nghe. Nếu thầy bất bình phải khuyên lơn thầy, hoặc kiếm Tỳ-khưu khác khuyên dùm cũng được. Thầy làm theo tà kiến phải thức tỉnh thầy hoặc cậy các Tỳ-khưu khác khuyên dùm. Thầy phạm lỗi nặng (Tăng tàn), bị phạt cấm phòng hoặc phạm lỗi nhỏ, phải lo tính chừng để cho Giáo hội đuổi thầy. Tính cho thầy ở lại,

xin Giáo hội phạt tội nhẹ. Nếu Giáo hội phạt rồi nên liệu tính cho thầy hành đạo cho mau được tấn hoá, đừng để cho Giáo hội phạt nữa.

Y dơ thì giặc cho sạch, nhuộm, giủ, chải. Khi nhuộm phải trở qua, trở lại cho đều, phơi phải xem chừng, khô đem cất. Muốn đem y bát hoặc vật gì cho 1 vị nào, hoặc muốn cạo tóc cho ai, đều phải bạch cho thầy hay trước. Không nên thọ lãnh y, bát hoặc vật gì của ai mà mình chưa bạch cùng thầy hay biết. Không nên theo 1 bên vị nào khác cũng chẳng nên để cho ai theo 1 bên mình. Không nên đem đồ ăn cho ai. Không nên đi theo ai nghịch với thầy mình. Muốn vào xóm phải bạch với thầy, rồi mới nên đi. Không đi lâu. Đi khuất thực, phải bạch với thầy, thầy cho phép mới nên đi.

Những việc nói trên đây, thầy cho phép thì việc chi cũng được, bằng không cho, phải nài nỉ đến 3 lần, thầy cho thì đi bằng không thì thôi. Lại nữa, nếu thầy dốt nát không thông đạo lý, trò muốn học chữ Pali hoặc phép tham thiền mà thầy không biết, chỉ biết ngăn cấm, thầy như vậy, dầu có cấm đến đâu, cãi lời cũng được. Thầy đau phải nuôi cho trọn đời, không nên bỏ thầy. Nếu có vị khác ở nuôi, phải đi kiếm thuốc cho vị ấy, để chữa bịnh cho thầy.

---o0o---

12) BỔN PHẬN CỦA THẦY HÒA THƯỢNG PHẢI Ở CÙNG TRÒ (saddhimvihàrikavatta)

bổn phận của thầy phải đối với trò là phải dạy cho trò học kinh luật, học phép thiền định. Phải thường khuyên lơn nhắc nhở trò. Nếu y, bát hoặc các vật dụng nào mà thầy có dư phải chia cho trò. Phải giúp đở cho trò mau được tấn hoá trên đường đạo đức. Trò có bịnh, thầy phải hết lòng chăm nom, y như lúc trò chăm sóc cho thầy vậy. Trừ ra khi đi ra khỏi chùa không cần phải cho trò hay.

---o0o---

13) BỔN PHẬN CỦA TRÒ PHẢI Ở CÙNG VỊ A XÀ LÊ LÀ THẦY NƯƠNG TỰA (àcariyavatta)

Trò phải làm cho tròn bổn phận cùng thầy mà mình nương tựa, y theo các mà mình cùng ông thầy hoà thượng vậy.

---o0o---

14) BỔN PHẬN CỦA VỊ A XÀ LÊ Ở CÙNG TRÒ (Anteväsikavatta)

ông thầy mà mình nương tựa cũng phải ở cùng trò, như hòa thượng đối với trò vậy.

Trong 14 phép hành kể trên, nếu vị nào không tuân theo, thì phạm điều Tác ác (phạm nhằm 1 điều là 1 tội).

--- o0o ---

UPOSATHA - BỐ-TÁT

Uposatha, Tàu dịch là lễ Phát lồ, nghĩa là: khai cái tội để sám hối. Đức Phật có dạy "Như Lai chế định phải tụng giới bổn trong ngày Uposatha" (anujànàmi bhikkhave Uposatha

Pàtimokkha addissilum).

Ngày lễ Uposatha có 3 ngày là: 14 (càtuddasì Uposatha) 23, ngày 15 (pannaràsi Uposatha)24, và ngày Tăng hoà hợp (samaggi Uposatha); Tăng chia rẽ nhau và sự cãi lẽ như chư Tỳ-khưu trong xứ Kosambi, đến kỳ không làm lễ Uposatha không làm Pavàranà rồi trở lại hoà hảo nhau, định giải hoà trúng ngày nào, ngày ấy gọi là hoà hợp (samaggi Uposatha) rồi làm Uposatha trong ngày ấy.

Lại nữa, nói về người hành lễ Uposatha có 3:

- Tăng Uposatha là từ 4 vị Tỳ-khưu trở lên hội hợp tụng giới bổn. - Nhóm (gana Uposatha) 2, 3 vị Tỳ-khưu tỏ cho nhau biết sự trong sạch của mình. - Người (puggala Uposatha) là 1 vị Tỳ-khưu nguyện sự trong sạch của mình.

Tăng hành lễ Uposatha phải tụng tuyên ngôn Sunàtu me bhante sangho... rồi đọc giới bổn.

2, 3 vị Tỳ-khưu hành lễ Uposatha là khi đến ngày lễ Uposatha là khi đến ngày lễ như có 3 Tỳ-khưu hội hợp nhau, Tỳ-khưu thông hiểu nên tụng tuyên ngôn:

Sunàtu me bhante àyasmanto ajjuposattho catuddaso / pannaraso yadàyas mantànam pattakallam mayam annamannam àrisuddhi uposatham kareyyàma.

Nghĩa là:.

xin các ngài nghe tôi trình. Nay là ngày 14 / 15 ngày là ngày lễ Uposatha, nếu sự đã đến kỳ cho các ngài rồi, chúng ta nên làm Pàrisuddhi Uposatha chung cùng nhau.

Rồi vị cao hạ mặc y chừa vai mặc, ngồi chồm hổm chấp tay, đọc 3 bận tỏ sự trong sạch của mình đến các vị khác rằng "Parisuddho aham àvuso parisuddho ti mam dhàrethi" nghĩa là: Này các ngài, tôi là người trong sạch, xin các ngài nhớ rằng, tôi là người trong sạch.

Vị thấp hạ đọc tiếp 3 bận, tỏ sự trong sạch của mình "Parisuddho aham bhante parisuddho ti mam dhàrethi" (nghĩa như trên).

Nếu chỉ có 2 vị, thì vị cao hạ đọc 3 bận "Parisuddho aham bhante parisuddho ti mam dhàrehi".

Vị thấp hạ đọc tiếp 3 bận "Parisuddho aham bhante parisuddho ti mam dhàretha".

tỏ sự trong sạch của mình Parisuddhi với Tỳ-khưu có 2 cách, là tò với Tỳ- khưu hành lễ Pavàranà rồi và nói với Tỳ-khưu chưa hành lễ Pavàranà.

Tỳ-khưu nhập hạ sau (pacchimikàvassà: nhập hạ ngày 16 tháng 6) nhưng dứt hạ, đến ngày (parisuddhi) với Tỳ-khưu hành lễ pavaranà rồi. rằng:

Parisuddho aham àvuso / bhante Parisuddhotimam dhàretha / dhàrehi

trong các ngày khác, ngoài ngày Pavàranà, Tỳ-khưu trong chùa hành lễ Uposatha dứt rồi, chưa đứng dậy hoặc đã đi ra khỏi chùa rồi, có Tỳ-khưu ở xa lại, số Tỳ-khưu khác bằng nhau hoặc ít hơn số Tỳ-khưu trong chùa, Tỳ- khưu ở phương xa ấy nên tỏ sự

Parisuddhi với Tỳ-khưu trong chùa đã hành lễ Uposatha rồi, như đã có giải, như thế gọilà Parisuddhi Uposatha.

adhithàna Uposatha là, nếu chỉ có 1 Tỳ-khưu thì nên làm pubba karana (quét tịnh xá, trải đệm, chiếu, đèn, nước) rồi ngồi chờ Tỳ-khưu khác phương xa đến, nếu chắc không có vị nào đến, nên adhitthàna rằng "Ajjame Uposatha" nghĩa là "Nay là ngày Uposatha của tôi".

Trong kinh, Chú giải dạy addhithàna theo ngày rằng:

Ajja me Uposatha Catuddasati / Pannarasoti adhitthàmi

Nếu đến ngày Uposatha, ngày Pavàranà, Tỳ-khưu không hành lễ Uposatha, không hành lễ Pavàranà, ra khỏi chùa đi đến nơi không có chùa, không có Tỳ-khưu hoặc có Tỳ-khưu mà là nơi không đồng đẳng, phạm Tác ác, trừ ra ở chung với Tăng hoặc có điều nguy hiểm.

Sự phải làm trước khi hội hợp (pubbakarana) đẩ hành lễ Uposatha, Pavàranà có 4:

- Quét tịnh xá.
- Nếu tối phải đốt đèn.
- Dự trữ nước, nước uống, nước rửa.
- Lót trải chiếu, đệm.

Tỳ-khưu trẻ, không bịnh, nếu vị trưởng lão dạy bảo mà không làm pubbakarana ấy phạm Tác ác.

Sự phải làm trước khi tụng giới bổn có 5:

- đem lời (channa) của Tỳ-khưu bịnh. - đem parisuddhi Pavàranà của Tỳ-khưu bịnh. - tỏ thời tiết, là mùa này, tên này, ngày Uposatha trong mùa này đã qua rồi được bao nhiêu đây, ngày Uposatha, ngày Uposatha còn lại bao nhiêu đây. - số Tỳ-khưu hội họp hành lễ bây nhiêu đây - dạy bảo Tỳ-khưu ni.

Tỳ-khưu ở trong ranh chùa có bịnh hoặc có đại sự đến hội họp tại tịnh xá không được, đến ngày hành lễ Uposatha phải cho Channa, cho Parisuddhi, đến ngày Pavàranà phải cho Channa, cho Pavàranà đến 1 vị Tỳ-khưu. cách cho Channa ấy để hành lễ Uposatha được thành tựu. Cho nên, sự cho Parisuddhi, cho Pavàranà, cho Channa, nhưng hiện thời nếu ranh tịnh xá nhỏ, Tỳ-khưu ở trong vòng ranh,không xa khỏi hắc (hatthapàsa) với nhau, sự đem Channa, đem Parisuddhi, đem Pavàranà, cũng không cần làm, Tỳ-khưu ni hiện nay cũng không có, cho nên dạy bảo (ovàda) Tỳ-khưu ni cũng không cần. hành lễ Uposatha pavà ranà phải có đủ 4:

1) Phải là ngày Uposatha, ngày Pavàranà (ngày 14, 15, ngày Tăng hoà hợp, 1 trong 3 ngày ấy).

2) Tỳ-khưu nên hành lễ sangha Uposatha, gana Uposatha và sangha Pavàranà, gana Pavàranà được. Các Tỳ-khưu ấy không ngồi xa khỏi hắc (hatthapàsa) cùng nhau, khi hành lễ trong ranh tịnh xá.

3) Không phạm tội giống nhau (sabhàgàpatti) (như Tăng không dùng vật thực sái giờ).

4) Vajjanìya puggala [*] không có trong hắc Tăng.

[*] có 21 hạng người : 1. Người thế, 2. Tỳ-khưu ni, 3. Thất xoa ma na (sikkhàmana), 4. Sadi, 5. Sadi ni, 6. Người đã xả giới hoàn tục, 7. Tỳ-khưu mà Tăng đã cấm không cho ở chung vì không thấy tội (antimavatthu), 8. Tỳ- khưu mà Tăng đã cấm không cho ở chung vì không chịu sám hối, 9. Tỳ- khưu mà Tăng đã cấm không cho ở chung vì không bỏ kiến thức xấu xa, 10. Bộ nấp, 11. Người giả tu, 12. Người hành theo ngoại đạo, 13. Thú, 14. Phạm atimavatthu, 15. Người giết mẹ, 16. Người giết cha, 17. Người giết A la hán, 18. Người dâm Tỳ-khưu ni, 19. Người chia rẽ Tăng, 20. Người chích máu Phật, 21. Người có 2 bộ sanh thực khí. Nếu có 1 trong 21 hạng này trong hắc Tăng hành sự thì phạm Ưng đối trị.

Uposatha Pavàranà đều đủ 4 chi ấy mới nên hành, mới nên nói: Pattakallam được.

Hành lễ Uposatha có 4 cách:

- theo phe mà không đúng theo pháp - đồng ý nhau mà không đúng theo pháp - theo phe mà đúng theo pháp - đồng ý nhau và đúng theo pháp

Trong 1 chùa, có 4 Tỳ-khưu, đem channa, đem parisuddhi của 1 Tỳ-khưu đi, nhưng 3 Tỳ-khưu hành parisuddhi Uposatha hoặc còn 3 Tỳ-khưu đem channa parisuddhi, đem channa parisuddhi của 1 Tỳ-khưu đi nhưng 2 vị tụng giới bổn như thế gọi là "theo phe mà không đúng theo pháp" (adhammena vaggam).

Nếu 4 vị hội hợp nhau hành Parisuddhi Uposatha hoặc 2 vị hoặc 3 vị đọc giới bổn, như thế gọi là "đồng ý nhau mà không đúng theo pháp" (adhammena saggam).

Nếu 4 vị Tỳ-khưu ở chung chỗ cùng nhau hội hợp tụng giới bổn, có 3 vị hành parisuddhi Uposatha hoặc có 2 vị tỏ parisuddhi với nhau như thế gọi là "đồng ý nhau và đúng theo pháp" (dhammena samaggam), 3 cách trên là điều không nên hành, chỉ nên hành theo thứ 4.

Lại nữa, Tỳ-khưu tụng giới bổn, cố ý làm cho Tăng không nghe được, phạm Tác ác. Không cố ý, không tội. Tỳ-khưu mà vị trưởng lão chưa thỉnh, tung giới bổn giữa Tăng, phạm Tác ác.

Nếu không có 1 trong 10 điều nguy hiểm mà tụng giới bổn tóm tắt, phạm Tác ác.

10 điều nguy hiểm là khi chư Tỳ-khưu hội họp làm lễ Uposatha có:.

- Đức vua đến
- Bọn cướp đến.
- Lữa cháy đến.
- Nước lụt đến.
- Nhiều người đến.
- Tinh, ma phá Tỳ-khưu.
- Thú dữ đến.

- Rắn mổ Tỳ-khưu.
- Tỳ-khưu bịnh hoặc tịch.
- Người đến níu kéo hoặc bắt Tỳ-khưu hoàn tục.

Nếu có 1 trong 10 điều nguy hiểm ấy nên tụng giới bổn tóm tắt (là Tỳ-khưu tuyên bố tụng hết điều học Bất cộng trụ ...). Nếu không có điều nguy hiểm nào, nên tụng cho hết giới bổn, không hành lễ Uposatha phạm Tác ác.

Nếu hành lễ Uposatha ngoài ngày 14, 15 (ngày rằm và 30 hoặc 29 VN, nếu tháng thiếu), ngày Tăng hoà hợp, phạm Tác ác. đức Phật có dạy, tụng ngày Uposatha, vị trưởng lão phải hội trước - kinh Chú giải nói, nếu vị trưởng lão không hội trước thì phạm Tác ác.
VASSÀ - AN CƯ

Vassà dịch là Hạ hoặc Nhập hạ, nghĩa là chư vị Tỳ-khưu phải nghỉ trong 1 nơi, không được ra khỏi chỗ ngụ trước mặt trời mọc trong 3 tháng mưa (trừ khi hữu sự).

Đức Phật có dạy "Như Lai cho phép nhập hạ trong mùa mưa" (anujànàmi bhijkkhave vassàne vassam upagantum...). nhập hạ có 22 kỳ:

- Nhập kỳ trước (purimikàvassupanàyikà) là nhập hạ ngày 16/6. - Nhập hạ kỳ sau (pacchimikàvassupanàyikà) là nhập hạ ngày 16/7

Đến kỳ nhập hạ nên quét dọn trong ranh chùa. chứa nước uống nước rửa ... làm lễ Tam bảo xong rồi, nên đọc 3 bận Imasmim vihàre imam temàsam vassam upemi (ta nhập hạ trong nơi này hết 3 tháng) [nếu không có chùa, thì đọc Àvàse thế chữ Vihàre].

Nếu Tăng đã định (nhưng quên không đọc câu kinh nhập hạ) ở trong chỗ của Tăng mà mình đã xin rồi cũng gọi là nhập hạ chơn chánh. Đến ngày mà không muốn nhập hạ, cố ý đi đến chỗ này nơi kia, phạm Tác ác.

Nếu nhập hạ không có chỗ ở hoặc chỗ ở không có dừng che lợp, không có cửa đóng kín phạm Tác ác.

Nếu đã nhập hạ rồi mà đi khỏi chỗ ở trước mặt trời mọc, phạm Tác ác -- Trừ ra các hữu sự được phép đi 7 ngày thì không phạm tội.

Trong khi nhập hạ nếu có 7 hạng người: Tỳ-khưu, Tỳ-khưu ni, Sikkhamànà (Thức xóa ma na), Sa-di, Sa-di ni, cha, mẹ hữu sự cho hay hoặc không cho hay, Tỳ-khưu đựoc phép đi ra khỏi chỗ nhập hạ trong khoảng 7 ngày. Nếu đi quá ngày thứ 8, mặt trời mọc lên, phạm Tác ác.

Ngoài 7 hạng người kể trên, nếu có cư sĩ hữu sự muốn làm phước cho người đến thỉnh Tỳ-khưu cũng được phép đi 7 ngày, bằng họ không thỉnh, không nên đi.

Cách thức đi trong khoảng 7 ngày(sattàhakicca) ấy như vầy:.

Tỳ-khưu hoặc Sa-di trong hạ trước khi đi ra đường xa phải nguyện: "Ta sẽ trở về trong khoảng 7 ngày" như thế rồi đi, không cần phải đọc Pali cũng được. Nếu muốn đọc Pali cho chắn chắn,c àng thêm tốt, song nên đối trước 1 Tỳ-khưu hoặc 2, 3 vị hoặc giữa Tăng mà đọc hay là đọc trước "kim thân" hoặc xá lợi Phật cũng được. Phải đọc như vầy:

"Sace me amtaràyyo natthi, sattàhabbhantare aham puna nivattisàmi". "Dutiyampi... ". "Tatiyampi...

Nghĩa là "Nếu không có sự rủi ro đến tôi, tôi sẽ trở về trong khoảng 7 ngày"; "Lần thứ nhì..."; "Lần thứ ba... ".

Sattàhakicca ấy có 2 cách là:

1) Nhập hạ được 1 hay 2 ngày hoặc trong ngày mới nhập hạ ấy, đã nhập từ buổi chiều cho đến rạng đông, trtước khi mặt trời mọc, nếu có việc thì được phép đi trong khoảng 7 ngày, khi đi rồi đã làm xong việc của mình hết 6 ngày, cần phải trở về cho kịp trước khi mặt trời mọc ngày thứ 7.

Phải tính ngày, đi ra là 1 ngày, rồi trở về chỗ nhập hạ cho kịp trong buổi tối trước mặt trời mọc, nghĩa là mặt trời mọc lên thì kể là ngảy thứ 7. Nếu mới nhập hạ trong buổi chiều rồi,nguyện đi liền thì không nên, phải chờ đến gần sáng mới đi được như thế gọi là "việc phải làm trong khoảng 7 ngày thứ nhất" (pathamasattàha).

2) Còn 7 ngày nữa ra hạ, là ngày mùng 9 tháng 9 25 hoặc mùng 9 tháng 10 26, nếu có việc thì được phép đi trong 7 ngày; nhưng phải nguyện trở lại cho kịp

trong khoảng 7 ngày. đi rồi có thể làm xong công việc trong không 7 ngày, sẽ làm Pavàranà chung với Tỳ-khưu nơi chùa khác gần đó cũng được, không cần phải trở về, cũng không đứt hạ. Nhưng trước, không nên nguyện rằng "Ta sẽ không trở về" như thế đứt hạ, từ khi đi ra khỏi chùa đến bước thứ 2, như thế gọi là "Việc phải làm trong khoảng 7 ngày cuối cùng".

Kinh Chú giải có nói rõ rằng "Navamito patthàya gantum vattati, àgacchatu và, magacchatu và, anàpatti na dukkatàraho và hoti".

Nghĩa là: "Nếu chỉ còn 7 ngày nữa sẽ ra hạ Tỳ-khưu có việc nguyện đi trong 7 ngày, nếu không cò thể được không trở về cũng không sao, không phạm Tác ác."

Nguyên nhân đứt hạ, nhưng không phạm tội có 4:

- Tăng chia rẽ nhau.
- Chư Tỳ-khưu muốn chia rẽ Tăng.
- Có sự rủi ro đến sanh mạng;
- Có sự rủi ro đến phạm hạnh.

Lại nữa, nếu nhập hạ có thú dữ, khó đi khất thực, kẻ cướp hoặc ma quỉ phá hại, hoặc chỗ ở bị lửa cháy nước lụt, hoặc khó nuôi sanh mạng, thiếu thuốc ngừa bịnh, thiếu người hộ độ, được phép đi ra khỏi nơi ấy không phạm giới, nhưng đứt hạ. Nếu có phụ nữ trêu ghẹo, có người xin gả con, có thể làm cho hư phạm hạnh, bỏ đi khỏi chỗ ấy, không phạm tội.

Lại nữa, nếu thấy hoặc nghe tin có Tỳ-khưu chia rẽ Tăng, cố ý chia rẽ Tăng, mình tính đi đến có thể hoà giải được, bỏ đi như thế cũng vô tội, nhưng đứt hạ.

Nếu có thí chủ thỉnh nhập hạ 3 tháng, mình đã nhận chịu rồi mà lại bỏ đi, phạm Tác ác, hoặc có Tỳ-khưu rủ nhập hạ cùng nhau để học Pali trong 1 chỗ, đã ưng thuận rồi bỏ đi, phạm Tác ác.

Lại nữa, câu "Imasmim vihàre imam temàsam vassam upemi" để đọc nhập hạ ấy, không phải là Phật ngôn, chỉ là lời chú giải của các A la hán. Cho nên Tỳ-khưu nếu tâm đã quyết định nhập hạ rồi không cần đọc câu Pali ấy cũng đươc. Phải nên phân ranh chỗ nhập hạ và nên biết mặt trời: mặt trời đỏ đã

mọc rồi, nếu phải ra khỏi chùa thì phải vào cho kịp trước khi có ánh sáng đỏ mặt trời.
PAVÀRANÀ - TỰ tứ

Pavàranà dịch là Tự Tứ, là sau khi đã nhập hạ 3 tháng (từ 16 tháng 6 đến rằm tháng 9), chư vị Tỳ-khưu nhóm lại mà tỏ tội cùng nhau.

Đức Phật có dạy "Như Lai cho phép Tỳ-khưu đã nhập hạ 3 mãn mùa mưa rồi phải hành lễ Pavàranà theo 3 điều:

- Vì được thấy; - Vì được nghe; - Vì được nghi."

Pavàranà là sự tỏ cho nhau, thức tỉnh cho nhau, cho khỏi phạm tội để làm gương cho nhau và cho kẻ hậu lai noi theo.

Chư Tỳ-khưu nên hành lễ Pavàranà như vầy: cho Tỳ-khưu thông hiểu tuyên bố cho Tăng biết rằng:

Sunatume bhante sangho ajja pavàranà. Pannarasì / Catuddasì yadi sanghassa pattakallam sangho pavàreyya.

(Bạch đại đức Tăng, xin Tăng nghe tôi trình, ngày nay là ngày Pavàranà 15 / 14 nếu lễ Pavàranà đến kỳ cho chư Tăng, chư Tăng nên hành lễ Pavàranà.).

Rồi vị trưởng lão nên mặc y chừa vai một bên ngồi chồm hổm chấp tay đọc:

Sangham àvuso pavàremi ditthena và sutena và parisankàya và vadantu mamàyasmanto anukampam upadàya passanto patikarissàmi. Dutiyampi... Tatiyampi...

Nghiã:

Này Ngài, tôi xin Pavàranà với Tăng nếu có thấy, nghe hoặc nghi, xin các ngài đem lòng tiếp độ thức tỉnh tôi, khi được biết tôi sẽ hành theo. lần thứ nhì... lần thứ ba...

Rồi vị thấp hạ đọc:

Sangham bhante pavàremi ditthena và sutena và parisankàya và vadantu mamàyasmanto anukampam upadàya passanto patikarissàmi. Dutiyampi... Tatiyampi...

Như thế gọi là lễ Pavàranà.

Ngày Pavàranà có 3: ngày rằm, 30 hoặc 29 tháng thiếu, và ngày chư Tăng hòa hợp (samaggi).

Nếu nhập hạ kỳ trước phải hành lễ Pavàranà trong ngày rằm tháng 9, nhập hạ kỳ sau phải hành lễ Pavàranà trong ngày rằm tháng 10, như đã có giải trong lễ Uposatha.

Lại nữa Pavàranà nói về người hành có 3:

- Tăng Pavàranà. - Gana Pavàranà. - Puggala Pavàranà.

Tỳ-khưu từ 5 vị trở lên gọi là Sangha (Tăng) Pavàranà, nêu hành trì như đã có giải trước. Tỳ-khưu 2, 3, 4 vị gọi là Gana Pavàranà. Nếu có 3 hay 4 vị, nên cho vị thông hiểu tụng tuyên ngôn:

Sunàtume ayasmamto ajja pavàranà pannarasì / catuddasì yadàyasmantànam pattakallam mayam annamannam pavàreyyàma,.

Rồi vị cao hạ nên mặc y chừa vai 1 bên ngồi chồm hổm chấp tay trước mặt các vị khác đọc:

Aham àvuso àyasmanto pavàremi ... patikarissàmi. Dutiyampi... Tatiyampi...

Rồi vị thấp hạ đọc:

Aham bhante (àyasmanto) pavàremi ... patikarissàmi. Dutiyampi...

Tatiyampi...

Nếu chỉ có 2 vị, không nên đọc tụng tuyên ngôn, hội họp nhau rồi vị cao hạ nên mặc y chừa vai 1 bên ngồi chồm hổm chấp tay trước mặt các vị thấp hạ đọc:

Aham àvuso àyasmantam pavàremi vadamtumam ayasmà... patikarissàmi. Dutiyampi... Tatiyampi...

Vị thấp hạ đọc:

Aham bhante...

Như thế gọi là Gana Uposatha.

Nếu có 1 vị, khi đến ngày Pavàranà nên hành Adhitthàna rằng:

Ajja me pavàranà.

Trong kinh Chú giải dạy rằng: phải để thêm ngày như vầy:

Ajja me avàranà catuddasì / pannarasì adhitthàmi.

Như thế gọi là Puggala Pavàranà.

Trong kỳ lễ Pavàranà có nhiều vị, không nên đọc Pavàranà chung cùng nhau, phải đọc mỗi vị 3 bận, trừ ra có duyên cớ như: thí chủ đương bố thí, Tỳ-khưu đương nghe pháp, đêm gần tàn hành Pavàranà, mỗi vị 3 bận không kịp, hoặc 10 điều nguy hiểm, không thể hành Pavàranà, mỗi vị đọc 3 bận không kịp, thì đọc mỗi vị 2 bận, nếu mỗi vị đọc 2 bận không kịp, thì đọc mỗi vị 1 bận, nếu mỗi vị đọc 1 bận không kịp, thì đọc chung

cùng nhau với những vị đã nhập hạ chung một kỳ, nhưng phải tụng tuyên ngôn trước như vầy:

Sunàtu me bhante sanghoayam brahma cariyantaràyo sace sangho tevàcikam pavàressati appavàrito và sangho bhavissati yadi sanghassa pattakallam sangho (devàcikam) ekavàcikam (samà navassikam) pavàreyya.

Đọc xong rồi nên Pavàranà như trước.

Nghĩa là:

Bạch đại đức Tăng, xin Tăng nghe tôi trình, ấy là điều nguy hiểm đến phạm hạnh, nếu Tăng pavàranà 3 bận chắc không kịp, điều nguy hiểm đến phạm hạnh ấy ắt sẽ phát sanh lên không sai. Nếu Tăng sự vừa đến Tăng rồi, Tăng nên Pavàranà (2 bận), (1 bận) cho Tỳ-khưu nhập hạ chung 1 kỳ nhau đều Pavàranà chung cùng nhau (samànavassikà Pavàranà).

---o0o---

VẬT DÙNG THEO THỜI (Kàlika).

Vật dùng theo thời có 4:

- Vật để dùng trong buổi sáng (yàvakàlika).
- Vật để dùng trong 1 ngày, 1 đêm (yàmakàlika).
- Vật để dùng trong 7 ngày (sattàhakàlika).
- Vật để dùng cho đến hết (yàvajìvika).

I. YÀVAJIVÌKA

Giải về yàvajìvika trước cho dễ bề phâm biệt.

Đức Phật cho phép dùng 5 thứ thuốc.

- Rễ cây
- Nước cốt cây.
- Lá cây
- Trái cây
- Nước nhựa cây, trái, múi, và bông, vỏ cây.

Các món ấy đều là vật để dùng cho đến hết. đã thọ các vật ấy, khi có bịnh đem ra dùng, được phép cất giữ cho đến hết. không bịnh mà dùng, phạm Tác ác.

(Tanipatiggahetvà yàvajìvam pariharitum satipaccaye paribhunnitum asatipaccaye paribhunnatassa àpatti dukkatassa).

---o0o---

II. YÀVAKÀLIKA

5 món ăn: cơm, bánh sốt, bánh nguội, cá, thịt gọi là bhojana (vật thực).

Ngoài bhojana, yàvajìvika, sattàhakalika và yàvajìvika ra, các món ăn khác gọi là vật nhai ăn (khàdanìya) các thứ bánh làm bằng gạo, nếp, đậu, mè không cần phải kể, dầu là rễ cây, khoai, củ, cộng, đọt lá, vỏ, bông, trái... cũng đều gọi là khàdanìya

Tóm lại, vật để làm thuốc gọi là yàvajìvika, vật ăn không gọi là yàvajìvika được.

Vỏ mía còn vị ngọt gọi là món ăn, ngòai ra các thứ vỏ cây khác đều thuộc về yàvajìvika cả.

Các thứ lá như lá khoai, lá đậu, lá cải, lá xoài không gọi là thuốc được. Các thứ bông cũng vậy.

Các thứ trái như: mít, sa kê, thốt nốt, dừa, xoài và những trái khác dùng để làm món ăn không gọi là yàvajìvika được, các thứ hột cũng vậy.

Bột làm bằng 7 thứ mể, đậu, mè, mít, sa kê đều là vật vật thực. Các thứ nước nhựa, chỉ nước mía là vật sattàhakàlika, ngoài ra đều là món thuốc, được phép để dùng cho đến hết.

5 thứ bhojana và các món khàdaniya là vật chỉ được phép để dùng, từ khi mặt trời mọc cho đến đúng ngọ, dùng ngoài giờ ấy phạm Ưng xả đối trị. Thọ lãnh để dành qua ngày sau cũng phạm Ưng xả đối trị.

---o0o---

III. YÀMAKÀLIKA

Có 8 thứ nước:

- nước làm bằng xoài sống hoặc chín (ambapànam).
- nước làm bằng trái diêm phù (jambupànam).
- nước làm bằng chuối có hột (pocapànam).
- nước làm bằng chuối không hột (mocapànam).
- nước làm bằng trái cà na (madhupànam). - nước làm bằng trái thị hoặc trái nho (muddikàpànam). - nước làm bằng rễ cây hoặc ngó sen (sàlukapànam). - nước làm bằng trái nhãn, chôm chôm (phàtùsa kapànam).

8 thứ nước làm bằng trái cây ấy gọi là vật chỉ được phép chỉ dùng trong 1 ngày 1 đêm.

Giải về các làm nước bằng trái xoài: Nên để xoài vào trong nước rồi đâm, xong đem ra phơi nắng cho chín, lược lấy nước, thêm mật ong hoặc đường vào rồi dùng. Nếu tự mình làm thì chỉ được dùng trong buổi sáng. Người chưa tu lên bậc trên làm, được phép để đến 1 ngày 1 đêm, nếu đem dùng chung với cơm cũng được nhưng không nên để quá ngọ.

Các thứ nước trái cây khác cũng làm như thế. Không nên nấu (phơi nắng cho chìn thì được). Đức Phật có dạy "Như Lai cho phép dùng vị các thứ trái cây trừ ra 7 thứ mể. Như Lai cho phép dùng vị của các thứ lá cây, trừ ra các lá để ăn và luộc chín. Như Lai cho phép dùng vị của các thứ bông cây, trừ ra bông cà na. Như Lai cho phép dùng vị của nước mía ròng (anu... sabbam phalarasam thapetvà dhannaha lasaram - anu... sabbam

pattarasam thapetvà dàkarasam - anu... sabbam puppharasam thapetvà madhuka puppharasam - anu... ucchurasam).

Các thứ lá cây đều để thuốc về vật để dùng cho đến hết. Nếu làm cho chín, chung lộn với vật nào, chỉ được phép để dùng theo vật ấy (vật ăn buổi sáng, vật dùng, 1 ngày, 1 đêm, hoặc vật dùng trong 7 ngày). Nấu với nước lã thì thuộc về vị thuốc. Các thứ lá sống hoặc luộc chín là vật ăn chung trong bữa cơm. Lá vò với nước mát, hoặc phơi nắng cho chín để làm thuốc cũng nên. Các thứ bông, trừ ra bông cà na, nên làm thuốc được cả.

Các yàmakàlika, nếu thọ rồi để dùng quá 1 ngày 1 đêm, đến mặt trời mọc, phạm Tác ác.

---o0o---

IV. SATTÀHAKÀLIKA

Sữa lỏng (sappi), sữa đặc (navanitam), dầu (telam), mật ong (madhu), nước mía (phànitam) đều là vật để dùng đến 7 ngày. Đến ngày thứ 8 mặt trời mọc lên, phạm Ưng xả đối trị, ăn vào, phạm Tác ác.

Sữa bò, sữa dê, sữa trâu, các thứ thịt của loài thú mà đức Phật không cấm [*], sữa của loài thú ấy gọi là sữa; về phần mỡ cũng vậy.

[*] 10 thứ thịt cấm: thịt người, voi, ngựa, sư tử, cọp, beo, gấu, chó, rắn, chó sói.

Sữa bò, sữa dê, sữa trâu,... gọi là sữa tươi (khìram). Sữa ấy để lâu, đến chua gọi là sữa chua (dadhi) [cũng gọi là sữa đặc, sữa lỏng]. Bơ đặc ấy họ thắng lại nữa gọi là bơ lỏng (sappi).

Sữa tươi, chua, dầu thuộc về yàmakàlika, là vật dùng trong buổi sáng. Sữa đặc, bơ lỏng là món để dùng đến 7 ngày (sattàhalika).

Dầu, mật ong, nước mía, sữa đặc, sữa lỏng mà Tỳ-khưu đã thọ trong buổi sáng dùng làm vật ăn được, nhưng quá ngọ rồi, không nên. Nếu để dùng ngoài buổi ăn sáng, được cất đến 7 ngày, quá 7 ngày thì phạm Ưng xả đối trị, kể theo mỗi vật và đồ đựng.

Dầu mè, dầu đu đủ, dầu cà na là vật ăn buổi sáng. Các thứ dầu khác như dầu hột cải đều thuộc về yàmakàlika.

Thọ lãnh dầu mè, buổi sáng, ăn chung trong buổi cơm cũng được, nhưng quá ngọ rồi, không nên dùng ngoài bữa ăn, được cất đến 7 ngày, để làm thuốc được phép dùng cho đến hết. Dầu có lộn chút ít nước, hoặc hâm nóng, chỉ nên dùng trong buổi sáng. Thọ dầu chung với vật thực cũng vậy, dùng để ngoài da, được phép thoa cho đến hết.

Thọ hột mè, hột đu đủ, làm dầu trong ngày. Nếu qua ngày thứ 2 mới thắng dầu, được dùng đến 6 ngày, thắng trong ngày thứ 3, thứ 4 hoặc thứ 6, nên để đến 5, 4 hoặc 2 ngày. Làm trong ngày thứ 7 chỉ được dùng trong ngày ấy thôi.

Thọ hột mè, hột đu đủ để quá 7 ngày, phạm Tác ác.

Thọ dầu dừa, dầu hột cải và các thứ dầu khác, thứ dầu không có kể trong Pali, để quá 7 ngày, phạm Tác ác; khác nhau với dầu có nói trong Pali.

Thọ mỡ trong buổi sáng, thắng trong buổi sáng, dùng ngoài bữa ăn, được phép để đến 7 ngày. Thọ sái giờ thắng lược sái giờ, đem dùng, phạm 3 tội

Tác ác. Thọ trong giờ, thắng lược sái giờ, đem dùng, phạm 3 tội Tác ác. thọ trong giờ, thắng trong giờ, lược ngoài giờ, đem dùng, phạm 1 tội Tác ác. Thọ trong giờ, thắng trong giờ, lược trong giờ, không phạm tội.

Thọ trong giờ đem dùng với cơm cũng nên (không được để quá ngọ). Thọ sái giờ chỉ nên dùng ngoài bữa cơm và được phép để đến 7 ngày. Quá 7 ngày, phạm Ưng xả đối trị.

Thọ nước mía (sống hoặc chín) không lộn với xát (cái) được phép dùng như mật ong.

Thọ đường thẻ, đường tán, đường phèn làm bằng nước mía, mà họ dâng trong buổi sáng đem dùng với cơm cũng nên. tự mình là chỉ dùng được ngoài buổi sáng. các thứ đường ấy là vật sattàhakàlika, dầu có bịnh hoặc không cũng dùng được đến 7 ngày.

Đức Phật cho phép:

- đối với người bịnh.
- đối với người.
- đối với thì giờ.
- đối với dịp.
- đối với xứ.
- đối với mỡ.
- đối với vị thuốc.

Đối với người có bịnh như: Ngài đã cho phép Tỳ-khưu ni ma nhập được ăn thịt tươi, máu tươi (trừ ra thịt người), ăn trong buổi sáng hoặc buổi chiều cũng được.

Cho phép đối với người, như: người ăn hay ợ cơm trở ra khỏi cổ, rồi nuốt vào không phạm tội.

Cho phép đối với thì giờ, như: Tỳ-khưu bị rắn cắn được phép dùng 4 thứ thuốc: nước tiểu, phẩn, tro, đất, nếu không có ai dâng, tự mình lấy dùng cũng nên.

Cho phép đối với dịp, như: cho phép Tỳ-khưu dùng vật thực nhiều vị trong khi có dịp, ngoài ra không nên dùng.

Cho phép đối với xứ, như: cho Tỳ-khưu ngoài xứ Trung Ấn độ, từ 5 vị trở lên được phép truyền Tỳ-khưu giới.

Cho phép Tỳ-khưu thọ mỡ: thắng, lược trong giờ, chỉ nên dùng mỡ lỏng. cho phép cần dùng mỡ lỏng làm bằng các thứ mỡ của loài thú.

Cho phép đối với thuốc, như: sữa lỏng, sữa đặc, dầu, mật ong, nước mía, mà Tỳ-khưu đã thọ rồi được phép dùng tuỳ thích trong buổi sáng ngày ấy. Quá ngọ, nếu có bịnh nên dùng đến 7 ngày, nhưng các thứ đường cứng (đường thẻ, đường sắc, đường om, đường tán, đường phèn) nếu có bịnh thì được phép nhai, không bịnh nên dùng chung với

nước. Cả 5 thứ thuốc ấy, dùng đến 7 ngày, còn dư nên cho đến người khác hoặc để thoa bó cũng được.

Giải về: Yavakàlika, yàmakàlika; sattahakàlika và yàvajìvika, để lộn chung cùng nhau rằng.

"Yàvakàlikena bhikkhave yàmakàlikam tadahu patiggahitam... sattàhàkàli kantenakappati".

nghĩa là: "Này các Tỳ-khưu! Yàmakàlika sattàhakàlika, yàvajivika, 1 trong 3 vật ấy mà Tỳ-khưu thọ kãnh chung với yàvakàlika, chỉ nên dùng trong buổi sáng ấy, quá ngọ rồi thôi". Thọ 1 trong 2 vật sattàhakàlika và yavajivika, chung với yàmakàlika, chỉ nên dùng trong 1 ngày, 1 đêm thôi. Thọ "yàvejivika" chung với "sattàhakàlika", chỉ nên để đến 7 ngày; qua ngày thứ 8 cho đế người khác ấy là nói về vật có lộn chung cùng nhau.

Nếu thọ 1 trong 8 thứ nước yàmakàlika chung lộn với dừa, lấy dừa ra 8 thứ nước yàmakàlika dùng ngoài giờ được. Thọ sữa cục với cơm nguội, lkấy sữa ra cất dùng đến 7 ngày cũng nên; mật ong đườngcũng vậy.

Vật yàmakàlika, sattàhakàlika và yàvajivika trộn lộn với vật thực, nếu có thể lấy ra làm cho thật sạch để dùng theo thời đều được cả. không sạch, không nên cất giữ.

Tỳ-khưu không nên nấu nướng vật thực mà được phép hâm nóng những vật đã chín sẳn. Thí chủ họ dâng cháo nóng, có bỏ hành tỏi, gừng... Tỳ-khưu không nên đem khuấy cho chín, tính làm cho nguội được, dầu cơm còn ngòi không nên tính đậy cho chín, đậy cho nóng được, nếu vật đã chín sẵm đem hâm lại không sao.

--- o0o ---

GIẢI VỀ CÁCH THỨC ADHITTHÀNA

Y nên adhitthàna [*] có 7 thứ.

- Tam y (ticìvara).
- Y tắm mưa (vàsikasàtikà).
- Y lót ngồi (nisìdanam).
- Y lót nằm (paccattharanam).
- Y rịt ghẻ (kandupaticchàdi).
- Y lau mặt (muhkamunchana colam).
- Các thứ phụ tùng nhỏ như vải lược nước, áo bát, đảy (parikkharacolam).

Cả 7 thứ y đều là vật nên adhitthànatheo tên.

[*] Tam y đã adhitthàna rồi đi vào xóm khỏi đem theo năm điều: 1. Tỳ- khưu có bịnh, 2. Trong 4 tháng mưa, 3. Đi qua sông, 4. Chỗ ở cửa có khoá kín, 5. Có thọ lễ dâng y .

Đức Phật dạy phải adhitthàna tam y, không cho gởi adhitthàna y tắm mưa đến 4 tháng, hết 4 tháng mưa rồi phải gởi, adhitthàna vải rịt ghẻ, cho đến khi hết ghẻ rồi gở, adhitthàna y lau mặt không cho gởi, adhitthàna các thứ y phụ tùng, không cho gởi.

Tam y là: y 2 lớp để đắp trùm (sanghàti), y vai trái (uttarasanga), y nội để mặc (antaravàsaka). Ba y ấy phải cắt, may làm cho đúng phép rồi nhuộm cho có màu, làm dấu (bindukappa) rồi mới nên nguyện đặt tên (adhithàna), không cắt không nên mặc, vì đức Phật có dạy "Màbhikkhave acchinnakàni cìvaràni dhà -- retabbàni". Chẳng nên mặc y cà-sa không cắt, Tỳ-khưu nào dùng ca-sa không cắt, phạm Tác ác.

Tam y, dầu cắt cho lớn rộng đến đâu đến đâu cũng phải nhỏ hơn y của Phật mới nên. Nhỏ hơn hết là: y 2 lớp và y vai trái, bề dài 4 hắc và 1 bàn tay, bề ngang dầu 2 hắc cũng được. lớn hoặc nhỏ hơnkiểu ấy không nên là nguyện là ca-sa.

Khi đã cắt may, nhuộm xong nên:

1) Làm dấu y, nên dùng 1 trong 3 màu (đem, xanh, sám tro, hoặc bùn) vẽ vòng tròn bằng mắt ngỗng, đọc "imam bindukappam karomi" rồi adhitthàna.

2) Adhitthàna có 2 cách: adhitthàna bằng thân và bằng khẩu.

Nếu y 2 lớp cũ, nên đọc xả adhitthàna rằng "imam sanghàtim paccuddharàmi: tôi xả y 2 lớp này" lấy tay cầm y 2 lớp hoặc để trên mình đọc trong tâm rằng "imam sanghàtim adhitthàna" (tôi adhitthàna y hai lớp này) như thế gọi là adhitthànabằng thân.

Adhitthànabằng khẩu thì đọc "imam sanghàtim adhitthàmi". adhitthàna bằng khẩu có 2 cách:

1. trong hắc 2. Ngoài hắc.

Nếu ở trong hắc, đọc "imam sanghàtim adhitthàmi". Y ở ngoài hắc để trong phòng, trong chùa, phải nhớ đến chỗ để y, rồi đọc "etam sanghatim adhitthàmi".

Các y khác cũng làm như thế, chỉ nên đổi tên thôi.

Đọc xả y ở trong hắc:

Imam / Etam [*] uttaràsangam paccuddharàmi antaravàsakam paccuddharàmi

Đọc adhitthàna:

Imam / Etam [*] Uttarasangam adhitthàmi, Antaravàsakam adhitthàmi, Vassika sàtikam adhitthàmi, imam paccattharanam adhitthàmi, etam kandupatticchàdi adhitthàmi, mukhamunchanacolam adhitthàmi, parikkhàracolam adhitthàmi

nếu adhitthàna tam y làm phụ tùng, đọc:

Imam / Etam [*] cìvaram parikkhàracolam adhitthàmi

nếu adhitthàna nhiều y chung cùng nhau đọc:

Imam / Etam [*] cìvaràni parikkhàracolam adhitthàmi

nếu adhitthàna patta thì đọc:

Imam pattam adhitthàmi

[*] Y để trong hắc (hathapàsa) đọc: "Imam"; Y để ngoài hắc (hathapàsa) đọc: "Etam".

---o0o---

GIẢI VỀ CÁCH GỞI Y DƯ (Vikappa)

Đức Phật dạy:

"Anujànàmi bhikkhave atirekacìvaram vikappetum. anu... àyàmenaatthangulamsu gatam gulena caturangulavitthatam pacchimam cìvaram vikappetum."

Này các Tỳ-khưu! Như Lai dạy phải gởi y dư -- Như Lai dạy phải gởi y pacchimacìvara là y nhỏ hơn hết bề dài 8 ngón tay, bề ngang 4 ngón tay (ngón tay của đức Phật).

Y tắm mưa, vải rịt ghẻ, khi đã hết kỳ adhitthàna rồi nên gởi bằng 2 cách: gởi trước mặt, gởi khuất mặt.

1) gởi y trước mặt 2 cách:

a. Trong hắc đọc:

Imam cìvaram tuyham vikappemi Imàni cìvaràni tuyham vikappemi (nhiều y).

b. Ngoài hắc đọc:

Etam cìvaram tuyham vikappemi Etàni cìvaràni tuyham vikappemi (nhiều y).

đọc gởi trước mặt 1 vị Tỳ-khưu, rồi cất y cũng được.

Nếu đem ra mặc, xả hoặc adhitthàna không nên. Khi người chịu gởi đọc:

Imam cìvaram mayham santakam Imàni cìvaràni mayham santakam (nhiều y).

Paribhunjavàvisajjehivà yathàpaccayamvàkarohi Ngài lấy dùng, hoặc xả hoặc làm theo việc cần dùng của tôi.

Đọc xả như thế rồi đem dùng mặc, đắp cũng nên.

2) Gởi y để khuất mặt

Gần, đọc:

Imam cìvaram tuyham vikappanatthàyadammi Imàni cìvaràni tuyham vikappanatthàyadammi (nhiều y).

Tôi gởi y này đến ngài.

Xa, đọc:

Etam cìvaram tuyham vikappanatthàyadammi Etàni cìvaràni tuyham vikappanatthàyadammi (nhiều y).

đọc gởi trước mặt 1 vị Tỳ-khưu, Tỳ-khưu chịu lãnh gởi nên hỏi chủ y rằng "Người xuất gia nào thân thiết hay gần gủi với ngài?" Chủ gởi y, tùy thích nói: "Ngài Tissa (hoặc Sa-di Tissa) là người thân thiết với tôi". Vị chịu lãnh gởi nói "aham tissabhikkhudammi" hoặc "aham tissassasàmanerassa dammi" theo tên mà Tỳ-khưu xin gởi ấy. như thế gọi là khuất mặt, rồi cất giữ như thế ấy cũng được. Khi Tỳ-khưu dùm chịu lãnh gởi ấy đọc

"tissassabhikkhuno santakam paribhunjavàvisajjehivà yathàpaccayam và karohi" như đã có giải trong cách gởi trước mặt, điều thứ 2 ấy rồi, mới gọi là xả, khi đã xả rồi, đem y ra mặc đều được cả.

Vấn -- Gởi trước mặt và khuất mặt, khác nhau như thế nào?

Đáp -- Trong cách gởi trước mặt ấy, tự mình nhờ người khác gởi xả. Trong cách gởi khuất mặt, nhờ người khác gởi cho, nhờ người khác xả cho, khác nhau như thế ấy. Nếu đã gởi đến người nào, người ấy không thông hiểu các xả, nên đem y ấy gởi cho Tỳ-khưu thông hiểu, rồi nhờ vị ấy xả, mới nên.

Người chủ đem y ấy adhitthàna theo tên rồi dùng, dầu quá 10 ngày, cũng không phạm tội, ấy là adhitthàna và vikappa y dư trước 10 ngày, nếu để quá 10 ngày, phạm Ưng xả đối trị theo điều học "lễ dâng y lần thứ nhất" (pathamakathina sikkhàpada).

---o0o---

GIẢI VỀ CÁCH ĐỨT ADHITTHÀNA

y đã adhitthàna theo tên, như đã có giải, đứt adhitthàna do 9 điều:

- Cho đến người khác (annassadànena).
- Bị bọn cướp đoạt (acchinditvàgahanena).
- Bạn thiết lấy (vissàsagàhena).
- Trở làm người thấp hèn (phạm Bất cộng trụ theo ngoại đạo) (hinàyàvattanena).
- Xả giới (sikkhàpaccakkhànena).
- Chết (kàlakiriyàya).
- đổi tướng mạo (trai biến ra gái, giá biến ra trai) (lingaparivattanena).
- Xả bỏ adhitthàna(paccuddharanena).
- Lủng lỗ

Y lủng lỗ bằng lưng ngón tay út, lủng đứt hết chỉ mới đứt adhitthàna.

Y hai lớp, y vai trái rách bề dài từ bìa vào 1 gang, rách bề ngang từ bìa vào 8 ngón tay mới đứt adhitthàna. y nội rách bề dài từ bìa vào 1 gang, bề ngang từ bìa vào 4 ngón tay mới đứt adhitthàna.

Y đã đứt adhitthàna như thế, phải may vá lại rồi adhitthàna thêm, đem mặc mới nên. Nên vá y trong 10 ngày kể từ ngày rách, để quá 10 ngày, phạm Ưng xả đối trị, như y dư.

-ooOoo-

TỔNG KẾT TRÍCH DỊCH Ở TẠNG LUẬT

Bhàsitamitam tena bhagavatà jànatà passatà ahetà sammàsambuddhena Đức Thế Tôn đã hiểu, ngài là bậc Chánh đẳng chánh giác có giảng thuyết rằng:

Sampannasìlà bhikkhave viharatha sampannappàtimokkhà Này các thầy Tỳ-khưu! các thầy hãy là người có giới đầy đủ, có Pàtimokkha [*] ấy đủ rồi ở yên đi.

[*] Tàu âm là Ba-la-đề-mộc-xoa, pháp diễn mà người đã thọ đúng đắn rồi hằng làm cho người thoát khỏi 4 ác đạo.

Pàtimokkha samvaravuto viharatha àcàraga càra sampanno Hãy là người thu thúc bằng sự kiềm chế trong pàtimokkha, đầy đủ hạnh kiểm và nơi vãng lai thích hợp.

Anumattesu vajjesu bhayadassàvì samàdàya sikkhàttha sikkhàpadesùti Hãy là người thường thấy sự lo sợ tội lỗi dù là nhỏ nhen chút ít, rồi nghiêm trì các điều học (sikkhàpada).

Tasmàtihamhehi sikkhitabbam Vì thế, chúng ta là hàng xuất gia trong Phật giáo nên học hành rằng:

Sampamasìlà viharissàma sampannappàtimokkhà Chúng ta là người có giới đầy đủ, có Pàtimokkha đầy đủ rồi ở yên.

Pàtimokkhasam varasamvutà vihàrissàma àcàra gocàrasampanno Chúng ta sẽ là người thu thúc, kềm chế trong pàtimokkha, có đầy đủ hạnh kiểm và nơi vãng lai thích hợp rồi ở yên.

Anumattesu vajjesu bhayadassàvì samàdàya sikkhissàma sikkhàpadesùti Chúng ta sẽ là người thấy sự lo sợ, tự nhiên, trong tội nhỏ nhen chút ít, rồi nghiêm trì các điều học.

Evanhino sikkhitabbam Chúng ta phải học hành như vậy.

Pàtimokkha visodhento appeva jìvitam jahe Bậc xuất gia tín thực khi đã trau giồi (tín thực: tin chắc chắn).

Pàtimokkha Thu thúc Giới, dám hy sinh sanh mạng mình.

Pannattam lokanathenana bhinde silasamvaram Không phá thu thúc Giới mà đấng Cứu thế chế ngự để lại đâu.

Kikìva andam camarìva vàladhim Chim Cà-cưỡng liều mình cố giữ trứng nó, thú Camari (bò có lông đuôi dài ở Tây Tạng) liều thân ráng giữ lông nó, thế nào.

Piyamvà puttam nayanam và ekakam Người cố chăm sóc con một.

Taheva silam anurakkhamànakà Người chột mắt cố duy trì mắt sáng thế nào, ta hãy thọ trì Giới của ta cho được, nhất là như chim cà cưỡng vậy

Supesalà homa sadà sagàravo Cho được là người có Giới là nơi thương yêu, có lễ phép đúng đắn và tôn kính mãi mãi.

Satthà sàvakkànam sikkhapàdam pannapeti dasa atthavase paticca Đức Thầy chế ngự điều học đến các thầy Thinh Văn vì 10 điều lợi ích là:

Sanghasutthutàya 1. cho có điều tuyệt hảo đến Tăng.

Sanghaphàsuttàya 2. cho có sự an lạc đến Tăng.

Dummankùnam puggalànam niggahàya 3. để khiển trách kẻ bướng bỉnh phá giới.

Pesalànam bhikkhùnamphàsuvìhàya 4. cho có sự ở yên đến chư Tỳ-khưu có giới là nơi thương mến.

Dittha dhammikànam àsavànam samvaràya 5. để ngăn ngừa các lậu phiền trong hiện tại.

Samparàyikànam àsavànam patighàtàya 6. để đẩy lui những lậu phiền não trong đời vị lai.

Appasannànam pasàdàya 7. để kích thích những người bất mãn, được tín ngưỡng.

Pasannànam bhiyyo bhàvàya 8. khiến kẻ thích càng tin chắc.

Saddhammatthitiyà 9. cho chánh pháp được thêm kiên cố.

Vinayà nuggahàya 10. để hổ trợ tạng Luật.

Vinayamhi mahatthesu
Pesalànam sukhàvaho
Niggahànanca papicche
Lajjìnam paggahesuca
Sàsamàdhàrane ceva
Sabbannuji nugocare
Anannavisaye khema
Suppannatte asamsaye
Khi tạng Luật có đại lợi đem sự vui đến Tăng có giới đáng kính mến, khiển trách nhóm Tỳ-khưu ham muốn xấu xa, nâng cao nhóm Tỳ-khưu có sự hổ thẹn, có khí chất duy trì giáo pháp là nơi vãng lai của đấng Chánh Biến Tri không thuộc quyền hạn của kẻ khác, là nơi yên tâm; nghĩa là đức Thế Tôn đã chế ngự chân chánh không còn ngờ được.

Khandhake vinaye ceva parivàre ca màtike yathattakàri kusalo patipajjati yoniso Bậc trí tuệ hay làm điều lợi ích thích hợp hằng thực hành theo phương pháp trong thiên Luật trong Parivàra và Màtika (một phần trong Luật) .

Pamutthami ca suttante
Adhidhame ca tàvade
Vinaya avinatthamhi
Puna titthati sàsanam
Dù là tạng Kinh và tạng Luận đã phá hủy mà tạng Luật chưa tiêu hoại, thì Phật giáo vẫn tồn tại.

---o0o---

PHÁP LÀM CHO TRỞ NÊN SA-MÔN

Đức Chánh Biến Tri có giảng thuyết về danh hiệu và cái pháp của Sa-môn rằng "Samanà samanàti vo bhikkhave jano jano sanjànàti": này các Tỳ-khưu, đại chúng hằng rõ danh hiệu của các ngươi rằng là Sa-môn. Về phần các ngươi cũng vậy, khi có ai

hỏi rằng, ông là chi? Các ngươi cũng nhận rằng: Chúng tôi là Sa-môn".

Như vậy: Nếu các ngươi có danh hiệu như thế và nhận mình đúng như vậy rồi biết rằng:

Ye dhammà samanakaranà brahmana karanà: Các pháp nào làm cho thành Sa-môn và bà la môn, chúng ta sẽ thọ trì những pháp đó.

Hành động như thế, mới vừa sự nhận thức chơn chánh của chúng ta, theo lời họ đã gọi thật.

Lại nữa, chúng ta đã thọ dụng y, bát, thực phẩm, chỗ ngụ, thuốc mên của những thí chủ nào thì cái nghiệp lành của họ sẽ sanh phước lớn, có nhiều quả báo chẳng sai vậy, vì họ nương nhờ nơi chúng ta.

Hơn nữa, sự xuất gia của chúng ta, chẳng phải là vô hiệu quả dầu pháp để tu hành được nhiều phước báu thật.

Này các Tỳ-khưu! Các ngươi cần biết mình như vậy, chẳng nên quên.

Ngài bèn giảng tiếp 2 pháp trọng yếu nhất là: hổ thẹn (hiri) và ghê sợ (ottappa) tội lỗi.

Rồi giải rằng:

Parisuddhi kàyasamàcàra, parisuddhi vacìsamàcàra, parisuddhi manosamàcàra, parisuddha àjìva, indriyasamvara bhojanamattannù jàgariyànuyoga, satisampajanna: Sự nương ngụ trong nơi thanh vắng, cách trau dồi cái tâm cho xa khỏi pháp cái (nìvaranadhamma) rồi tập trung tinh thần cho trí tuệ thấy rõ "Tứ Diệu đế". Tất cả pháp đó là pháp pháp của Sa- môn.

1) Hổ thẹn (hiri) về sự xấu hổ đối với các pháp ác.

2) Ghê sợ (ottappa) là nói về sự ghê sợ các tội lỗi.

Cả hai pháp trên đây là quan trọng đặc biệt của Sa-môn, bằng không cũng chẳng gọi là Sa-môn được. Có 2 pháp đó rồi, các đức tánh khác mới có thể phát sanh lên được.

3) Thân trong sạch đầy đủ (parisuddhi kaỳisamàcàra), chỉ về 3 nghiệp lành của thân.

4) Khẩu trong sạch đầy đủ (parisuddhi vacì samàcàra), chỉ về 4 nghiệp lành của miệng.

5) Tâm trong sạch đầy đủ (parisuddhimano samàcàra), chỉ về 3 nghiệp lành của ý.

6) Sự nuôi mạng trong sạch (parisuddha àjìva) tức là sự nuôi sống cho thanh cao (xem trong Chánh mạng Thanh tịnh giới).

7) Lục căn thu thúc (indriyasamàcàra) (xem trong Lục căn Thanh tịnh giới).

8) Biết tiết chế trong thực phẩm (bhojanama tannù) chỉ biết về tiết độ trong sự thọ thực (xem trong phép Quán tưởng thọ vật dụng Thanh tịnh giới).

9) Tỉnh thức thường thường (jàgariyànuyoga) là dạy phải thức nhiều ngủ ít.

10) Trí nhớ biết mình (satisampajanna).

11) Sự nương ngụ trong nơi thanh vắng. Nghĩa là sự trú ẩn trong rừng hoặc dưới bóng cây hay là nơi tịnh thất vắng vẻ.

12) Sự trau dồi cái tâm cho xa khỏi pháp triền cái, rồi chú tâm tham thiền.

13) Làm cho trí tuệ thấy rõ pháp "Tứ điệu đế": là làm cho phát sanh sự thấy biết rõ rệt cái khổ, nhân sanh khổ, sự diệt khổ, đạo diệt khổ (xem trong Tứ diệu đế).

Tất cả các pháp đó là pháp của Sa-môn cần phải có, bằng không, ắt sẽ sa vào trong 4 ác đạo chẳng sai.

Đức Thế Tôn giảng thuyết về hàng Sa-môn và cái pháp của hàng Sa-môn như thế.

---o0o---

PHƯƠNG TIỆN CHO PHÁP SANH PHÁP CỦA BẬC XUẤT GIA HOẶC SA-MÔN

Người đã tự nguyện xuất gia hoặc Sa-môn phải chú tâm rằng "Ta là bậc xuất gia hoặc Sa-môn rồi, cần gìn giữ đức tín thanh cao vừa theo cái tướng mạo của người xuất gia hoặc Sa-môn mới được". Hay quán tưởng theo Phật ngôn rằng: "Bây giờ đây ta có tướng mạo khác hơn kẻ thế, nhất là cách thức hành động của Sa-môn thế nào, ta cần phải làm theo, không nên sai suyển". Bậc xuất gia ví như người thương mãi, buôn bán muốn được lợi, nếu hành đúng cách, mới được lời nhiều, bằng làm sái ắt phải lỗ vốn. Vì thế đức Phật có giảng về pháp đè nén cái tâm của người xuất gia như vầy:

Kusoyathà duggahito hatthamevà nukantati sàmannam dupparamattham niràyàyùpakadhati yamkinci sithilam kammam samkilitthanca yamvattam sankassaram brhmacariyam natamhoti mahapphalam kayirà ce kayiràthenam dalhamenam parakkame sithilo hi paribhajo bhiyyo akirate rajam

Lẽ thường, cỏ tranh mà người không khéo lắm, kéo ngược trở lại ắt phải đứt tay, thế nào, sự xuất gia của hành giả, tu không chơn chánh, sái pháp luật, hằng lôi kéo họ sa trong địa ngục, cũng như thế ấy.

---o0o---

TỘI CỦA BẬC XUẤT GIA TU HÀNH KHÔNG CHƠN CHÁNH

Người mặc y vàng, song không thu thúc theo pháp của Sa-môn, cũng không khỏi sa địa ngục, như Phật ngôn rằng:

Kàvàvakanthà bahavo pàpadhammà asannatà pàpà papehi kammehi nirayam te upapajjare.

Phần đông người có áo cà sa dính cổ, tức là mặc y vàng, song là kẻ có pháp xấu xa, không thu thúc theo pháp của Sa-môn, thường phải bị đọa trong cảnh

địa ngục, do các nghiệp xấu của họ đã tạo. Lại nữa, người xuất gia đã phá giới, rồi thọ thực của thí chủ dâng cúng bằng đức tin không nên đâu, ráng dùng cục sắt đương nóng còn hơn, hiệp theo Phật ngôn rằng:

Seyyo ayogulo bhutto tatto aggisikhù pamo yance bhunjeyya dussìlo rattha pindam asannato.

Người xuất gia phá giới, là người không thu thúc mà cũng dùng vắt cơm của kẻ thế chẳng dễ đâu, ráng ăn cục sắt đương nóng còn hơn.

Đức Phật đã giảng thuyết chỉ rõ tội khổ của bậc xuất gia và Sa-môn không trú trong pháp của họ, như những qui tắc đã giải.

---o0o---

MƯỜI PHÁP MÀ BẬC XUẤT GIA PHẢI QUÁN TƯỞNG THƯỜNG XUYÊN

1) Bậc xuất gia nên quán tưởng thường rằng: Bây giờ ta đã có tướng mạo khác hơn kẻ thế, nghĩa vụ nào của Sa-môn ta phải làm cho tròn.

2) Bậc xuất gia nên quán tưởng thường thường rằng: Sự nuôi sanh mạng của ta nương nơi kẻ khác, ta cần phải làm cho người cấp dưỡng dễ dàng.

3) Bậc xuất gia nên quán tưởng thường thường rằng: sự làm cho thân khẩu thêm chơn chánh, vẫn còn nữa chẳng phải chỉ có bấy nhiêu.

4) Bậc xuất gia nên quán tưởng thường thường rằng: tâm ta không tự chê bai ta vì Giới không đầy đủ chăng?

5) Bậc xuất gia nên quán tưởng thường thường rằng: hàng trí tuệ đã xem xét rồi, họ không khiển trách ta vì Giới không đầy đủ chăng?

6) Bậc xuất gia nên quán tưởng thường thường rằng: ta phải chia lìa sự vật mà ta thương yêu vừa lòng, không sao tránh khỏi được.

7) Bậc xuất gia nên quán tưởng thường thường rằng: ta có cái nghiệp của ta, ta làm lành thì được vui, gây dữ thì chịu khổ.

8) Bậc xuất gia nên quán tưởng thường thường rằng: ngày và đêm hằng qua mau lẹ, bây giờ đây ta làm được cái chi chăng?

9) Bậc xuất gia nên quán tưởng thường thường rằng: ta có ưa thích trong nơi thanh vắng chăng?

10) Bậc xuất gia nên quán tưởng thường thường rằng: ta có các đức cao quí chăng? Khi có bậc phạm hạnh để hỏi ta trong giờ cuối cùng, ta sẽ không hổ thẹn chăng?

Mười pháp mà các bậc xuất gia nên quán tưởng thường thường đó gọi là Thập pháp (dasadhamma), song dịch như trên đó, mới thật đúng lý. Người tu học cần phải hiểu rằng Thập pháp là pháp dành cho hàng xuất gia, tuy nhiên như đã có giải, điều nào thuộc về hàng xuất gia, điều ấy người cư sĩ hành theo cũng được.

Trong 10 pháp đó nên hiểu như vầy:

1- Dạy phải quán tưởng về tướng mạo.
2- Dạy phải quán tưởng về chánh mạng.

3- Dạy phải quán tưởng về hành động.
4 & 5 - Dạy phải quán tưởng về qui tắc.
6 & 7 - Dạy phải quán tưởng về luật tự nhiên
8- Dạy phải quán tưởng về thời gian.
9- Dạy phải quán tưởng về chỗ ngụ.
10- Dạy phải quán tưởng về đức hạnh cao quí.
Về phước báu trong quán tưởng có chia ra làm 2 là: Phần riêng và chung.

Giải về phần riêng của mỗi phần trước.

1) Giải về phương tiện phát sanh sự hổ thẹn (hiri) và ghê sợ (ottappa) tội lỗi, để thực hành cho vừa với bổn phận của người xuất gia, nghĩa là điều nào không đúng quy tắc của bậc xuất gia thì phải chừa bỏ, nhất là phải hành những pháp chơn chánh, như là trì Giới, cho thân khẩu trong sạch, tu Định cho tâm yên lặng, hành Tuệ cho thấy rõ chánh tà. Phải cần kíp làm cho tròn nghĩa vụ.

2) Khi đã quán tưởng như vậy thì sẽ được 2 điều lợi ích:

- được làm tròn phận sự đối với người cấp dưỡng. - sẽ có sự hành động cho họ dễ nuôi, nghĩa là làm cho mình thành người biết đủ (sandona), thọ 4 vật dụng tùy có tùy được. Họ cho vật chi thì vừa lòng với vật ấy không được chọn tốt, xấu, ngon, dỡ.

3) Bậc xuất gia chưa chứng đạo quả, là đức hạnh cuối cùng trong Phật giáo gọi là còn phận sự phải hành, nghĩa là phải tu tập cho thanh cao hơn nữa, cần phải học những điều chưa biết, thực hành những điều đã biết. Khi đã trì giới được trong sạch thì cần tu Thiền thêm lên, cho trí tuệ phát sanh để đắc đạo quả Niết Bàn là mục đích tối cao của Phật Giáo. Nếu bậc xuất gia được biết mình như vậy, thì hằng có sự lợi ích, để tự hóa trở thành nên bậc cao nhân. Nếu lầm tưởng rằng: Mình là đủ, không cần tu tập nữa, vừa lòng với bấy nhiêu thì không cần mẫn hành bậc cao mà mình chưa chưa đắc. Như thế, bậc xuất gia vẫn còn mắc trong vòng phàm tục và phải bị luật vô thường chi phối, sa vào 4 ác đạo chẳng sai. Nếu hành giả hằng quán tưởng biết mình như thế ắt sẽ tinh tấn tu hành thêm lên.

4 và 5) Bậc xuất gia quán tưởng hiểu rõ trong điều thứ tư và điều thư năm như vậy rồi, sẽ thấy mình chưa toàn thiện thì phát tâm cố gắng tu trì, không để, không để mình tự chê trách mình được. Nhưng lẽ thường phàm nhơn hiếm có người đọc biết chân chánh như thế .Vì vậy, có lúc làm sai mà họ cho là phải, có khi hành chánh mà họ cho là tà.

Cho nên có Phật ngôn rằng: "Tội mình khó biết, lỗi người dễ xem!" Nhân đó, đức Phật dạy phải luôn luôn quán tưởng những điều trên đây, cho phát sanh trí nhớ.

6) Đã thường quán tưởng điều này, thì sẽ rõ sự chia lìa do 2 lẽ là:

- Các sự vật mà ta thương yêu vừa lòng, nó sẽ lìa ta khi ta còn sanh tiền cũng có. - Trong giờ mạng chung, ta phải bỏ nó cũng có, đó là lẽ tự nhiên không sao tránh được.

Khi thấy rõ 2 pháp trên rồi, mình được 3 điều lợi ích:

- Dứt tâm bất bình nóng giận, khi gặp sự vật đáng ghét bỏ - Ngăn tâm không cho buồn rầu thương tiếc, lúc ly biệt sự vật thương yêu. - Kiềm chế tâm ham muốn, sự vật của mình để tránh tà mạng gây ra các nghiệp ác.

Đó là 3 điều lợi ích mà bậc xuất gia nhờ sự quán tưởng thường thường mới thấy rõ được.

7) Trong điều này nên hiểu câu "Ta có cái nghiệp của ta" rằng: Mọi người trong mỗi kiếp đều có tạo nghiệp, không dữ thì lành, chẳng tốt thì xấu, không có ai tránh khỏi, cho nên gọi là "Ta có cái nghiệp của ta". Lại nữa, nếu làm lành thì được vui, làm dữ thì chịu khổ. Cớ ấy sự quán tưởng trong điều thứ 7 mới có lợi ích, không cho làm ác, chỉ tạo việc lành, vì hiểu rõ quả báo của nghiệp.

8) Đức Phật có khuyên các Tỳ-khưu cần phải biết thời gian qua rồi, chẳng khi nào trở lại. Nên hiểu rõ chơn chánh rằnh: Nó chỉ thoáng qua mau lẹ, nếu không thì hằng để cho ngày giờ trãi qua vô ích, sẽ có điều hối hận ăn năn. Có Phật ngôn rằng "Những người còn trai tráng, có tánh thông minh mà lười biếng không chuyên cần làm các công việc thì khó gặp được xuất thế bằng "Trí tuệ".

Lời Phật dạy đây để tỉnh thức họ cho tinh tấn trong niên cấp còn khỏe mạnh, cho sự tu hành mau được tấn hoá trong 2 phương diện đời và đạo, sự quán tưởng thường thường trong điều này, hằng đem lại hạnh phúc yên vui cho mình chẳng sai.

9) khi đã quán tưởng thường thường thì có sự tĩnh tâm vừa lòng trong nơi thanh vắng, lìa xa bè đảng bàu bạn, ưa thích trong nơi yên lặng, để tham thiền cho tâm an trụ, rồi suy xét điều chi cũng được chân chánh rõ rệt, không có trở ngại và bậc tu thượng được dễ dàng.

10) giải rằng: - "Các đức tính cao quí chỉ về tâm thiền định hoặc giải thoát". Nếu đã quán tưởng thường như thế thì được tĩnh tâm, không hề vừa lòng với các hạnh phúc nhỏ nhen bực hạ, tinh tấn trong đức tánh cao thượng theo thứ tự.

Về phước báu trong cách quán tưởng 10 điều đó, hằng đem lại sự yên tĩnh cho tâm, để tiến bộ trong chánh pháp, tu giới, định, tuệ cho càng tăng trưởng thanh cao. Nói tóm lại, sẽ được mãn nguyện trong 2 đường: đời và đạo xuất thế, chứng quả Niết bàn là mục đích cứu cánh của Phật giáo.

-ooOoo-

PHẬT NGÔN

1) Tỳ-khưu có 5 chi hằng sa địa ngục (chi: cái duyên ở một thể chia ra):

Tỳ-khưu tư vị vì thương .
Tỳ-khưu tư vị vì ghét.
Tỳ-khưu tư vị vì dốt nát.
Tỳ-khưu tư vị vì sợ.
Tỳ-khưu dùng của Tăng như của mình.
2) Tỳ-khưu có đủ 4 chi mới đáng gọi là Tỳ-khưu:

Phải hằng niệm tưởng đức của Phật.
phải hằng có tâm bác ái (mettà).
phải hằng tham thiền đối tưởng tử thi (asubha).
phải hằng niện tưởng sự chết (maranasati).
3) Sa-môn có đủ 4 chi mới gọi là Sa-môn:

phải có tâm nhẫn nại.
Phải thận trọng trong việc phước đức.
Phải dứt bỏ lợi danh và phiền não.
Không bận lòng về thế sự.
4) Người sớm tới đi vào địa ngục có 3 hạng:

người không phải hành đạo cao thượng mà tư xưng là hành đạo cao thượng. Người cáo gian bậc phạm hạnh. Người nói ngũ dục không có tội, rồi thọ dụng ngũ dục.

5) Lời nói cao thượng có 4:

Không thấy, nói không thấy.
Không nghe, nói không nghe.
Nói không trúng, nói rằng Nói không trúng
Không biết rõ rệt, nói rằng Không biết rõ rệt
6) Tỳ-khưu có giới đáng tôn kính có 4 chi:

không tư vị vì thương.
không tư vị vì ghét.
không tư vị vì si mê.
không tư vị vì sợ.
7) đệ tử đối với thầy có 5 pháp:

Phải hết lòng thương yêu thầy.
Phải hết lòng tinh tấn thực thà.
Phải hết lòng hỗ thẹn tội lỗi.
Phải hết lòng tôn trọng thầy.
Phải hết lòng nhớ tưởng thầy.
8) Thầy đáng cho đệ tử nương tựa có 7 pháp:

Phải có tâm bác ái bình đẳng.
Phải có giới tinh nghiêm.
Đáng cho trò tôn trọng.
Phải nhẫn nại, khi trò bất bình, biết tùy cơ cảm hoá trò.
Phải biết đạo lý cao siêu và biết giảng giải theo sức trò.
Phải ngăn trò không cho làm điều vô ích tội lỗi.
Phải tìm phương pháp để chỉ dẫn trò cho mau tiến hoá.
9) Bậc minh tuệ có 4 chi (pandità) là bậc đáng nương tựa:

Biết ơn người đã làm đến mình (katannù).
Biết làm cho mình được trong sạch (attasuddhi).
Biết làm cho người được trong sạch (para suddhi).
Tế độ người tế độ (sangaho).
10) Bậc tịnh giả (thiện trí thức) có 7 chi:

Biết nhân.
Biết quả.
Biết mình.
Biết tiết độ.
Biết thì giờ.
Biết nơi hội hợp.
Biết người.
Ba bậc trên đây (8, 9,.10) là hạng người đáng nương tựa, thân cận thì sẽ được hưởng thụ 4 quả báu:

Hằng làm cho giới được tăng tiến cao thượng.
Hằng làm cho định được tăng tiến cao thượng.
Hằng làm cho tuệ được tăng tiến cao thượng.
Hằng làm cho sự giải thoát được tăng tiến cao thượng.
---o0o---

TỲ-KHƯU CÓ 7 PHÁP HÀNG PHẠM HẠNH THƯƠNG MẾN

Không mong được lợi.
Không mong được danh giá .
Không ngã chấp.
Hỗ thẹn tội lỗi.
Ghê sợ tội lỗi.
Không ganh tỵ.
Không bỏn xẻn (đáng thân cận).
---o0o---

TỲ-KHƯU CÓ 7 PHÁP KHÔNG ĐÁNG CHO HÀNG PHẠM HẠNH THƯƠNG MẾN.

mong được lợi.
mong được danh giá .
ngã chấp.
không thẹn tội lỗi.
không ghê sợ tội lỗi.
ganh tỵ.
bón rít (không nên gần gũi).
---o0o---

SÁU ĐẶC TÍNH CỦA KẺ SI MÊ

Mong được người ca tụng. Mong được đứng đầu trong hàng Tỳ-khưu .

Mong được làm cả trong chùa .
Mong được thiện tín cúng dường .
Mong được ưa thích, việc của kẻ khác làm mà nói là của mình .
Mong được kẻ khác dưới quyền mình trong tất cả mọi việc.
Những kẻ có đặc tính như thế là người hèn hạ không nên thân cận

---o0o---

SÁU HẠNG XUẤT GIA

xuất gia của người dốt nát.
Xuất gia của người hay giận.
xuất gia của người chơi giỡn.
xuất gia của người thu góp của cải.
xuất gia của người để nuôi sống.
xuất gia của người muốn được thoát khổ.
(chỉ có hạng người xuất gia thứ 6 mới gọi là chơn chánh.).

--- o0o ---

Hết

1
. Không nên đi đến nhà điếm, nhà đàn bà góa, nhà gái lỗi thời, bộ-nấp, chỗ tỳ khưu-ni, chỗ bán rượu
2
. Thỏa thích rồi không biết đói gọi là "no lòng".
3 . chi tức là điều kiện
4
. Kinh tụng hồi hướng đến các ngạ quỉ
5
. Sau khi kiết hạ rồi nhằm ngày rằm tháng 9, chư Tỳ-khưu nhóm lại tỏ sự tội lỗi cho nhau gọi là tự tứ
6
. Giọng đọc có 10 cách:.
1- Sithila (đọc hơi nhẹ). 2- Dhanita (đọc hơi năng).

3- Rassa (đọc hơi vắn).
4- Dìgha (đọc hơi dài).
5- Garu (đọc hơi chậm và nặng).
6- Lahu (đọc hơi lẹ).
7- Sambàndha (đọc liên tiếp).

8- Varatthita (đọc gián đoạn).

9- Niggahita(đọc ngậm miệng).

10- Vomutta (đọc hả miệng lớn hơn mọi chữ).

7

. Là bậc Tỳ-khưu

8 . Tăng ngồi, vị ngồi bên mặt đo từ đầu gối qua bên trái 1 hắn, 1 gang. Vị ngồi bên trái, đo từ đầu gối bên trái qua bên mặt 1 hắc, 1 gang

9 . là thọ Cụ túc giới, tu lên bậc Tỳ-khưu. 10 . "nương" là dựa theo 11 . Điều học là điều mà bậc tu hành phải học tập 12 . cũng gọi là Biệt biệt giải thoát giới 13 . Mười một hạng người không thể tu lên bậc Tỳ-khưu được là: - người bán nam bán nữ(bộ nấp). - người có cả 2 bộ sanh trược khí - người giả tu hành - người theo ngoại đạo - không phải người (loài thú). - người giết cha - người giết mẹ - người giết A la hán - người chích máu Phật - người chia rẽ Tăng - người hành dâm với Tỳ-khưu ni 14 . do vị A xà lê đọc trật tên Giới tử, tên vị Hoà thượng tế độ, tên Tăng. 15 . do vị A xà lê không bạch hỏi các vật cần dùng bổn phận của Tỳ-khưu (như y, bát...). 16 . do Tăng không đủ số(từ 5 vị trở lên) để chứng nhận 17 . kinh Chú giải có nói: Tỳ-khưu biết dạy học Phạn ngữ và lời Chú giải có tài thuyết pháp hay, khi đã thuyết xong, có người hỏi: Ngài học với thầy nào? Tỳ-khưu ấy dấu pháp danh của thầy, đáp: Chẳng có thầy nào có thể dạy được ta cả, ta chỉ biết ở nơi ta.

. Cáo vì không được thấy tận mắt, không được nghe, không được nghĩ trong tâm. 19 . Cáo rằng phạm tội hành dâm 20 . 8 thứ nước: nhất là nước xoài gọi là yâmakàlika dùng trong 1 ngày 1 đêm 21 . 5 thứ thuốc: sữa lỏng, sữa đặc, đường, mật ong, dầu gọi là sattàhakàlika là vật được phép để dùng trong 7 ngày 22 . ngoài vật thực và 2 thứ thuốc trên gọi là : yâvajìvika, vật được phép dùng cho đến hết 23 . 14 nhằm ngày 29 Việt Nam (trong mỗi tháng thiếu). 24 . 15 nhằm ngày rằm và 30 Việt Nam, (trong mỗi tháng đủ). 25 . nói về Tỳ-khưu nhập hạ trước 26 . nói về Tỳ-khưu nhập hạ trước

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.